

**ABHIDHAMMA PITAKA
VÔ TỶ PHÁP TẠNG**

Bộ Sách Chú Giải

**ABHIDHAMMAṬṬHA SAṄGAHA
TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP**

Tập V - Chương thứ VIII – Quyển II

**PACCAYASAṄGAHAVIBHÀGO
TỔNG HỢP PHÂN TÍCH DUYÊN HỆ
PAṬICCASAMUPPÀDADÌPANÌ
LIÊN QUAN TƯƠNG SINH MINH GIẢI
(Khóa Trình Trung Học Vô Tỷ Pháp Đệ Nhị)**

Tác Giả: **VISUDDHI GUTTAJAYO**
Dịch Giả: Bhikkhu PASÀDO

P.L. 2561

D.L. 2017

LỜI MỞ ĐẦU
(Xuất Bản Lần Thứ Hai)

Giáo khoa thư cho việc giảng dạy và học hỏi trong Chương thứ Tám này, đã được soạn tác do bởi Ngài *Viện Sĩ Vô Tỷ Pháp (Abhidhammapañḍita)* có danh xưng là Tỷ Khưu *Visuddhi Guttajayo* biên soạn, và Ngài cũng đã từng là Giáo Thọ Sư Vô Tỷ Pháp của Trường Cao Đẳng Vô Tỷ Pháp Quang Minh *Abhidhammajotika*, và Trường Cao Đẳng Hoàng Gia *Mahàchùlalonkong* dưới sự bảo trợ của Hoàng Thượng. Và lại Ngài cũng đã sắp xếp thực hiện hoàn thành việc trao tặng bản quyền cho Quỹ Tài Trợ *Chánh Pháp Quang Minh (Saddhammajotika)* nhằm để làm thành giáo khoa thư trong việc giảng dạy và học hỏi ở Lớp Trung Học Vô Tỷ Pháp Đệ Nhị (*Majjhimàbhidhammika Dho*) thuộc Trường Cao Đẳng Vô Tỷ Pháp Quang Minh; và xin được tùy hỷ công đức (*Anumodanà*) vô cùng cao quý với Ngài. Giáo khoa thư như đã vừa đề cập đến đã được xuất bản vào lần thứ nhất, cũng đã hết ở trên thị trường lâu rồi, và chỉ đến cả ở trong các trường học. Tiềm thể tất cả các học viên Vô Tỷ Pháp rất cần phải có kinh sách để làm thành tài liệu giáo khoa trong việc giảng dạy và nghiên cứu học hỏi thuộc Trường Cao Đẳng Vô Tỷ Pháp Quang Minh, cũng đã được thăm sát và nhận thấy rằng quyển kinh sách này rất là hữu ích cho việc giảng dạy và học hỏi, vì thế mới trao cho Đức Ngài Anh Chủ *Dhammakàmo* với Phật Học Vị Cao Cấp, Phật Học Vị Pàli bậc ba, Trung Học Vô Tỷ Pháp Đệ Nhất, Vụ Phó Vụ Chuyên Tu Pháp Hành, Hiệu Trưởng Trường Cao Đẳng Vô Tỷ Pháp, là vị đã sắp bày trong việc tân tạo hình thức và khuôn khổ quyển kinh sách nhằm để cho vào việc xuất bản trong thời buổi hiện tại này vốn dĩ với nội dung cơ bản cũng tương tự như ban đầu với mọi trường học.

Xin được tùy hỷ công đức (*Anumodanà*) với Ngài đã có công ích trong việc xuất bản quyển kinh sách này, và cũng cầu xin cho có được sự an lạc cùng với sự tiến hóa ở trong Giáo Pháp của Đức Ngài Chánh Đẳng Giác, cũng xin cầu chúc cho được thoát khỏi mọi điều khổ đau và sớm mau chứng đạt được Níp Bàn trong thời vị lai cận đại này vậy.

**Trường Cao Đẳng Vô Tỷ Pháp Quang Minh -
Trường Cao Đẳng Hoàng Gia Mahàchùlalonkong dưới sự
bảo trợ của Hoàng Thượng – 15 Tháng Tám 2540**

-----00000-----

LỜI MỞ ĐẦU

Giáo khoa thư Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp Chương thứ Tám này đã được soạn tác qua việc thu thập cứ liệu và sắp bày là do bởi Ngài Giáo Thọ Sư **Visuddhi Guttajayo**, Ngài đã là bậc Giáo Thọ Sư Vô Tỷ Pháp của Trường Cao Đẳng Vô Tỷ Pháp Quang Minh **Abhidhammajotika** thuộc Chùa **Mahàdhātu** là Trường Cao Đẳng Hoàng Gia **Mahàchùlalongkon** dưới sự bảo trợ của Hoàng Thượng, trực thuộc Chùa **Soróy Thong (Xâu Chuối Vàng)**, Phường **Pang Chơ**, Quận **Đâu Suát Đà (Tusita)**, Thủ đô Bangkok. Và cũng do bởi được đón nhận phiên bản đánh máy từ ở nơi **Gunahansà, Vaṅsavajira** cùng với toán người có Tâm tín thành cùng nhau đóng góp cho được thành tựu viên mãn, và rồi đã cống hiến cho làm thành tài sản của Quỹ Tài Trợ Chánh Pháp Quang Minh (**Saddhammajotika**), ngõ hầu làm thành giáo khoa thư trong việc giảng dạy và học hỏi ở Lớp Trung Học Vô Tỷ Pháp Đệ Nhị (**Majjhimàbhidhammika Dho**), ngõ hầu để tiếp tục sách tấn trong việc nghiên cứu tu học Tạng Vô Tỷ Pháp thuộc Trường Cao Đẳng Vô Tỷ Pháp Quang Minh.

Chương thứ Tám – **Tổng Hợp Duyên Hệ** bằng với việc tập hợp sự kiện Thập Nhị Liên Quan Tương Sinh và 24 Duyên Hệ - ấy là thể loại Giáo Pháp thâm thâm vô cùng vi tế - đã làm cho việc nghiên cứu học hỏi được thuận lợi dễ dàng, liễu tri ở trong Nhân Quả của kiếp sống một cách tốt đẹp, dẫn dắt cho được liễu đạt việc thực hành một cách chân chánh.

Người được đón nhận quyền giáo khoa thư Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp Chương thứ Tám này, cũng cần nên hướng tâm trong việc nghiên cứu cho làm thành tài liệu giáo khoa ở cả hai lãnh vực Pháp Học và Pháp Hành, nhằm để sẽ làm thành lợi ích vô cùng cao quý cho chính ngay kiếp sống này.

Xin cầu chúc cho Ngài Giáo Thọ Sư **Visuddhi Guttajayo**, bậc đã thu thập cứ liệu, **Gunahansà, Vaṅsavajira**, và với toán người đã cống hiến cùng luôn đến cả các bậc độc giả, xin cho được tiến hóa với Chánh Niệm Tỉnh Giác, có khả năng liễu tri được Giáo Pháp, kiến tri Giáo Pháp nương theo nền tảng huấn từ của Đức Ngài Chánh Đẳng Giác đây, xin cho được chứng đắc Đạo Quả, Níp Bàn.

Giáo Sư **Sanvara Samàdhivatta**

Giám Đốc Trường Cao Đẳng Vô Tỷ Pháp Quang Minh

Trường Cao Đẳng Mahàchùlalongkon

20 Tháng Chín 2527

-----00000-----

LỜI KHAI ĐOAN

Với chủ sự cho việc nghiên cứu Tạng Vô Tỷ Pháp ở trong thời buổi hiện tại đây, và đặc biệt nói riêng cho Trường Cao Đẳng Vô Tỷ Pháp thuộc Trường Cao Đẳng *Mahachulalongkon* đây, thì tiên khởi phát lên vốn dĩ chỉ có từ ở nơi Ngài Đại Trưởng Lão Giáo Thọ Sư *Saddhammajotika*, một vị Thầy người Miến Điện. Và rồi Ngài đã đi đến sắp bày chủ sự cho mọi việc nghiên cứu bằng cách soạn tác ra các giáo trình đào tạo, cùng với việc thiết lập ra các lớp học như là tất cả các Ngài ắt hẳn đã có sự rõ hiểu với nhau rồi vậy; và luôn cả có sự thích hợp đối với việc nghiên cứu đang làm cho thấu hiểu được một cách dễ dàng. Chính vì thế tất cả chúng ta sẽ cần phải cố gắng gìn giữ cái thành quả của Ngài đã mang lại, và hãy cùng phấn đấu giúp nhau trong việc nghiên cứu học hỏi cho có được sự tiến hóa một cách tốt đẹp; khởi phát nương theo Chánh Niệm Tỉnh Giác của tất cả chúng ta đây, quả thật là việc đáng lưu tâm chú ý ở trong việc nghiên cứu học hỏi của chúng ta ở trong thời buổi hiện tại này. Việc lập ý ghi nhớ của Học Giả qua việc học hỏi với nhau thì chỉ có được một cách rất ít ỏi, và vẫn chưa có nắm bắt được những nội dung chính yếu của từng mỗi lớp học ấy được. Học Giả chỉ có được kiến thức với sự hiểu biết thật nhỏ bé. Việc nghiên cứu học hỏi ở trong từng mỗi học thuật ấy, thì trước tiên người Học Giả sẽ cần phải nắm bắt cho bằng được các giáo trình của những học thuật ấy; và rồi tiếp đến, mới hẵng là mở rộng ra nội dung giảng giải cho thật quảng khoáng một cách mãn túc. Học Giả một khi đã nắm bắt được giáo trình rồi, thì sẽ không còn có sự vất vả, lao tâm khổ trí một chút nào cả. Quyền giáo khoa thư hỗ trợ cho việc giảng dạy và học hỏi đây, chỉ là tập hợp một cách đại cương các nội dung chính yếu mà thôi; còn về phần chi tiết trong từng mỗi nội dung chính yếu ấy thì xin hãy xem lại ở trong giáo trình trước khi giảng dạy luôn mọi thời lúc. Người tập hợp thu thập cứ liệu đã nghĩ rằng sẽ làm cho việc giảng dạy và việc học hỏi cùng nhau có được thuận lợi và thích hợp, và rồi đã ủy thác cho *Gunahansà, Vaṅsavajira* giúp đỡ sắp bày việc tập hợp các câu hỏi ở trong Chương thứ Tám, luôn cả với những lời giải đáp, và đã đặt ở phần cuối của quyển kinh sách này. Thế rồi một lần nữa, *Gunahansà, Vaṅsavajira* đã giúp đỡ cho việc đánh máy ấn bản này.

Xin cho được tùy hỷ công đức (*Anumodanà*) trong Tư Tác Ý Thiện của *Gunahansà, Vaṅsavajira*, và nhân dịp này cũng xin được chân thành tri ân đến tất cả các Quý Ngài ở trong Ban. Và xin phép ban lời chúc phúc được trích dẫn từ ở nơi Ân Đức Tam Bảo, ấy là Ân Đức của Phật Bảo, Pháp Bảo, Tăng Bảo; luôn đến cả Tư Tác Ý Thiện của tất cả Quý Ngài đây, xin cho được tiến hóa với cả hai lãnh vực Ân Đức Pháp Học và Pháp Hành, và cuối cùng thì xin cho được chứng đắc Đạo - Quả và Níp Bàn.

-----00000-----

LỜI HƯỚNG DẪN VIỆC SỬ DỤNG GIÁO KHOA THU CỦA NGƯỜI THU THẬP CỨ LIỆU

1. Trước tiên thì hãy xem bản đồ chính phương của từng mỗi Chương; và rồi tiếp đến, mới hẵng nghiên cứu ở phần chi tiết.
2. Phần chi tiết thì xin xem nương theo ở phần Giáo Trình.
3. Thường luôn phải xem phần Vấn và Đáp đặt để ở cuối quyển kinh sách phối hợp với Giáo Trình ngay trong sát na của việc nghiên cứu.
4. Ghi xuống tập vở một cách đầy đủ ngay trong sát na vị Giáo Thọ đang thực hiện việc giảng dạy.

Tỳ Khuru *Visuddhi Guttajayo*
Chùa *Sróy Thong* – *Đâu Suát Đà* – *Bangkok*
5 Tháng Mười Hai 2527

-----00000-----

CHƯƠNG THỨ TÁM – TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP LIÊN QUAN TƯƠNG SINH (PAṬICCASAMUPPÀDA)

Liên Quan Tương Sinh có nghĩa là Pháp thường luôn làm cho Pháp Quả phải cấu sinh liên tục với nhau bởi do nương vào sự tề toàn từ ở nơi Năng Duyên hữu quan với những Tác Nhân ấy.

Gọi tên Chương thứ Tám ấy là *Tổng Hợp Duyên Hệ* vì lẽ Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* đã trình bày tập hợp hết tất cả các Pháp làm thành Năng Duyên và Sở Duyên, nương theo cả hai Phương Pháp từ ở nơi Liên Quan Tương Sinh và Phát Thú ở trong Chương này; chính vì thế Chương này mới được gọi tên là *Tổng Hợp Duyên Hệ (Paccayaṅgaha)*.

Liên Quan Tương Sinh hiện hữu ở cả hai Phương Pháp, đó là:

1. Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh,
2. Phương Pháp Phát Thú.

Việc trình bày Pháp Liên Quan Tương Sinh của Đức Chánh Đẳng Giác thì hiện hữu ở cả hai Phương Pháp, đó là:

1. Phương Pháp Phân Tích Theo Kinh Tạng (*Sutantabhàjanìyanaya*),
2. Phương Pháp Phân Tích Theo Vô Tỷ Pháp Tạng (*Abhidhamma bhàjanìyanaya*).

Liên Quan Tương Sinh mà Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* đã mang đến để trình bày ở trong Chương thứ Tám này là việc trình bày nương theo Phương Pháp Phân Tích theo Kinh Tạng.

Pháp Năng Duyên (*Paccayadhamma*) đó chính là hết tất cả các Pháp Hữu Vi (*Saṅkhatadhamma*), Pháp Vô Vi (*Asaṅkhatadhamma*), và Chế Định (*Paññatti*); tức là: 89 Tâm, 52 Tâm Sở, 28 Sắc Pháp, Níp Bàn, Chế Định.

Pháp Sở Duyên (*Paccayuppannadhamma*) đó chỉ là Pháp Hữu Vi mà thôi, tức là 89 Tâm, 52 Tâm Sở và 28 Sắc Pháp.

Pháp làm thành Năng Duyên được trình bày ở trong cả hai Phương Pháp ấy có sự khác biệt với nhau là:

+ Pháp làm thành Năng Duyên được trình bày ở trong Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh thì toàn là Pháp Siêu Lý (*Paramatthadhamma*) và không có pha trộn Chế Định vào. Còn Pháp làm thành Năng Duyên được trình bày ở trong Phương Pháp Phát Thú thì có cả Pháp Siêu Lý và Chế Định. Với lý do này, Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* mới trình bày các Pháp Chế Định đặt ở trong phần cuối cùng của Chương này.

+ Còn đối với Pháp làm thành Sở Duyên (là Pháp làm thành Pháp Quả) thì duy nhất chỉ có Pháp Siêu Lý ở cả hai Phương Pháp.

Pháp Năng Duyên có nghĩa là Pháp làm thành Pháp Nhân của Quả hữu quan với các Nhân ấy.

Pháp Sở Duyên có nghĩa là Pháp làm thành Pháp Quả sinh khởi là bởi do nương vào Pháp làm thành các Tác Nhân ấy.

Tóm lại: Năng Duyên tức là Pháp làm thành Nhân.

Sở Duyên tức là Pháp làm thành Quả.

-----00000-----

Tóm lược Chi Phần Liên Quan Tương Sinh hiện hữu với 12 Chi Phần, v.v. bởi theo sự việc của Năng Duyên và Sở Duyên

Bởi theo giảng rộng thì có 28 Chi Phần, đó là:

1. Vô Minh (*Avijjà*)
 2. Hành (*Asaṅkhàra*)
 3. Thức (*Viññàṇa*)
 4. Danh Sắc (*Nàmarùpa*)
 5. Lục Xứ (*Salàyatana*)
 6. Xúc (*Phassa*)
 7. Thọ (*Vedanà*)
 8. Ái Dục (*Taṇhà*)
 9. Chấp Thủ (*Upàdàna*)
 10. Nghiệp Hữu (*Kammabhava*)
 11. Sinh Hữu (*Uppattibhava*)
 12. Dục Hữu (*Kàmbhava*)
 13. Sắc Hữu (*Rùpabhava*)
 14. Vô Sắc Hữu (*Arùpabhava*)
 15. Tướng Hữu (*Saññibhava*)
 16. Vô Tướng Hữu (*Asaññibhava*)
 17. Phi Tướng Phi Phi Tướng Hữu (*Nevasaññinàsaññibhava*)
 18. Nhất Uẩn Hữu (*Ekavokàrabhava*)
 19. Tứ Uẩn Hữu (*Catuvokàrabhava*)
 20. Ngũ Uẩn Hữu (*Pañcavokàrabhava*)
 21. Sinh (*Jàti*)
 22. Lão Mại (*Jarà*)
 23. Tử Vong (*Maràṇa*)
 24. Sầu Muộn (*Soka*), 25. Bi Ai (*Parideva*), 26. Khổ Đau (*Dukkha*),
27. Ưu Thọ (*Domanassa*), 28. Não Hại (*Upàyàsa*) ...
- Có
27
Pháp
Sở
Duyên

Bởi theo Chi Phần thì có 12 Chi Phần, đó là:

1. Vô Minh
 2. Hành
 3. Thức
 4. Danh Sắc
 5. Lục Xứ
 6. Xúc
 7. Thọ
 8. Ái Dục
 9. Chấp Thủ
 10. Hữu
 11. Sinh
 12. Lão Mại – Tử Vong ..
- Có
11
Pháp
Sở
Duyên

Bởi theo Phân Loại thì có 18 Chi Phần, đó là:

- | | |
|-------------------|---|
| 1. Vô Minh | |
| 2. Hành | → |
| 3. Thức | |
| 4. Danh Sắc | |
| 5. Lục Xứ | |
| 6. Xúc | |
| 7. Thọ | |
| 8. Ái Dục | |
| 9. Chấp Thủ | |
| 10. Hữu | |
| 11. Sinh | |
| 12. Lão Mại | |
| 13. Tử Vong | |
| 14. Sáu Muộn | |
| 15. Bi Ai | |
| 16. Khổ Đau | |
| 17. Ưu Thọ | |
| 18. Nảo Hại | → |
- Có
17
Pháp
Sở
Duyên

Việc hiệp trợ giữa Pháp Năng Duyên và Sở Duyên
Cùng với cả Chi Pháp

Chi Phần Liên Quan Tương Sinh	Chi Pháp
- Vô Minh	- Tâm Sở Si ở trong 12 Tâm Bất Thiện.
- Vô Minh làm duyên cho Hành	- Tâm Sở Tư ở trong 12 Tâm Bất Thiện, 17 Tâm Thiện Hiệp Thế.
- Hành làm duyên cho Thức	- 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế.
- Thức làm duyên cho Danh Sắc	- Danh là 35 Tâm Sở phối hợp với 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế, - Sắc là Sắc Nghiệp Tái Tục, Sắc Nghiệp Chuyển Khởi (Bình Nhật), Sắc Tâm.
- Danh Sắc làm duyên cho Lục Xứ	- Lục Nội Bộ Xứ là Ngũ Sắc Thanh Triệt, 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế.
- Lục Xứ làm duyên cho Xúc	- Tâm Sở Xúc phối hợp với 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế.
- Xúc làm duyên cho Thọ	- Tâm Sở Thọ phối hợp với 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế.

- Thọ làm duyên cho Ái Dục	- Tâm Sở Tham phối hợp với 8 Tâm căn Tham (Lục Ái Dục).
- Ái Dục làm duyên cho Chấp Thủ	- Tâm Sở Tham và Tà Kiến phối hợp với 8 Tâm căn Tham (Tứ Chấp Thủ).
- Chấp Thủ làm duyên cho Hữu	- Nghiệp Hữu là Tâm Sở Tư ở trong 12 Tâm Bất Thiện, 17 Tâm Thiện Hiệp Thế (kết hợp thành 29 Tư Tác Ý).
- Hữu làm duyên cho Sinh	- Sinh Hữu là 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế, 35 Tâm Sở, 20 Sắc Nghiệp.
- Sinh làm duyên cho Lão Mại	- Danh Sinh là việc sinh khởi của 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế, 35 Tâm Sở.
- Sinh làm duyên cho Tử Vong	- Sắc Sinh là việc sinh khởi của 20 Sắc Nghiệp.
- Sinh làm duyên cho Sầu Muộn	- Sự già nua của 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế, 35 Tâm Sở (Sát na Trụ).
- Sinh làm duyên cho Bi Ai	- Sự diệt mất của 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế, 35 Tâm Sở (Sát na Diệt).
Sinh làm duyên cho Khổ Đau	- Ưu Thọ phối hợp 2 Tâm căn Sân (Sinh từ nơi Ngũ Điều Tàn).
- Sinh làm duyên cho Ưu Thọ	- Tổng Hợp Tâm Điên Đảo Thịnh (Sinh từ nơi việc khóc than giải bày tâm sự).
- Sinh làm duyên cho Nảo Hại	- Thân Khổ Thọ phối hợp 1 Tâm Thân Thức câu hành Khổ Thọ.
	- Tâm Sở Thọ phối hợp 2 Tâm căn Sân (Khổ Tâm Sở).
	- Tâm Sở Sân phối hợp 2 Tâm căn Sân.

Câu kệ ngôn thứ ba trình bày việc hiệp trợ giữa Năng Duyên và Sở Duyên nương theo Phương Pháp từ ở nơi Liên Quan Tương Sinh (thể theo Phương Pháp từ ở nơi Kinh Tạng).

“Tattha avijjāpaccayā saṅkhārā. Saṅkhāra paccayā viññāṇam. Viññāṇa paccayā nāmarūpam. Nāmarūpa paccayā saḷāyatanam. Saḷāyatana paccayā phasso. Phassa paccayā vedanā. Vedanā paccayā taṇhā. Taṇhā paccayā upādānam. Upādāna paccayā bhavo. Bhava paccayā jāti. Jāti paccayā jarāmaraṇa soka parideva dukkha domanassupāyāyā sambhavanti. Evame tassa kevalassa dukkhakhandhassa samudayo hoti ti”- “Ở nơi đây, Vô Minh làm duyên cho Hành. Hành làm duyên cho Thức. Thức làm duyên cho Danh Sắc. Danh Sắc làm duyên cho Lục Xứ. Lục Xứ làm duyên cho Xúc. Xúc làm duyên cho Thọ. Thọ làm duyên cho Ái Dục. Ái Dục làm duyên cho Chấp Thủ. Chấp Thủ làm duyên cho Hữu. Hữu làm duyên cho Sinh. Sinh làm duyên cho Lão Mại, Tử

Vong, Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ, Nỗ Hại khởi sinh. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khối Khổ Uẩn”.

Trong cả hai Phương Pháp đây, thì sự hiện hành từ ở nơi Pháp Năng Duyên và Pháp Sở Duyên bởi theo Phương Pháp từ ở nơi Liên Quan Tương Sinh ấy là:

Phúc Hành, Phi Phúc Hành, Bất Động Hành; với cả ba thể loại Pháp này hiện khởi sinh lên là do bởi nương vào **Vô Minh;** tức là sự bất liễu tri ở trong Tứ Đế, một bất liễu tri ở trong Tiền Kiếp (**Pubbanta – Quá Khứ**), một bất liễu tri ở trong Hậu Kiếp (**Aparanta – Vị Lai**), một bất liễu tri ở trong Tiền Hậu Kiếp (**Pubbantàparanta – Quá Khứ - Vị Lai**), một bất liễu tri ở trong Liên Quan Tương Sinh. Kết hợp tám thể loại này lại, làm thành **Nhân**.

Thức là 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế hiện bày khởi sinh lên là do bởi nương vào **Tam Hành** làm thành **Nhân**.

Danh Sắc là Tâm Sở phối hợp với Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Sắc Nghiệp hiện khởi sinh lên là do bởi nương vào **Thức**, tức là Thiện, Bất Thiện (Nghiệp Thức - **Kammaviññàṇa**) ở trong các Hữu trước trước và Thức Dị Thục Quả (**Vipākaviññàṇa**) ở trong Hữu này làm thành **Nhân**.

Lục Nội Bộ Xứ có Nhãn Xứ, v.v. hiện khởi sinh lên là do bởi nương vào **Danh Sắc** làm thành **Nhân**.

Lục Xúc có Nhãn Phủ Xúc, v.v. hiện khởi sinh lên là do bởi nương vào **Lục Nội Bộ Xứ** làm thành **Nhân**.

Lục Thọ có Nhãn Phủ Xúc Thọ, v.v. hiện khởi sinh lên là do bởi nương vào **Lục Xúc** làm thành **Nhân**.

Lục Ái Dục hoặc là 108 Ái Dục theo giảng rộng, có Sắc Ái Dục, v.v. hiện khởi sinh lên là do bởi nương vào **Lục Thọ** làm thành **Nhân**.

Tứ Chấp Thủ có Dục Chấp Thủ, v.v. hiện khởi sinh lên là do bởi nương vào **Lục** hoặc 108 **Ái Dục** làm thành **Nhân**.

Nghiệp Hữu và **Sinh Hữu**, cả hai thể loại Pháp này hiện khởi sinh lên là do bởi nương vào **Tứ Chấp Thủ** làm thành **Nhân**.

Sinh là sự sinh khởi từ ở nơi Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế, Tâm Sở, và Sắc Nghiệp hiện khởi sinh lên là do bởi nương vào **Nghiệp Hữu** làm thành **Nhân**.

Lão Mại, Tử Vong, và Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ, Nỗ Hại; cả bảy thể loại Pháp này hiện khởi sinh lên là do bởi nương vào **Sinh** làm thành **Nhân**.

Như vậy sự sinh khởi của toàn bộ tất cả các Khổ Uẩn đây, là bởi do nương vào những Năng Duyên có Vô Minh v.v. như đã được đề cập đến ở tại đây.

“Ayamettha paṭiccasamuppādanayo”- “**Và đây là Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh**”. Thể theo như đã vừa được đề cập, đây là Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh ở trong Tổng Hợp Duyên Hệ này vậy.

-----00000-----

LIÊN QUAN TƯƠNG SINH THỂ THEO PHƯƠNG PHÁP TỪ Ở NƠI KINH TẠNG

(Nương theo duy nhất một thể loại Phương Pháp từ ở nơi Liên Quan Tương Sinh)

Câu kệ ngôn thứ ba trình bày việc hiệp trợ giữa Năng Duyên và Sở Duyên nương theo Phương Pháp từ ở nơi Liên Quan Tương Sinh.

(1) **Vô Minh làm duyên cho Hành khởi sinh:** Cả Tam Hành thường hiện khởi sinh lên là do bởi nương vào Vô Minh làm thành **Nhân**.

Pháp Năng Duyên	Pháp Sở Duyên
<p>Vô Minh Chi Pháp tức là Tâm Sở Si ở trong 12 Tâm Bất Thiện.</p> <p>Tám thể loại Vô Minh:</p> <ol style="list-style-type: none"> Dukkhe añāṇaṃ (Bất Tri Khổ Đé): Bất liễu tri ở trong Khổ Đau. Dukkhasamudaye añāṇaṃ (Bất Tri Tập Đé): Bất liễu tri Nguyên Nhân làm cho sinh khởi Khổ Đau. Dukkhanirodhe añāṇaṃ (Bất Tri Diệt Đé): Bất liễu tri Pháp làm cho diệt tắt từ ở nơi Khổ Đau. Dukkhanirodhagāminīpaṭipadāya añāṇaṃ (Bất Tri Đạo Đé): Bất liễu tri đạo lộ làm cho chứng đạt đến sự diệt tắt Khổ Đau. Pubbante añāṇaṃ (Bất Tri Quá Khứ): Bất liễu tri ở trong Uẩn, Xứ, Giới ở thời Quá Khứ. Aparante añāṇaṃ (Bất Tri Vị Lai): Bất liễu tri ở trong Uẩn, Xứ, Giới ở trong thời Vị Lai. Pubbantāparante añāṇaṃ (Bất Tri Quá Khứ Vị Lai): Bất liễu tri ở trong Uẩn, Xứ, Giới ở trong thời Quá Khứ và Vị Lai. Idappaccayatapaṭiccasamuppannesu 	<p>Hành Chi Pháp là 29 Tư ở trong 12 Bất Thiện, 8 Đại Thiện, 5 Thiện Sắc Giới (trừ 1 Thắng Trí), 4 Thiện Vô Sắc Giới.</p> <p>Có 6 thể loại Hành làm thành Quả của Vô Minh, đó là:</p> <ol style="list-style-type: none"> Phúc Hành (Puññābhisāṅkhāra): Tư Tác Ý Thiện làm người tác hành một cách trực tiếp Dị Thục Quả Thiện Hiệp Thể và Sắc Nghiệp Thiện; tức là 8 Tư Tác Ý Đại Thiện và 5 Tư Tác Ý Thiện Hữu Sắc Giới. Phi Phúc Hành (Apuññābhisāṅkhāra): Tư Tác Ý Bất Thiện làm người tác hành một cách trực tiếp Dị Thục Quả Bất Thiện và Sắc Nghiệp Bất Thiện; tức là 12 Tư Tác Ý Bất Thiện. Bất Động Hành (Āneñjābhisāṅkhāra): Tư Tác Ý Thiện kiên định bất dao động, làm người tác hành một cách trực tiếp Dị Thục Quả Vô Sắc Giới; tức là 4 Tư Tác Ý Thiện Vô Sắc Giới. Thân Hành (Kāyasaṅkhāra): Tư Tác Ý làm người tác hành cho thành tựu Thân Ác Hạnh và Thân Thiện Hạnh; tức là 12 Tư Tác Ý Bất Thiện, 8 Tư Tác Ý Đại Thiện hữu quan với Lộ Thân Môn. Ngữ Hành (Vacisaṅkhāra): Tư Tác Ý làm người tác hành cho thành tựu

<p><i>dhammesu añāṇaṃ</i> (<i>Bát Tri Ý Thứ Liên Quan Tương Sinh</i>): Bát liễu tri ở trong Danh Sắc sinh khởi lên do bởi nương vào tác nhân làm cho khởi sinh thể theo Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh.</p>	<p>Ngũ Ác Hạnh và Ngũ Thiện Hạnh; là 12 Tư Tác Ý Bất Thiện, 8 Tư Tác Ý Đại Thiện hữu quan với Lộ Ngũ Môn.</p> <p>6. Tâm Hành (<i>Cittasaṅkhàra</i>): Tư Tác Ý làm người tác hành cho thành tựu Ý Ác Hạnh và Ý Thiện Hạnh; là 12 Tư Tác Ý Bất Thiện, 17 Tư Tác Ý Thiện Hiệp Thể hữu quan với Lộ Ý Môn.</p>
--	--

(2) **Hành làm duyên cho Thức khởi sinh:** 32 Thức Dị Thục Quả Hiệp Thể thường hiện khởi sinh lên là do bởi nương vào Tam Hành làm thành **Nhân**.

<ul style="list-style-type: none"> - 13 Phúc Hành (loại trừ Tư Tác Ý ở trong Thiện Thắng Trí). - 12 Phi Phúc Hành (loại trừ Tư Tác Ý Trao Cử cho quả báo trong Thời Tái Tục). - 4 Bất Động Hành. <p>Kết hợp lại thành 29 Tư Tác Ý.</p>	<p>Chi Pháp của Thức trình bày thể theo hai Phương Pháp, đó là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rằng theo Phương Pháp Phân Tích Vô Tỷ Pháp, tức là 89 Tâm. - Rằng theo Phương Pháp Phân Tích Kinh Tạng, tức là 32 Thức Dị Thục Quả Hiệp Thể. <p>Thức làm thành Quả của Hành được chia ra làm hai:</p> <ul style="list-style-type: none"> - sinh ở trong Thời Kỳ Tái Tục, gọi tên là Thức Tái Tục; tức là 19 Tâm Tái Tục. - sinh ở trong Thời Kỳ Chuyển Khởi, gọi tên là Thức Chuyển Khởi; tức là 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thể.
---	--

Phân tích 19 Thức Tái Tục bởi theo Tam Hành

<ol style="list-style-type: none"> 1. 11 Phi Phúc Hành (trừ Trao Cử). 2. Phúc Hành tức là 4 Tư Tác Ý Đại Thiện Nhị Nhân Hạ Phẩm làm Nhân. 3. Phúc Hành tức là 4 Tư Tác Ý Đại Thiện Nhị Nhân Thượng Phẩm và 4 Tư Tác Ý Tam Nhân Hạ Phẩm làm Nhân. 4. Phúc Hành tức là 4 Tư Tác Ý Đại Thiện Tam Nhân Thượng Phẩm làm 	<ol style="list-style-type: none"> 1. 1 Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện Thẩm Tấn Xả Thọ làm quả báo cho tái tục ở trong cả Tứ Khổ Thứ. 2. 1 Tâm Dị Thục Quả Thiện Thẩm Tấn Xả Thọ làm quả báo cho tái tục trong 1 Cõi Nhân Loại, 1 Cõi Tứ Thiên Vương. 3. 4 Đại Quả Bất Tương Ứng Trí làm quả báo cho tái tục trong 1 Cõi Nhân Loại, 6 Cõi Thiên Dục Giới (bậc trung). 4. 4 Tâm Đại Quả Tương Ứng Trí làm quả báo cho tái tục trong 1 Cõi Nhân
--	--

<p>Nhân.</p> <p>5. Phúc Hành tức là 5 Tư Tác Ý Thiện Sắc Giới làm Nhân.</p> <p>6. Bất Động Hành tức là 4 Tư Tác Ý Thiện Vô Sắc Giới làm Nhân.</p>	<p>Loại, 6 Cõi Thiên Dục Giới (bậc cao).</p> <p>5. 5 Tâm Dị Thục Quả Sắc Giới làm quả báo cho tái tục trong 15 Cõi Sắc Giới (loại trừ 1 Cõi Vô Tướng).</p> <p>6. 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới làm quả báo cho tái tục trong 4 Cõi Vô Sắc.</p>
--	--

Phân tích 32 Thức Chuyển Khởi bởi theo Tam Hành

<p>1. 12 Phi Phúc Hành làm Nhân, tức là Tâm Sở Tư Tác Ý phối hợp 12 Tâm Bất Thiện làm thành tác nhân.</p> <p>2. 12 Phi Phúc Hành làm Nhân, tức là Tâm Sở Tư Tác Ý phối hợp với 12 Tâm Bất Thiện làm thành tác nhân.</p> <p>3. Phúc Hành tức là Tâm Sở Tư Tác Ý phối hợp với 8 Tâm Đại Thiện làm Nhân.</p> <p>4. Phúc Hành tức là Tâm Sở Tư Tác Ý phối hợp với 8 Tâm Đại Thiện làm Nhân.</p> <p>5. Phúc Hành tức là Tâm Sở Tư Tác Ý phối hợp với 8 Tâm Đại Thiện làm Nhân.</p>	<p>1. 7 Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện, tức là việc trông thấy, việc được lắng nghe, việc được ngửi, việc biết mùi vị, việc xúc chạm, việc tiếp thu Cảnh, việc thẩm tra Cảnh, và việc tiếp thu Cảnh từ ở nơi Đồng Lực Bất Thiện làm Quả ở trong 11 Cõi Dục Giới.</p> <p>2. 4 Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện tức là việc trông thấy (Tâm Nhãn Thức), việc được lắng nghe (Tâm Nhĩ Thức), việc tiếp thu Cảnh (Tâm Tiếp Thâu), việc thẩm tra Cảnh Bất Thiện (Tâm Thẩm Tấn) làm Quả (thụ lãnh Cảnh xấu) ở trong 15 Cõi Sắc Giới.</p> <p>3. 8 Tâm Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân tức là việc trông thấy, việc được lắng nghe, việc được ngửi, việc biết mùi vị, việc xúc chạm, việc tiếp thu Cảnh, việc thẩm tra Cảnh, và việc tiếp thu Cảnh từ ở nơi Đồng Lực Thiện làm Quả ở trong 11 Cõi Dục Giới.</p> <p>4. 8 Tâm Đại Quả tức là việc tiếp thu Cảnh (làm việc Na Cảnh) từ ở nơi Đồng Lực Thiện làm Quả ở trong 7 Cõi Thiên Dục Giới.</p> <p>5. 5 Tâm Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân tức là việc trông thấy (Tâm Nhãn Thức), việc được lắng nghe (Tâm Nhĩ Thức), việc tiếp thu Cảnh (Tâm Tiếp Thâu), việc thẩm tra Cảnh Thiện (Tâm Thẩm Tấn) làm Quả ở trong 15 Cõi Sắc Giới.</p>
---	---

<p>6. Phúc Hành tức là Tâm Sở Tư Tác Ý phối hợp với 5 Tâm Thiện Sắc Giới làm Nhân.</p> <p>7. Bất Động Hành tức là Tâm Sở Tư Tác Ý phối hợp với 4 Tâm Thiện Vô Sắc Giới làm Nhân.</p>	<p>6. 5 Tâm Dị Thục Quả Hữu Sắc Giới, tức là làm việc duy trì bảo hộ kiếp sống (làm việc của Tâm Hữu Phần) làm Quả ở trong 15 Cõi Sắc Giới.</p> <p>7. 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới tức là việc duy trì bảo hộ kiếp sống (Tâm Hữu Phần) làm Quả ở trong 4 Cõi Vô Sắc Giới.</p>
--	--

(3) Thức làm duyên cho Danh Sắc khởi sinh: Tâm Sở phối hợp với Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Sắc Nghiệp thường hiện khởi lên bởi do nương vào *Thức Nghiệp Lực (Kammaviññàṇa)* và *Thức Dị Thục Quả (Vipàkaviññàṇa)* làm thành **Nhân**.

<ul style="list-style-type: none"> - Thức Dị Thục Quả (Hữu này) tức là 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế. - Thức Nghiệp Lực (Hữu trước) tức là 12 Tâm Bất Thiện, 8 Tâm Đại Thiện, 5 Tâm Thiện Sắc Giới phối hợp Tư Tác Ý Thiện – Bất Thiện trong Hữu quá khứ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Danh (Nàma) tức là 35 Tâm Sở phối hợp với 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế. - Sắc (Rùpa) tức là Sắc Nghiệp Tái Tục, Sắc Nghiệp Chuyển Khởi, Sắc Tâm
---	---

Giải thích Thức làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc thì có được ba thể loại, đó là:

1. Thức làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc ở trong Cõi Vô Sắc Giới và một phần ở Cõi Ngũ Uẩn.

<ul style="list-style-type: none"> - 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới. - 10 Tâm Ngũ Song Thức. 	<ul style="list-style-type: none"> - 30 Tâm Sở ở cả trong Thời Kỳ Tái Tục và Thời Kỳ Chuyển Khởi, và trong Tứ Cõi Vô Sắc Giới. - 7 Tâm Sở Biến Hành ở trong Thời Kỳ Chuyển Khởi, và trong 26 Cõi Ngũ Uẩn tùy theo thích hợp.
---	--

2. Thức làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Pháp ở trong Cõi Vô Tướng Hữu Tình và một phần ở Cõi Ngũ Uẩn. Trong chỗ này thì từ ngữ **Thức** lập ý lấy Thức Nghiệp Lực.

<ul style="list-style-type: none"> - Tâm Thiện Ngũ Thiện Hữu Sắc Giới phối hợp với <i>Tư Tác Ý Tướng Ly Ái Tu</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Sắc Nghiệp (Tổng Hợp Cứu Mạng Quyền) ở cả trong Thời Kỳ Tái Tục và
--	--

<p><i>Tập</i> ở trong Hữu quá khứ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 12 Tâm Bất Thiện, 8 Tâm Đại Thiện phối hợp với Tư Tác Ý Thiện – Bất Thiện ở trong Hữu quá khứ. - 8 Tâm Đại Thiện, 5 Tâm Thiện Hữu Sắc Giới phối hợp với Tư Tác Ý Thiện ở trong Hữu quá khứ. 	<p>Thời Kỳ Chuyển Khởi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sắc Nghiệp Chuyển Khởi ở trong 11 Cõi Dục Giới. - Sắc Nghiệp Chuyển Khởi ở trong 15 Cõi Sắc Giới (loại trừ Cõi Vô Tướng Hữu Tình.)
---	---

3. Thức làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc và một phần ở Cõi Ngũ Uẩn. Trong chỗ này thì từ ngữ **Thức** tức là 15 Thức Tái Tục Ngũ Uẩn, và 18 Thức Dị Thục Quả Chuyển Khởi Ngũ Uẩn (loại trừ 10 Ngũ Song Thức).

<ul style="list-style-type: none"> - 15 Thức Tái Tục Cõi Ngũ Uẩn. - 18 Thức Dị Thục Quả Chuyển Khởi Ngũ Uẩn (loại trừ 10 Ngũ Song Thức). 	<ul style="list-style-type: none"> - 35 Tâm Sở và Sắc Nghiệp Tái Tục ở trong 26 Cõi Ngũ Uẩn. - 35 Tâm Sở và Sắc Tâm ở trong 26 Cõi Ngũ Uẩn.
--	---

(4) Danh Sắc làm duyên cho Lục Xứ khởi sinh: Lục Nội Bộ Xứ có Nhân Xứ v.v. thường hiện khởi lên bởi do nương vào **Danh Sắc** làm **Nhân**.

<ul style="list-style-type: none"> - Danh tức là 35 Tâm Sở phối hợp với 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế. - Sắc tức là 16 Sắc Nghiệp, là 8 Sắc Bất Giản Biệt, 5 Sắc Thanh Triệt, 1 Sắc Bản Tính, 1 Sắc Tâm Cơ, 1 Sắc Mạng Quyền (trừ 1 Sắc Hạn Giới). 	<ul style="list-style-type: none"> - Lục Xứ tức là Nhân Xứ, Nhĩ Xứ, Tỷ Xứ, Thiệt Xứ, Thân Xứ và Ý Xứ là 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế.
--	--

(5) Lục Xứ làm duyên cho Xúc khởi sinh: Lục Xúc thường hiện khởi lên do bởi nương vào Lục Nội Bộ Xứ làm **Nhân**.

<p>Lục Nội Bộ Xứ đó là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân Thanh Triệt + Cảnh Sắc + Tâm Nhân Thức. - Nhĩ Thanh Triệt + Cảnh Thinh + Tâm Nhĩ Thức. - Tỷ Thanh Triệt + Cảnh Khí + Tâm Tỷ Thức. - Thiệt Thanh Triệt + Cảnh Vị + Tâm Thiệt Thức. - Thân Thanh Triệt + Cảnh Xúc + Tâm 	<p>Lục Xúc đó là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân Phủ Xúc phối hợp với Tâm Sở Xúc ở trong 2 Tâm Nhân Thức. - Nhĩ Phủ Xúc phối hợp với Tâm Sở Xúc ở trong 2 Tâm Nhĩ Thức. - Tỷ Phủ Xúc phối hợp với Tâm Sở Xúc ở trong 2 Tâm Tỷ Thức. - Thiệt Phủ Xúc phối hợp với Tâm Sở Xúc ở trong 2 Tâm Thiệt Thức. - Thân Phủ Xúc phối hợp với Tâm Sở
---	---

Thân Thức. - Tâm Hữu Phần + Pháp Thực Tính + Tâm Ý Thức.	Xúc ở trong 2 Tâm Thân Thức. - Ý Phủ Xúc phối hợp với Tâm Sở Xúc ở trong 22 Tâm Ý Thức. (Tâm Sở Xúc phối hợp với 32 Tâm Dị Thực Quả Hiệp Thế).
---	--

(6) Xúc làm duyên cho Thọ khởi sinh: Lục Thọ thường hiện khởi lên do bởi nương vào Lục Phủ Xúc làm **Nhân**.

Lục Xúc đó là (việc tiếp xúc với nhau): 1. Nhãn Thức + Cảnh Sắc. 2. Nhĩ Thức + Cảnh Thinh. 3. Tỷ Thức + Cảnh Khí. 4. Thiệt Thức + Cảnh Vị. 5. Thân Thức + Cảnh Xúc. 6. Ý Thức + Cảnh Pháp hoặc Lục Cảnh.	Lục Thọ đó là (việc thụ hưởng Cảnh khởi sinh bởi do nương vào) 1. Nhãn Phủ Xúc Thọ ở trong 2 Tâm Nhãn Thức. 2. Nhĩ Phủ Xúc Thọ ở trong 2 Tâm Nhĩ Thức. 3. Tỷ Phủ Xúc Thọ ở trong 2 Tâm Tỷ Thức. 4. Thiệt Phủ Xúc Thọ ở trong 2 Tâm Thiệt Thức. 5. Thân Phủ Xúc Thọ ở trong 2 Tâm Thân Thức. 6. Ý Phủ Xúc Thọ ở trong 22 Tâm Dị Thực Quả Hiệp Thế (trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức) (Tam Thọ là Lạc, Khổ, Xả)
---	--

(7) Thọ làm duyên cho Ái Dục khởi sinh: Ái Dục thường hiện khởi lên bởi do nương vào Lục Thọ làm **Nhân**.

- Thọ tức là Lục Thọ (Tam Thọ) 1. Nhãn Phủ Xúc Thọ 2. Nhĩ Phủ Xúc Thọ 3. Tỷ Phủ Xúc Thọ 4. Thiệt Phủ Xúc Thọ 5. Thân Phủ Xúc Thọ	- Ái Dục tức là Tâm Sở Tham ở trong 8 Tâm căn Tham (Ái Dục khi phân tích theo Cảnh thì có 6 thể loại). 1. Sắc Ái: Sự ưa thích đắm nhiễm vào trong Cảnh Sắc. 2. Thinh Ái: Sự ưa thích đắm nhiễm vào trong Cảnh Thinh. 3. Khí Ái: Sự ưa thích đắm nhiễm vào trong Cảnh Khí. 4. Vị Ái: Sự ưa thích đắm nhiễm vào trong Cảnh Vị. 5. Xúc Ái: Sự ưa thích đắm nhiễm vào
---	--

<p>6. Ý Phủ Xúc Thọ</p>	<p>trong Cảnh Xúc.</p> <p>6. Pháp Ái: Sự ưa thích đắm nhiễm vào trong Cảnh Pháp.</p> <p>- <i>Pháp Tham Ái (Dhammaràga) và Hỷ Duyệt Pháp (Dhammanandī).</i>” Có nghĩa là <i>Tham Dục (Chandaràga)</i> sinh khởi lên ở trong An Chỉ Tu Tập, Minh Sát Tu Tập.</p> <p>- Ái Dục khi theo hành trạng thì có 3 thể loại, đó là:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. <i>Dục Ái:</i> Sự ưa thích đắm nhiễm ở trong cả Lục Cảnh hữu quan với cả Ngũ Cảnh Dục Trần. 2. <i>Hữu Ái:</i> tức là Ái Dục cùng câu sinh với <i>Hữu Thường Kiến</i> bởi do nương vào Sắc, Thinh, Khí, Vị, Phủ Xúc. 3. <i>Ly Hữu Ái:</i> tức là Ái Dục cùng câu sinh với <i>Đoạn Kiến</i> bởi do nương vào Lục Cảnh.
-------------------------	---

(8) **Ái Dục làm duyên cho Chấp Thủ khởi sinh:** Chấp Thủ thường hiện khởi lên bởi do nương vào Ái Dục làm Nhân.

<p>Ái Dục tức là Tâm Sở Tham ở trong 8 Tâm căn Tham.</p> <p>Phân tích cả Tam Ái Dục bởi theo Cảnh và Thời Kỳ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dục Ái có 18 - Hữu Ái có 18 - Ly Hữu Ái có 18 <p style="text-align: right;">} kết hợp thành 54</p> <p>Sinh khởi bởi do nương vào Ngoại Bộ và Nội Bộ Cảnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dục Ái có 36 - Hữu Ái có 36 - Ly Hữu Ái có 36 <p style="text-align: right;">} kết hợp thành 108</p>	<p>Chấp Thủ tức là Tâm Sở Tham, Tà Kiến (có năng lực mãnh liệt).</p> <p>Có 4 thể loại Chấp Thủ (sự bám giữ chặt), đó là:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Dục Chấp Thủ có 6: là Sắc Dục Chấp Thủ, v.v. Pháp Dục Chấp Thủ phối hợp với Tâm Sở Tham. 2. Kiến Chấp Thủ có 75: là 3 Chuẩn Xác Tà Kiến, 62 Tà Kiến, 10 Hữu Biên Tường Vô Biên Tường Kiến phối hợp với Tâm Sở Tà Kiến ở ngoài ra Giới Cầm Thủ Tà Kiến và Thường Trú Kiến. 3. Giới Cầm Chấp Thủ: Sự bám giữ chặt ở trong việc thực hành sai trật, có Ngu Hành Giả, và Cầu Hành Giả. 4. Ngã Luận Chấp Thủ trong Ngũ Uẩn của mình và của tha nhân, phối hợp với
---	---

	20 Hữu Thân Kiến, hoặc theo rộng thì có 256 – 112.
--	--

(9) Chấp Thủ làm duyên cho Hữu khởi sinh: Hữu thường hiện khởi lên bởi do nương vào Chấp Thủ làm **Nhân**.

Chấp Thủ tức là Tứ Chấp Thủ (phối hợp với Tham, Tà Kiến).	<p>Hữu có 2 thể loại, đó là:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. <i>Nghiệp Hữu</i> là việc tạo tác làm cho quả báo sinh khởi, tức là 12 Tư Tác Ý Bất Thiện, 17 Tư Tác Ý Thiện Hiệp Thế; kết hợp lại có được 29 Tư Tác Ý (làm Nhân). 2. <i>Sinh Hữu</i> là quả báo sinh khởi trong những kiếp sống ấy bởi do nương vào Nghiệp Hữu, tức là 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế, 35 Tâm Sở, 20 Sắc Nghiệp (làm Quả). <p>Nghiệp Hữu bởi theo Môn thì có 3, là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thân Nghiệp tức là 12 Bất Thiện, 8 Đại Thiện Nghiệp Lực. - Ngũ Nghiệp tức là 12 Bất Thiện, 8 Đại Thiện Nghiệp Lực. - Ý Nghiệp tức là 12 Bất Thiện, 8 Đại Thiện, 9 Thiện Đáo Đại Nghiệp Lực.
---	---

Ghi chú: Khi tính theo khía cạnh **Vị Lai**, thì Nghiệp Hữu làm Nhân và Sinh Hữu làm Quả. Khi tính theo khía cạnh **Hiện Tại**, thì Sinh Hữu làm Nhân và Nghiệp Hữu làm Quả.

Trình bày việc khác biệt nhau giữa Hành (Saṅkhàra) với Nghiệp Hữu (Kammabhava):

Hành là thuộc quả báo của **Vô Minh**
Nghiệp Hữu là thuộc quả báo của **Chấp Thủ** }

khi tính theo Chi Pháp tức là 29 Tư Tác Ý ở trong 12 Tâm Bất Thiện và 17 Tâm Thiện Hiệp Thế. Tuy nhiên chỗ khác biệt với nhau, đó là:

- + Trong khía cạnh của *Tam Thời Kỳ (Addhà)* thì:
- + 29 Tư Tác Ý sinh khởi ở trong Hữu Quá Khứ, mà làm Nhân cho *Thủ Uẩn (Upàdānakhanda)* sinh khởi ở trong Hữu này; được gọi tên là **Hành**, như có câu Pàli trình bày rằng “*Avijjā saṅkhàrà atīto addhà*” (Vô Minh, Hành thì thuộc về Thời Kỳ Quá Khứ)

+ 29 Tư Tác Ý sinh khởi ở trong Hữu Hiện Tại, mà làm Nhân cho *Thủ Uẩn* sinh khởi ở trong Hữu vị lai; được gọi tên là **Nghiệp Hữu**, như có câu Pàli trình bày rằng “*Majjhe aṭṭha paccuppanno addhà*” (Tám Pháp ở khoảng giữa thì thuộc về Thời Kỳ Hiện Tại)

+ Trong khía cạnh của 20 *Hành Tướng (Ākàra)* đây chính là 20 Phân Loại:

- Rằng theo *Thời Kỳ (Addhà)* của cả hai Hành và Nghiệp Hữu đây không có khác biệt nhau. Tức là: trong 5 Nhân Quá Khứ thì Hành và Nghiệp Hữu cũng được sắp vào chung ở trong Pháp làm thành Nhân Quá Khứ tương tự như nhau. Và trong 5 Nhân Hiện Tại thì Hành và Nghiệp Hữu cũng được vào chung ở trong Pháp làm thành Nhân Hiện Tại tương tự như nhau.

Với lý do này, mới biết được rằng sự khác biệt nhau giữa Hành với Nghiệp Hữu chỗ tính theo Thời Kỳ mới không có ở trong chỗ này; thế nhưng sự khác biệt với nhau thì có như vậy là:

- *Tư Tiền (Pubbacetanà)* sinh trước hành động tạo tác Thiện hoặc Bất Thiện, thì gọi tên là **Hành**.
- *Tư Hiện (Muñcacetanà)* sinh khởi sát na đang hành động tạo tác Thiện hoặc Bất Thiện, thì gọi tên là **Nghiệp Hữu**.

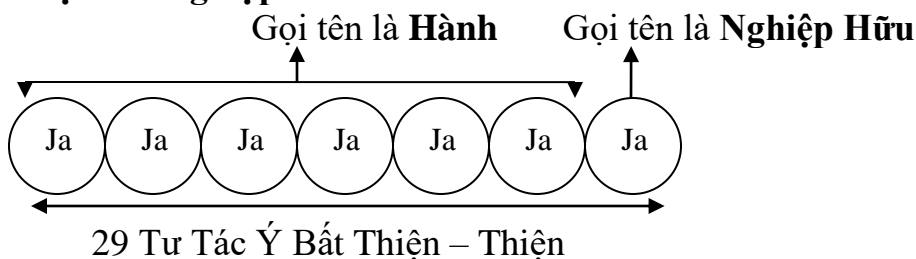
Hoặc một trường hợp khác nữa, ở trong 7 sát na Tâm Đồng Lực Thiện hoặc Bất Thiện đấy,

- Tư Tác Ý Thiện – Bất Thiện sinh khởi ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ 1 cho đến cái thứ 6, thì gọi tên là **Hành**.
- Tư Tác Ý Thiện – Bất Thiện sinh khởi ở trong cái Tâm Đồng Lực thứ 7 thì gọi tên là **Nghiệp Hữu**.

Hoặc một trường hợp khác nữa,

- Tâm và Tâm Sở câu sinh với nhau với Tư Tác Ý Thiện – Bất Thiện, thì gọi tên là **Hành**.
- Tâm Sở Tư Thiện – Bất Thiện thì gọi tên là **Nghiệp Hữu**.

+ **Một trường hợp khác nữa:**



+ **Một trường hợp khác nữa:** Tâm, Tâm Sở cùng câu sinh với Tư Tác Ý Bất Thiện – Thiện được gọi tên là **Hành**. Tâm Sở Tư Bất Thiện – Thiện được gọi tên là **Nghiệp Hữu**.

(10) **Hữu làm duyên cho Sinh khởi sinh:** Sự sinh khởi từ ở nơi Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế, Tâm Sở và Sắc Nghiệp thường hiện khởi lên bởi do nương vào **Nghiệp Hữu (Kammabhava)** làm **Nhân**.

<p>- Nghiệp Hữu tức là 12 Tư Tác Ý Bất Thiện, 17 Tư Tác Ý Thiện Hiệp Thế. Ghi chú: Hữu làm Năng Duyên của Sinh là chỉ lấy Nghiệp Hữu, vì lẽ việc sinh khởi từ ở nơi Tâm Dị Thục Quả và Sắc Nghiệp để hình thành Sinh đây, sẽ sinh khởi lên được cũng do bởi nương vào Bất Thiện Nghiệp Lực và Thiện Nghiệp Lực Hiệp Thế làm Nhân. - Phụ Chú Giải Căn Nguyên (Mùlatikà) thì lấy cả hai, là Nghiệp Hữu và Sinh Hữu.</p>	<p>- Sinh (Jàti) là việc sinh khởi lần đầu tiên của Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Sắc Nghiệp, và ấy chính là Sinh Hữu ở trong 31 Cõi Giới, bởi do chỉ có Nhất Uẩn; và là Sinh Hữu ở trong 31 Cõi Giới bởi do có Tứ Uẩn, hoặc bởi do có Ngũ Uẩn. - Từ ngữ nói rằng Sinh (Jàti) ở trong câu “<i>Bhavapaccayà jàti</i>” (<i>Hữu làm duyên cho Sinh</i>) lập ý chỉ lấy Tái Tục Sinh (Paṭisandhijàti) mà thôi.</p>
---	--

+ **Sinh** – rã tính theo **Đĩ Pháp Bản Nguyên** thì có hai thể loại, đó là:

1. **Danh Sinh (Nàmajàti):** việc sinh khởi của Tứ Danh Uẩn Dị Thục Quả (32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế, 35 Tâm Sở).
2. **Sắc Sinh (Rùpajàti):** việc sinh khởi của Sắc Nghiệp.

+ Rã tính theo **Thời Gian (Kàla)** thì có ba thể loại, đó là:

1. **Tái Tục Sinh (Paṭisandhijàti)**, tức là 19 Tâm Tái Tục, 35 Tâm Sở, 3 – 4 – 7 Tổng Hợp Sắc Nghiệp.
2. **Liên Tiếp Sinh (Santatijàti)**, tức là việc sinh nối tiếp với nhau của tất cả Tâm, Tâm Sở và Sắc Pháp.
3. **Sát Na Sinh (Khanikajàti)**, tức là việc sinh khởi từng một sát na của tất cả các Tâm, Tâm Sở và Sắc Pháp.

+ **Tái Tục Sinh** đây, một khi tính theo **Sinh Chủng (Jàti)** thì có được bốn thể loại, đó là:

1. **Thai Sinh Chủng (Jalàbujajàti):** Việc sinh khởi ở trong tử cung người Mẹ.
2. **Noãn Sinh Chủng (Aṇḍajajàti):** Việc sinh khởi ở trong quả trứng.

3. *Thấp Sinh Chủng (Saṁsedajajàti)*: Việc sinh khởi ở trong chỗ có nhựa mủ cây.
4. *Hóa Sinh Chủng (Opapàtikajàti)*: Việc vọt phát sinh lên to lớn tức thì.

+ Khi tính theo *Uẩn (Khandha)* thì có được ba thể loại, đó là:

1. *Ngũ Uẩn Sinh Chủng (Pañcavokàrajàti)*: Việc sinh khởi của Ngũ Uẩn.
2. *Tứ Uẩn Sinh Chủng (Catuvokàrajàti)*: Việc sinh khởi của Tứ Danh Uẩn.
3. *Nhất Uẩn Sinh Chủng (Ekavokàrajàti)*: Việc sinh khởi của đơn nhất Sắc Uẩn.

(11) Sinh làm duyên cho Lão Mại, Tử Vong, Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ và Nỗi Hại khởi sinh: Lão Mại, Tử Vong và Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ, Nỗi Hại, với cả bảy Pháp này thường hiện khởi lên bởi do nương vào **Sinh làm Nhân**.

<p>- Sinh (Jàti) là việc sinh khởi lần đầu tiên của Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Sắc Nghiệp.</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div style="border: 1px solid black; border-radius: 50%; padding: 5px; text-align: center;">Cuti Tử</div> <div style="border: 1px solid black; border-radius: 50%; padding: 5px; text-align: center;">Tái Tục</div> </div> <p>→ Sinh của 32 Dị Thục Quả Hiệp Thế, 20 Sắc Nghiệp (trong Thời Kỳ Chuyển Khởi).</p> <p>→ Sinh của 19 Thức Tái Tục, 35 Tâm Sở, 3 – 4 – 7 Tổng Hợp Sắc Nghiệp (trong Thời Kỳ Tái Tục).</p>	<p>- Lão Mại tức là sự già nua của Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Sắc Nghiệp (Sát na Trụ).</p> <p>- Tử Vong tức là trạng thái đang diệt của Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Sắc Nghiệp (Sát na Diệt).</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div style="border: 1px solid black; border-radius: 50%; padding: 5px; text-align: center;">Cuti Tử</div> <div style="border: 1px solid black; border-radius: 50%; padding: 5px; text-align: center;">Tái Tục</div> </div> <p>→ Sinh</p> <p>→ Lão Mại</p> <p>→ Tử Vong</p>
---	---

Kết thúc kệ ngôn thứ ba

-----00000-----

24 Duyên (24 Paccaya)

Trình bày Duyên Xiển Thuật (*Paccayuddesa*)
theo Phân Pàli và Lời Dịch Thuật

1. **Nhân Duyên** (*Hetupaccaya*): Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Nhân**.
2. **Cảnh Duyên** (*Arammaṇapaccaya*): Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Cảnh**.
3. **Trưởng Duyên** (*Adhipatipaccaya*): Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Trưởng**.
4. **Vô GIÁN Duyên** (*Anantarapaccaya*): Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Vô GIÁN** (sự nối tiếp nhau một cách không gián đoạn, không có xen kẽ giữa).
5. **ĐẰNG Vô GIÁN Duyên** (*Samanantarapaccaya*): Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **ĐẰNG Vô GIÁN** (sự liên tục nối tiếp nhau liên tức thì không gián đoạn, không có xen kẽ giữa).
6. **Câu Sinh Duyên** (*Sahajātapaccaya*): Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Câu Sinh** (cùng câu sinh với nhau).
7. **HỖ Tương Duyên** (*Aññamaññapaccaya*): Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **HỖ Tương** (sự níu kéo hỗ trợ lẫn nhau).
8. **Y CHỈ Duyên** (*Nissayapaccaya*): Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Y CHỈ** (sự làm thành chỗ nương nhờ).
9. **CẬN Y Duyên** (*Upānissayapaccaya*): Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **CẬN Y** (sự làm thành chỗ nương nhờ với năng lực mạnh mẽ (sát cận)).
10. **Tiền Sinh Duyên** (*Purejātapaccaya*): Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Tiền Sinh** (sự sinh trước).
11. **Hậu Sinh Duyên** (*Pacchajātapaccaya*): Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Hậu Sinh** (sự sinh đằng sau).
12. **Trùng Dục Duyên** (*Àsevanapaccaya*): Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Trùng Dục** (sự thường luôn thụ hưởng).
13. **Nghiệp Lực Duyên** (*Kammaṇapaccaya*): Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Nghiệp Lực** (sự sắp bày tạo tác nhằm để cho những hành động được hoàn thành).
14. **Di Thục Quả Duyên** (*Vipākaṇapaccaya*): Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Di Thục Quả** (cho đi đến sự chín muồi và diệt năng lực).
15. **Vật Thục Duyên** (*Āhārapaccaya*): Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Vật Thục** (sự làm người dẫn dắt).
16. **Quyền Lực Duyên** (*Indriyapaccaya*): Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Quyền Lực** (sự làm người cai quản).

17. **Thiền Na Duyên (*Jhānapaccaya*):** Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Thiền Na** (sự làm người thâm thị Cảnh).
18. **Đồ Đạo Duyên (*Maggapaccaya*):** Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Đồ Đạo** (sự làm thành đạo lộ).
19. **Tương Ứng Duyên (*Sampayuttapaccaya*):** Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Tương Ứng** (sự làm người phối hợp).
20. **Bất Tương Ứng Duyên (*Vippayuttapaccaya*):** Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Bất Tương Ứng** (sự làm người bất phối hợp).
21. **Hiện Hữu Duyên (*Atthipaccaya*):** Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Hiện Hữu** (sự làm người vẫn còn hiện hữu).
22. **Vô Hữu Duyên (*Natthipaccaya*):** Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Vô Hữu** (sự làm người không còn hiện hữu).
23. **Ly Khứ Duyên (*Vigatapaccaya*):** Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Ly Khứ** (sự làm người đã lìa khỏi đi rồi).
24. **Bất Ly Duyên (*Avigatapaccaya*):** Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Bất Ly** (sự làm người chẳng có lìa khỏi).

Việc lập ý thuyết giảng 24 Duyên thuộc bộ Kinh Phát Thú đây, Đức Thế Tôn đã có lập ý phân tích trong từng mỗi Duyên thì có được ba nhóm Pháp, còn được gọi là ba thể loại “Tóm Lược Nội Dung”, đó là:

1. **Năng Duyên (*Paccayadhamma*):** tức là Pháp làm thành Nhân.
2. **Sở Duyên (*Paccayuppannadhamma*):** tức là Pháp làm thành Quả.
3. **Địch Duyên (*Paccanikadhamma*):** tức là Pháp chẳng phải làm thành Quả.

24 hoặc 47 Duyên cùng với Chi Pháp

1. Nhân Duyên (*Hetupaccaya*):

- **Năng Duyên (*Paccaya*):** Chi Pháp tức là Lục Nhân; là Tham, Sân, Si, Vô Tham, Vô Sân, Vô Si.
- **Sở Duyên (*Paccayuppanna*):** Chi Pháp tức là 71 Tâm Hữu Nhân, 52 Tâm Sở (loại trừ Tâm Sở Si phối hợp với 2 Tâm căn Si), 17 Sắc Tâm Hữu Nhân, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục Hữu Nhân.
- **Địch Duyên (*Paccanika*):** Chi Pháp tức là 18 Tâm Vô Nhân, Sắc Tâm Vô Nhân, Sắc Nghiệp Tái Tục Vô Nhân, Sắc Ngoại (*Bāhīrarūpa*), Sắc Quý Tiết, Sắc Vật Thực, Sắc Nghiệp Hữu Tình Vô Tướng, Sắc Nghiệp Chuyển Khởi.

Pháp làm Năng Duyên và Sở Duyên của Nhân Duyên đây cùng câu sinh với nhau, do đó mới được liệt kê vào Giông Câu Sinh (*Sahajātapaccayajāti*), và ở Thời Kỳ Hiện Tại (*Paccuppanakāla*).

2. Cảnh Duyên (*Àrammaṇapaccaya*):

- Năng Duyên: Chi Pháp tức là 89 Tâm, 52 Tâm Sở, 28 Sắc Pháp, Níp Bàn, Chế Định.
- Sở Duyên: Chi Pháp tức là 89 Tâm, 52 Tâm Sở.
- Địch Duyên: Chi Pháp tức là 28 Sắc Pháp, Níp Bàn.

3. **Trưởng Duyên (*Adhipatipaccaya*)**: có hai thể loại, đó là: a/. Câu Sinh Trưởng Duyên (*Sahajàtadhīpatipaccaya*) (*Jà*), b/. Cảnh Trưởng Duyên (*Àrammaṇadhīpatipaccaya*) (*Á*).

a/. Câu Sinh Trưởng Duyên (*Sahajàtadhīpatipaccaya*):

- Năng Duyên: Chi Pháp tức là Tứ Trưởng, là Tâm Sở Dục ở trong 52 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng; Tâm Sở Căn ở trong 52 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng; 52 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng; và Tâm Sở Tuệ Quyền ở trong 34 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng Tam Nhân.
- Sở Duyên: Chi Pháp tức là 52 Tâm Đồng Lực Hữu Trưởng, 51 Tâm Sở (loại trừ Hoài Nghi), 17 Sắc Tâm Hữu Trưởng.
- Địch Duyên: Chi Pháp tức là 63 Tâm Vô Trưởng (*Niradhīpaticitta*) (loại trừ 26 Tâm Đồng Lực Kiên Cố); 52 Tâm Sở, Sắc Tâm Vô Trưởng, Sắc Nghiệp Tái Tục – Chuyển Khởi, Sắc Ngoại, Sắc Quý Tiết, Sắc Vật Thực, Sắc Nghiệp Hữu Tình Vô Trưởng.

b/. Cảnh Trưởng Duyên (*Àrammaṇadhīpatipaccaya*):

- Năng Duyên: Chi Pháp tức là 84 Tâm (loại trừ 2 Tâm căn Sân, 2 Tâm căn Si, 1 Tâm Thân Thức câu hành Khô), 47 Tâm Sở, 18 Sắc Thành Sở Tác Duyệt Ý (*Itṭhanipphannarūpa*), và Níp Bàn.
- Sở Duyên: Chi Pháp tức là 28 Tâm, là 8 Tâm căn Tham, 8 Tâm Đại Thiện, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, 8 Tâm Siêu Thế, 45 Tâm Sở.
- Địch Duyên: Chi Pháp tức là 81 Tâm Hiệp Thế, 52 Tâm Sở, 7 nhóm Sắc Pháp gồm có Sắc Tâm, v.v.

4. **Vô Gian Duyên (*Anantarapaccaya*)**, 5. **Đẳng Vô Gian Duyên (*Samanantarapaccaya*)** [Có chín Duyên gồm: Vô Gian (*Naṃ*), Đẳng Vô Gian (*Sa*), Vô Gian Cận Y (*Anantarū*), Trùng Dụng (*Se*), Dị Thời Nghiệp (*Nà*), Vô Gian Nghiệp (*AnantaraKaṃ*), Thường Cận Y (*Pakatū*), Vô Hữu (*Nat*), Ly Khứ (*Vigata*)]

- Năng Duyên: Chi Pháp tức là 89 Tâm (loại trừ Tâm Tử của Bạc Vô Sinh), 52 Tâm Sở mà sinh trước trước.

- Sở Duyên: Chi Pháp tức là 89 Tâm (luôn cả Tâm Tử của Bạc Vô Sinh), 52 Tâm Sở mà sinh sau sau.
- Địch Duyên: Chi Pháp tức là 7 nhóm Sắc Pháp gồm có Sắc Tâm v.v. [Tâm (**Ci**), Nghiệp (**Kam**), Ngoại (**Bà**), Vật Thực (**Hà**), Quý Tiết (**U**), Vô Tướng (**Sañ**), Chuyển Khởi (**Ti**)]

6. Câu Sinh Duyên (*Sahajàtapaccaya*):

- Năng Duyên: Chi Pháp tức là 89 Tâm, 52 Tâm Sở, 4 Sắc Đại Hiện, 1 Sắc Tâm Cơ Tái Tục (Ý Vật Tái Tục).
- Sở Duyên: Chi Pháp tức là 89 Tâm, 52 Tâm Sở, 28 Sắc Pháp.
- Địch Duyên: Không có Chi Pháp.

7. Hỗ Tương Duyên (*Aññamaññapaccaya*):

- Năng Duyên: Chi Pháp tức là 89 Tâm, 52 Tâm Sở, 4 Sắc Đại Hiện, 1 Sắc Tâm Cơ Tái Tục.
- Sở Duyên: Chi Pháp tức là 89 Tâm, 52 Tâm Sở, 4 Sắc Đại Hiện, 1 Sắc Tâm Cơ Tái Tục.
- Địch Duyên: Chi Pháp tức là 24 Sắc Y Sinh (loại trừ Sắc Tâm Cơ Tái Tục).

8. **Y Chỉ Duyên (*Nissayapaccaya*)** có ba thể loại, đó là: a/. Câu Sinh Y Duyên (*Sahajàtanissayapaccaya*) (**Jà**), b/. Vật Tiền Sinh Y Duyên (*Vatthupurejàtanissayapaccaya*) (**Thu**), c/. Vật Cảnh Tiền Sinh Y Duyên (*Vatthàramanapurjètanissayapaccaya*) (**Thà**).

a/. Câu Sinh Y Duyên (*Sahajàtanissayapaccaya*):

- Năng Duyên: Chi Pháp tức là 89 Tâm, 52 Tâm Sở, 4 Sắc Đại Hiện, 1 Sắc Tâm Cơ Tái Tục.
- Sở Duyên: Chi Pháp tức là 89 Tâm, 52 Tâm Sở, 28 Sắc Pháp.
- Địch Duyên: Không có Chi Pháp.

b/. Vật Tiền Sinh Y Duyên (*Vatthupurejètanissayapaccaya*):

- Năng Duyên: Chi Pháp tức là Lục Sắc Vật sinh trước và vẫn đang còn tồn tại ở thời kỳ đang trụ (*Thìtipatta*) (là Thời Kỳ Hiện Tại).
- Sở Duyên: Chi Pháp tức là 85 Tâm (loại trừ 4 Tâm Dị Thực Quả Vô Sắc Giới), 52 Tâm Sở sinh ở trong Cõi Ngũ Uẩn.
- Địch Duyên: Chi Pháp tức là 46 Tâm, 46 Tâm Sở sinh ở trong Cõi Vô Sắc Giới (46 cái Tâm, là 1 Tâm Khai Ý Môn, 8 Tâm căn Tham, 2 Tâm căn Si, 8 Tâm Đại Thiện, 8 Tâm Đại Duy Tác, 12 Tâm Vô Sắc Giới, 7 Tâm Siêu Thế (loại trừ 1 Tâm Đạo Thất Lai). Nếu sinh ở trong Cõi Vô

Sắc Giới thì chẳng cần phải nương vào Vật khởi sinh; tuy nhiên nếu đã sinh ở trong Cõi Ngũ Uẩn thì tất cần phải nương vào Vật khởi sinh.

c/. Vật Cảnh Tiền Sinh Y Duyên (*Vatthàrammaṇapurejātanissaya paccaya*):

- Năng Duyên: Chi Pháp tức là Sắc Tâm Cơ Cận Tử, là Sắc Tâm Cơ cùng cấu sinh với sát na Sinh (*Upàdanakhaṇa*) của cái Tâm thứ 17 tính đếm thụt lui về sau kể từ Tâm Tử sinh khởi.
- Sở Duyên: Chi Pháp tức là 43 Tâm, 44 Tâm Sở sinh ở trong Lộ Trình Cận Tử; đó là: 1 Tâm Khai Ý Môn, 29 Tâm Đồng Lực Dục Giới, 11 Tâm Na Cảnh, 2 Tâm Thắng Trí, 43 Tâm Sở (loại trừ Tật, Lận, Hối, 3 Ngăn Trừ Phần, 2 Vô Lượng Phần) loại trừ bởi do hữu quan với Cảnh.
- Địch Duyên: Chi Pháp tức là 89 Tâm, 52 Tâm Sở, không có sinh khởi ở trong Lộ Trình Cận Tử; và 7 nhóm Sắc Pháp gồm có Sắc Tâm, v.v.

9. Cận Y Duyên (*Upanissayapaccaya*) có ba thể loại, đó là: a/. Cảnh Cận Y Duyên (*Àrammaṇupanissayapaccaya*) (*À*) (trương tự với Cảnh Trường Duyên), b/. Vô Giá Cận Y Duyên (*Anantarupanissayapaccaya*) (*Nam*), c/. Thường Cận Y Duyên (*Pakatupanissayapaccaya*) (*Pa*).

a/. Cảnh Cận Y Duyên (*Àrammaṇupanissayapaccaya*):

- Năng Duyên: Chi Pháp tức là 84 Tâm (loại trừ 2 Tâm căn Sân, 2 Tâm căn Si, 1 Tâm Thân Thức Thọ Khổ), 47 Tâm Sở (loại trừ Tứ Sân Phần, 1 Hoài Nghi), 18 Sắc Thành Sở Tác Duyệt Ý, Níp Bàn.
- Sở Duyên: Chi Pháp tức là 28 Tâm, là 8 Tâm căn Tham, 8 Tâm Đại Thiện, 4 Tâm Đại Duy Tác Tương Ứng Trí, 8 Tâm Siêu Thế, 45 Tâm Sở (loại trừ Tứ Sân Phần, 1 Hoài Nghi, 2 Vô Lượng Phần).
- Địch Duyên: Chi Pháp tức là 81 Tâm Hiệp Thế, 52 Tâm Sở, 7 nhóm Sắc Pháp gồm có Sắc Tâm, v.v.

b/. Vô Giá Cận Y Duyên (*Anantarupanissayapaccaya*):

- Năng Duyên: Chi Pháp tức là 89 Tâm, 52 Tâm Sở sinh trước trước (loại trừ Tâm Tử của Bạc Vô Sinh).
- Sở Duyên: Chi Pháp tức là 89 Tâm, 52 Tâm Sở sinh sau sau, và Tâm Tử của Bạc Vô Sinh.
- Địch Duyên: Chi Pháp tức là 7 nhóm Sắc Pháp gồm có Sắc Tâm, v.v.

c/. Thường Cận Y Duyên (*Pakatupanissayapaccaya*):

- Năng Duyên: Chi Pháp tức là 89 Tâm, 52 Tâm Sở, 28 Sắc Pháp hiện hành ở trong cả Tam Thời Kỳ và Ngoại Thời (*Kàlavimutti*); một vài

Pháp Chế Định như có Nghĩa Lý Chế Định v.v. hoặc 89 Tâm, 52 Tâm Sở đang có nhiều năng lực và sinh trước trước.

- Sở Duyên: Chi Pháp tức là 89 Tâm, 52 Tâm Sở sinh khởi ở trong Thời Kỳ Hiện Tại; hoặc 89 Tâm, 52 Tâm Sở sinh sau sau.
- Địch Duyên: Chi Pháp tức là 7 nhóm Sắc Pháp gồm có Sắc Tâm, v.v.

10. Tiền Sinh Duyên (*Purejātapaccaya*) có hai thể loại, đó là: a/. Vật Tiền Sinh Duyên (*Vatthupurejātapaccaya*) (*Thu*); b/. Cảnh Tiền Sinh Duyên (*Àrammaṇapurejātapaccaya*) (*Ả*).

a/. Vật Tiền Sinh Duyên (*Vatthupurejātapaccaya*):

- Năng Duyên: Chi Pháp tức là Lục Sắc Vật sinh trước và vẫn đang còn tồn tại (là Thời Kỳ Hiện Tại).
- Sở Duyên: Chi Pháp tức là 85 Tâm (loại trừ 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới), 52 Tâm Sở sinh ở trong Cõi Ngũ Uẩn.
- Địch Duyên: Chi Pháp tức là 46 Tâm, 46 Tâm Sở sinh ở trong Cõi Vô Sắc Giới.

b/. Cảnh Tiền Sinh Duyên (*Àrammaṇapurejātapaccaya*):

- Năng Duyên: Chi Pháp tức là 18 Sắc Thành Sở Tác Hiện Tại (*Paccayuppannanipphannarūpa*) sinh trước.
- Sở Duyên: Chi Pháp tức là 54 Tâm Dục Giới, 2 Tâm Thắng Trí, 50 Tâm Sở (loại trừ 2 Vô Lượng Phân).
- Địch Duyên: Chi Pháp tức là 76 Tâm (loại trừ 10 Ngũ Song Thức, 3 Tâm Ý Giới), 52 Tâm Sở, và 7 nhóm Sắc Pháp gồm có Sắc Tâm, v.v.

11. Hậu Sinh Duyên (*Pacchājātapaccaya*):

- Năng Duyên: Chi Pháp tức là 85 Tâm (loại trừ 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới và tất cả Tâm Tái Tục), 52 Tâm Sở sinh sau sau ở trong Cõi Ngũ Uẩn.
- Sở Duyên: Chi Pháp tức là Sát na Trụ của Tứ Sắc Xuất Sinh Xứ, đó là sát na Trụ của Sắc sinh khởi từ ở nơi cả Tứ Xuất Sinh Xứ gồm có Nghiệp Xuất Sinh Xứ, v.v. sinh trước.
- Địch Duyên: Chi Pháp tức là 89 Tâm, 52 Tâm Sở ở cả trong Thời Kỳ Tái Tục và Thời Kỳ Chuyển Khởi; sát na Sinh của cả 5 nhóm Sắc Pháp gồm có Sắc Tâm, Sắc Nghiệp Tái Tục, Sắc Vật Thực, Sắc Quý Tiết, Sắc Nghiệp Chuyển Khởi, và Sắc Ngoại, Sắc Nghiệp Hữu Tình Vô Tướng.

12. Trùng Dục Duyên (*Àsevanapaccaya*):

- Năng Duyên: Chi Pháp tức là 47 Tâm Đồng Lực Hiệp Thế, 52 Tâm Sở sinh trước trước, loại trừ cái Tâm Đồng Lực cuối cùng (*Antimajavana – Đồng Lực Tân Cùng*).
- Sở Duyên: Chi Pháp tức là 51 Tâm Đồng Lực (loại trừ 4 Tâm Quả), 52 Tâm Sở [loại trừ 29 Tâm Đồng Lực Dục Giới tiên khởi (*Kāmapaṭhama javana*)] sinh sau sau (loại trừ 4 Tâm Quả bởi do không cùng một Chủng Loại (*Jāti*) với Tâm Đạo).
- Địch Duyên: Chi Pháp tức là 29 Tâm Đồng Lực Dục Giới tiên khởi, 2 Tâm Khai Môn, 36 Tâm Dị Thục Quả, 52 Tâm Sở và 7 nhóm Sắc Pháp gồm có Sắc Tâm, v.v.

Lời nói rằng **Trùng Dục (*Āsevana*)** dịch nghĩa là “*thụ hưởng hoài hoài*”, có nghĩa là “*thụ hưởng Cảnh hoài hoài*”. Pháp làm chức năng cho thụ hưởng Cảnh hoài hoài đây, đích thị chính là Tâm Đồng Lực ấy vậy. Lại nữa, Tâm Đồng Lực sẽ làm được chức năng Trùng Dục Duyên, thì cần phải được kết hợp với ba trường hợp, đó là:

1. Phải là Tâm Đồng Lực có cùng chung một Chủng Loại (*Jāti*) với nhau (sinh trong cùng một Lộ Trình Tâm với nhau).
2. Phải sinh trùng lặp với nhau ít nhất 4 – 5 lần.
3. Không phải là Tâm Dị Thục Quả.

12. Nghiệp Lực Duyên (*Kammapaccaya*) có hai thể loại, đó là: a/. Câu Sinh Nghiệp Duyên (*Sahajātakammapaccaya*) (*Jà*), b/. Dị Thời Nghiệp Duyên (*Nānakkhaṇīkammapaccaya*) (*Nà*).

a/. Câu Sinh Nghiệp Duyên (*Sahajātakammapaccaya*):

- Năng Duyên: Chi Pháp tức là Tư Tác Ý ở trong 89 Tâm (lập ý lấy Tư Tác Ý hiện hữu ở trong từng mỗi cái Tâm).
- Sở Duyên: Chi Pháp tức là 89 Tâm, 51 Tâm Sở (loại trừ Tâm Sở Tư Tác Ý), 17 Sắc Tâm, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục.
- Địch Duyên: Chi Pháp tức là Tâm Sở Tư Tác Ý, và 5 nhóm Sắc Pháp còn lại gồm có Sắc Ngoại, v.v.

b/. Dị Thời Nghiệp Duyên (*Nānakkhaṇīkammapaccaya*) (lập ý lấy Tư Tác Ý hiện hữu ở trong cái Tâm khác biệt sát na với nhau)

- Năng Duyên: Chi Pháp tức là: **1/.** 17 Tư Tác Ý Thiện Hiệp Thế, 12 Tư Tác Ý Bất Thiện đã diệt mất đi rồi; **2/.** Tư Tác Ý ở trong 4 Tâm Đạo đã diệt mất đi rồi.
- Sở Duyên: Chi Pháp tức là: **1/.** 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế, 35 Tâm Sở, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục – Chuyển Khởi, 9 Sắc Nghiệp Hữu Tình Vô

Tương; 2/. 4 Tâm Quả, 36 Tâm Sở sinh ở trong Lộ Trình Nhập Thiên Quả (*Sampattivithi*) (lập ý lấy Tâm khác biệt sát na với nhau).

- Địch Duyên: Chi Pháp tức là 21 Tâm Thiện, 12 Tâm Bất Thiện, 20 Tâm Duy Tác, 4 Tâm Quả ở trong Lộ Trình Đắc Đạo; kết hợp lại thành 57 Tâm, 52 Tâm Sở, 4 nhóm Sắc Pháp còn lại gồm có Sắc Tâm, Sắc Ngoại, Sắc Vật Thực, và Sắc Quý Tiết.

14. Dị Thục Quả Duyên (*Vipàkapaccaya*):

- Năng Duyên: Chi Pháp tức là 36 Tâm Dị Thục Quả, 38 Tâm Sở.
- Sở Duyên: Chi Pháp tức là 36 Tâm Dị Thục Quả, 38 Tâm Sở, 15 Sắc Tâm, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục.
- Địch Duyên: Chi Pháp tức là 21 Tâm Thiện, 12 Tâm Bất Thiện, 20 Tâm Duy Tác, 52 Tâm Sở, 7 nhóm Sắc Pháp gồm có Sắc Tâm, v.v. cùng cấu sinh với 53 cái Tâm đã vừa đề cập đến, v.v.

15. Vật Thục Duyên (*Àhàrapaccaya*) có hai thể loại, đó là: a/. Sắc Vật Thục Duyên (*Rùpàhàrapaccaya*) (*Rùpa*), b/. Danh Vật Thục Duyên (*Nàmàhàrapaccaya*) (*Nàma*).

a/. Sắc Vật Thục Duyên (*Rùpàhàrapaccaya*):

- Năng Duyên: Chi Pháp tức là: (Phương thức thứ I) Bồ Phẩm Ngoại Phần (*Bahiddhaojà*), (Phương thức thứ II) Bồ Phẩm Nội Phần (*Ajjhattaojà*) tức là Nghiệp Bồ Phẩm (*Kammajaojà*), Tâm Bồ Phẩm (*Cittajaojà*), Quý Tiết Bồ Phẩm (*Utujaojà*), Vật Thục Bồ Phẩm (*Àhàrajaojà*) ở trong cả Tứ Tổng Hợp, và Bồ Phẩm Ngoại Phần.
- Sở Duyên: Chi Pháp tức là (Phương thức thứ I) 12 Sắc Vật Thục Xuất Sinh Xứ; (Phương thức thứ II) Tứ Sắc Xuất Sinh Xứ (loại trừ Bồ Phẩm ở trong cùng một Tổng Hợp với Năng Duyên), và tất cả Tứ Sắc Xuất Sinh Xứ.
- Địch Duyên: Chi Pháp tức là (Phương thức thứ I) 89 Tâm, 52 Tâm Sở phối hợp với 6 nhóm Sắc Pháp còn lại từ ở nơi Sở Duyên; (Phương thức thứ II) 89 Tâm, 52 Tâm Sở, và Sắc Ngoại.

b/. Danh Vật Thục Duyên (*Nàmàhàrapaccaya*):

- Năng Duyên: Chi Pháp tức là 3 Danh Vật Thục, đó là Tâm Sở Xúc ở trong 89 Tâm (Xúc Vật Thục – *Phassàhàra*), Tâm Sở Tư Tác Ý ở trong 89 Tâm (Ý Tư Vật Thục – *Manosañcetanàhàra*), và 89 Tâm (Thức Vật Thục - *Viññàhàra*).
- Sở Duyên: Chi Pháp tức là 89 Tâm, 52 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục.

- Địch Duyên: Chi Pháp tức là 5 nhóm Sắc Pháp còn lại, gồm có Sắc Ngoại, v.v.

16. Quyền Lực Duyên (*Indriyapaccaya*) có ba thể loại, đó là: a/. Câu Sinh Quyền Duyên (*Sahajàtindriyapaccaya*) (*Jà*), b/. Vật Tiền Sinh Quyền Duyên (*Vatthupurejātindriyapaccaya*) (*Pu*), c/. Sắc Mạng Quyền Duyên (*Rùpa jīvitindriyapaccaya*) (*Rùpajī*).

a/. Câu Sinh Quyền Duyên (*Sahajàtindriyapaccaya*):

- Năng Duyên: Chi Pháp tức là 8 Chi Pháp Danh Quyền, đó là: Mạng Quyền, Ý Quyền, Thọ Quyền, Tín Quyền, Tấn Quyền, Niệm Quyền, Định Quyền, và Tuệ Quyền.
- Sở Duyên: Chi Pháp tức là 89 Tâm, 52 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục.
- Địch Duyên: Chi Pháp tức là 5 nhóm Sắc Pháp còn lại [Ngoại (*Bà*), Vật Thực (*Hà*), Quý Tiết (*U*), Vô Tướng (*Sañ*), Chuyển Khởi (*Ti*)]

b/. Vật Tiền Sinh Quyền Duyên (*Vatthupurejātindriyapaccaya*):

- Năng Duyên: Chi Pháp tức là Ngũ Sắc Thanh Triệt Trung Thọ (*Majjhimamàyukapasàdarūpa*) cùng câu sinh với Tâm Hữu Phần Quá Khứ, rồi trú tại ở trong sát na sát na Trụ.
- Sở Duyên: Chi Pháp tức là 10 Tâm Ngũ Song Thức, 7 Tâm Sở.
- Địch Duyên: Chi Pháp tức là 79 Tâm (loại trừ 10 Ngũ Song Thức), 52 Tâm Sở, 7 nhóm Sắc Pháp.

c/. Sắc Mạng Quyền Duyên (*Rùpajīvitindriyapaccaya*):

- Năng Duyên: Chi Pháp tức là Sắc Mạng Quyền sinh ở trong Thời Kỳ Tái Tục và Thời Kỳ Chuyển Khởi.
- Sở Duyên: Chi Pháp tức là 8 hoặc 9 Sắc Nghiệp còn lại hiện hữu ở trong cùng một Tổng Hợp với Năng Duyên.
- Địch Duyên: Chi Pháp tức là 89 Tâm, 52 Tâm Sở, Sắc Tâm, Sắc Ngoại, Sắc Vật Thực, Sắc Quý Tiết, và Sắc Mạng Quyền hiện hữu ở trong tất cả Tổng Hợp Sắc Nghiệp.

17. Thiên Na Duyên (*Jhānapaccaya*):

- Năng Duyên: Chi Pháp tức là Thất Chi Thiên, đó là: Tầm, Tứ, Hỷ (*Pīti*), Hỷ Thọ, Ưu Thọ, Xả, Nhất Thống.
- Sở Duyên: Chi Pháp tức là 79 Tâm (loại trừ 10 Ngũ Song Thức), 52 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục.

- Địch Duyên: Chi Pháp tức là 10 Ngũ Song Thức, 7 Tâm Sở, và 5 nhóm Sắc Pháp đó là Ngoại (**Bà**), Vật Thực (**Hà**), Quý Tiết (**U**), Vô Tướng (**Asañ**), Chuyển Khởi (**Ti**).

18. Đồ Đạo Duyên (*Maggapaccaya*):

- Năng Duyên: Chi Pháp tức là Cửu Chi Đạo, đó là: Tuệ, Tâm, 3 Ngã Trừ Phần, Tấn, Niệm, Nhất Thống, và Tà Kiến.
- Sở Duyên: Chi Pháp tức là 71 Tâm Hữu Nhân, 52 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm Hữu Nhân, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục Hữu Nhân.
- Địch Duyên: Chi Pháp tức là 18 Tâm Vô Nhân, 12 Tâm Sở, 17 Sắc Tâm Vô Nhân, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục Vô Nhân, và 5 nhóm Sắc Pháp đó là Ngoại (**Bà**), Vật Thực (**Hà**), Quý Tiết (**U**), Vô Tướng (**Asañ**), Chuyển Khởi (**Ti**).

19. Tương Ứng Duyên (*Sampayuttapaccaya*):

- Năng Duyên: Chi Pháp tức là 89 Tâm, 52 Tâm Sở.
- Sở Duyên: Chi Pháp tức là 89 Tâm, 52 Tâm Sở.
- Địch Duyên: Chi Pháp tức là 7 nhóm Sắc Pháp gồm có Sắc Tâm v.v. [Tâm (**Ci**), Nghiệp (**Kam**), Ngoại (**Bà**), Vật Thực (**Hà**), Quý Tiết (**U**), Vô Tướng (**Sañ**), Chuyển Khởi (**Ti**)]

20. Bất Tương Ứng Duyên (*Vippayuttapaccaya*) có bốn thể loại, đó là: a/. Câu Sinh Bất Tương Ứng Duyên (*Sahajàtavippayuttapaccaya*) (**Jà**), b/. Vật Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên (*Vatthupurejàtavippayuttapaccaya*) (**Thu**), c/. Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên (*Vatthàrammaṇapurejàtavippayuttapaccaya*) (**Thà**), d/. Hậu Sinh Bất Tương Ứng Duyên (*Pacchàjavippayuttapaccaya*) (**Chà**).

a/. Câu Sinh Bất Tương Ứng Duyên (*Sahajàtavippayuttapaccaya*):

- Năng Duyên: Chi Pháp tức là 75 Tâm, 52 Tâm Sở, 1 Sắc Tâm Cơ (Ý Vật) Tái Tục.
- Sở Duyên: Chi Pháp tức là 17 Sắc Tâm, 20 Sắc Nghiệp Tái Tục, và 15 Tâm Tái Tục Ngũ Uẩn, 35 Tâm Sở.
- Địch Duyên: Chi Pháp tức là 89 Tâm (loại trừ 15 Tâm Tái Tục Ngũ Uẩn, 35 Tâm Sở, và 5 nhóm Sắc Pháp đó là Ngoại (**Bà**), Vật Thực (**Hà**), Quý Tiết (**U**), Vô Tướng (**Sañ**), Chuyển Khởi (**Ti**)).

Câu Sinh Bất Tương Ứng Duyên với Pháp Năng Duyên và Pháp Sở Duyên thì cùng câu sinh với nhau, nhưng lại không phối hợp với nhau.

b/. Vật Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên (*Vatthupurejātavippayutta paccaya*):

- Năng Duyên: Chi Pháp tức là Lục Sắc Vật sinh trước, đó là Ngũ Sắc Thanh Triệt Trung Thọ, và Sắc Tâm Cơ (Ý Vật) sinh trước rồi trú tại.
- Sở Duyên: Chi Pháp tức là 85 Tâm (loại trừ 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới), 52 Tâm Sở sinh khởi bởi do nương vào những Lục Sắc Vật ấy.
- Địch Duyên: Chi Pháp tức là 46 Tâm, 46 Tâm Sở sinh ở trong Cõi Vô Sắc Giới, và 7 nhóm Sắc Pháp.

Sự hiện hành của Vật Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên đây, thì cũng tương tự với Vật Tiền Sinh Ý Duyên, hoặc Vật Tiền Sinh Duyên với mọi trường hợp.

c/. Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên (*Vatthārammaṇapurejāta vippayuttapaccaya*):

- Năng Duyên: Chi Pháp tức là Sắc Tâm Cơ (Ý Vật) Cận Tử, đó là là Sắc Tâm Cơ cùng câu sinh với sát na Sinh (*Upādanakhaṇa*) của cái Tâm thứ 17 tính đếm thụt lui về sau kể từ Tâm Tử sinh khởi.
- Sở Duyên: Chi Pháp tức là 43 Tâm, 44 Tâm Sở sinh ở trong Lộ Trình Cận Tử.
- Địch Duyên: Chi Pháp tức là 89 Tâm, 52 Tâm Sở ở trong sát na chẳng phải làm thành Pháp Sở Duyên, và 7 nhóm Sắc Pháp.

Sự hiện hành của Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên đây, thì cũng tương tự với Vật Cảnh Tiền Sinh Duyên với mọi trường hợp.

d/. Hậu Sinh Bất Tương Ứng Duyên (*Pacchājātavippayuttapaccaya*):

- Năng Duyên: Chi Pháp tức là 85 Tâm (loại trừ 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới), 52 Tâm Sở sinh ở phía đằng sau.
- Sở Duyên: Chi Pháp tức là Sát na Trụ của Tứ Sắc Xuất Sinh Xứ.
- Địch Duyên: Chi Pháp tức là 89 Tâm, 52 Tâm Sở, sát na Trụ của 5 nhóm Sắc Pháp đó là Tâm (*Ci*), Nghiệp (*Kam*), Vật Thục (*Hà*), Quý Tiết (*U*), Chuyển Khởi (*Ti*), và Sắc Ngoại, Sắc Nghiệp Hữu Tình Vô Tướng.

Sự hiện hành của Hậu Sinh Bất Tương Ứng Duyên đây, thì cũng tương tự với Hậu Sinh Duyên với mọi trường hợp.

21. Hiện Hữu Duyên (*Atthipaccaya*) có sáu thể loại, đó là: a/. Câu Sinh Hiện Hữu Duyên (*Sahajāttathipaccaya*) (*Jà*), b/. Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên (*Àrammaṇapurejāttathipaccaya*) (*À*), c/. Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên (*Vatthupurejāttathipaccaya*) (*Thu*), d/. Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên (*Pacchājāttathipaccaya*) (*Chà*), e/. Vật Thục Hiện Hữu Duyên (*Àhàratthipaccaya*) (*Hà*), f/. Quyền Hiện Hữu Duyên (*Indriyatthipaccaya*) (*In*).

a/. Câu Sinh Hiện Hữu Duyên (*Sahajàttathipaccaya*):

- Năng Duyên: Chi Pháp tức là 89 Tâm, 52 Tâm Sở, 4 Sắc Đại Hiện, và 15 Tâm Tái Tục Ngũ Uẩn, 35 Tâm Sở.
- Sở Duyên: Chi Pháp tức là 89 Tâm, 52 Tâm Sở, 28 Sắc Pháp.
- Địch Duyên: Không có Chi Pháp.

Sự hiện hành của Câu Sinh Hiện Hữu Duyên đây, thì cũng tương tự với Câu Sinh Duyên với mọi trường hợp.

b/. Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên (*Àrammaṇapurejàttathipaccaya*):

- Năng Duyên: Chi Pháp tức là 18 Sắc Thành Sở Tác Hiện Tại.
- Sở Duyên: Chi Pháp tức là 54 Tâm Dục Giới, 2 Tâm Thắng Trí, 50 Tâm Sở (loại trừ 2 Vô Lượng Phần).
- Địch Duyên: Chi Pháp tức là 76 Tâm (loại trừ 10 Ngũ Song Thức, 3 Tâm Ý Giới), 52 Tâm Sở, và 7 nhóm Sắc Pháp.

Sự hiện hành của Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên đây, thì cũng tương tự với Cảnh Tiền Sinh Duyên với mọi trường hợp.

c/. Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên (*Vatthupurejàttathipaccaya*):

- Năng Duyên: Chi Pháp tức là Ngũ Sắc Thanh Triệt Trung Thọ, và Sắc Tâm Cơ (Ý Vật) sinh trước rồi trú tại.
- Sở Duyên: Chi Pháp tức là 85 Tâm (loại trừ 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới), 52 Tâm Sở.
- Địch Duyên: Chi Pháp tức là 46 Tâm, 46 Tâm Sở sinh ở trong Cõi Vô Sắc Giới, và 7 nhóm Sắc Pháp.

Sự hiện hành của Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên đây, thì cũng tương tự với Vật Tiền Sinh Duyên với mọi trường hợp.

d/. Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên (*Pacchajàttathipaccaya*):

- Năng Duyên: Chi Pháp tức là 85 Tâm (loại trừ 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới), 52 Tâm Sở sinh sau sau.
- Sở Duyên: Chi Pháp tức là Sát na Trụ của Tứ Sắc Xuất Sinh Xứ.
- Địch Duyên: Chi Pháp tức là 89 Tâm, 52 Tâm Sở, sát na Sinh của 7 nhóm Sắc Pháp.

e/. Vật Thục Hiện Hữu Duyên (*Àhàratthipaccaya*):

- Năng Duyên: Chi Pháp tức là Bỏ Phẩm Ngoại Phần hoặc Bỏ Phẩm Nội Phần ở trong Tứ Sắc Xuất Sinh Xứ.

- Sở Duyên: Chi Pháp tức là 2 Tổng Hợp Vật Thực hoặc Tứ Sắc Xuất Sinh Xứ ở trong cùng một Tổng Hợp với Năng Duyên (loại trừ sát na Bồ Phảm làm thành Năng Duyên).
- Địch Duyên: Chi Pháp tức là 89 Tâm, 52 Tâm Sở, Sắc Ngoại và Sắc Nghiệp Hữu Tình Vô Tướng; hoặc 89 Tâm, 52 Tâm Sở, Sắc Ngoại nương theo đàng sau.

Sự hiện hành của Vật Thực Hiện Hữu Duyên đây, thì cũng tương tự với Sắc Vật Thực Duyên với mọi trường hợp.

f/. Quyền Hiện Hữu Duyên (*Indriyatthipaccaya*):

- Năng Duyên: Chi Pháp tức là Sắc Mạng Quyền.
- Sở Duyên: Chi Pháp tức là 8 hoặc 9 Tổng Hợp Nghiệp sinh ở trong cùng một Tổng Hợp với Năng Duyên (loại trừ tự chính mình làm thành Năng Duyên).
- Địch Duyên: Chi Pháp tức là 89 Tâm, 52 Tâm Sở, và 4 nhóm Sắc Pháp đó là Tâm (*Ci*), Ngoại (*Bà*), Vật Thực (*Hà*), Quý Tiết (*U*), và Sắc Mạng Quyền ở trong tất cả Tổng Hợp Nghiệp.

Sự hiện hành của Quyền Hiện Hữu Duyên đây, thì cũng tương tự với Sắc Mạng Quyền Duyên với mọi trường hợp.

22. Vô Hữu Duyên (*Natthipaccaya*):

- Năng Duyên: Chi Pháp tức là 89 Tâm, 52 Tâm Sở đã diệt mất đi rồi (loại trừ Tâm Tử của Bạc Vô Sinh).
- Sở Duyên: Chi Pháp tức là 89 Tâm, 52 Tâm Sở sinh khởi theo sau từ ở nơi Năng Duyên đã diệt mất đi rồi một cách không có khoảng cách xen kẽ giữa, và Tâm Tử của Bạc Vô Sinh.
- Địch Duyên: Chi Pháp tức là 7 nhóm Sắc Pháp gồm có Sắc Tâm, v.v.

23. Ly Khứ Duyên (*Vigatapaccaya*): Chi Pháp cũng tương tự với Vô Hữu Duyên với mọi trường hợp.

24. Bất Ly Duyên (*Avigatapaccaya*): có sáu thể loại (cũng tương tự với Hiện Hữu Duyên).

24 Duyên (Theo Giải Lược) Hoặc 47 Duyên (Một Cách Mãn Túc)

1. Nhân Duyên có 1.
2. Cảnh Duyên có 1.
3. Trường Duyên có 2, đó là: Câu Sinh (*Jà*), Cảnh (*À*).
4. Vô Giác Duyên có 1.

5. Đẳng Vô Gian Duyên có 1.
6. Câu Sinh Duyên có 1.
7. Hồ Tương Duyên có 1.
8. Y Chỉ Duyên có 3, đó là Câu Sinh (*Jà*), Vật (*Thu*), Vật Cảnh (*Thà*).
9. Cận Y Duyên có 3, đó là Cảnh (*À*), Vô Gian (*Nam*), Thường (*Pa*).
10. Tiền Sinh Duyên có 2, đó là Vật (*Thu*), Cảnh (*À*).
11. Hậu Sinh Duyên có 1.
12. Trùng Dụng Duyên có 1.
13. Nghiệp Lực Duyên có 2, đó là Câu Sinh (*Jà*), Dị Thời (*Nà*).
14. Dị Thực Quả Duyên có 1.
15. Vật Thực Duyên có 2, đó là Danh (*Nàma*), Sắc (*Rùpa*).
16. Quyền Lực Duyên có 3, đó là Câu Sinh (*Jà*), Tiền Sinh (*Pu*), Mạng Quyền (*Ji*).
17. Thiên Na Duyên có 1.
18. Đồ Đạo Duyên có 1.
19. Tương Ứng Duyên có 1.
20. Bất Tương Ứng Duyên có 4, đó là Câu Sinh (*Jà*), Vật (*Thu*), Vật Cảnh (*Thà*), Hậu Sinh (*Chà*).
21. Hiện Hữu Duyên có 6, đó là Câu Sinh (*Jà*), Vật (*Thu*), Cảnh (*À*), Hậu Sinh (*Chà*), Vật Thực (*Hà*), Quyền (*In*).
22. Vô Hữu Duyên có 1.
23. Ly Khứ Duyên có 1.
24. Bất Ly Duyên có 6, (cũng tương tự với Hiện Hữu Duyên)

**Khi Trình Bày Một Cách Mãn Túc Ở Trong 24 Duyên
Thì Hiện Hữu 10 Duyên, đó là:**

1. Trưởng Duyên có 2 Duyên, đó là Câu Sinh (*Jà*), Cảnh (*À*):
 1. Câu Sinh Trưởng Duyên,
 2. Cảnh Trưởng Duyên.
2. Y Chỉ Duyên có 3 Duyên, đó là Câu Sinh (*Jà*), Vật (*Thu*), Vật Cảnh (*Thà*).
 1. Câu Sinh Y Duyên,
 2. Vật Tiền Sinh Y Duyên,
 3. Vật Cảnh Tiền Sinh Y Duyên.
- 3.

-----00000-----

VẤN VÀ ĐÁP TRONG CHƯƠNG THỨ TÁM VẤN VÀ ĐÁP TRONG LIÊN QUAN TƯƠNG SINH

(Câu hỏi có văn tự **A.** ở phía trước ấy là câu hỏi dành cho Bạc Giáo Thọ; còn câu hỏi không có văn tự **A.** ở phía trước ấy là câu hỏi dành cho tất cả mọi người.)

1/. **Hỏi:** *Hãy vẽ họa đồ trình bày đến việc phân tích Pháp Liên Quan Tương Sinh thể theo Chi Pháp và Thời Kỳ, v.v.*

2/. **Hỏi:** *Hãy vẽ họa đồ trình bày đến Tam Thời Kỳ, Thập Nhị Chi Phần, 20 Hành Tướng, Tam Liên Kết, Tứ Tóm Lược, Tam Luân Hồi, Nhị Căn Nguyên, và Nhị Luân Xa.*

3/. **Hỏi:** *Hãy vẽ họa đồ trình bày đến Tiên Hữu Luân.*

4/. **Hỏi:** *Hãy vẽ họa đồ trình bày đến Hậu Hữu Luân.*

5/. **Hỏi:** *Tại làm sao Chương thứ Tám này được gọi tên là **Tổng Hợp Phân Tích Duyên Hệ**, và cho trình bày Nhân Quả trong sự việc Ngài Giáo Thọ Anuruddha trình bày đến các Pháp Chế Định để chung trong Chương này; luôn cả xin dịch nghĩa Kệ Ngôn Thệ Nguyên của Ngài Giáo Thọ Anuruddha có “**Yesam saṅkhata dhammānaṃ**” v.v.*

Đáp: Chương thứ Tám đã được gọi tên là **Tổng Hợp Phân Tích Duyên Hệ (Paccayasāṅgahavibhāgo)** đấy, là cũng do bởi Ngài Giáo Thọ Anuruddha đã trình bày tập hợp hết tất cả các Pháp làm thành Năng Duyên và Sở Duyên thể theo từ ở nơi *Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh (Paṭīccasamuppāda)* và từ ở nơi *Phương Pháp Phát Thú (Paṭṭhāna)* hiện hữu ở trong Chương này; chính vì thế Chương này mới được gọi tên là **Tổng Hợp Phân Tích Duyên Hệ**.

+ Lại nữa, tất cả Pháp làm thành Năng Duyên đã có trình bày ở trong Liên Quan Tương Sinh đây, thì đều toàn là *Pháp Siêu Lý (Paramattha)* và chẳng có *Pháp Chế Định (Paññatti)* nào pha trộn lẫn vào được. Còn Pháp làm thành Năng Duyên đã có trình bày ở trong Phát Thú đấy, thì có cả Siêu Lý và Chế Định. Với lý do này, mà Ngài Giáo Thọ Anuruddha mới trình bày các Pháp Chế Định và đã đặt để ở trong phần cuối cùng của Chương thứ Tám này.

+ Dịch nghĩa Kệ Ngôn Thệ Nguyên của Ngài Giáo Thọ Anuruddha ấy là:

**“Yesam saṅkhatadhammānaṃ Ye dhammāpaccayā yathā
Taṃ vibhāgami hedāni Pavakkhāmi yathārahaṃ”.**

“Nay, Tôi sẽ giảng một cách tỷ mỉ ở nơi đây, một cách thích hợp, về như thế nào một Pháp liên hệ với một Pháp khác ở trong Thế Giới Hữu Vi”.

6/. **Hỏi:** *Hãy trình bày ý nghĩa của từ ngữ nói rằng “**Paccaya**”(Năng Duyên) với “**Paccayuppanna**” (Sở Duyên); và Pháp làm được Năng Duyên nhưng không làm được Sở Duyên bao gồm những Pháp chi ?*

Đáp: Từ ngữ *Paccaya* hoặc là Năng Duyên, có được ý nghĩa làm thành tác nhân của quả báo liên quan với các tác nhân ấy.

Từ ngữ *Paccayuppanna* hoặc là Sở Duyên, có được ý nghĩa làm thành quả báo sinh khởi bởi do nương vào các Pháp làm thành tác nhân ấy.

Tóm lại, **Năng Duyên** tức là **Pháp làm thành Nhân**, và **Sở Duyên** tức là **Pháp làm thành Quả**.

Có hai thể loại Pháp, ấy là Pháp Níp Bàn với Pháp Chế Định, làm được Năng Duyên nhưng không làm được Sở Duyên.

7/. Hỏi: *Hãy giải thích trong Kế Ngôn Thệ Nguyên một cách tỷ mỉ chi tiết.*

Đáp: Trong kế ngôn chỗ nói rằng **“*Yesam saṅkhatadhammaṇaṃ* v.v. cho đến *pavakkhāmi yathārahaṃ*”**, Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* đã trình bày lên sự việc nói ra lời mở đầu, luôn cả có việc thệ nguyện hoàn thành với lời thệ nguyện của Ngài, ấy là: *“Bây giờ, Bản Đạo sẽ trình bày đến việc phân tích Pháp làm thành Năng Duyên (Paccaya) giúp đỡ ủng hộ đối với những thể loại Pháp Sở Duyên (Paccayuppanna) nào, tức là Pháp Hữu Vi với những hành trạng khác biệt nhau, như có mãnh lực từ ở nơi Nhân (Hetusatti), và mãnh lực từ ở nơi Cảnh (Ārammaṇasatti), v.v. thuận theo điều kiện thích hợp ở trong Tổng Hợp Duyên Hệ (Paccayaṅgaha), như tiếp theo đây.”*

Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* đã trình bày Pháp Sở Duyên bằng cách sử dụng từ ngữ nói rằng **“*Yesam saṅkhatadhammaṇaṃ*”** có ý nghĩa là *“Pháp làm thành Sở Duyên thiết yếu một cách đơn nhất phải là Pháp Hữu Vi”*, và cần nên hiểu biết là như vậy, cũng bởi vì Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* đã không có trình bày nói rằng **“*Yesam dhammaṇaṃ*”** và lại Ngài đã không có trình bày từ ngữ **“*dhammaṇaṃ*”**. Một cách đặc biệt, bằng cách đã dùng lấy từ ngữ **“*Saṅkhata*”** cho kết hợp vào; và Pháp Hữu Vi ấy bao gồm có Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp đã bị tạo tác do bởi các tác nhân, như có Nghiệp, Tâm, Quý Tiết, Vật Thực, và Cảnh.

Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* đã trình bày Pháp Năng Duyên bằng cách sử dụng từ ngữ nói rằng **“*Ye dhammā*”** có ý nghĩa là *“Pháp làm thành Năng Duyên thì thường bao gồm hết tất cả Pháp Hữu Vi, Pháp Vô Vi, và Pháp Chế Định bất hạn định”*, và cần nên hiểu biết là như vậy, cũng bởi vì Ngài đã mặc nhiên trình bày nói rằng **“*Ye dhammā*”** và không có từ ngữ nào khác vào kết hợp ở nơi ấy vậy.

Ngài Giáo Thọ *Anuruddha* đã trình bày đến **Mãnh Lực Duyên (Paccaya satti)**, tức là các mãnh lực đặc biệt ở trong việc giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Sở Duyên của 24 Duyên, như có **Mãnh Lực Nhân (Hetusatti)**, **Mãnh Lực Cảnh (Ārammaṇasatti)** v.v. bằng cách sử dụng từ ngữ **“*Yathā*”** mà đã có trình bày câu Chú Giải nói rằng: **“*Yena àkārena = Yathā*”** có ý nghĩa là *“với những hành trạng khác biệt nhau, như có Mãnh Lực Nhân (Hetusatti), v.v.”*

8/. **Hỏi:** Tổng Hợp Duyên Hệ đây có được mấy Phương Pháp, là những Phương Pháp chi ? Và hãy trình bày đến sự khác biệt giữa các Phương Pháp ấy (không cần phải nêu câu Chú Giải).

Đáp: Kể từ phần Pàli chỗ nói rằng “*Paṭiccasamuppàdanayo, paṭṭhànanayo ceti paccayaṅgaho duvidho veditabbo*”- “Sự hữu quan ở trong Tổng Hợp Duyên Hệ ấy cần được hiểu theo hai phương pháp: Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh và Phương Pháp Phát Thú”; là việc trình bày cho được biết rằng ở trong Tổng Hợp Duyên Hệ đây hiện hữu hai Phương Pháp hiệp trợ, đó là một Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh và một Phương Pháp Phát Thú.

Kể từ phần Pàli chỗ nói rằng “*Tattha tabbhàvabhàvibhàvākàramatto palakkhito paṭiccasamuppàdanayo. Paṭṭhànanayo pana àhaccapaccayaṭṭhiti-màrabha pavuccati*”- “Ở đây, Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh là sự liên hệ bị chi phối bởi định luật “Cái này sanh khởi do bởi duyên vào cái kia”. Phương Pháp Phát Thú được nói đến sự hiện hữu các điều kiện liên hệ với nhau”; là việc trình bày cho được biết đến sự khác biệt nhau giữa cả hai Phương Pháp, và đó chính là **việc trình bày đến Nhân Quả**.

+ Thế theo Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh thì chỉ duy nhất trình bày cho được biết rằng tất cả Chúng Hữu Tình hiện bày ở trong Thế Gian này đều là quả báo nương sinh từ ở nơi Pháp làm thành Tác Nhân hết cả thấy, để rồi sẽ tự sinh khởi lên. Hoặc chẳng có đáng tạo hóa nào và do chẳng có nương vào Pháp làm thành Tác Nhân để làm cho sinh khởi lên được. Có nghĩa là một khi đã hội đủ Nhân Duyên rồi thì quả báo ắt hẳn hiện khởi là theo lẽ thường nhiên. Tuy nhiên đã không có trình bày đến mãnh lực của những Duyên ấy, tức là việc giúp đỡ ủng hộ của những Duyên ấy, đã được hiện hành do bởi theo mãnh lực của *Nhân (Hetu)* cũng có, của *Cảnh (Àrammaṇa)* cũng có, của *Trưởng (Àdhipati)* cũng có, v.v.

+ Còn việc trình bày Nhân Quả thế theo Phương Pháp từ ở nơi Phát Thú, thì đó là việc trình bày cho được biết rằng tất cả các sự vật hữu sinh mạng và phi sinh mạng hiện bày ở trong Thế Gian này, đều là Nhân Quả liên quan với nhau một cách thích hợp. Chẳng thế nào có việc hiện khởi lên mà không có liên quan với Nhân Quả được; luôn cả có việc trình bày đến mãnh lực của những Duyên ấy, tức là việc giúp đỡ ủng hộ của những Duyên ấy, đã được hiện hành do bởi theo mãnh lực của *Nhân (Hetu)* cũng có, của *Cảnh (Àrammaṇa)* cũng có, của *Trưởng (Àdhipati)* cũng có, v.v.

9/. **Hỏi:** Hãy trình bày câu Chú Giải của những từ ngữ tiếp theo đây: “*Paṭiccasamuppàdo*”, “*Paṭṭhànaṃ*”, “*Nayo*”, “*Paṭiccasamuppàdanayo*”, “*Paṭṭhànanayo*”.

Đáp: + “*Paṭiccasamuppàdo*” có câu Chú Giải trình bày rằng:

“*Paccaya sàmaggi paṭicca samaṃ saha ca paccayuppannadhamme uppàdetiti = Paṭiccasamuppàdo*”- “Bất luận từ ở nhóm Pháp Nhân nào, có Vô

Minh v.v. cho đến Sinh, thường làm cho Pháp Quả có Hành v.v. cho đến Nã Hại liên tục đều đặn cùng khởi sinh lên bởi do nương vào sự nhất tề từ ở nơi Duyên hữu quan với các Pháp Nhân ấy; chính vì thế nhóm Pháp Nhân ấy mới được gọi tên là **Liên Quan Tương Sinh.**”

Một trường hợp khác nữa: **“Paṭicca samam saha ca upajjati etasmāti = Paṭticasamuppādo”**- “Pháp Quả có Hành v.v. một khi đã được nương vào việc cùng nhau tụ hội từ ở nơi Duyên rồi, và thường liên tục đều đặn cùng khởi sinh lên bởi do nương vào các Pháp Nhân có Vô Minh v.v.; chính vì thế những thể loại Pháp Nhân có Vô Minh v.v. mới được gọi tên là **Liên Quan Tương Sinh**; tức là Vô Minh v.v. cho đến Sinh.”

+ **“Nayo”** có câu Chú Giải trình bày rằng: **“Niyati ñāyatīti = Nayo”**- “Việc trình bày cần phải hiểu biết do bởi tất cả các bậc Hiền Trí (**Paṇḍita**); chính vì thế mới được gọi tên là **Phương Pháp.**”

+ **“Paṭticasamuppādanayo”** có câu Chú Giải trình bày rằng: **“Paṭticasamuppāde desito nayo = Paṭticasamuppādanayo”**- “**Phương Pháp Đức Phật** Ngài lập ý khái thuyết ở trong **Liên Quan Tương Sinh**, thì được gọi tên là **Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh.**”

+ **“Paṭṭhāna”** có câu Chú Giải trình bày rằng:

“Nānappakārāni thānāni paccayā etathāti = Paṭṭhānaṃ”- “Tất cả các Duyên làm thành tác nhân mà có mãnh lực do bởi những thể loại khác nhau, như có mãnh lực Nhân, mãnh lực Cảnh, v.v. hiện hữu ở trong kinh điển này; chính vì thế quyển kinh điển này mới được gọi tên là **Phát Thù**”. Tức là quyển kinh điển trình bày đến 24 Duyên.

+ **“Paṭṭhānanayo”** có câu Chú Giải trình bày rằng: **“Paṭṭhāne desito nayo = Paṭṭhānanayo”**- “**Phương Pháp Đức Phật** Ngài lập ý khái thuyết ở trong **Phát Thù**, được gọi tên là **Phương Pháp Phát Thù**”.

10/ Hỏi: **Pháp Năng Duyên Liên Quan Tương Sinh** có ý nghĩa là chi ? Có số lượng bao nhiêu ? Là những chi ? **Pháp Sở Duyên Liên Quan Tương Sinh** có ý nghĩa là chi ? Có số lượng bao nhiêu ? Là những chi ? Và xin hãy trình bày câu Chú Giải có ý nghĩa đến Pháp làm thành Pháp Quả.

Đáp: Danh Sắc hiện hành bởi theo Liên Quan Tương Sinh, một khi phân tích Pháp làm thành Nhân, làm thành Quả thì được gọi tên như vậy, là:

- Pháp làm thành Nhân, tức là Vô Minh v.v. cho đến Sinh là nơi cuối cùng; khi kết hợp những 11 thể loại này lại thì gọi tên là **Pháp Năng Duyên Liên Quan Tương Sinh.**
- Pháp làm thành Quả, tức là Hành v.v. cho đến Lão Mạt Tử Vong là nơi cuối cùng; khi kết hợp những 11 thể loại này lại thì gọi tên là **Pháp Sở Duyên Liên Quan Tương Sinh.**

+ Trình bày câu Chú Giải có ý nghĩa đến Pháp làm thành Pháp Quả thì có được như vậy: “**Paccayaṃ paṭiccasamuppajjati = Paṭiccasamuppādo**”- “*Pháp nào thường sinh khởi bởi do Năng Duyên, chính vì thế Pháp ấy mới được gọi tên là **Liên Quan Tương Sinh**.*” Tức là Pháp làm thành Quả có Hành, v.v. cho đến Lão Mai Tử Vong. Một trường hợp khác nữa:

“**Samuppajjanaṃ = Samuppādo**”- “*Việc sinh khởi một cách tốt đẹp, tức là sinh khởi theo thứ tự lớp lang; gọi tên là **Tương Sinh**.*”

“**Yathāsakaṃ paccayaṃ paṭicca tena avinābhavī hutvā samuppādo = Paṭiccasamuppādo**”- “*Việc sinh khởi theo thứ tự lớp lang của Pháp nương vào các Năng Duyên của mình, và không có xa lìa khỏi các Năng Duyên của mình, thì mới được gọi tên là **Liên Quan Tương Sinh**.*” Tức là Pháp làm thành Quả có Hành, v.v.

11/. Hỏi: *Hãy dịch nghĩa trong phần Pàli thuộc Liên Quan Tương Sinh kể từ “Avijjāpaccayā saṅkhārā” v.v. cho đến “samudayo hotīti”.*

Đáp: Đoạn văn Pàli thuộc Liên Quan Tương Sinh có như sau: “**Tattha avijjāpaccayā saṅkhārā. Saṅkhārā paccayā viññāṇam. Viññāṇa paccayā nāmarūpam. Nāmarūpa paccayā saḷāyatanam. Saḷāyatana paccayā phasso. Phassa paccayā vedanā. Vedanā paccayā taṇhā. Taṇhā paccayā upādānam. Upādāna paccayā bhavo. Bhava paccayā jāti. Jāti paccayā jarāmaraṇa soka parideva dukkha domanassupāyāyā sambhavanti. Evame tassa kevalassa dukkhakhandhassa samudayo hotī ti**”- “*Ở nơi đây, Vô Minh làm duyên cho Hành. Hành làm duyên cho Thức. Thức làm duyên cho Danh Sắc. Danh Sắc làm duyên cho Lục Xứ. Lục Xứ làm duyên cho Xúc. Xúc làm duyên cho Thọ. Thọ làm duyên cho Ái Dục. Ái Dục làm duyên cho Chấp Thủ. Chấp Thủ làm duyên cho Hữu. Hữu làm duyên cho Sinh. Sinh làm duyên cho Lão Mai, Tử Vong, Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ, Nỗi Hại khởi sinh. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khối Khổ Uẩn”.*

+ Trong cả hai Phương Pháp đây, thì sự hiện hành của Pháp Năng Duyên và Pháp Sở Duyên bởi theo Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh có được như vậy:

Cả ba gồm **Phúc Hành (Puññābhisaṅkhāra)**, **Phi Phúc Hành (Apuññābhi saṅkhāra)**, **Bất Động Hành (Aneñjābhisaṅkhāra)** đây, hiện khởi lên bởi do nương vào Vô Minh, tức là sự bất liễu tri ở trong Tứ Đế, sự bất liễu tri ở trong **Quá Khứ (Pubbanta)**, sự bất liễu tri ở trong **Vị Lai (Aparanta)**, sự bất tri ở trong **Quá Khứ và Vị Lai (Pubbantāparanta)**, sự bất liễu tri ở trong Liên Quan Tương Sinh; kết hợp cả 8 điều làm thành Nhân.

Thức (Viññāṇa) tức là 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế hiện khởi lên bởi do nương vào Tam Hành làm thành Nhân.

Danh Sắc (Nāmarūpa) tức là Tâm Sở phối hợp với Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Sắc Nghiệp hiện khởi lên bởi do nương vào Thức đó là **Thức Thiện Nghiệp**

(Kusalakammaviññāṇa), Thức Bất Thiện Nghiệp (*Akusalakammaviñña*) ở trong các kiếp sống trước trước và Thức Dị Thục Quả ở trong kiếp sống này làm thành Nhân.

Lục Xứ (Saḷayatana) tức là *Lục Nội Bộ Xứ (Ajjhatikāyatana)* có Nhãn Xứ v.v. hiện khởi lên bởi do nương vào Danh Sắc làm thành Nhân.

Lục Xúc (Phassa) tức là có *Nhãn Xúc (Cakkhusamphassa)* v.v. hiện khởi lên bởi do nương vào Lục Nội Bộ Xứ làm thành Nhân.

Lục Thọ (Vedanā) tức là *Nhãn Xúc Thọ (Cakkhusamphassajāvedanā)* v.v. hiện khởi lên bởi do nương vào Lục Xúc làm thành Nhân.

Lục Ái Dục (Taṇhā) hoặc 108 Ái Dục là tính theo toàn bộ, có *Sắc Ái Dục (Rūpatanāhā)* v.v. hiện khởi lên bởi do nương vào Lục Thọ làm thành Nhân.

Lục Chấp Thủ (Upādāna) có *Dục Thủ (Kāṃupādāna)* v.v. hiện khởi lên bởi do nương vào Lục hoặc 108 Ái Dục làm thành Nhân.

Hữu (Bhava) tức là cả hai *Nghiệp Hữu (Kammabhava)* và *Sinh Hữu (Uppattibhava)* hiện khởi lên bởi do nương vào Tứ Chấp Thủ làm thành Nhân.

Sinh (Jāti) tức là sự sinh khởi của Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế, Tâm Sở và Sắc Nghiệp hiện khởi lên bởi do nương vào Nghiệp Hữu làm thành Nhân.

Lão Mại (Jarā), *Tử Vong (Marāṇa)* và *Sâu Muộn (Soka)*, *Bi Ai (Parideva)*, *Khổ Đau (Dukkha)*, *Ưu Thọ (Domanassa)*, *Não Hại (Upāyāsa)*; cả bảy điều này hiện khởi lên bởi do nương vào Sinh làm thành Nhân.

Như vậy sự sinh khởi của toàn bộ tất cả các Khổ Uẩn đây, là bởi do nương vào những Năng Duyên có Vô Minh v.v. như đã được đề cập đến ở tại đây.

A. 12/ Hỏi: *Hãy giảng giải đến sự lợi ích được đón nhận từ nơi việc liễu tri Danh Sắc thể theo Nhân Quả bởi qua Phương Pháp của Liên Quan Tương Sinh và Phát Thú.*

Đáp: Lợi ích được đón nhận từ nơi việc liễu tri Danh Sắc thể theo Nhân Quả bởi qua Phương Pháp của **Liên Quan Tương Sinh Và Phát Thú**, đó là:

Trong sự việc Đức Phật Ngài lập ý trình bày sự hiện hành của tất cả Chúng Hữu Tình, và sự hiện hành của tất cả các sự vật phi sinh mạng đã hiện khởi lên ở trong Thế Gian này, là cũng do bởi nương vào Nhân Quả hữu quan với nhau qua Phương Pháp từ ở nơi Liên Quan Tương Sinh và Phát Thú đây; là cũng nhằm để kỳ vọng cho tất cả Chúng Hữu Tình có được sự liễu tri, sự hiểu biết ở trong Nhân Quả, ở trong sự hiện hữu của tự bản thân mình, chỉ là Danh Sắc chỗ giả định rằng là Ta, là Người đang hiện bày đây; và lại cũng chẳng có một đáng tạo hóa nào đã kiến tạo lên; chỉ có Nhân với Quả liên quan với nhau thể theo thực tính mà thôi; và chẳng có Tự Ngã, là Ta, là Người, bất luận ở trường hợp nào cả. Sự liễu tri, sự hiểu biết ở trong Danh Sắc thể theo Nhân Quả như vậy, đã là điều quan trọng để sẽ dắt dẫn bậc Trí Giả ấy được vượt thoát ra khỏi tất cả các Vòng Luân Hồi Khổ Đau, vì lẽ có khả năng đoạn lìa được *Hữu Thân Kiến (Sakkāyaditṭhi)* và *Hoài Nghi*

(*Vicikicchà*) với luôn cả *Thường Kiến (Sassatadit̄thi)* và *Đoạn Kiến (Uccheda dit̄thi)*; và lại *Vô Hữu Kiến (Natthidit̄thi)*, *Vô Nhân Kiến (Ahetukadit̄thi)*, *Vô Hành Kiến (Akiriyadit̄thi)* cũng được diệt mất vừa theo thích hợp đối với sự liễu tri của mình. Đề cập đến là sự liễu tri sinh khởi bởi do nương vào việc nghiên cứu học hỏi, việc lắng nghe, mà đã được gọi là *Tuệ Văn Như Nguyên Dĩ Thường (Sutamayapañña)* thì thường có khả năng đoạn lìa được những thể loại Hữu Thân Kiến và Hoài Nghi, v.v. với việc *Nhất Thời Phóng Khí (Tadaṅgapahāna)*, tức là nhất thời đoạn lìa trong từng mỗi sát na. Sự liễu tri sinh khởi bởi do nương vào việc tư duy, quán sát và nghiên cứu tìm tòi Nhân Quả với tự bản thân, chỗ được gọi là *Tuệ Tư Như Nguyên Dĩ Thường (Cintāmayapañña)* thì thường có khả năng đoạn lìa được những thể loại Hữu Thân Kiến và Hoài Nghi, v.v. với việc *Giải Trừ Phóng Khí (Vikkambhanapahāna)*, tức là chế áp kìm hãm trong những thời gian lâu dài. Và sự liễu tri sinh khởi bởi do nương vào việc thực hành *Minh Sát (Vipassanā)* thuận từng theo Tuệ Văn hoặc Tuệ Tư, chỗ được gọi là *Tuệ Tu Như Nguyên Dĩ Thường (Bhāvanāmayapañña)* thì thường có khả năng đoạn lìa được những thể loại Hữu Thân Kiến và Hoài Nghi, v.v. với việc *Trừ Diệt Phóng Khí (Samucchedapahāna)*, tức là đoạn lìa được một cách kiên định.

Nếu sẽ trình bày tỷ dụ đối chiếu sự liễu tri ở trong Danh Sắc thể theo Nhân Quả như đã vừa đề cập đến, thì Tuệ Văn cũng chính là Trí Tuệ của bậc có sự liễu tri ở trong Liên Quan Tương Sinh và Phát Thú bởi do nương vào việc nghiên cứu học hỏi, hoặc việc lắng nghe.

Tuệ Tư một khi theo đạo lộ của Hiệp Thế thì chính là Trí Tuệ của bậc tư duy tìm tòi, kiến tạo lên những của cải vật chất; chẳng hạn như chế tạo ra máy bay, radio điện thoại, v.v. Một khi theo đạo lộ của Giáo Pháp thì đó chính là Trí Tuệ của Bậc Chánh Đẳng Giác, Bậc Độc Giác.

Tuệ Tu sinh khởi bởi do nương vào Tuệ Văn thì đó chính là Trí Tuệ của tất cả các Bậc Vô Sinh Thịnh Văn Giác.

Tuệ Tu sinh khởi bởi do nương vào Tuệ Tư thì đó chính là Trí Tuệ của Bậc Chánh Đẳng Giác và Bậc Độc Giác.

Sự liễu tri, sự hiểu biết ở trong Danh Sắc thể theo Nhân Quả làm thành Tuệ Văn, Tuệ Tư và Tuệ Tu. Những cả ba thể loại này, nếu như liệt kê vào ở trong *Tuệ Minh Sát (Vipassanāñāṇa)* thì thường có được hai thể loại, đó là: *Tuệ Phân Biệt Danh Sắc (Nāmarūpaparicchedañāṇa)* và *Tuệ Thủ Chấp Duyên Sinh (Paccayapariggahañāṇa)*. Và nếu như liệt kê vào ở trong *Thanh Tịnh Đạo (Visuddhimagga)* thì cũng có được hai Thanh Tịnh, đó là: *Kiến Thanh Tịnh (Dit̄thi visuddhi)* và *Đoạn Nghi Thanh Tịnh (Kaṅkhāvitaraṇavisuddhi)*.

Bậc đã có được sự hiểu biết thuần tịnh ở trong Liên Quan Tương Sinh và Phát Thú thì thường được chứng đạt đến một cách trực tiếp tầng Tuệ Thủ Chấp Duyên Sinh ấy là Đoạn Nghi Thanh Tịnh. Đối với việc chứng đạt đến Tuệ Phân Biệt Danh Sắc ấy là Kiến Thanh Tịnh, là cũng vì bậc đã được liễu tri ở trong Liên

Quan Tương Sinh và Phát Thú ấy rồi, thì thiết yếu phải được liễu tri một cách rõ ràng ở trong vấn đề Danh Sắc ấy vậy. Với lý do này, Tuệ Phân Biệt Danh Sắc ấy là Kiến Thanh Tịnh mới được liệt kê một cách hoàn hảo.

Theo như vừa đề cập đến đây, trình bày cho được thấy rằng bậc đã tu tập cho đến thành tựu viên mãn bậc Thánh Nhân và đã vượt thoát ra khỏi Vòng Luân Hồi Khổ Đau, thì sẽ bất liễu tri đến sự hiện hành của Danh Sắc theo Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh hoặc Phát Thú do bởi *Tu Tập Như Nguyên Dĩ Thường (Bhavanàmaya)* ắt hẳn là không có vậy. Tuy nhiên bậc đã có được sự liễu tri ở cả hai Phương Pháp ấy quả thật duy nhất chỉ có Bậc Chánh Đẳng Giác, và ngoài ra Bậc Chánh Đẳng Giác rồi, còn tất cả các Bậc Thánh Nhân được tính kể từ Bậc Thất Lai trở đi cho đến Bậc Độc Giác thì thường duy nhất chỉ có liễu tri sự hiện hành của Danh Sắc do bởi *Tu Tập Như Nguyên Dĩ Thường* theo Phương Pháp của Liên Quan Tương Sinh mà thôi. Có nghĩa là một khi hành giả tu tập và đã chứng đạt đến Tuệ Thủ Chấp Duyên Sinh v.v. cho đến *Tuệ Thuận Tòng (Anulomañña)* thì thường có được liễu tri sự hiện hành của Danh Sắc làm thành Nhân làm thành Quả hữu quan với nhau thể theo Liên Quan Tương Sinh hết cả thấy. Tuy nhiên sự liễu tri ở khoảng giữa và có khả năng trình bày cho người khác được lắng nghe một cách tỷ mỷ vi tế thì thiết yếu cần phải nương vào nền tảng *Pháp Học (Pariyatti dhamma)*. Nếu như đã khiếm khuyết nền tảng Pháp Học rồi, thì cho dù là Bậc Độc Giác đi nữa cũng không có khả năng trình bày sự hiện hành của tất cả Chúng Hữu Tình thể theo Phương Pháp từ ở nơi Liên Quan Tương Sinh một cách tỷ mỷ vi tế được.

13/. Hỏi: Vô Minh một khi chiết tự ra thì có được bao nhiêu từ ngữ? Là những chi? Hãy nói ý nghĩa của những từ ngữ ấy, và cho trình bày câu Chú Giải của từ ngữ nói rằng “*Avijjà*” (Vô Minh), “*Vijjà*” (Minh); đối với Vô Minh thì chỉ trình bày hai câu mà thôi.

Đáp: Khi chiết tự từ ngữ *Avijjà* (Vô Minh) này ra thì có được hai từ ngữ, đó là: A + *Vijjà*. A dịch nghĩa là “Vô, không” hoặc “đổi nghịch lại”. *Vijjà* dịch nghĩa là “Minh, liễu tri” hoặc Trí Tuệ (*Pañña*). Khi kết hợp vào nhau thì dịch nghĩa là “Vô Minh, bất liễu tri”, hoặc Pháp chủng hiện hành đối nghịch với Trí Tuệ; tức là Tâm Sở Si.

Như có câu Chú Giải trình bày là: “*Catusaccadhammaṃ vidati pàkaṭaṃ karotīti = Vijjà*”- “Pháp chủng nào làm thành bậc liễu minh được Tứ Thánh Đế, và thành bậc đã làm cho Tứ Thánh Đế được hiện khởi lên; chính vì thế gọi tên Pháp chủng ấy là *Minh*.” Tức là Tâm Sở Trí Tuệ.

+ Vô Minh có câu Chú Giải nói rằng: (1). “*Vijjà paṭipakkhāti = Avijjà*”- “Pháp chủng hiện hành đối nghịch với Trí Tuệ; chính vì thế gọi tên Pháp chủng ấy là *Vô Minh*.” Hoặc là: (2). “*Avindiyam vindatīti = Avijjà*”- “Pháp chủng thường

có được Ác Hạnh Pháp ở nơi không đáng phải có; chính vì thế gọi tên Pháp chủng ấy là Vô Minh.”

14/. Hỏi: *Việc bắt liễu tri thể theo Chân Lý của Vô Minh đây, thì có được bao nhiêu thể loại? Là những chi? Cho nêu lên một điều giải thích đặng cho làm thành cơ sở.*

Đáp: *Việc bắt liễu tri thể theo Chân Lý của Vô Minh đây hiện hữu ở trong tám điều, đó là:*

- 1. *Dukkhe aññanam* (Bát Tri Khổ Đé):** *Bắt liễu tri ở trong Khổ Đau.*
- 2. *Dukkhasamudaye aññanam* (Bát Tri Tập Đé):** *Bắt liễu tri Nguyên Nhân làm cho sinh khởi Khổ Đau.*
- 3. *Dukkhanirodhe aññanam* (Bát Tri Diệt Đé):** *Bắt liễu tri Pháp làm cho diệt tắt từ ở nơi Khổ Đau.*
- 4. *Dukkhanirodhagàminipañipadàya aññanam* (Bát Tri Đạo Đé):** *Bắt liễu tri đạo lộ làm cho chứng đạt đến sự diệt tắt Khổ Đau.*
- 5. *Pubbante aññanam* (Bát Tri Quá Khứ):** *Bắt liễu tri ở trong Uẩn, Xứ, Giới ở Thời Kỳ Quá Khứ.*
- 6. *Aparante aññanam* (Bát Tri Vị Lai):** *Bắt liễu tri ở trong Uẩn, Xứ, Giới ở trong Thời Kỳ Vị Lai.*
- 7. *Pubbantàparante aññanam* (Bát Tri Quá Khứ Vị Lai):** *Bắt liễu tri ở trong Uẩn, Xứ, Giới ở trong Thời Kỳ Quá Khứ và Vị Lai.*
- 8. *Idappaccayatàpañiccasamuppannesu dhammesu aññanam* (Bát Tri Y Thứ Liên Quan Tương Sinh):** *Bắt liễu tri ở trong Danh Sắc sinh khởi lên do bởi nương vào tác nhân làm cho khởi sinh thể theo Phương Pháp Liên Quan Tương Sinh.*

Và sẽ nêu lên một điều giải thích đặng cho làm thành cơ sở; đó là điều *Bát Tri Quá Khứ (Pubbante aññanam):* *Bắt liễu tri ở trong Uẩn, Xứ, Giới ở trong Thời Kỳ Quá Khứ, có nghĩa là:*

Câu nói rằng “*Uẩn, Xứ, Giới ở trong Thời Kỳ Quá Khứ*” đây, là nói theo *Dĩ Pháp Bản Nguyên*. Một khi nói theo *Dĩ Nhân Bản Nguyên* thì đích thị chính là tất cả Chúng Hữu Tình đã từng Sinh và Tử ấy vậy. Bởi do thế, ở trong điều nói rằng “*Pubbante aññanam*” đây, là cũng lập ý đến “*bất tự liễu tri bản thân hoặc tha nhân đã từng tục sinh thành Nhân Loại, hoặc Chư Thiên cũng có, hoặc Phạm Thiên cũng có, hoặc Hữu Tình Khổ Thú cũng có; thế nhưng đối với ở trong kiếp sống kế tiếp thì nhận biết rằng sẽ còn phải tục sinh lại nữa.*” Chẳng hạn như có người có quan điểm rằng tất cả Chúng Hữu Tình có Thượng Đế là đấng Tạo Hóa đã sáng tạo ra; chính vì thế một khi tất cả Chúng Hữu Tình đã mệnh chung rồi, thì sẽ phải đi tục sinh theo mệnh lệnh của Đấng Thượng Đế lại thêm lần nữa.

15/ Hỏi: *Hãy trình bày đến sự hiện hành của người bất tự liễu tri bản thân hoặc tha nhân đã từng có tục sinh và sẽ còn phải tiếp tục đi tục sinh ở trong kiếp sống kế sau.*

Đáp: Sự bất liễu tri về Uân, Xứ, Giới ở trong Thời Kỳ Quá Khứ và Vị Lai (*Bất Tri Quá Khứ Vị Lai (Pubbantàparante aññanam)*), ấy chính là sự làm thành Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên và Hữu Tình Khổ Thú đã từng có tục sinh ở trong Thời Kỳ Quá Khứ và sẽ còn phải tiếp tục đi tục sinh ở trong kiếp sống kế sau. Bởi do thế, ở trong điều nói rằng “*Pubbantàparante aññanam*” đây, là cũng lập ý đến “*người bất tự liễu tri bản thân hoặc tha nhân đã từng có tục sinh và sẽ còn phải tiếp tục đi tục sinh ở trong kiếp sống kế sau*”. Nhóm người có quan điểm như vậy, thì cũng đã có rất nhiều học thuyết tín ngưỡng tương tự như nhau, là do bởi nhóm người này không từng được tiếp thụ việc nghiên cứu học hỏi ở trong Kinh Tạng và Vô Tỷ Pháp Tạng; và lại cũng không từng thực hành Minh Sát Nghiệp Xứ, luôn cả cũng vẫn chưa từng hội kiến với bậc có được Túc Mạng Minh ở trong việc truy niệm kiếp sống.

16/ Hỏi: “*Idappaccayatàpaṭīccasamuppannesu dhammesu aññanam*” được dịch nghĩa là thế nào? Cho giải thích ý nghĩa của câu này với.

Đáp: “*Idappaccayatàpaṭīccasamuppannesu dhammesu aññanam*” được dịch nghĩa là *Bất Tri Y Thứ Liên Quan Tương Sinh (Idappaccayatàpaṭīccasamuppannesu dhammesu aññanam)* có nghĩa là “*bất liễu tri ở trong Danh Sắc sinh khởi lên do bởi nương vào tác nhân làm cho khởi sinh thể theo Phương Cách Liên Quan Tương Sinh.*”

Sắc thân của tất cả Chúng Hữu Tình có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, v.v. và việc trông thấy, việc được lắng nghe, được ngửi, nếm vị, xúc chạm; với tất cả những thể loại này đều toàn là **Quả** phát sinh từ ở nơi **Nhân** mà ấy chính là việc tác hành với Thân, Ngũ, Ý ở cả hai phía Thiện và Bất Thiện đã làm thành **Nhân cũ** có **Vô Minh, Ái Dục** làm Căn Nguyên. Và do bởi nương vào chỗ có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, việc trông thấy, việc được lắng nghe, v.v. và lại cũng có việc tác hành với Thân, Ngũ, Ý ở cả hai phía Thiện và Bất Thiện khởi sinh lên lần nữa đã làm thành **Nhân mới** có **Ái Dục, Vô Minh** làm Căn Nguyên; và hơn thế nữa đã làm cho sắc thân cùng với việc trông thấy, việc được lắng nghe, v.v. được gọi với nhau rằng là “*người ấy, người này*” làm thành **Quả** lại tiếp tục khởi sinh lên lần nữa. Nhân và Quả như đã vừa đề cập đến ở tại đây, một khi trình bày thể theo Phương Cách của Liên Quan Tương Sinh, có nghĩa là các việc tạo tác làm thành Nhân cũ đấy, tức là Vô Minh, Hành, Ái Dục, Chấp Thủ, và Nghiệp Hữu; còn tất cả Chúng Hữu Tình và việc trông thấy, việc được lắng nghe, v.v. làm thành Quả sinh khởi lên đấy, tức là Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, và Thọ. Việc tạo tác với Thân, Lòi, Ý của tất cả Chúng Hữu Tình làm thành Nhân mới đấy, tức là Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu,

Vô Minh, và Hành; còn tất cả Chúng Hữu Tình với việc trông thấy, việc được lắng nghe, v.v. sẽ làm thành Quả sinh khởi nối tiếp đây, tức là Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, và Thọ.

Sự hiện hành của tất cả Chúng Hữu Tình như đã vừa đề cập đến ở tại đây, một khi thâm sát thì cũng sẽ trình bày cho được thấy rằng chẳng có chi ngoài ra Pháp làm thành Nhân Pháp làm thành Quả cả, và nương tựa lẫn nhau để cùng sinh khởi chỉ ngần ấy mà thôi. Thế nhưng với hạng *Ngũ Muội Phạm Phu (Andha puthujjana)*, là người chẳng có Trí Tuệ để nhìn thấy được điều ấy, và ắt hẳn sẽ bất liễu tri đến sự hiện hành của tất cả Chúng Hữu Tình thể theo Liên Quan Tương Sinh như đã vừa đề cập đến ở tại đây; trái lại hiểu biết với nhau rằng tất cả Chúng Hữu Tình đang hiện bày hằng mỗi ngày ở trong Thế Gian này, là đã được sinh khởi cũng do bởi Thượng Đế là đấng Tạo Hóa đã kiến tạo ra. Một vài nhóm người cũng có sự hiểu biết rằng chẳng có Nhân Quả chi cả, và tất cả Chúng Hữu Tình đã được sinh khởi là cũng do bởi có người Mẹ người Cha mà ra vạy thôi.

Đích thị chính là sự bất liễu tri ở trong Nhân Quả từ ở nơi sự hiện hành của tất cả Chúng Hữu Tình thể theo Liên Quan Tương Sinh đây, nên đã được gọi tên là *Bất Tri Y Thứ Liên Quan Tương Sinh (Idappaccayatàpañiccasamuppannesu dhammesu aññanam)*.

17/. Hỏi: *Cả ba nhóm người bao gồm “người có Vô Minh ở phần đại đa số”, “người có Vô Minh ở phần nhiều” và “người có Vô Minh ở phần cuối cùng” đây, là thuộc những nhóm hạng người nào? Cho giải thích theo riêng từng mỗi hạng người.*

Đáp: Vô Minh có thực tính bùng bít, không cho phát sinh lên sự hiểu biết về Chân Lý, đã được chia ra thành nhiều phân loại với nhau như sau:

1. Một vài hạng người bất liễu tri rằng việc tạo tác như thế này là tịnh hảo, là Thiện; việc tạo tác như thế này là xấu xa, là Bất Thiện; bởi do mãnh lực từ ở nơi Vô Minh đã bùng bít để không cho được hiểu biết. Bởi do thế, hạng người này mới táo bạo đến mức liễu lĩnh tạo tác ở trong những Ác Hạnh một cách chẳng có ý thức và chẳng nề sợ tầm quý chi cả. Thế loại Vô Minh này thuộc loại **Vô Minh ở phần đại đa số**.

2. Một vài hạng người liễu tri việc tạo tác như thế này là tịnh hảo, là Thiện; như thế này là xấu xa, là Bất Thiện; bởi do thế hạng người này một khi Bất Thiện khởi sinh lên thì cũng có khả năng kiềm chế, và không cho xâm lấn đến Thân, Lời; thế rồi chuyển đổi tâm thức và tác hành hành động ấy cho thành Thiện khởi sinh lên. Vô Minh của hạng người này được sắp thành loại **Vô Minh ở phần nhiều**.

3. Bậc đã thành tựu viên mãn Quả vị Thất Lai, Nhất Lai, Bất Lai; và đã được xưng danh là bậc liễu minh Tứ Thánh Đế; tuy nhiên vẫn chưa diệt hết cả Vô Minh. Bởi do thế, Vô Minh của những bậc Thánh Nhân này là **Vô Minh ở phần cuối cùng**.

A. 18/ Hỏi: Ngài nói rằng: “Tất cả các Bạc Vô Sinh là Bạc không còn có Vô Minh”, một khi đã là như vậy thì Bạc Vô Sinh có phải là Bạc liễu tri hết tất cả mọi sự việc hay không? Và giả như vẫn chưa có sự toàn tri toàn giác thì sẽ có sự mâu thuẫn hoặc để sẽ nói rằng “Bạc Vô Sinh đã đoạn lưu khỏi Vô Minh rồi” hay chăng? Xin cho lời giải thích một cách thấu đáo qua việc thẩm định này.

Đáp: Bạc đã diệt hết cả Vô Minh thì chỉ có duy nhất là Bạc Vô Sinh; bởi do thế việc bùng bít không cho hiểu biết thể theo sự việc thành Chân Lý của Vô Minh đây, chỉ mới không có hiện hữu đối với tất cả Bạc Vô Sinh. Tuy nhiên nếu giả như sẽ vấn hỏi rằng Bạc Vô Sinh một khi đã không còn có Vô Minh thì cũng có khả năng liễu tri hết tất cả mọi sự việc hay không? Giải đáp rằng “*Chẳng phải là như thế!*” Việc liễu tri của Bạc Vô Sinh thì cũng phải tùy thuộc vào năng lực của Trí Tuệ. Nếu là Trí Tuệ của Bạc Chánh Đăng Giác thì toàn tri diệu giác chẳng có dư sót. Nếu là Trí Tuệ của Bạc Độc Giác thì chỉ có liễu tri sự hiện hành của Danh Sắc ở phần *Nghĩa Vị (Attharasa)*, còn đối với sự liễu tri ở trong thực tính sự hiện hành của Danh Sắc thể theo *Pháp Vị (Dhammarasa)* ở phần *Pháp Học (Pariyatti)* thì không thể hiểu biết được. Nếu là Trí Tuệ của Bạc Chí Thượng Thinh Văn Giác, Đại Thinh Văn, thì thường liễu tri được cả hai Nghĩa Vị và Pháp Vị, tuy nhiên không thể thấu hiểu bằng với Trí Tuệ của Bạc Chánh Đăng Giác.

Tóm lại, cho dù bậc đã thành tựu viên mãn thành Bạc Vô Sinh và đã đoạn tận Vô Minh đi nữa, thế nhưng nếu nhờ như không phải là Bạc *Vô Ngại Giải Giả (Paṭisambhidāpatta)* và không có được học hỏi ở trong Tam Tạng và Chú Giải, thì cũng không thể nào thấu hiểu được ở trong Pháp Học. Và lại cho dù sẽ có được thấu hiểu ở trong Pháp Học một cách tốt đẹp đi nữa, tuy nhiên dứt khoát là cũng không có khả năng để liễu tri đến tính khí của hết tất cả Chúng Hữu Tình Khả Huân Luyện một cách thấu đáo được; vì lẽ có được việc hiểu biết như vậy, là không thuộc *Phạm Vi (Visaya – Lānh Vực)* của tất cả Chúng Thinh Văn, mà duy nhất chỉ là thuộc phạm vi của Bạc Chánh Đăng Giác ngàn ấy thôi. Và trong sự việc tất cả các Bạc Vô Sinh không thể liễu tri cùng khắp hết cả, cũng chẳng phải là do bởi Vô Minh đã bùng bít không cho được hiểu biết, chẳng là do bởi năng lực của Trí Tuệ không được đầy đủ mà thôi. Chẳng hạn như một người chẳng trông thấy một vật thể ở nơi xa trong thời gian giữa ban ngày. Việc chẳng được trông thấy đây, cũng chẳng phải là do bởi bóng tối bùng bít che khuất lấy, mà trái lại chính là do bởi năng lực của thị lực chẳng được đầy đủ. Điều này như thế nào, thì Bạc Vô Sinh không có khả năng để liễu tri hết tất cả, là cũng do bởi năng lực từ ở nơi Trí Tuệ không được đầy đủ như đã vừa đề cập đến cũng dường như thế ấy.

Việc bùng bít của Vô Minh ở chỗ bất liễu tri thể theo Chân Lý thì cũng chỉ hiện hữu vồn vẹn với tám thể loại, đó là: cả Tứ Đế, và Quá Khứ, Vị Lai, Quá Khứ và Vị Lai, Liên Quan Tương Sinh chỉ ngàn ấy mà thôi. Còn việc bất liễu tri ở

trong các câu chuyện khác mà bất hữu quan với Vô Minh, thì như có kiểu mẫu tích truyện điển hình để trình bày cho được thấy như sau: Ngài Trưởng Lão *Sàriputta* là bậc có Trí Tuệ thù thắng hơn tất cả các Bậc Thánh Văn, chỉ ngoại trừ Bậc Chánh Đẳng Giác ra thôi, thì chẳng có một ai có được Trí Tuệ để sánh bằng; thế mà cũng vẫn từng sai trật ở trong câu chuyện chỉ bảo Nghiệp Xứ cho đối với nhóm Chư Tỳ Khưu môn đồ của Ngài. Sẽ nói đến là Ngài có sự hiểu biết rằng nhóm Chư Tỳ Khưu trẻ này đang ở chạn tuổi thanh xuân, vì thế tâm trí sẽ xiêu ngã hướng theo ở trong Cảnh Dục Trần. Khi đã là như vậy, Ngài đã chỉ bảo cho thâm sát *Bát Tịnh Nghiệp Xứ (Asubhakammaṭṭhàna)*. Nhóm Chư Tỳ Khưu đã nỗ lực thâm sát Bát Tịnh Nghiệp Xứ này suốt trọn cả bốn tháng, và cũng chẳng có gặt hái bất luận một kết quả nào cả, ngay cả điếm trăm triệu cũng chẳng có hiện bày; chả vì Nghiệp Xứ đây chẳng ăn khớp với tính nết của mình. Ngài Trưởng Lão *Sàriputta* mới bèn dắt dẫn đi đến tác bạch với Đức Thế Tôn cho được biết hết mọi sự việc. Đức Thế Tôn Ngài mới liền biến hóa ra một đóa hồng liên cho nhóm Chư Tỳ Khưu này thâm thị, vì lẽ Ngài đã liễu tri ở trong tính khí của nhóm Chư Tỳ Khưu ấy đã từng có tục sinh làm thợ kim hoàn đến năm trăm kiếp sống; bởi do thế, đóa hồng liên này mới làm thành Nghiệp Xứ vừa thích hợp với tính khí. Ngài đã biến hóa cho từng mỗi cánh hoa đã phải héo dần xuống, mỗi lần một ít và như thế từng tí một, để cho thực tính ở phân Vô Thường có được hiện bày; và chính trong cùng một ngày ấy, thì nhóm Chư Tỳ Khưu ấy đã thành tựu viên mãn thành Bậc *Vô Sinh Lộ Tận (Arahantakhiṇṇasava)*. Dẫn chứng tích truyện này để làm thành điều trình bày cho được thấy rằng bậc đã hoàn toàn diệt Vô Minh đi rồi, thế nhưng không hẳn đã là tường tri và thấu triệt ở trong tất cả mọi sự việc sự tình, và cũng chẳng phải là do Vô Minh bung bít che khuất lấy, mà đích thị chính do bởi năng lực Trí Tuệ không được tròn đủ, như đã vừa đề cập ở tại đây rồi vậy.

19. Hỏi: Cho trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Căn Thiết của Vô Minh.

Đáp: Trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Căn Thiết của **Vô Minh**, đó là:

1. *Bất Tri Trạng Thái (Añṇalakkhaṇa)*: Có sự bất liễu tri làm thành trạng thái, hoặc làm thành đối nghịch đối với Trí Tuệ.
2. *Si Độn Phận Sự (Sammohanarasa)*: Thường luôn làm cho Pháp phối hợp với mình, và người đang khởi sinh si mê có sự lầm lạc hoặc mê mờ tăm tối, làm thành phận sự.
3. *Yểm Cái Thành Tựu (Chādanapaccupaṭṭhāna)*: Là Pháp chùng bung bít che khuất thực tính đang hiện hữu ở trong các Cảnh ấy.
4. *Lậu Hoặc Nhân Căn (Asavapaṭṭhāna)*: Có ba Lậu Hoặc làm thành Nhân căn lân (loại trừ chính tự mình).

20/. Hỏi: Từ ngữ “**Saṅkhàra**” (Hành) có nghĩa là thế nào ? Cho nêu câu Chú Giải lên trình bày; và có bao nhiêu Hành làm thành Quả của Vô Minh ? Cho trình bày Chi Pháp của từng mỗi thể loại Hành.

Đáp: Từ ngữ **Saṅkhàra** (Hành) có ý nghĩa là Pháp tác hành làm cho Pháp Quả sinh khởi; như có câu Chú Giải trình bày rằng: “**Saṅkhatam saṅkharoti abhisankharontiti = Saṅkhàrà**”- “Những thể loại Pháp chủng nào thường tác hành một cách trực tiếp Pháp Hữu Vi (**Saṅkhatadhamma**) cho làm thành quả báo; bởi do thế gọi tên những thể loại Pháp chủng ấy là **Hành**.” Tức là Tư Tác Ý ở trong Bất Thiện và Thiện Hiệp Thế.

Hoặc một trường hợp khác nữa: “**Saṅkhatam kàyavacimanokammaṃ abhisankharonti etehiti = Saṅkhàrà**”- “Tất cả Chúng Hữu Tình thường tác hành Thân Nghiệp Lực, Ngữ Nghiệp Lực, Ý Nghiệp Lực là Pháp Hữu Vi do bởi những Tư Tác Ý ấy; bởi do thế Tư Tác Ý làm thành tác nhân tác hành những thể loại ấy, được gọi tên là **Hành**.” Tức là Tư Tác Ý ở trong Bất Thiện và Thiện Hiệp Thế.

+ Có 6 thể loại **Hành** làm thành **Quả** của **Vô Minh**, đó là:

1. **Phúc Hành (Puñṇābhisankhàra):** Tư Tác Ý Thiện làm người tác hành một cách trực tiếp Dị Thục Quả Thiện Hiệp Thế và Sắc Nghiệp Thiện; tức là 8 Tư Tác Ý Đại Thiện và 5 Tư Tác Ý Thiện Hữu Sắc Giới.
2. **Phi Phúc Hành (Apuñṇābhisankhàra):** Tư Tác Ý Bất Thiện làm người tác hành một cách trực tiếp Dị Thục Quả Bất Thiện và Sắc Nghiệp Bất Thiện; tức là 12 Tư Tác Ý Bất Thiện.
3. **Bất Động Hành (Àneñjābhisankhàra):** Tư Tác Ý Thiện kiên định bất dao động, làm người tác hành một cách trực tiếp Dị Thục Quả Vô Sắc Giới; tức là 4 Tư Tác Ý Thiện Vô Sắc Giới.
4. **Thân Hành (Kāyasaṅkhàra):** Tư Tác Ý làm người tác hành cho được thành tựu Thân Ác Hạnh và Thân Thiện Hạnh; tức là 12 Tư Tác Ý Bất Thiện, 8 Tư Tác Ý Đại Thiện hữu quan với Lộ Thân Môn.
5. **Ngữ Hành (Vacisaṅkhàra):** Tư Tác Ý làm người tác hành cho được thành tựu Ngữ Ác Hạnh và Ngữ Thiện Hạnh; tức là 12 Tư Tác Ý Bất Thiện, 8 Tư Tác Ý Đại Thiện hữu quan với Lộ Ngữ Môn.
6. **Tâm Hành (Cittasaṅkhàra):** Tư Tác Ý làm người tác hành cho được thành tựu Ý Ác Hạnh và Ý Thiện Hạnh; tức là 12 Tư Tác Ý Bất Thiện, 17 Tư Tác Ý Thiện Hiệp Thế hữu quan với Lộ Ý Môn.

21/. Hỏi: Do bởi nguyên nhân nào mà Tư Tác Ý hiện hữu ở trong những Tâm Dị Thục Quả và Duy Tác đấy không được sắp làm thành Hành, có Phúc Hành, v.v. ? Và có hay là không ở phần Tư Tác Ý Thiện chỗ gọi là Phước Báo

nhưng không được sắp làm thành Phúc Hành hoặc Bất Động Hành ? Nếu giả như có, thì sẽ là thể loại Tư Tác Ý nào ? Cho giải thích.

Đáp: Tư Tác Ý hiện hữu ở trong Tâm Dị Thục Quả nhưng không sắp làm thành Hành, có Phúc Hành v.v. là bởi vì tự bản thân đã là Dị Thục Quả rồi. Tư Tác Ý hiện hữu ở trong Tâm Duy Tác cũng không được sắp làm thành Hành, có Phúc Hành, v.v. là bởi vì sinh khởi ở trong bản tánh của Bạc Vô Sinh, và ấy chính là Tư Tác Ý Thiện Siêu Thế. Đối với Tư Tác Ý Thiện Siêu Thế, thì một cách xác thực cũng vẫn được gọi tên là **Puñña** (Phước Báo), tuy nhiên không được gọi là **Puññābhisaṅkhàra** (Phúc Hành), bởi vì không có chức năng để làm cho sinh khởi lên kiếp sống, lên chủng loại là những thành phần thuộc về Vòng Luân Hồi; và lại đơn nhất chỉ có chức năng hủy diệt các kiếp sống, chủng loại mà thôi; bởi do thế mới không đem đến trình bày ở trong chỗ này.

22/. Hỏi: Hãy phân tích Phúc Hành v.v. bởi theo Thân Hành Nghiệp Lực, Ngũ Hành Nghiệp Lực, Ý Hành Nghiệp Lực, Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập và Thập Ác Hạnh ?

Đáp: Trong những thể loại Hành làm thành Quả của Vô Minh đây, thì chỉ riêng với những thể loại Phúc Hành hữu quan với Đại Thiện và Phi Phúc Hành đây, đã được thành tựu với Thân Hành Nghiệp Lực, Ngũ Hành Nghiệp Lực và Ý Hành Nghiệp Lực.

Còn những thể loại Phúc Hành hữu quan với Thiện Hữu Sắc Giới và Bất Động Hành đây, thì duy nhất chỉ được thành tựu với Ý Hành Nghiệp Lực.

Phúc Hành được thành tựu với mãnh lực *Xả Thí (Dāna)*, *Trì Giới (Sīla)*, *Tu Tập (Bhàvanā)*.

Phi Phúc Hành được thành tựu với mãnh lực *Thập Ác Hạnh (Duccarita)*.

Bất Động Hành được thành tựu với mãnh lực từ ở nơi *Tu Tập (Bhàvanā)*.

23/. Hỏi: Hãy trình bày các câu Chú Giải của những từ ngữ như tiếp theo đây: “**Puññaṃ**” (Phước Báo), “**Apuññaṃ**” (Phi Phước Báo), “**Aneñjaṃ**” (Bất Động), “**Puññābhisaṅkhàraṃ**” (Phúc Hành), “**Vacisaṅkhàraṃ**” (Ngũ Hành).

Đáp: Trình bày các câu Chú Giải của câu nói rằng **Puññābhisaṅkhàra** (Phúc Hành) v.v. như sau:

+ “**Puññaṃ**” (Phước Báo) có câu Chú Giải trình bày rằng: “**Attano santānaṃ punāti sodhetīti = Puññaṃ**”- “Pháp chủng nào thường thanh lọc Uẩn Giới của mình, bởi do thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Puñña** (Phước Báo)”.

+ “**Apuññaṃ**” (Phi Phước Báo) có câu Chú Giải trình bày rằng: “**Na puññaṃ = Apuññaṃ**”- “Pháp chủng nào thành đối nghịch đối với Phước Báo, bởi do thế gọi tên Pháp chủng ấy là Tội Lỗi, Xấu Ác (**Pāpa**)”.

+ “**Aneñjaṃ**” (Bất Động) có câu Chú Giải trình bày rằng: “**Na añjatīti = Anieñjaṃ, Anieñjamyeva = Aneñjaṃ**”- “Pháp chủng nào làm thành người kiên trụ

bất chuyển động, bởi do thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Bất Dao Động (Aniñja)**; và đích thị chính Pháp chủng bất chuyển động ấy được gọi tên là **Bất Động (Āneñja)**.

+ “**Puññābhisaṅkhàraṃ**” (Phúc Hành) có câu Chú Giải trình bày rằng: “**Puññañca taṃ abhisaṅkhàro cāti = Puññābhisaṅkhàro**”- “Pháp chủng nào vừa làm Phước Báo, vừa làm người tác hành một cách trực tiếp; bởi do thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Phúc Hành**.”

“**Apuññañca taṃ abhisaṅkhàro cāti = Apuññābhisaṅkhàro**”- “Pháp chủng nào vừa làm tội lỗi, vừa làm người tác hành một cách trực tiếp; bởi do thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Phi Phúc Hành**.”

+ “**Vacisaṅkhàraṃ**” (Ngũ Hành) có câu Chú Giải trình bày rằng: “**Vacaṃ saṅkhàrotīti = Vacisaṅkhàro**”- “Pháp chủng nào làm người tác hành từ ở nơi Lời, bởi do thế gọi tên Pháp chủng ấy là **Ngũ Hành**.”

A. 24/. Hỏi: *Hãy giảng giải đến Phúc Hành, Phi Phúc Hành, và Bất Động Hành hiện khởi bởi do nương vào Vô Minh làm Nhân.*

Đáp: + **Phúc Hành** hiện khởi bởi do nương vào **Vô Minh** làm **Nhân**, đó là: Người đã có sự sùng tín duyệt ý ở trong những việc *Tác Phước*, có việc thực hiện Xả Thí, thọ trì Giới Luật, tiến hóa Tu Tập; thì đa phần đã có sở nguyện cầu là sẽ được tiếp tục thụ hưởng sự an vui hạnh phúc ở trong kiếp sống sau, sẽ được thù thắng vi diệu hơn cả chính bản thân đã và đang đón nhận ở trong kiếp sống hiện tại này. Sẽ có quan điểm rằng một khi đã được lắng nghe, đã được đọc bài tường thuật có đề cập đến con người ta được sinh ra làm bá hộ, làm trưởng giả, vị vua, hoàng hậu, làm người xinh đẹp, có quyền lực, có sự thông minh và lanh lợi; hoặc được sinh làm Thiên Nam, Thiên Nữ, có rất nhiều Thiên Sản, được tuổi thọ lâu dài, không có sự vất vả khôn khổ ở trong bất luận một trường hợp nào cả. Tất cả những sự việc này đều là quả báo đã được đón nhận từ ở nơi việc Xả Thí cho ra, thọ trì Giới Luật, tiến hóa Tu Tập hết cả thấy. Khi đã là như vậy rồi, thì người ấy phát sinh lên sự hân hoan phấn khởi, mong muốn sẽ có được sự an vui hạnh phúc ở những thể loại này. Thế rồi, người ấy đã tích cực tác hành Thiện Sự, có việc Xả Thí cho ra cũng có, hoặc thọ trì Giới Luật cũng có, hoặc Thính Pháp tụng niệm kinh điển cũng có, hoặc hành Thiền An Chỉ tu tập Minh Sát cũng có. Và hơn thế nữa, người ấy cũng khẩn nguyện rằng “**Idaṃ me puññaṃ nibbānassa paccayo hotu**”- “**Do Quả Phước Báo này xin làm duyên đến Níp Bàn**”, thế mà, lời khẩn nguyện này là việc thệ nguyện chỉ bằng với lời nói mà thôi; còn tâm thức thì lại thường có thiên hướng nhắm đến những sự an lạc như đã vừa đề cập đến rồi vậy. Sự việc là như vậy, cũng bởi vì người ấy không có trông thấy tác nghiệt của Khổ - Tập; và không trông thấy ân đức của Diệt - Đạo. Việc không được trông thấy ân đức và tác nghiệt đây, là cũng chính do bởi **Vô Minh** ấy vậy.

Một vài người có quan điểm rằng việc được thọ sinh làm Nhân Loại hoặc Chư Thiên đấy, cho dù xác thực sẽ có sự an lạc đi nữa, tuy nhiên sự an lạc ấy cũng

vẫn không có được tinh lương bằng với sự an lạc của nhóm Phạm Thiên; vì lẽ nhóm Phạm Thiên Hữu Sắc Giới ấy có được tuổi thọ lâu dài hơn, quyền lực cũng có nhiều hơn, sự xinh đẹp của sắc thân và thiên cung cũng được tinh lương hơn, sự Khổ Thân – Khổ Tâm cũng chẳng có dù chỉ là một chút ít; và bởi do thế mới nỗ lực thực hành An Chi Nghiệp Xứ cho đến chứng đắc tầng Thiên Sắc Giới. Người có sự hiểu biết như vậy, cũng do bởi không được trông thấy tác nghiệt và ân đức của Tứ Thánh Đế; và lại cũng chính do bởi mãnh lực từ ở nơi **Si Mê** ấy vậy. Chính vì thế mới nói được rằng **Vô Minh** làm **Nhân** và **Phúc Hành** làm **Quả** từ ở nơi Vô Minh.

+ **Phi Phúc Hành** hiện khởi bởi do nương vào **Vô Minh** làm **Nhân**, đó là:

Một vài người chẳng có tin rằng tác hành Thiện Sự là Phước Báo, và tạo tác điều xấu ác là Tội Lỗi; bởi do thế nhóm người này mới có sự duyệt ý ở trong việc tạo tác những Ác Hạnh, có việc sát mạng Hữu Tình, trộm cắp tài sản, lường gạt, âm mưu, v.v. Hoặc một vài người cũng hiểu biết được rằng tạo tác các việc xấu ác ấy là bất thiện, là tội lỗi; thế nhưng bản thân thì cũng vẫn không từ bỏ; bởi do thế nhóm người này cũng có duyệt ý ở trong việc tạo tác những Ác Hạnh tương tự như nhau. Hoặc một vài người chấp thủ tà thuyết với những tín điều ở Thượng Đế, hiểu biết rằng nếu như sát mạng Hữu tình rồi lấy đem cúng dường đến Thượng Đế hoặc Quý Thần như vậy rồi thì Thượng Đế hoặc Quý Thần sẽ ban phát cho thành tựu thể theo sự nguyện vọng của mình, và sẽ phù hộ cho luôn được mát lạnh trong sự an lạc suốt trọn cả cuộc đời; và lại một khi đã mệnh chung lìa khỏi Thế Gian này đi rồi, thì Thượng Đế hoặc Quý Thần ấy sẽ sắp xếp nâng đỡ cho Thức của mình được đi đến Cõi Thiên Đàng; bởi do thế, nhóm người này mới sát mạng Chúng Hữu Tình để lấy đem đi cúng dường điều mà mình đã thủ tín.

Việc tạo tác những Ác Hạnh của những hạng người như đã vừa đề cập đến đây, là cũng do bởi không được trông thấy tác nghiệt của Khổ - Tập và chẳng có tư duy đến ân đức của Diệt – Đạo, và cũng chính do bởi mãnh lực từ ở nơi **Si Mê** bùng bít che khuất lấy; bởi do thế mới nói được rằng **Vô Minh** làm **Nhân** và **Phi Phúc Hành** làm **Quả** từ ở nơi Vô Minh.

+ **Bất Động Hành** hiện khởi bởi do nương vào **Vô Minh** làm **Nhân**, đó là:

Một vài nhóm người cũng có quan điểm rằng sự khổ đau với biết bao sự thống khổ mà tất cả Chúng Hữu Tình đang phải thụ lãnh ấy, chính là thường hữu quan từ ở nơi Sắc Pháp làm thành Tác Nhân; vì lẽ một khi đã có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân rồi thì sẽ phải có việc mong muốn được trông thấy, mong muốn được lắng nghe, mong muốn được ngửi, mong muốn được biết vị, mong muốn được đụng chạm. Những thể loại này mà nếu như không hiện hành thể theo sở nguyện vọng, thì ắt hẳn sẽ phát sinh lên sự khốn khổ ưu não, hoặc sẽ có những sự ốm đau với bao điều bất an; và đích thị là cũng chính do bởi dựa vào có sắc thân ấy vậy. Nếu giả như không có sắc thân này đi rồi, thì bao sự thống khổ ấy cũng không nào có được, và duy nhất là chỉ có sự an lạc mà thôi. Chính vì lẽ ấy, nhóm người này

mới nỗ lực tầm cầu đạo lộ để sẽ làm cho Sắc Pháp không còn khởi sinh lên; bằng với sự nỗ lực thực hành An Chi Nghiệp Xứ cho được chứng đắc theo tuần tự các tầng Thiền Định chí đến cả các tầng Thiền Vô Sắc Giới vậy.

Hoặc bậc đã chứng đắc Thiền Hữu Sắc Giới rồi, và tất cả nhóm Phạm Thiên Hữu Sắc Giới có quan điểm rằng Thiền Hữu Sắc Giới mà mình đã có đây, một khi đem so sánh với Thiền Vô Sắc Giới thì vẫn không có sự tinh lương bằng, vì lẽ vẫn còn đang dao động do bởi mãnh lực từ ở nơi Chi Thiền và Cảnh. Còn đối với Thiền Vô Sắc Giới ấy, rằng khi tính theo Chi Thiền thì chỉ có Chi Xả (*Upekkhà*) với Nhất Thống (*Ekaggatà*) mà ấy chính là thực tính kiên trụ bất dao động; rằng tính theo Cảnh thì cũng có nhiều sự vi tế tinh lương hơn Cảnh của Thiền Hữu Sắc Giới; bởi do thế bậc đã được chứng đắc Thiền Vô Sắc Giới mới có nhiều sự an lạc, và một khi đã mệnh chung lìa khỏi Thế Gian này rồi, thì cũng được thọ sinh thành Phạm Thiên Vô Sắc Giới, chỉ có Danh Pháp và thoát khỏi tất cả mọi khổ đau. Thế là, các Ngài ấy mới nỗ lực thực hành tầng Thiền Định nối tiếp cho đến được chứng đắc Thiền Vô Sắc Giới.

Nhóm người có quan điểm như đã vừa đề cập đến ở tại đây, là cũng do bởi vẫn có sự si mê bung bít không cho thấy ở trong Tứ Thánh Đế; có nghĩa là cho dù tất cả nhóm Phạm Thiên Vô Sắc Giới sẽ không có Khổ Thân – Khổ Tâm, vì lẽ xung quanh chẳng có điều chi để sẽ làm cho phát sinh các sự khôn khổ ưu não đi nữa, tuy nhiên cũng vẫn không trốn thoát khỏi sự tử vong, mà đây chính là một thể loại Tử Khổ (*Maranadukkha*). Một trường hợp khác nữa, một khi mãnh lực từ ở nơi Thiền Vô Sắc Giới đã hoại diệt đi, thế thì cũng sẽ phải đi thọ sinh làm thành Nhân Loại hoặc Chư Thiên, sẽ phải bị tiếp xúc với biết bao sự vất vả khôn khổ hiện hữu ở trong Cõi Nhân Loại và Cõi Thiên Giới. Và lại, khi đã mệnh chung lìa khỏi Thế Gian này rồi, thì cũng có thể sẽ phải đi tục sinh ở trong Cõi Khổ Thú, và cũng phải bị tiếp xúc Khổ Cự Đại (*Mahadukkha*). Sự việc không thấy tác nghiệp của Thiền Vô Sắc Giới, và đích thị chính việc làm thành Phạm Thiên Vô Sắc Giới đây, mới được gọi là Bất Tri Khổ Đế (*Dukkhe añāṇaṃ*).

Trong sự việc có sự hân hoan duyệt ý mong muốn có được Thiền Vô Sắc Giới, mong muốn thành Phạm Thiên Vô Sắc Giới, là cũng với mãnh lực từ ở nơi Ái Dục (*Tañhà*) làm thành cái nguyên nhân đầu tiên cho sinh khởi sự khổ đau. Tuy nhiên người ấy cũng không thấy tác nghiệp của việc hân hoan duyệt ý ở trong Thiền Vô Sắc Giới, Cõi Vô Sắc Giới; và đích thị chính là như vậy mới được gọi là Bất Tri Tập Đế (*Dukkhasamudaye añāṇaṃ*).

Bậc đã thọ sinh thành vị Phạm Thiên Vô Sắc Giới, và chỉ có sát trừ khổ đau bằng với phương cách Giải Trừ (*Vikkhambhana*), mà chẳng phải là Bính Tuyệt (*Samuccheda*); bởi do thế sự an lạc của nhóm Phạm Thiên Vô Sắc Giới đang thụ lãnh ấy mới chẳng phải là sự an lạc một cách xác thực; mà đó chỉ là sự an lạc hữu quan với Hành Khổ (*Saṅkhàradukkha*) và Hoại Khổ (*Vipariṇāmadukkha*). Việc sát trừ khổ đau một cách bính tuyệt, và có được sự an lạc một cách xác thực, thì chỉ

có một thể loại đơn nhất và đầy chính là Níp Bàn mà thôi. Tuy nhiên vị ấy cũng chẳng có được biết đến, mà lại nghĩ rằng sự an lạc ở trong Thiền Vô Sắc Giới và thành vị Phạm Thiên Vô Sắc Giới ấy, mới chính là sự an lạc một cách tuyệt hảo; và đích thị chính là như vậy mới được gọi là *Bát Tri Diệt Đế (Dukkhanirodhe añāṇam)*.

Lời giải thích như đã vừa đề cập đây, là việc đề cập đến **Vô Minh** làm **Nhân** và **Bất Động Hành** làm **Quả**.

Lại nữa, người chỉ trông thấy tác nghiệp của Sắc Pháp, nhưng lại không trông thấy tác nghiệp của Danh Pháp; thế rồi cũng thực hành Thiền Vô Sắc Giới đây, thì đa số chỉ hiện hành ở trong khoảng thời gian không có Phật Giáo; còn đối với ở trong thời kỳ Phật Giáo thì chỉ là thiểu số. Còn bậc đã chứng đắc được Thiền Định rồi lại tiếp tục thực hành cho đến chứng đắc Thiền Vô Sắc Giới ở trong thời kỳ của Phật Giáo, thì chẳng phải thực hành cho được tiến triển vì trông thấy tác nghiệp của Sắc Pháp, mà thực ra chỉ thực hành nhằm để thực hiện *Thắng Trí (Abhiññā)*; và hơn nữa, nếu đã là bậc Bất Lai hoặc bậc Vô Sinh thì cũng nhằm để cho nhập được *Thiền Diệt (Nirodhajhāna)* mà thôi. Tuy nhiên, dù sao đi nữa ngoài trừ bậc đã có sở nguyện *Tuệ Chánh Đẳng Giác, Tuệ Độc Giác, Tuệ Chí Thượng Thinh Văn Giác, Tuệ Đại Thinh Văn Giác*; ngoài ra đây, thì nên thực hành Minh Sát nhằm để làm cho Tâm Đạo được phát triển lên, để rồi có khả năng diệt trừ được *Si Mê (Moha)*. Và một khi đã diệt trừ được Si Mê rồi, thì coi như cả Tam Hành ở chỗ thuộc Quả của Vô Minh cũng bị diệt trừ luôn thể; vì lẽ công việc diệt trừ được Phước Báo quả là một việc làm vô cùng khó khăn; duy nhất chỉ có đặc biệt là ở trong thời kỳ của Phật Giáo còn đang hiện bày mà thôi. Còn công việc kiến tạo Phước Báo cho được sinh khởi thì quả là chẳng có khó nhọc chi, và được thực hiện bất kể thời gian. Người vẫn chưa diệt trừ được Vô Minh, tuy nhiên tác hành của người ấy chẳng thành Tội Phước, và thường được vượt thoát ra khỏi Hành thì quả thực là không có vậy.

A. 25/. Hỏi: *Đồng ý với những Bất Thiện Sự đã được thành tựu là do bởi Vô Minh làm Nhân, nhưng thật đáng nghi ngờ với những Thiện Sự được thành tựu là cũng vẫn do bởi Vô Minh làm Nhân; vậy xin cho lời giải thích để được thấu hiểu.*

Đáp: Lời giải thích cho được thấu hiểu qua việc Thiện Sự được thành tựu là do bởi Vô Minh làm Nhân, như sau:

Người đã có sự sùng tín duyệt ý ở trong những việc *Tác Phước*, có việc thực hiện Xả Thí, thọ trì Giới Luật, tiến hóa Tu Tập; thì đa phần đã có sở nguyện cầu là sẽ được tiếp tục thụ hưởng sự an vui hạnh phúc ở trong kiếp sống sau, sẽ được thù thắng vi diệu hơn cả chính bản thân đã và đang đón nhận ở trong kiếp sống hiện tại này. Sẽ có quan điểm rằng một khi đã được lắng nghe, đã được đọc bài tường thuật có đề cập đến con người ta được sinh ra làm bá hộ, làm trưởng giả, vị vua, hoàng hậu, làm người xinh đẹp, có quyền lực, có sự thông minh và lanh lợi; hoặc

được sinh làm Thiên Nam, Thiên Nữ, có rất nhiều Thiên Sản, được tuổi thọ lâu dài, không có sự vất vả khốn khổ ở trong bất luận một trường hợp nào cả. Tất cả những sự việc này đều là quả báo đã được đón nhận từ ở nơi việc Xả Thí cho ra, thọ trì Giới Luật, tiến hóa Tu Tập hết cả thấy. Khi đã là như vậy rồi, thì người ấy phát sinh lên sự hân hoan phấn khởi, mong muốn sẽ có được sự an vui hạnh phúc ở những thể loại này. Thế rồi, người ấy đã tích cực tác hành Thiện Sự, có việc Xả Thí cho ra cũng có, hoặc thọ trì Giới Luật cũng có, hoặc Thính Pháp tụng niệm kinh điển cũng có, hoặc hành Thiền An Chỉ tu tập Minh Sát cũng có. Và hơn thế nữa, người ấy cũng khẩn nguyện rằng **“*Idam me puññaṃ nibbānassa paccayo hotu*”- “Do Quả Phước Báo này xin làm duyên đến Níp Bàn”**, thế mà, lời khẩn nguyện này là việc thệ nguyện chỉ bằng với lời nói mà thôi; còn tâm thức thì lại thường có thiên hướng nhắm đến những sự an lạc như đã vừa đề cập đến rồi vậy. Sự việc là như vậy, cũng bởi vì người ấy không có trông thấy tác nghiệt của Khổ - Tập; và không trông thấy ân đức của Diệt – Đạo. Việc không được trông thấy ân đức và tác nghiệt đây, là cũng chính do bởi **Vô Minh** ấy vậy.

Một vài người có quan điểm rằng việc được thọ sinh làm Nhân Loại hoặc Chư Thiên đấy, cho dù xác thực sẽ có sự an lạc đi nữa, tuy nhiên sự an lạc ấy cũng vẫn không có được tinh lương bằng với sự an lạc của nhóm Phạm Thiên; vì lẽ nhóm Phạm Thiên Hữu Sắc Giới ấy có được tuổi thọ lâu dài hơn, quyền lực cũng có nhiều hơn, sự xinh đẹp của sắc thân và thiên cung cũng được tinh lương hơn, sự Khổ Thân – Khổ Tâm cũng chẳng có dù chỉ là một chút ít; và bởi do thế mới nỗ lực thực hành An Chỉ Nghiệp Xứ cho đến chứng đắc tầng Thiên Sắc Giới. Người có sự hiểu biết như vậy, cũng do bởi không được trông thấy tác nghiệt và ân đức của Tứ Thánh Đế; và lại cũng chính do bởi mãnh lực từ ở nơi **Si Mê** ấy vậy. Chính vì thế mới nói được rằng **Vô Minh** làm **Nhân** và **Phúc Hành** làm **Quả** từ ở nơi Vô Minh.

A. 26/. Hỏi: Trong câu **“*Avijjāpaccayā saṅkhāra*”** (Vô Minh làm duyên Hành) đã làm cho hiểu biết rằng những thể loại Xả Thí Thiện, Trì Giới Thiện, Tu Tập Thiện đây chỉ đặc biệt sinh khởi với người vẫn đang còn có Vô Minh. Khi đã là như vậy thì có phải cũng ngang bằng với Bạc đã thành tựu Quả vị Vô Sinh thường không còn tiếp tục thực hiện việc Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập nữa, vì lẽ đã đoạn lưu Vô Minh rồi hay không? Xin Ngài cho lời giải thích thẩm định về vấn đề một cách thông suốt rõ ràng.

Đáp: Sẽ nói được rằng vì sao Bạc đã đoạn lưu Vô Minh rồi thì không còn tiếp tục thực hiện Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập:

Một vài Ngài có thể hiểu biết sai trật rằng Bạc đã thành tựu viên mãn Quả Vô Sinh rồi, thì Tội Lỗi luôn cả Phước Báo cũng không còn sinh khởi; do bởi có lời đã nói rằng Bạc đã diệt diệt được Vô Minh rồi, thì coi như cả Tam Hành ở chỗ là Tội Phước, với những thể loại này ắt hẳn cũng bị diệt diệt luôn thể. Khi đã là

như vậy thì lập ý rằng Bạc Vô Sinh ấy chẳng phải chỉ là không tạo tác điều tội lỗi, có việc sát mạng Hữu Tình, trộm cắp tài sản, v.v. không thôi; mà ngay cả các việc *Tác Phúc* có Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập cũng không có thực hiện luôn. Điều này được giải thích rằng “*chẳng phải là như thế!*” vì lẽ sự thật về điều ấy, là tất cả các Bạc Vô Sinh cũng vẫn còn tác hành Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập; tuy nhiên Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập của Bạc Vô Sinh đang thực hiện đấy, thì chẳng phải được liệt kê là Phúc Hành hoặc Bất Động Hành, vì chính những điều này là Quả của Vô Minh. Còn những việc tác hành ấy, thì được liệt kê chỉ là *Duy Tác (Kiriya)* thuộc về *Hành Phổ Thông (Saṅkhàrasamāñña)*, và chẳng có việc cho trở sinh quả báo nối tiếp ở trong Thời Tái Tục.

Việc tác hành với Thân, Lời, Ý của Bạc Vô Sinh chỗ gọi là *Hành Phổ Thông* đấy, thì cũng lập ý đến việc kiến tạo những công việc hữu quan với Thân, Lời, Ý cho được thành tựu mà thôi; đúng với câu đã nói rằng “*Na hi koci paṭicca samuppàdarahito saṅkhatadhammo nàma atthi*”- “*Ắt hẳn chẳng có bất luận một Pháp nào được gọi tên là Phối Chế Pháp mà vượt thoát ra khỏi Liên Quan Tương Sinh*”. Có nghĩa là Tâm Duy Tác của Bạc Vô Sinh cũng vẫn được gọi là Hành, và cũng được liệt kê vào một Chi Phần của Liên Quan Tương Sinh.

27/. Hỏi: Cho trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu và Nhân Cần Thiết của Hành.

Đáp: Trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Cần Thiết của **Hành**, đó là:

1. *Kiến Thủy Trạng Thái (Abhisāṅkharāṇalakkhaṇa)*: Có việc tác hành tạo tác làm thành trạng thái.
2. *Cần Miễn Phận Sự (Āyuhanarasa)*: Có việc nỗ lực làm cho Thức Tái Tục sinh khởi; hoặc nỗ lực làm cho Pháp thành Quả, ấy là khối Danh (Danh Uẩn) và bộn Sắc (Sắc Uẩn) cho được sinh khởi, làm thành phận sự.
3. *Tư Tác Ý Thành Tựu (Cetanāpaccupaṭṭhāna)*: Là Pháp chủng thúc đẩy lôi kéo, là hành trạng hiện bày ở trong Trí Tuệ của tất cả các *Bạc Hiền Trí (Paṇḍita)*.
4. *Lậu Hoặc Nhân Cận (Āsavapadaṭṭhāna)*: Có Vô Minh làm Nhân cận lân.

A. 28/. Hỏi: Hãy dịch nghĩa và giải thích một cách tóm lược trong kệ ngôn như tiếp theo đây:

<p><i>Maruppàtaṃ dipacciṃ</i> <i>Gùthakīlaṃ viṣaṃ khàdaṃ</i> <i>Bàlo karoti saṅkhàre</i> <i>Tasmà sati avijjàya</i></p>	<p><i>Madhulittassa lehanaṃ</i> <i>Pisàcanagaraṃ yathà.</i> <i>Tividhe dukkhahetavo</i> <i>Bhàvato hoti paccayo.</i></p>
--	---

Đáp: Tóm lại, tất cả các việc tác hành tạo tác với Thân, Lời, Ý của tất cả Chúng Hữu Tình ắt hẳn không thể nào trốn thoát ra khỏi cả Tam Hành, ấy là Phúc Hành, Phi Phúc Hành và Bất Động Hành; luôn cả có sự hân hoan duyệt ý ở trong cả Tam Hành ấy nữa. Tất cả sự việc này cũng do bởi Vô Minh, đích thị chính là sự bất liễu minh tác nghiệt của Khổ và Tập, và bất liễu minh ân đức của Diệt và Đạo. Bởi do thế, Ngài Chú Giải Sư mới trình bày đề ở trong bộ *Chú Giải Xua Tan Mê Mờ (Sammohavinodani Atthakathà)* rằng:

<i>Maruppàtaṃ dipacciṃ</i>	<i>Madhulittassa lehanaṃ</i>
<i>Gùthakìlaṃ visaṃ khàdaṃ</i>	<i>Pisàcanagaraṃ yathà.</i>
<i>Bàlo karoti saṅkhàre</i>	<i>Tividhe dukkhahetavo</i>
<i>Tasmà sati avijjàya</i>	<i>Bhàvato hoti paccayo.</i>

“Người đã bị che lấp do bởi Vô Minh thì ắt hẳn thường hay kiến tạo cả Tam Hành có Phúc Hành, v.v., và tất cả đều là Nhân Khổ Đau cả thấy. Cũng ví tựa như người nhẩy xuống vực thẳm vì đã nương dựa vào sự mong mỏi có được nàng Thiên Nữ. Hoặc ví tựa như con thiêu thân đã bay vào đống lửa do bởi có sự duyệt ý ở trong ánh sáng của đống lửa ấy vậy. Hoặc ví tựa như người liếm lưỡi dao mà người ta đã thoa mật ong lên đấy, do bởi nương vào sự duyệt ý ở trong mùi vị. Hoặc ví tựa như trẻ sơ sinh đùa nghịch với chính phần của mình. Hoặc ví tựa như người uống thuốc độc do bởi dựa vào sự buồn lòng muốn được chết đi. Hoặc ví tựa như người đi lạc đường vào trong thành phố Quỷ vậy. Bởi do thế, tất cả các bậc hiền đức mới liễu tri rằng Vô Minh làm duyên của Hành, vì lẽ một khi đã có Vô Minh rồi, thì nhất định cả Tam Hành cũng thường luôn sinh khởi theo.”

A. 29/. Hỏi: Vô Minh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với cả Tam Hành thì có được bao nhiêu mãnh lực của Duyên Hệ? Là những chi? Cho trình bày theo riêng từng mỗi phần.

Đáp: Trình Bày Việc Liệt kê 24 Duyên Vào Trong Câu **Vô Minh** Làm Duyên **Hành (Avijjàpaccaya Saṅkhàrà):**

1. Vô Minh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Phúc Hành** thì có được hai mãnh lực Duyên, đó là:

- 1/. *Cảnh Duyên (Ārammaṇapaccaya),*
- 2/. *Thường Cận Y Duyên (Pakatùpanissayapaccaya).*

[Tính giản lược thì có hai mãnh lực Duyên, như ở phần trên đã vừa đề cập đến. Tính rộng và đầy đủ thì có bốn mãnh lực Duyên, tức là:

- 1/. *Cảnh Duyên* và
- 2/. *Cảnh Trưởng Duyên (Ārammaṇàdhipatipaccaya),*
- 3/. *Cận Y Duyên (Upanissayapaccaya)* và
- 4/. *Thường Cận Y Duyên.*

Lại nữa, **Phúc Hành** được phân tích ra làm hai thể loại, đó là:

- Tâm Sở Tư Tác Ý phối hợp với Tâm Thiện Hữu Sắc Giới thì được gọi tên là **Phúc Hành Sắc Giới**.
- Tâm Sở Tư Tác Ý phối hợp với Tâm Đại Thiện thì được gọi là **Phúc Hành Dục Giới**.]

2. Vô Minh làm Nhân cho sinh khởi **Phi Phúc Hành** thì có được 15 mãnh lực Duyên, đó là:

1/. *Nhân Duyên (Hetupaccaya)*: Tâm Sở Si thuộc về Nhân Tương Ứng hiệp trợ với Tâm Sở Tư Tác Ý cùng phối hợp với 12 Tâm Bất Thiện.

2/. *Cảnh Duyên (Ārammaṇapaccaya)*: Tâm Sở Tư Tác Ý phối hợp với 12 Tâm Bất Thiện thuộc của tha nhân và của mình ở trong cả Tam Thời (Quá Khứ, Hiện Tại và Vị Lai) tiếp thân Tâm Sở Si làm thành Cảnh.

3/. *Trưởng Duyên (Adhipatipaccaya)*: bao gồm có cả *Cảnh Cận Y Duyên (Ārammaṇupanissayapaccaya)*, *Cảnh Trưởng Duyên*; với Tâm Sở Si kết hợp với Tâm Sở Tham đặng thành *Cảnh Trưởng Duyên* của Tâm Sở Tư Tác Ý phối hợp với Tâm Sở Tham.

4/. *Vô Giác Duyên (Anantarapaccaya)*: Tâm Sở Si phối hợp với Tâm Bất Thiện sinh trước, còn Tâm Sở Tư Tác Ý phối hợp với Tâm Bất Thiện sinh sau.

5/. *Đẳng Vô Giác Duyên (Samantarapaccaya)*: tương tự cùng phương thức với Vô Giác Duyên.

6/. *Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya)*: Tâm Sở Si cùng câu sinh với Tâm Sở Tư Tác Ý ở trong 12 Tâm Bất Thiện.

7/. *Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya)*: Tâm Sở Si cùng hỗ trợ Tâm Sở Tư Tác Ý ở trong từng mỗi cái Tâm Bất Thiện.

8/. *Y Chỉ Duyên (Nissayapaccaya)*: Tâm Sở Si và Tâm Sở Tư Tác Ý cùng nương tựa và câu sinh với nhau ở trong từng mỗi cái Tâm Bất Thiện.

9/. *Cận Y Duyên (Upanissayapaccaya)*: Tâm Sở Si và Tâm Sở Tư Tác Ý cùng nương tựa cận kề khấn khít với nhau ở trong từng mỗi cái Tâm Bất Thiện.

10/. *Trùng Dụng Duyên (Āsevanapaccaya)*: Tâm Sở Si phối hợp với cái Tâm Bất Thiện sinh trước hỗ trợ cho Tâm Sở Tư Tác Ý phối hợp với cái Tâm Bất Thiện sinh sau kế đó; và Tâm Đồng Lực sinh trước hỗ trợ cho Tâm Đồng Lực sinh kế sau.

11/. *Tương Ứng Duyên (Sampayuttapaccaya)*: Tâm Sở Si và Tâm Sở Tư Tác Ý cùng hòa hợp giúp với nhau trong từng mỗi cái Tâm Bất Thiện.

12/. *Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya)*: Tâm Sở Si và Tâm Sở Tư Tác Ý cùng câu sinh và cùng hiện hữu trong từng mỗi cái Tâm Bất Thiện.

13/. *Vô Hữu Duyên (Natthipaccaya)*: Tâm Sở Si phối hợp với Tâm Bất Thiện sinh trước đã vừa diệt mất, và Tâm Sở Tư Tác Ý phối hợp với Tâm Bất Thiện sinh nối tiếp kế liền sau đó.

14/. *Ly Khú DUYÊN (Vigatapaccaya)*: tương tự cùng phương thức với Vô Hữu Duyên.

15/. *Bát Ly DUYÊN (Avigatapaccaya)*: tương tự cùng phương thức với Hiện Hữu Duyên.

3. Vô Minh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Bát Động Hành** thì có được một mãnh lực Duyên, đó là: *Thường Cận Y Duyên (Pakatùpanissaya paccaya)*.

30/. Hỏi: Cho trình bày sự khác biệt giữa Hành làm thành Quả của Vô Minh với Hành làm thành Nhân của Thức; và cho trình bày Chi Pháp của Hành làm thành Nhân của Thức.

Đáp: Có hai thể loại **Hành**, đó là:

- 1/. Hành làm thành **Quả** của Vô Minh,
- 2/. Hành làm thành **Nhân** cho sinh khởi Thức.

+ Đối với **Hành** làm thành **Quả** của **Vô Minh** thì thường có được hết cả thấy, và không loại trừ bất luận một thể loại nào.

Còn **Hành** làm thành **Nhân** cho sinh khởi **Thức**, thì loại trừ Tư Tác Ý hiện hữu ở trong Tâm Si Tương Ứng Trạo Cử ở trong sát na Thức Tái Tục Bất Thiện sinh khởi, bởi do nương vào **Phi Phúc Hành** làm **Nhân**; bởi vì Tư Tác Ý Trạo Cử không có năng lực vừa đủ để sẽ trở sinh quả báo ở trong *Thời Tái Tục (Paṭisandhikāla)*, đặng cho tục sinh làm nhóm Hữu Tình Khổ Thú. Tuy nhiên ở trong *Thời Chuyển Khởi (Pavattikāla)* thì lại có được khả năng trở sinh quả báo để cho sinh khởi Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện.

Chính vì thế, ở trong câu nói rằng *Saṅkhàrapaccaya viññāṇa sambhavati* (Hành làm duyên cho Thức khởi sinh), thì khoảng thời gian Phi Phúc Hành làm **Nhân** và *Thức Tái Tục (Paṭisandhiviññāṇa)* làm **Quả**, mới loại trừ Tư Tác Ý Trạo Cử đi, và như thế có thể chỉ còn có 11 Tư Tác Ý Bất Thiện. Tuy nhiên khoảng thời gian Phi Phúc Hành làm **Nhân** và *Thức Chuyển Khởi (Pavattiviññāṇa)* làm **Quả**, thì lại hiện hữu hết cả thấy 12 Tư Tác Ý Bất Thiện.

Còn ở trong **Phúc Hành** thì nhất định loại trừ Tư Tác Ý trong Thiện Thắng Trí, bởi vì Tư Tác Ý Thiện Thắng Trí đây không có chức năng trở sinh quả báo, tức là Thức Quả Dị Thục, bất luận một Thời nào trong cả hai Thời, Thời Tái Tục và Thời Chuyển Khởi. Những Thắng Trí có Thần Túc Thắng Trí v.v. ở chỗ sinh khởi làm **Quả** từ ở nơi Thiện Thắng Trí, đích thị chính là Quả sinh khởi theo Thời Hiện Tại hiện hiện năng lực rõ ràng. Tuy nhiên cho dù sẽ loại trừ Tư Tác Ý ở trong Thiện Thắng Trí đi nữa, số lượng Tư Tác Ý ở phần Phúc Hành cũng có thể có được 13 như lúc ban đầu; vì lẽ Thiện Ngũ Thiền Hữu Sắc Giới bất hữu quan với Thắng Trí cũng vẫn có hiện hữu.

Đối với **Bất Động Hành** có thể có toàn bộ Tư Tác Ý và không có loại trừ điều nào; bởi do thế khi tổng kết số lượng **Hành** làm **Nhân** cho sinh khởi **Thức** thì có thể có được như vậy:

- **13 Phúc Hành** (loại trừ Tư Tác Ý ở trong Thiện Thắng Trí)
- **12 Phi Phúc Hành** (loại trừ Tư Tác Ý Trạo Cử ở chỗ không cho quả báo ở trong Thời Tái Tục)
- **4 Bất Động Hành**

Kết hợp lại thì có 29 Tư Tác Ý.

Lại nữa, Tư Tác Ý Bất Thiện bị diệt trừ do bởi cả Tứ Đạo, và Tư Tác Ý Thiện - Bất Thiện ở phần *Vô Hiệu Nghiệp Lực (Ahosikamma)*, cho dù sẽ là **Hành** sinh khởi từ ở nơi **Vô Minh** làm **Nhân** có thực sự đi nữa, tuy nhiên cũng không sắp vào ở trong **Hành** làm **Nhân** của **Thức** tương tự như nhau được.

31/. Hỏi: Cho trình bày câu Chú Giải của từ ngữ “*Viññāṇam*” (Thức), cùng với cả Chi Pháp.

Đáp: Trình bày câu Chú Giải của từ ngữ *Viññāṇa* (Thức):

“*Vijānānti = Viññāṇam*”- “*Pháp chủng nào hiểu biết Cảnh một cách đặc biệt, chính vì thế mới gọi tên Pháp chủng ấy là Thức.*” (Lập ý lấy 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế). Một trường hợp khác nữa: “*Vijānanti etenānti = Viññāṇam*”- “*Tất cả người ta thường hay biết Cảnh một cách đặc biệt bởi do Pháp chủng ấy; chính vì thế mới gọi tên Pháp chủng làm thành tác nhân cho tất cả người ta được hiểu biết Cảnh một cách đặc biệt, là Thức.*” (Lập ý lấy 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế cùng phối hợp với Tâm Sở).

32/. Hỏi: Cho trình bày Chi Pháp của Thức thể theo cả hai Phương Pháp, cùng với cả lời giải thích.

Đáp: Chi Pháp của Thức đây được trình bày thể theo cả hai Phương Pháp (Naya), đó là: Phương Pháp Phân Tích thể theo Vô Tỷ Pháp Tạng (*Abhidhamma bhājanīyanaya*) và Phương Pháp Phân Tích thể theo Kinh Tạng (*Suttanta bhājanīyanaya*).

+ Rằng theo Phương Pháp Phân Tích thể theo Vô Tỷ Pháp Tạng, tức là 89 Tâm, bởi vì từ ngữ *Viññāṇa* (Thức) có việc hiểu biết Cảnh một cách đặc biệt từ ở nơi việc hiểu biết của *Tưởng (Sañña)* và *Trí Tuệ (Pañña)*; chính vì thế mới tính lấy toàn bộ hết tất cả các Tâm. Một trường hợp khác nữa, tất cả các Tâm có được sinh khởi lên, thì cũng phải nương vào Hành, tức là việc tác hành tạo tác; chính vì thế mới tính lấy toàn bộ hết tất cả các Tâm.

+ Rằng theo Phương Pháp Phân Tích thể theo Kinh Tạng, tức là 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế, bởi vì việc trình bày Liên Quan Tương Sinh bởi theo Phân Tích Theo Kinh Tạng đây, thì có việc phân chia theo *Thời Kỳ (Kāla)* nghĩa là

kiếp sống ở trong Quá Khứ, Hiện Tại, Vị Lai; phân chia theo Nhân – Quả, cả Tam Luân, v.v. Chính vì thế, một khi tính **Thức** theo Thời Kỳ thì cũng được sắp vào ở trong kiếp sống Hiện Tại, như đã có được trình bày rằng “*Majjhe aṭṭha paccayuppanno addhà*”. Một khi tính theo Nhân Quả thì cũng được sắp vào ở trong Quả, như đã có được trình bày rằng “*Idāni phalapañcakam*”. Một khi tính theo cả Tam Luân thì cũng được sắp vào ở trong Dị Thục Quả Luân, như đã có được trình bày rằng “*Avasesà ca vipākavaṭṭam*”. Chính vì thế, từ ngữ **Viññàṇa** (*Thức*) ở chỗ làm **Quả** của **Hành** đây, đích thị mới bao gồm 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế ấy vậy.

Còn việc trình bày thể theo Phương Pháp Phân Tích thể theo Vô Tỷ Pháp Tạng thì không có sắp bày Chi Pháp; có nghĩa là từ ngữ **Viññàṇa** (*Thức*) cũng bao hàm toàn bộ tất cả các Tâm. Từ ngữ **Nāma** (*Danh*) thì cũng bao hàm toàn bộ tất cả các Tâm Sở. Từ ngữ **Rūpa** (*Sắc*) thì cũng bao hàm toàn bộ tất cả các Sắc Pháp. Từ ngữ **Phassa** (*Xúc*) cũng bao hàm toàn bộ tất cả các Xúc. Là như vậy chẳng hạn, cũng bởi vì không có việc phân biệt bởi theo Thời Kỳ, Nhân Quả, v.v.

Việc trình bày Liên Quan Tương Sinh thể theo cả hai Phương Pháp như đã vừa đề cập đến đây, Đức Phật Ngài đã có lập ý trình bày đề ở trong *Bộ Kinh Phân Tích* (**Vibhaṅgapakaraṇa**) của Tạng Vô Tỷ Pháp.

A. 33/. Hỏi: Cho lời giải thích ở trong câu Chú Giải của **Viññàṇa** (*Thức*) thuộc điều thứ nhất và điều thứ hai; và *Thức* làm thành *Quả* của *Hành* đây, khi phân chia ra thì có được bao nhiêu nhóm? Là những chi?

Đáp: + Giải thích trong câu Chú Giải ở điều thứ nhất, đó là: “**Vijānāṭṭi = Viññāṇam**”.

Pháp chủng của Tâm thì thường luôn có việc được tiếp thu lấy Cảnh chẳng kể thời gian nào; và đích thị chính là việc thường luôn được tiếp thu lấy Cảnh chẳng kể thời gian nào đây, mới được gọi tên là “*thường hay biết Cảnh một cách đặc biệt*”.

Một trường hợp khác nữa, ở trong số lượng những thể loại Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế thì đa số có việc hiểu biết Cảnh đặc biệt rất là hạn chế; khác biệt với việc hiểu biết Cảnh của Thiện và Duy Tác thì đa số là bất hạn lượng. Chẳng hạn như Tâm Nhân Thức thì đặc biệt hiểu biết Cảnh Xúc; Tâm Tiếp Thu thì đặc biệt cũng chỉ có việc hiểu biết Ngũ Cảnh, Xả Thọ, Tâm Thảm Tấn, Tâm Đại Quả và Tâm Dị Thục Quả Đáo Đại một khi thực hiện chức năng ở chỗ Tái Tục, Hữu Phần và Tử thì đặc biệt cũng chỉ có việc hiểu biết Cảnh hữu quan với kiếp sống Quá Khứ. Và cũng chính vì như vậy, mới được gọi tên là “*liễu tri Cảnh một cách đặc biệt*”, nghĩa là không hiểu biết cùng khắp tất cả.

+ Giải thích trong câu Chú Giải ở điều thứ hai, đó là: “**Vijānanti etenāṭṭi = Viññāṇam**”.

Tất cả Chúng Hữu Tình hoặc Tâm Sở có việc hiểu biết những các Cảnh, kể cả Siêu Lý và Chế Định đấy, là cũng do bởi nương vào Thức Dị Thục Quả làm Nhân. Sẽ nói rằng nếu như Tâm Nhân Thức không có sinh khởi, thì cũng coi như là người ấy không có việc trông thấy, v.v. Nếu như Tâm Thân Thức không có sinh khởi, thì cũng coi như là người ấy không có sự cảm giác về Thân Môn. Nếu như thiếu Tâm Hữu Phần đi rồi, thì kể như là người ấy chẳng có sự hiểu biết bất luận một Cảnh nào cả. Chính với lý do này, những thể loại Thức Dị Thục Quả đây, mới làm thành Pháp Tác Nhân để cho tất cả Chúng Hữu Tình hiểu biết Cảnh một cách đặc biệt.

+ Thức làm thành Quả của tất cả các Hành đây, được phân chia ra thành hai nhóm, đó là:

- Thức sinh khởi ở trong Thời Kỳ Tái Tục thì được gọi tên là *Thức Tái Tục (Paṭisandhiviññàṇa)*; tức là 19 Tâm Tái Tục, và
- Thức sinh khởi ở trong Thời Kỳ Chuyển Khởi thì được gọi tên là *Thức Chuyển Khởi (Pavattiviññàṇa)*; tức là 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế.

34/. Hỏi: Hãy phân tích 19 Thức Tái Tục bởi theo Hồn Hợp (*Missaka*), Thuần Nhất (*Suddha*), Cõi Giới (*Bhūmi*), Chủng Loại (*Jāti*), Sinh Thú (*Gati*), Thức Trụ (*Viññāṇāṭhiti*), Lục Cư Địa Giới (*Sattavāsa*); luôn cả trình bày số lượng Thức trong từng mỗi Phần.

Đáp: Việc phân tích 19 Thức Tái Tục bởi theo từng các Phần, đó là:

+ Những 19 Thức Tái Tục đây một khi phân tích bởi theo Hồn Hợp (*Missaka*) và Thuần Nhất (*Suddha*) thì chia ra thành hai phần, đó là:

1. *Sắc Hồn Hợp Thức (Rūpamissakaviññàṇa)*: Thức trộn lẫn với Sắc Pháp, thì có được **15**, đó là: 2 Tâm Thâm Tân Xả Thọ, 8 Tâm Đại Quả và 5 Tâm Dị Thục Quả Hữu Sắc Giới.
2. *Sắc Bất Hồn Hợp Thức (Rūpaamissakaviññàṇa)*: Thức không trộn lẫn với Sắc Pháp, thì có được **4**, đó là: 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới.

+ Khi phân tích Thức Tái Tục bởi theo Cõi Giới (*Bhūmi*) thì chia ra thành ba phần, đó là:

1. *Thức Dục Giới (Kāma viññàṇa)* có 10, đó là: 2 Tâm Thâm Tân Xả Thọ và 8 Tâm Đại Quả.
2. *Thức Sắc Giới (Rūpa viññàṇa)* có 5, đó là: 5 Tâm Dị Thục Quả Hữu Sắc Giới.
3. *Thức Vô Sắc Giới (Arūpa viññàṇa)* có 4, đó là: 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới.

+ Khi phân tích Thức Tái Tục bởi theo Chủng Loại (*Jāti*) thì chia ra thành bốn phần, đó là:

1. *Thức Noãn Sinh (Anḍajaviññàṇa)* có 10 Thức Tái Tục, đó là: 2 Tâm Thâm Tấn Xả Thọ và 8 Tâm Đại Quả.
2. *Thức Thai Sinh (Jalàbujaviññàṇa)* có 10 Thức Tái Tục, đó là: 2 Tâm Thâm Tấn Xả Thọ và 8 Tâm Đại Quả.
3. *Thức Thấp Sinh (Saṁsedajaviññàṇa)* có 1 Thức Tái Tục, đó là: 1 Tâm Thâm Tấn Dị Thục Quả Bất Thiện.
4. *Thức Hóa Sinh (Opapàtikaviññàṇa)* có 19 Thức Tái Tục, đó là: 2 Tâm Thâm Tấn Xả Thọ, 8 Tâm Đại Quả và 9 Tâm Dị Thục Quả Đại.

+ Khi phân tích Thức Tái Tục bởi theo *Sinh Thú (Gati)* thì chia ra thành năm phần (còn gọi là Ngũ Đạo), đó là:

1. *Thức Chư Thiên Sinh Thú (Devagativiññàṇa)* có 18 Thức Tái Tục, đó là: 1 Tâm Thâm Tấn Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân, 8 Tâm Đại Quả và 9 Tâm Dị Thục Quả Đáo Đại.
2. *Thức Nhân Loại Sinh Thú (Manussagativiññàṇa)* có 9 Thức Tái Tục, đó là: 1 Tâm Thâm Tấn Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân và 8 Tâm Đại Quả.
3. *Thức Địa Ngục Sinh Thú (Nirayagativiññàṇa)* có 1 Thức Tái Tục, đó là: 1 Tâm Thâm Tấn Dị Thục Quả Bất Thiện.
4. *Thức Bàn Sinh Sinh Thú (Tiracchānagativiññàṇa)* có 1 Thức Tái Tục, đó là: 1 Tâm Thâm Tấn Dị Thục Quả Bất Thiện.
5. *Thức Ngạ Quỷ Sinh Thú (Petagativiññàṇa)* có 1 Thức Tái Tục, đó là: 1 Tâm Thâm Tấn Dị Thục Quả Bất Thiện.

+ Khi phân tích Thức Tái Tục bởi theo *Thức Trụ (Viññàṇathiti – Thường Trụ Thức: Cõi Giới thành trụ xứ của Thức)* thì có được bảy phần, đó là:

1. *Thức Thân Dị Tướng Dị (Nānattakāyanānattasaññiviññàṇa)* có 9 Thức Tái Tục, đó là: 1 Tâm Thâm Tấn Dị Thục Quả Thiện Xả Thọ và 8 Tâm Đại Quả.
2. *Thức Thân Dị Tướng Đồng (Nānattakāyaekattasaññiviññàṇa)* có 2 Thức Tái Tục, đó là: 1 Tâm Thâm Tấn Dị Thục Quả Bất Thiện cho đi tục sinh Tứ Khô Thú; và 1 Tâm Dị Thục Quả Sơ Thiên Hữu Sắc Giới cho đi tục sinh làm 3 Bậc Phạm Thiên Sơ Thiên Hữu Sắc Giới.
3. *Thức Thân Đồng Tướng Dị (Ekattakāyanānattasaññiviññàṇa)* có 2 Thức Tái Tục, đó là: 1 Tâm Dị Thục Quả Nhị Thiên và 1 Tâm Dị Thục Quả Tam Thiên Hữu Sắc Giới.
4. *Thức Thân Đồng Tướng Đồng (Ekattakāyaekattasaññiviññàṇa)* có 2 Thức Tái Tục, đó là: 1 Tâm Dị Thục Quả Tứ Thiên và 1 Tâm Dị Thục Quả Ngũ Thiên Hữu Sắc Giới.
5. *Thức Không Vô Biên Xứ (Àkāsanañcāyatanaviññàṇa)* có 1 Thức Tái Tục, đó là: 1 Tâm Dị Thục Quả Không Vô Biên Xứ.

6. *Thức Thức Vô Biên Xứ (Viññāṇañcayatanaviññāṇa)* có 1 Thức Tái Tục, đó là: 1 Tâm Dị Thục Quả Thức Vô Biên Xứ.
7. *Thức Thức Vô Sở Hữu Xứ (Ākiñcaññāyatanaviññāṇa)* có 1 Thức Tái Tục, đó là 1 Tâm Dị Thục Quả Vô Sở Hữu Xứ.

+ Khi phân tích bởi theo *Lưu Cư Địa Giới (Sattavāsabhūmi – Cõi Giới làm thành chỗ nương trú của Hữu Tình)* thì có được tám phần, tức là từ điều thứ 1 cho đến điều thứ 7 của *Thất Thức Trụ (ở phần trên)* là tính được bảy phần, và:

8. *Thức Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ (Nevasaññānāsaññāyatana viññāṇa)* có một Thức Tái Tục, đó là: 1 Tâm Dị Thục Quả Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ. (Loại trừ một Lưu Cư Địa Giới, đó là Vô Tướng Hữu Tình Địa Giới vì không có Tâm Thức).

35/. Hỏi: *Hãy phân tích 32 Thức Dị Thục Quả bởi theo cả Tam Hành, có Phúc Hành, v.v. rằng thể loại Thức nào thì sinh khởi bởi do nương vào thể loại Hành nào làm Năng Duyên.*

Đáp: Phân tích **32 Thức Tái Tục** bởi theo cả **Tam Hành** (Phi Phúc Hành, Phúc Hành, Bất Động Hành), đó là:

1. **12 Phi Phúc Hành** làm **Nhân**, tức là Tâm Sở Tư Tác Ý phối hợp 12 Tâm Bất Thiện làm thành tác nhân). Và 7 Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện, tức là việc trông thấy, việc được lắng nghe, việc được ngửi, việc biết mùi vị, việc xúc chạm, việc tiếp thâu Cảnh, việc thẩm tra Cảnh, và việc tiếp thâu Cảnh từ ở nơi Đồng Lực Bất Thiện làm **Quả** ở trong 11 Cõi Dục Giới.
2. **12 Phi Phúc Hành** làm **Nhân**, tức là Tâm Sở Tư Tác Ý phối hợp với 12 Tâm Bất Thiện làm thành tác nhân). Và 4 Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện tức là việc trông thấy (Tâm Nhãn Thức), việc được lắng nghe (Tâm Nhĩ Thức), việc tiếp thâu Cảnh (Tâm Tiếp Thâu), việc thẩm tra Cảnh Bất Thiện (Tâm Thẩm Tấn) làm **Quả** (thụ lãnh Cảnh xấu) ở trong 15 Cõi Sắc Giới.
3. **Phúc Hành** tức là Tâm Sở Tư Tác Ý phối hợp với 8 Tâm Đại Thiện làm **Nhân**. 8 Tâm Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân tức là việc trông thấy, việc được lắng nghe, việc được ngửi, việc biết mùi vị, việc xúc chạm, việc tiếp thâu Cảnh, việc thẩm tra Cảnh, và việc tiếp thâu Cảnh từ ở nơi Đồng Lực Thiện làm **Quả** ở trong 11 Cõi Dục Giới.
4. **Phúc Hành** tức là Tâm Sở Tư Tác Ý phối hợp với 8 Tâm Đại Thiện làm **Nhân**. 8 Tâm Đại Quả tức là việc tiếp thâu Cảnh (làm việc Na Cảnh) từ ở nơi Đồng Lực Thiện làm **Quả** ở trong 7 Cõi Thiên Dục Giới.
5. **Phúc Hành** tức là Tâm Sở Tư Tác Ý phối hợp với 8 Tâm Đại Thiện làm **Nhân**. Và 5 Tâm Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân tức là việc trông thấy (Tâm Nhãn Thức), việc được lắng nghe (Tâm Nhĩ Thức), việc tiếp thâu Cảnh

(Tâm Tiếp Thâu), việc thăm tra Cảnh Thiện (Tâm Thảm Tấn) làm **Quả** ở trong 15 Cõi Hữu Sắc Giới.

6. **Phúc Hành** tức là Tâm Sở Tư Tác Ý phối hợp với 5 Tâm Thiện Hữu Sắc Giới làm **Nhân**. Và 5 Tâm Dị Thục Quả Hữu Sắc Giới, tức là làm việc duy trì bảo hộ kiếp sống (làm việc của Tâm Hữu Phần) làm **Quả** ở trong 15 Cõi Hữu Sắc Giới.
7. **Bất Động Hành** tức là Tâm Sở Tư Tác Ý phối hợp với 4 Tâm Thiện Vô Sắc Giới làm **Nhân**. Và 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới tức là việc duy trì bảo hộ kiếp sống (Tâm Hữu Phần) làm **Quả** ở trong 4 Cõi Vô Sắc Giới.

*36/. **Hỏi:** Thức Dị Thục Quả sinh khởi trong Thời Kỳ Chuyển Khởi ở Cõi Dục Giới, Cõi Sắc Giới, và Cõi Vô Sắc Giới thì gồm có những chi? Và khi sinh khởi trong Thời Kỳ Tái Tục thì gồm có những chi? Cho trình bày theo riêng từng mỗi Phần.*

***Đáp:** + Thức Dị Thục Quả sinh khởi ở Cõi Dục Giới trong Thời Kỳ Chuyển Khởi, tức là 23 Dị Thục Quả Dục Giới; và trong Thời Kỳ Tái Tục, tức là 10 Tái Tục Dục Giới.*

+ Thức Dị Thục Quả sinh khởi ở Cõi Sắc Giới trong Thời Kỳ Chuyển Khởi, tức là 2 Nhân Thức, 2 Nhĩ Thức, 2 Tiếp Thâu, 3 Thảm Tấn, 5 Dị Thục Quả Sắc Giới; và trong Thời Kỳ Tái Tục, tức là 5 Dị Thục Quả Sắc Giới.

+ Thức Dị Thục Quả sinh khởi ở Cõi Vô Sắc Giới trong Thời Kỳ Chuyển Khởi và Thời Kỳ Tái Tục, ấy chính là 4 Dị Thục Quả Vô Sắc Giới.

*37/. **Hỏi:** Hãy trình bày Thức Dị Thục Quả như tiếp theo đây:*

1. *Thức Dị Thục Quả sinh được ở trong Thời Kỳ Tái Tục nhưng lại không được sinh ở trong Thời Kỳ Chuyển Khởi.*
2. *Thức Dị Thục Quả sinh được ở trong Thời Kỳ Chuyển Khởi nhưng lại không được sinh ở trong Thời Kỳ Tái Tục.*
3. *Thức Dị Thục Quả sinh được ở cả hai Thời Kỳ Tái Tục và Thời Kỳ Chuyển Khởi.*
4. *Thức Dị Thục Quả sinh không được ở cả hai Thời Kỳ Tái Tục và Thời Kỳ Chuyển Khởi.*

***Đáp:** Trình bày theo tuần tự theo những Thức Dị Thục Quả sau đây:*

1. *Không có.*
2. *Có 13, đó là: 10 Ngũ Song Thức, 2 Tiếp Thâu, 1 Thảm Tấn Hỷ Thọ.*
3. *Có 19, tức là 19 Tâm Tái Tục.*
4. *Không có.*

38/. Hỏi: Hãy trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu và Nhân Cần Thiết của Thức. Và trong sự việc Hành làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Thức đây thì có được bao nhiêu mãnh lực Duyên Hệ? Là những chi?

Đáp: Trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Cần Thiết của Thức, đó là:

1. **Thức Tri Trạng Thái (Vijāṇanalakkhaṇam):** Có việc hiểu biết Cảnh một cách đặc biệt từ ở nơi Trí Tuệ và Tướng làm thành trạng thái.
2. **Thủ Sự Phận Sự (Pubbaṅgamarasam):** Làm chủ quản đối với Tâm Sở và Sắc Nghiệp, làm thành phận sự.
3. **Tái Tục Thành Tựu (Paṭisandhipaccupaṭṭhānam):** Có việc nối tiếp giữa kiếp sống cũ và kiếp sống mới, làm hành trạng hiện bày ở trong Trí Tuệ của tất cả các Bậc Hiền Trí (Paṇḍita).
4. **Hành Nhân Cận (hoặc) Cảnh Vật Nhân Cận (Saṅkhàrapadaṭṭhānam) (và) (Vatthàrammaṇapadaṭṭhānam):** Có Tam Hành làm Nhân cận lân, hoặc có Lục Căn với Lục Cảnh làm Nhân cận lân.

+ Trình bày việc liệt kê 24 Duyên vào trong câu “**Hành** làm Duyên cho Thức” (Saṅkhàrapaccayā Viññānam):

Cả Tam Hành (Phi Phúc Hành, Phúc Hành, Bất Động Hành) làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Thức Dị Thục Quả, thì có được hai mãnh lực Duyên, đó là:

- 1/. Thường Cận Y Duyên (Pakatūpanissaya paccaya),
- 2/. Dị Thời Nghiệp Duyên (Nānakkhaṇikakamma paccaya).

39/. Hỏi: Hãy trình bày phân loại Thức làm thành Nhân của Danh Sắc, cùng luôn cả Chi Pháp. Và lại từ ngữ “Nāmarūpaṃ” (Danh Sắc) thì Danh ấy là chi? và Sắc ấy là chi?

Đáp: Tâm Sở phối hợp với Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thê và Sắc Nghiệp thường hiện khởi lên bởi do nương vào Thức Nghiệp Lực (Kammaviññāṇa) và Thức Dị Thục Quả (Vipākaviññāṇa) làm thành Nhân.

Thức (Viññāṇa) làm thành Nhân cho sinh khởi Danh Sắc (Nāmarūpa) đây, hiện hữu ở hai thể loại, đó là:

- 1/. Thức Dị Thục Quả (Vipākaviññāṇa) và
- 2/. Thức Nghiệp Lực (Kammaviññāṇa).

Thức Dị Thục Quả tức là 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thê.

Thức Nghiệp Lực tức là Tâm Bất Thiện, Tâm Đại Thiện, Tâm Thiện Hữu Sắc Giới phối hợp với Tư Tác Ý Thiện – Bất Thiện ở trong kiếp sống quá khứ.

+ Và từ ngữ “*Nàmarùpaṃ*” ấy, với **Danh** (*Nàma*) tức là 35 Tâm Sở phối hợp với 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế. **Sắc** (*Rùpa*) tức là Sắc Nghiệp Tái Tục, Sắc Nghiệp Chuyển Khởi, Sắc Tâm (Đối với Sắc Nghiệp Chuyển Khởi và Sắc Tâm được sắp vào ở trong câu **Sắc Pháp**, đích thị cũng chính là do nương vào Thức Nghiệp Lực và Thức Dị Thục Quả Chuyển Khởi ấy vậy, được kể vào thể loại linh động áp dụng.)

40/. Hỏi: *Hãy phân tích Danh Sắc làm thành Quả của Thức thể theo Thời Kỳ Tái Tục và Thời Kỳ Chuyển Khởi. Và cho lời giải thích trong câu Chú Giải “*Nàmañca rùpañca nàmarùpañca = Nàmarùpaṃ*”.*

Đáp: Phân tích Danh Sắc làm thành Quả của Thức Dị Thục Quả thể theo Thời Kỳ Tái Tục và Thời Kỳ Chuyển Khởi như vậy:

Thức Dị Thục Quả và những thể loại Danh Sắc đây bởi theo Thời Kỳ Tái Tục và Thời Kỳ Chuyển Khởi, thì thường được hiện hành như vậy:

Danh Tái Tục tức là 35 Tâm Sở phối hợp với 19 Thức Tái Tục.

Danh Chuyển Khởi tức là 35 Tâm Sở phối hợp với 32 Thức Quả Dị Thục Chuyển Khởi (loại trừ Thức Tái Tục).

Sắc Tái Tục tức là Sắc Nghiệp câu sinh với Thức Tái Tục.

Sắc Chuyển Khởi tức là Sắc Tâm sinh khởi từ ở nơi 18 Thức Dị Thục Quả Chuyển Khởi (loại trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức, 4 Tâm Dị Thục Quả Vô Sắc Giới) và Sắc Nghiệp Chuyển Khởi sinh khởi từ ở nơi 25 Thức Nghiệp Lực (tức là Tâm Sở Tư Tác Ý phối hợp với 12 Tâm Bất Thiện, 8 Tâm Đại Quả và 4 Tâm Dị Thục Quả Hữu Sắc Giới).

+ Câu Chú Giải của câu nói *Nàmarùpa* (*Danh Sắc*): “*Nàmañca rùpañca nàmarùpañca = Nàmarùpaṃ*”- “*Gọi tên Pháp chủng vừa là Danh và vừa là Sắc, lại vừa cả Danh và Sắc, ấy là **Danh Sắc**.*” Giải thích trong câu Chú Giải của **Danh Sắc** này là: Một khi lời nói rằng **Danh Sắc** đây, nếu như trình bày thể theo sự hiện hành của Danh và Sắc sinh từ ở nơi Thức, thì sẽ phải trình bày là “*Viññàṇapaccayà nàma rùpanàmarùpaṃ*”, tuy nhiên ở trong chỗ này đã cất lấy đi một câu Danh Sắc ra rồi, và chỉ còn đơn nhất một câu **Danh Sắc** mà thôi. Việc trình bày như vậy được gọi là *Phương Pháp Tồn Tại Nhất Ngôn* (*Ekasesanaya*).

41/. Hỏi: *Cho trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Cần Thiết của Danh Sắc.*

Đáp: + Trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Cần Thiết của **Danh**, đó là:

1. **Dẫn Đạo Trạng Thái** (*Namalakkhaṇaṃ*): Có việc hướng diện đến Cảnh, làm thành trạng thái.

2. *Phối Hợp Phận Sự (Pubbamgamarasam)*: Có việc phối hợp với Tâm và tự phối hợp lẫn nhau, bởi theo trạng thái *Đồng Sinh (Ekuppàdatà)* v.v. làm thành phận sự.
3. *Bất Ly Tán Thành Tụ (Paṭisandhipaccupaṭṭhànam)*: Có việc không tách ly xa lìa với Tâm, làm hành trạng hiện bày ở trong Trí Tuệ của tất cả các *Bậc Hiền Trí (Paṇḍita)*.
4. *Thức Nhân Cận (Viññàṇapadaṭṭhànam)*: Có Thức làm Nhân cận lân.

 + Trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tụ, và Nhân Cận Thiết của **Sắc**, đó là:

1. *Hoại Diệt Trạng Thái (Ruppanalakkhaṇam)*: Có việc tiêu hoại đổi thay, làm thành trạng thái.
2. *Phân Tán Phận Sự (Vikiraṇarasam)*: Có việc tách ly chia lìa nhau, làm thành phận sự.
3. *Vô Ký Thành Tụ (Abyàkatapaccupaṭṭhànam)*: Có sự làm thành Pháp Vô Ký, hoặc có sự bất liễu tri Cảnh, làm hành trạng hiện bày ở trong Trí Tuệ của tất cả các *Bậc Hiền Trí*. [*Acetanà abyàkatàti ettha viya anàrammaṇatà và abyàkatatà daṭṭhabbà*] (Trích ở trong Đại Phụ Chú Giải)
4. *Thức Nhân Cận (Viññàṇapadaṭṭhànam)*: Có Thức làm Nhân cận lân.

42/. Hỏi: Hãy trình bày mãnh lực Duyên được kết hợp vào trong việc giúp đỡ ủng hộ như tiếp theo đây:

1. *Thức Dị Thục Quả làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Pháp tức là Tâm Sở phối hợp.*
2. *Thức Tái Tục làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Tâm Cơ (Sắc Ý Vật).*
3. *Thức Tái Tục làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Nghiệp Tái Tục (loại trừ Sắc Tâm Cơ).*
4. *Thức Nghiệp Lực làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Nghiệp Tái Tục trong Cõi Hữu Tình Vô Tướng.*
5. *Thức Nghiệp Lực làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc Nghiệp Chuyển Khởi trong Cõi Ngũ Uẩn và Cõi Nhất Uẩn.*

Đáp: Trình bày việc liệt kê 24 Duyên vào trong câu “**Thức** làm duyên **Danh Sắc**” (*Viññàṇapaccayà Nàmarūpaṃ*)

1. Thức Dị Thục Quả làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Danh Pháp** tức là Tâm Sở phối hợp, thì có được chín mãnh lực Duyên, đó là:

1/. *Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya)*: Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Tâm Sở phối hợp cùng câu sinh với nhau.

2/. *Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya)*: Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Tâm Sở phối hợp, giúp đỡ hỗ trợ lẫn nhau.

3/. *Y Chỉ Duyên (Nissayapaccaya)*: Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Tâm Sở phối hợp giúp đỡ nương nhờ với nhau.

4/. *Dị Thục Quả Duyên (Vipàkapaccaya)*: Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Tâm Sở phối hợp giúp đỡ với tác ý thành nhân thành quả.

5/. *Vật Thục Duyên (Àhàrapaccaya)*: Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế thuộc về Thức Thục và Tâm Sở cùng phối hợp với nhau.

6/. *Quyền Duyên (Indriyapaccaya)*: Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế thuộc về Ý Quyền và Tâm Sở cùng phối hợp với nhau.

7/. *Tương Ứng Duyên (Sampayuttapaccaya)*: Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Tâm Sở phối hợp hòa trộn với nhau.

8/. *Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya)*: Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế cùng hiện hữu với Tâm Sở phối hợp.

9/. *Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya)*: Tâm Dị Thục Hiệp Thế và Tâm Sở phối hợp giúp đỡ và chẳng có tách lìa xa nhau.

2. Thức Tái Tục làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Sắc Ý Vật** thì có được chín mãnh lực Duyên, đó là:

1/. *Câu Sinh Duyên (Sahajàtapaccaya)*,

2/. *Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya)*,

3/. *Y Chỉ Duyên (Nissayapaccaya)*,

4/. *Dị Thục Quả Duyên (Vipàkapaccaya)*,

5/. *Vật Thục Duyên (Àhàrapaccaya)*,

6/. *Quyền Duyên (Indriyapaccaya)*,

7/. *Bất Tương Ứng Duyên (Vippayuttapaccaya)*,

8/. *Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya)*,

9/. *Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya)*.

Tương tự cùng phương thức như ở phần trên, chỉ thay đổi phần Bất Tương Ứng Duyên vào vị trí của Tương Ứng Duyên, bởi vì Danh với Sắc.

3. Thức Tái Tục làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Sắc Nghiệp Tái Tục** (loại trừ Sắc Ý Vật) thì có được tám mãnh lực, đó là:

1/. *Câu Sinh Duyên (Sahajàtapaccaya)*,

2/. *Y Chỉ Duyên (Nissayapaccaya)*,

3/. *Dị Thục Quả Duyên (Vipàkapaccaya)*,

4/. *Vật Thục Duyên (Àhàrapaccaya)*,

5/. *Quyền Duyên (Indriyapaccaya)*,

6/. *Bất Tương Ứng Duyên (Vippayuttapaccaya)*,

7/. *Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya)*,

8/. *Bát Ly Duyên (Avigatapaccaya).*

Tương tự cùng phương thức như ở phần trên, chỉ có bót Hồ Tương Duyên.

4. Thứ Nghiệp Lực làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Sắc Nghiệp Tái Tục** ở trong Cõi Vô Tướng Hữu Tình, và **Sắc Nghiệp Chuyển Khởi** ở trong Cõi Ngũ Uẩn và Cõi Nhất Uẩn, thì có được bảy mãnh lực Duyên, đó là:

- 1/. *Thường Cận Y Duyên (Pakatùnissayapaccaya)*
- 2/. *Bát Tương Ưng Duyên (Vippayuttapaccaya)*
- 3/. *Vô Hữu Duyên (Natthipaccaya)*
- 4/. *Ly Khứ Duyên (Vigatapaccaya)*
- 5/. *Vô Gián Duyên (Anantarapaccaya)*
- 6/. *Đẳng Vô Gián Duyên (Samantarapaccaya)*
- 7/. *Vô Gián Cận Y Duyên (Anantarùpanissayapaccaya)*

43/. Hỏi: Cho trình bày Chi Pháp theo riêng từng mỗi Phần ở trong câu “*Nàmarùpapaccayà saḷàyatanaṃ sambhavati*”- “Danh Sắc làm duyên cho Lục Xứ khởi sinh”; và hãy trình bày câu Chú Giải của các từ ngữ như tiếp theo đây: “*Àyatanam*” (Xứ), “*Salàyatanaṃ*” (Lục Xứ). Và lại cho lời giải thích từ ngữ “*Salàyatanaṃ*” (Lục Xứ) ở trong câu “*Nàmarùpapaccayà saḷàyatanaṃ*” (Danh Sắc làm duyên cho Lục Xứ), và cho dịch nghĩa các câu như tiếp theo đây:

1. *Àyatanalakkhaṇam* 2. *Dassanarasam*
3. *Vatthudvārahāvapaccupaṭṭhānam*
4. *Nàmarùpapadaṭṭhānam*

Đáp: Trong chỗ này, thì:

- **Danh** tức là 35 Tâm Sở phối hợp với 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế.
- **Sắc** tức là 16 Sắc Nghiệp, là 8 *Sắc Bất Giản Biệt (Avinibbhogarùpa)*, 5 *Sắc Thanh Triệt (Pasàdarùpa)*, 1 *Sắc Bản Tính (Bhàvarùpa)*, 1 *Sắc Tâm Cơ (Hadayarùpa)*, 1 *Sắc Mạng Quyền (Jivitarùpa)*.
- **Lục Xứ** tức là Nhãn Xứ, Nhĩ Xứ, Tỷ Xứ, Thiệt Xứ, Thân Xứ và Ý Xứ là 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế.

+ Trình bày các câu Chú Giải của những từ ngữ “*Àyatanam*” (Xứ), “*Salàyatanaṃ*” (Lục Xứ):

“*Àyatam saṅsàravatṭam nayatiti = Àyatanam*”- “Pháp chủng nào duy trì Vòng Luân Hồi lâu dài, bởi do thế gọi tên Pháp chủng ấy là Xứ”. Tức là 12 Xứ.

“*Cha àyatanani = Salàyatanaṃ*”- “Cả Lục Xứ gọi tên là Lục Xứ.” Tức là Lục Nội Bộ Xứ. “*Salàyatanaṅca chaṭṭhàyatanaṅca = Salayatanam*”- “Cả Lục Xứ (Ngoại) và Lục Trú Xứ (Nội), gọi tên là Lục Xứ”.

Giải thích rằng: Từ ngữ “**Salāyatanam**” (Lục Xứ) ở trong câu nói rằng “**Nāmarūpapaccayā salāyatanam - Danh Sắc làm duyên Lục Xứ**” đây, là câu đã làm cho dư thừa tới cả hai câu, tức là “**Salāyatanam chaṭṭhāyatanam**”. Gọi tên việc đã làm cho hiện hành như vậy là *Phương Pháp Tồn Tại Nhất Ngôn (Ekasesanaya)*, tức là loại trừ “**Chaṭṭhāyatanam**” này ra, thế là chỉ còn lại duy nhất mỗi một “**Salāyatanam**” mà thôi. Có nghĩa là Lục Nội Bộ Xứ làm thành **Quả** của Danh Sắc này.

Khi phân tích bởi theo Địa Giới thì thường hiện hành như vậy là:

Trong Cõi Ngũ Uẩn thì **Danh Sắc** làm **Nhân**, và Lục Nội Bộ Xứ chỗ gọi tên là **Lục Ngoại Xứ** làm **Quả** tùy theo thích hợp.

Trong Cõi Vô Sắc Giới thì Danh Pháp làm **Nhân** và Ý Xứ chỗ gọi là **Lục Nội Xứ** làm **Quả**.

Việc làm Nhân làm Quả giữa Danh Pháp với Ý Xứ, thì cùng câu sinh với nhau và làm Nhân làm Quả lẫn nhau cũng được. Còn việc làm Nhân làm Quả giữa Danh Pháp với Ngũ Xứ, thì cùng câu sinh với nhau cũng có, bất câu sinh với nhau cũng có; và tùy theo Thời Kỳ. Và làm Nhân làm Quả giữa Sắc Pháp với Ý Xứ, và Sắc Pháp với Ngũ Xứ, thì cùng câu sinh với nhau cũng có, bất câu sinh với nhau cũng có, và tùy theo Chủng Loại.

+ Dịch nghĩa các câu như tiếp theo đây:

- “**Āyatanalakkhaṇam**” (*Khu Vực Trạng Thái*): Có việc tiếp xúc hoặc có việc làm cho Vòng Luân Hồi phải lâu dài, làm thành trạng thái.
- “**Dassanārasam**” (*Quan Thường Phận Sự*): Có việc trông thấy, v.v., làm thành phận sự.
- “**Vatthudvārabhāvapaccupaṭṭhānam**” (*Vật Môn Bản Tính Thành Tự*): Có sự làm thành Vật và Môn của Ngũ Thức Giới, Ý Giới, Ý Thức Giới tùy theo thích hợp, và làm hành trạng hiện bày ở trong Trí Tuệ của tất cả các *Bậc Hiền Trí*.
- “**Nāmarūpapadaṭṭhānam**” (*Danh Sắc Nhân Cận*): Có Tâm Sở và Sắc Nghiệp làm Nhân cận lân.

A. 44/ Hỏi: *Hãy trình bày bảy mãnh lực Duyên Hệ được liệt kê vào trong câu “Nāmarūpapaccayā salāyatanam” (Danh Sắc làm duyên cho Lục Xứ).*

Đáp: Trình bày việc liệt kê 24 Duyên vào trong câu “*Danh Sắc Làm Duyên Lục Xứ*” (**Nāmarūpapaccayā Salāyatanam**):

1. Danh Pháp tức là ba Uẩn Tâm Sở phối hợp với Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ý Xứ** (mà ấy chính là Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế) ở chỗ cùng câu sinh với mình, thì có được bảy mãnh lực Duyên, đó là:

1/. *Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya)*: Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Tâm Sở phối hợp cùng sinh chung một lượt với nhau.

2/. *Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya)*: Tâm Dị Thục Quả và Tâm Sở phối hợp giúp đỡ bằng cách hỗ trợ lẫn nhau.

3/. *Câu Sinh Y Duyên (Sahajàtanissayapaccaya)*: Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Tâm Sở phối hợp cùng sinh chung và nương nhờ giúp đỡ lẫn nhau.

4/. *Dị Thục Quả Duyên (Vipàkapaccaya)*: Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Tâm Sở phối hợp giúp đỡ bằng cách làm thành Pháp Quả.

5/. *Tương Ứng Duyên (Sampayuttapaccaya)*: Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Tâm Sở phối hợp giúp đỡ hòa hợp với nhau.

6/. *Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya)*: Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Tâm Sở phối hợp cùng nhau hiện hữu giúp đỡ với nhau.

7/. *Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya)*: Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Tâm Sở phối hợp khắn khít giúp đỡ lẫn nhau và chẳng có xa lìa.

2. Danh Pháp tức là Vô Tham, Vô Sân, Vô Si phối hợp với Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ý Xứ** (mà ấy chính là Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế) ở chỗ cùng câu sinh với mình, thì có được tám mãnh lực Duyên, đó là:

- 1/. *Nhân Duyên (Hetupaccaya)*,
- 2/. *Câu Sinh Duyên (Sahajàtapaccaya)*,
- 3/. *Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya)*,
- 4/. *Câu Sinh Y Duyên (Sahajàtanissayapaccaya)*,
- 5/. *Dị Thục Quả Duyên (Vipàkapaccaya)*,
- 6/. *Tương Ứng Duyên (Sampayuttapaccaya)*,
- 7/. *Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya)*,
- 8/. *Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya)*.

Tương tự cùng phương thức như phần trên, chỉ thêm phần **Nhân Duyên** vì Pháp làm thành Nhân giúp đỡ hỗ trợ với nhau.

3. Danh Pháp tức là Tâm Sở Tư Tác Ý phối hợp với Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ý Xứ** (mà ấy chính là Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế) ở chỗ cùng câu sinh với mình, thì có được chín mãnh lực Duyên, đó là:

- 1/. *Câu Sinh Duyên (Sahajàtapaccaya)*,
- 2/. *Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya)*,
- 3/. *Y Chỉ Duyên (Nissayapaccaya)*,
- 4/. *Câu Sinh Nghiệp Duyên (Sahajàtakammapaccaya)*,
- 5/. *Dị Thục Quả Duyên (Vipàkapaccaya)*,
- 6/. *Danh Vật Thục Duyên (Nàmaàhàrapaccaya)*,
- 7/. *Tương Ứng Duyên (Sampayuttapaccaya)*,
- 8/. *Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya)*,

9/. *Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).*

4. Danh Pháp tức là Xúc, Tư Tác ý phối hợp với Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Ý Xứ (mà ấy chính là Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế) ở chỗ cùng câu sinh với mình, thì có được tám mãnh lực Duyên, đó là:

- 1/. *Câu Sinh Duyên (Sahajàtapaccaya),*
- 2/. *Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya),*
- 3/. *Y Chỉ Duyên (Nissayapaccaya),*
- 4/. *Dị Thục Quả Duyên (Vipàkapaccaya),*
- 5/. *Danh Vật Thục Duyên (Nàmaàharapaccaya),*
- 6/. *Tương Ứng Duyên (Sampayuttapaccaya),*
- 7/. *Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya),*
- 8/. *Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).*

5. Danh Pháp tức là Tầm, Tứ, Hỷ phối hợp với Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Ý Xứ (mà ấy chính là Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế ở chỗ cùng câu sinh với mình, thì có được tám mãnh lực Duyên, đó là:

- 1/. *Câu Sinh Duyên (Sahajàtapaccaya),*
- 2/. *Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya),*
- 3/. *Y Chỉ Duyên (Nissayapaccaya),*
- 4/. *Dị Thục Quả Duyên (Vipàkapaccaya),*
- 5/. *Thiền Na Duyên (Jhànapaccaya),*
- 6/. *Tương Ứng Duyên (Sampayuttapaccaya),*
- 7/. *Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya),*
- 8/. *Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).*

6. Danh Pháp tức là Mạng Quyền, Thọ, Tín phối hợp với Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Ý Xứ (mà ấy chính là Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế) ở chỗ cùng câu sinh với mình, thì có được tám mãnh lực Duyên, đó là:

- 1/. *Câu Sinh Duyên (Sahajàtapaccaya),*
- 2/. *Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya),*
- 3/. *Y Chỉ Duyên (Nissayapaccaya),*
- 4/. *Dị Thục Quả Duyên (Vipàkapaccaya),*
- 5/. *Câu Sinh Quyền Duyên (Sahajàtindriyapaccaya),*
- 6/. *Tương Ứng Duyên (Sampayuttapaccaya),*
- 7/. *Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya),*
- 8/. *Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).*

7. Danh Pháp tức là Cần, Niệm, Trí Tuệ phối hợp với Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Ý Xứ (mà ấy chính là Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế) ở chỗ cùng câu sinh với mình, thì có được chín mãnh lực Duyên, đó là:

- 1/. *Câu Sinh Duyên (Sahajàtapaccaya),*
- 2/. *Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya),*
- 3/. *Y Chỉ Duyên (Nissayapaccaya),*
- 4/. *Dị Thục Quả Duyên (Vipàkapaccaya),*
- 5/. *Câu Sinh Quyền Duyên (Sahajàtindriyapaccaya),*
- 6/. *Đồ Đạo Duyên (Maggapaccaya),*
- 7/. *Tương Ứng Duyên (Sampayuttapaccaya),*
- 8/. *Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya),*
- 9/. *Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).*

8. Danh Pháp tức là Nhất Thống phối hợp với Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Ý Xứ (mà ấy chính là Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế) ở chỗ cùng câu sinh với mình, thì có được 10 mãnh lực Duyên, đó là:

- 1/. *Câu Sinh Duyên (Sahajàtapaccaya),*
- 2/. *Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya),*
- 3/. *Y Chỉ Duyên (Nissayapaccaya),*
- 4/. *Dị Thục Quả Duyên (Vipàkapaccaya),*
- 5/. *Câu Sinh Quyền Duyên (Sahajàtindriyapaccaya),*
- 6/. *Thiền Na Duyên (Jhànapaccaya),*
- 7/. *Đồ Đạo Duyên (Maggapaccaya),*
- 8/. *Tương Ứng Duyên (Sampayuttapaccaya),*
- 9/. *Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya),*
- 10/. *Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).*

Việc phân tích Năng Duyên và Sở Duyên, tính kể từ điều thứ 1 – 8 thì làm duyên được cả ở trong Thời Kỳ Tái Tục và Thời Kỳ Chuyển Khởi.

9. Danh Pháp tức là ba Uẩn Tâm Sở phối hợp với Tâm Tái Tục Ngũ Uẩn làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Ngũ Xứ ở trong Thời Kỳ Tái Tục của Cõi Ngũ Uẩn, thì có được sáu mãnh lực Duyên, đó là:

- 1/. *Câu Sinh Duyên (Sahajàtapaccaya),*
- 2/. *Y Chỉ Duyên (Nissayapaccaya),*
- 3/. *Dị Thục Quả Duyên (Vipàkapaccaya),*
- 4/. *Câu Sinh Bất Tương Ứng Duyên (Sahajàtavippayuttapaccaya),*
- 5/. *Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya),*

6/. **Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).**

Trong chỗ này, thì cả Tứ Xứ gồm Nhân Xứ, Nhĩ Xứ, Tỷ Xứ, Thiệt Xứ đây, thì lập ý chỉ lấy Chung Loại Thấp Sinh và Hóa Sinh; còn Thân Xứ thì có được tất cả các Chung Loại.

10. Danh Pháp tức là ba Uẩn Tâm Sở phối hợp với Tâm Dị Thục Quả Ngũ Uẩn làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ngũ Xứ** ở trong Thời Kỳ Chuyển Khởi của Cõi Ngũ Uẩn, thì có được bốn mãnh lực Duyên, đó là:

- 1/. *Hậu Sinh Duyên (Pacchajàta paccaya),*
- 2/. *Hậu Sinh Bất Tương Ứng Duyên (Pacchajàtavippayuttapaccaya),*
- 3/. *Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya),*
- 4/. *Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).*

11. Sắc Pháp tức là Ý Vật làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ý Xứ** (mà ấy chính là 15 Tâm Tái Tục Ngũ Uẩn) ở trong Thời Kỳ Tái Tục của Cõi Ngũ Uẩn, thì có được sáu mãnh lực Duyên, đó là:

- 1/. *Câu Sinh Duyên (Sahajàtapaccaya),*
- 2/. *Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya),*
- 3/. *Câu Sinh Ý Duyên (Sahajàtanissaya paccaya),*
- 4/. *Câu Sinh Bất Tương Ứng Duyên (Sahajàtavippayuttapaccaya),*
- 5/. *Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya),*
- 6/. *Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).*

12. Sắc Pháp tức là Ý Vật sinh trước và đang an trụ làm duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ý Xứ** (mà ấy chính là 18 Tâm Dị Thục Quả Ngũ Uẩn) (loại trừ Ngũ Song Thức) ở trong Thời Kỳ Chuyển Khởi của Cõi Ngũ Uẩn, thì có được năm mãnh lực Duyên, đó là:

- 1/. *Vật Tiền Sinh Ý Duyên (Vatthupurejātanissayapaccaya),*
- 2/. *Vật Tiền Sinh Duyên (Vatthupurejātapaccaya),*
- 3/. *Vật Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên (Vatthupurejātavippayutta paccaya),*
- 4/. *Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya),*
- 5/. *Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya).*

13. Sắc Pháp tức là Ngũ Xứ sinh trước và đang an trụ làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ý Xứ** (mà ấy chính là 10 Tâm Ngũ Song Thức) ở trong Thời Kỳ Chuyển Khởi của Cõi Ngũ Uẩn, thì có được sáu mãnh lực Duyên, đó là:

- 1/. *Vật Tiền Sinh Ý Duyên (Vatthupurejātanissayapaccaya),*
- 2/. *Vật Tiền Sinh Duyên (Vatthupurejātapaccaya),*
- 3/. *Tiền Sinh Quyên Duyên (Purejātindriyapaccaya),*

4/. *Vật Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên (Vatthupurejātavippayutta paccaya)*,

5/. *Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya)*,

6/. *Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya)*.

14. Sắc Pháp tức là Tứ Sắc Tứ Đại Hiện Nghiệp làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ngũ Xứ** đang an trụ ở trong cùng một Bọn Tổng Hợp với mình, ở cả trong Thời Kỳ Tái Tục và Thời Kỳ Chuyển Khởi của Cõi Ngũ Uẩn, thì có được bốn mãnh lực Duyên, đó là:

1/. *Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya)*,

2/. *Câu Sinh Y Duyên (Sahajātanissayapaccaya)*,

3/. *Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya)*,

4/. *Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya)*.

15. Sắc Pháp tức là Sắc Mạng Quyền làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ngũ Xứ** đang an trụ ở trong cùng một Bọn Tổng Hợp với mình, ở cả Thời Kỳ Tái Tục và Thời Kỳ Chuyển Khởi của Cõi Ngũ Uẩn, thì có được ba mãnh lực Duyên, đó là:

1/. *Sắc Mạng Quyền Duyên (Rūpajīvitindriyapaccaya)*,

2/. *Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya)*,

3/. *Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya)*.

16. Sắc Pháp tức là Bồ Phẩm Nghiệp Lực làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ngũ Xứ** đang an trụ ở trong cùng một Bọn Tổng Hợp với mình, và trong các Bọn Tổng Hợp khác, ở trong Thời Kỳ Chuyển Khởi của Cõi Dục Giới, thì có được ba mãnh lực Duyên, đó là:

1/. *Sắc Vật Thực Duyên (Rūpaàhàrapaccaya)*,

2/. *Hiện Hữu Duyên (Atthipaccaya)*,

3/. *Bất Ly Duyên (Avigatapaccaya)*.

45/. Hỏi: Sẽ trình bày những câu Chú Giải thế nào ở trong các từ ngữ “**Phassa**” (Xúc), “**Samphassa**” (Phủ Xúc), “**Cakkhusamphassa**” (Nhãn Phủ Xúc), “**Manosamphassa**” (Ý Phủ Xúc).

Đáp: + Trình bày câu Chú Giải của “**Phassa**” (Xúc): “**Ārambhaṃ phusattī = Phasso**”- “**Pháp chủng tiếp xúc với Cảnh, bởi do thế mới gọi tên Pháp chủng ấy là Xúc.**”

Một trường hợp khác nữa: “**Phusanti sampayuttadhammā etenāti = Phasso**”- “**Pháp Tương Ứng là tất cả các Tâm và Tâm Sở thường tiếp xúc với Cảnh bởi do Pháp chủng ấy; chính vì thế Pháp chủng làm tác nhân cho Pháp Tương Ứng tiếp xúc với Cảnh, mới được gọi tên là Xúc.**”

Một trường hợp khác nữa: **“Phusanam = Phasso (và) “Samphusate = Samphasso”- “Việc tiếp xúc Cảnh được gọi tên là Xúc, hoặc gọi tên là Phủ Xúc.”**

+ Trình bày câu Chú Giải của Nhân Phủ Xúc, v.v.: **“Cakkhuvīññāṇena sampayutto samphassoti = Cakkhusamphasso”- “Xúc là việc tiếp xúc phối hợp với Nhân Thức, bởi do thế mới gọi tên là Nhân Phủ Xúc.”** Tức là Tâm Sở Xúc phối hợp với Nhân Thức.

(Nhĩ Phủ Xúc, v.v. Thân Phủ Xúc cũng trình bày trong cùng một phương thức như nhau).

“Manovīññāṇena sampayutto samphassoti = Manosamphasso”- “Xúc là việc tiếp xúc phối hợp với Ý Thức, bởi do thế mới được gọi tên là Ý Phủ Xúc.” Tức là Tâm Sở Xúc phối hợp với 22 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế (loại trừ Ngũ Song Thức)

A. 46/. Hỏi: Hãy giảng giải ở trong câu **“Salāyatanapaccayā phasso sambhavati”** (Lục Xứ làm duyên cho Xúc khởi sinh).

Đáp: Giảng giải ở trong câu **“Salāyatanapaccayā phasso sambhavati”** (Lục Xứ làm duyên cho Xúc khởi sinh) rằng:

Người đã mệnh chung rồi, thì cho dù đã có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân đi nữa, tuy nhiên các việc tiếp xúc có Nhân Phủ Xúc v.v. ấy, ắt hẳn sẽ không còn sinh khởi lên được nữa; có nghĩa là không còn có việc được trông thấy, việc được lắng nghe, việc được ngửi, việc biết mùi vị, việc xúc chạm, các việc nghĩ ngợi. Sự việc là như vậy, cũng chính do bởi đã mất hết cả Ngũ Thanh Triệt và Tâm Hữu Phần chỗ được gọi là Lục Xứ ấy vậy. Và ở trong người đang khi còn có sinh mệnh, nếu nhớ như mắt đã mù đi rồi, thế thì Nhân Phủ Xúc cũng không thể nào sinh khởi lên được. Hoặc nếu nhớ như tai đã bị điếc đi rồi, thế thì Nhĩ Phủ Xúc cũng không thể nào sinh khởi lên được, và thế là cũng tương tự như nhau vậy.

Lại nữa, Xúc là Quả của Lục Xứ đây, tức là việc cùng tựu hội vào nhau giữa cả Ngũ Thanh Triệt với Ngũ Cảnh và Ngũ Thức; thế thì được gọi tên là Nhân Phủ Xúc, Nhĩ Phủ Xúc, Tỷ Phủ Xúc, Thiệt Phủ Xúc, Thân Phủ Xúc; cũng bởi vì có được việc sinh khởi của Nhân Thức v.v. đây, là cũng do nương vào việc tiếp xúc với nhau giữa Nhân Thanh Triệt với Cảnh Sắc; Nhĩ Thanh Triệt với Cảnh Thính; Tỷ Thanh Triệt với Cảnh Khí; Thiệt Thanh Triệt với Cảnh Vị; Thân Thanh Triệt với Cảnh Xúc; thế rồi đã làm cho Nhân Thức v.v. có được sinh khởi lên. Một khi Nhân Thức v.v. đã sinh khởi lên rồi, thì Nhân Phủ Xúc v.v. cũng được hiện bày. Còn Ý Phủ Xúc tức là việc tiếp xúc với nhau giữa Tâm Hữu Phần với các Pháp Thực Tính, ở cả Siêu Lý và Chế Định, mà ấy chính là Cảnh Pháp hoặc Lục Cảnh lập ý chỉ lấy ở trong khoảng giữa Tâm Lộ Trình vẫn chưa sinh khởi. Bởi vì một khi Tâm Hữu Phần đã sinh khởi lên rồi, là cũng do việc tiếp xúc thường luôn với bất luận một thể loại Cảnh nào ở phần Nghiệp, Nghiệp Tướng và Thú Tướng; và

việc tiếp xúc này đã được gọi tên là Ý Phủ Xúc, đích thị chính là Xúc phối hợp với Tâm Hữu Phần ấy vậy.

Một trường hợp khác nữa, Ý Phủ Xúc tức là việc tụ hội vào nhau giữa Tâm Hữu Phần với các Pháp Thực Tính, ở cả Siêu Lý và Chế Định. Và lại Ý Thức đây, lập ý lấy ở trong khoảng giữa Tâm Lộ Trình đã sinh khởi lên rồi, bởi vì Tâm Lộ Trình đã được sinh khởi lên rồi đấy, cũng phải nương vào nhau qua việc tiếp xúc giữa Tâm Hữu Phần với các Pháp Thực Tính làm Nhân. Một khi Tâm Lộ Trình đã sinh khởi lên rồi, thì Ý Phủ Xúc cũng sẽ hiện bày lên; thế nhưng đã không lấy Xúc phối hợp ở trong Thiện, Bất Thiện và Vô Ký. Lập ý đặc biệt chỉ lấy riêng phần Xúc phối hợp ở trong Ý Thức Dị Thực Quả có Tiếp Thân, Thẩm Tấn, Na Cảnh mà thôi.

47/. Hỏi: *Hãy dịch nghĩa ở trong những câu như tiếp theo đây:*

“Cakkhuñca paṭicca rūpe ca uppajjati cakkhuvīññāṇaṃ tīṇaṃ saṅgati phasso”

“Mañña paṭicca dhamme ca uppajjati manovīññāṇaṃ tīṇaṃ saṅgati phasso”

Đáp: Những câu trên được dịch nghĩa như sau:

“Nhãn Thức thường được hiện khởi lên bởi do nương vào Nhãn Thanh Triệt với Cảnh Sắc. Đích thị chính do việc tụ hội vào nhau giữa cả ba Nhãn Thanh Triệt, Cảnh Sắc và Nhãn Thức đây, mới được gọi tên là Xúc.”

“Ý Thức thường được hiện khởi lên bởi do nương vào Tâm Hữu Phần với các Pháp Thực Tính, ở cả Siêu Lý và Chế Định. Đích thị chính do việc tụ hội vào nhau giữa cả ba Tâm Hữu Phần, các Pháp Thực Tính và Ý Thức đây, mới được gọi tên là Xúc.”

48/. Hỏi: *Cho lời giải thích đến việc tiếp xúc Cảnh của “Xúc” rằng như thế nào mà được gọi tên là “Xúc” ?*

Đáp: Việc “Xúc” tiếp xúc với Cảnh đây, thì chẳng giống với việc tiếp xúc giữa Sắc với Sắc, chẳng hạn như hai bàn tay tiếp xúc với nhau; hoặc hai vật thể đụng chạm với nhau; mà ấy là việc tiếp xúc thể theo bản thể thực tính ở trong bất luận của một Cảnh hoặc của một đối tượng. Tuy nhiên việc tiếp xúc với Cảnh thể theo bản thể thực tính mà chỗ được gọi là Xúc đây, thì cũng có đôi khi hiện bày rõ ràng na ná y như bất luận một vật thể nào mà sắc thân đã có được tiếp xúc đụng chạm vậy. Chẳng hạn như sát na đang trông thấy người ta ăn các thức ăn chua, thì người trông thấy có cảm giác chảy nước dãi ra vậy. Hoặc có bất luận một người nào đang mài dao trên mặt đá có sạn cát, thì người đã được lắng nghe âm thanh ấy rồi sẽ có cảm giác ê cả răng vậy. Hoặc có một vài người yếu đuối, một khi trông thấy người có vóc dáng rất to lớn thì cũng có cảm giác khủng khiếp sợ hãi, có trạng thái run rẩy khiếp đảm. Hoặc có người nhút nhát, một khi trông thấy người ta

đánh, chém với nhau và máu chảy ra thì cũng có cảm giác sợ hãi đến ngất xỉu đi. Hoặc một khi nai đã trông thấy hổ thì sẽ run sợ chết đứng tại chỗ, và chân không bỏ chạy đi được. Hoặc có người đi vào khu vực tĩnh lặng, và có các bậc Hiền Triết đang hành trì Nghiệp Xứ, một khi đã được trông thấy các bậc ấy cùng với trú xứ như vậy rồi, thì tức thì cũng có khởi lên một sự cảm giác an vui mát mẻ, và thanh tịnh. Sự hiện hành như đã vừa đề cập đến ở tại đây, cũng chính là việc tiếp xúc giữa Tâm với Cảnh chỗ gọi là Xúc ấy vậy. Và cả Lục Xúc khởi sinh là cũng do bởi có Lục Nội Bộ Xúc sinh khởi từ ở nơi Nghiệp Quá Khứ làm Nhân; chính vì thế Đức Thế Tôn Ngài mới lập ý khái thuyết rằng **“*Salāyatanapaccayà phasso*”**- *“Lục Xúc làm duyên cho Xúc”*.

49/. Hỏi: *Hãy cho việc phân tích Lục Xúc bởi theo Cõi Giới.*

Đáp: Khi phân tích Lục Xúc bởi theo Cõi Giới thì có được như vậy, đó là: Thường thì có được cả Lục Xúc sinh khởi ở trong 11 Cõi Dục Giới.

Thường thì có được ba Xúc, đó là: Nhãn Phủ Xúc, Nhĩ Phủ Xúc, và Ý Phủ Xúc sinh khởi ở trong 15 Cõi Hữu Sắc Giới (loại trừ Cõi Vô Tướng Hữu Tình).

Thường chỉ có được một Xúc, đó là Ý Xúc sinh khởi ở trong Cõi Vô Sắc Giới.

Còn ở trong Cõi Vô Tướng Hữu Tình thì Xúc thường không có sinh khởi lên được, bởi không có Lục Nội Bộ Xúc sinh khởi ở trong Cõi Giới này.

50/. Hỏi: *Xúc sinh khởi bởi do nương vào Lục Xúc làm Năng Duyên, một khi tính theo mãn túc thì có số lượng bao nhiêu? Là những chi?*

Đáp: Khi đã tính theo mãn túc thì có được số lượng là 32, và ấy chính là 32 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế

51/. Hỏi: *Theo lẽ thường nhiên đơn nhất một Xúc sinh khởi bởi do nương vào hết tất cả các Xúc là không thể có được, và hết tất cả các Xúc sinh khởi chỉ do nương vào đơn nhất một Xúc thì cũng không thể có được; thế nhưng tại làm sao Đức Phật Ngài lập ý khái thuyết bằng cách sử dụng câu thuộc đơn số (***Ekavacana***) để nói rằng **“*Salāyatanapaccayà phasso*”** (Lục Xúc làm duyên cho Xúc) ?*

Đáp: Theo lẽ thường nhiên từng mỗi thể loại Xúc sẽ hiện khởi lên được, thì không thể nào chỉ có đơn nhất một Xúc, mà cần phải có Xúc làm chỗ nương sinh ấy nhiều hơn một ! Sẽ nói rằng cần phải có việc tựu hội vào nhau hết tất cả các Xúc thuộc Nội Bộ và Ngoại Bộ; chẳng hạn như Nhãn Phủ Xúc sẽ sinh khởi lên được thì cần phải có bốn thể loại Xúc, ấy là:

1. Nhãn Xúc tức là Nhãn Thanh Triệt,
2. Sắc Xúc tức là Cảnh Sắc,
3. Ý Xúc tức là Nhãn Thức,
4. Pháp Xúc tức là sáu Tâm Sở Biến Hành (loại trừ Xúc).

Trong Nhĩ Phủ Xúc, Tỷ Phủ Xúc, Thiệt Phủ Xúc, và Thân Phủ Xúc thì cũng có bốn thể loại Xúc cần phải nương vào, tương tự với Nhãn Phủ Xúc. Còn đối với Ý Phủ Xúc thì nương được hết tất cả các Xúc. Thế nhưng trong từng mỗi giai đoạn sát na sinh khởi thì nương vào 2 hoặc 3 thể loại Xúc cũng có; chẳng hạn như Ý Phủ Xúc hữu quan với Cảnh Pháp thì nương vào hai thể loại Xúc, đó là Ý Xúc và Pháp Xúc. Nếu như Ý Phủ Xúc hữu quan với Cảnh Sắc thì nương vào ba thể loại Xúc, đó là Sắc Xúc, Ý Xúc và Pháp Xúc. Tuy nhiên trong sự việc Đức Phật Ngài lập ý khái thuyết bằng cách sử dụng câu thuộc đơn số (*Ekavacana*) để nói rằng “*Salāyatana paccayà phasso*”, cũng nhằm để cho được hiểu biết là từng mỗi thể loại Xúc sẽ sinh khởi lên được, thì thiết yếu phải nương vào Xúc nhiều hơn một, và chỉ sẽ nương vào đơn nhất một Xúc là không thể có được.

52/. Hỏi: Cho trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Căn Thiệt của Xúc; và trình bày việc liệt kê số lượng Duyên Hệ ở trong câu “Lục Xúc làm duyên cho Xúc” (*Salāyatana paccayà phasso*).

Đáp: Trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Căn Thiệt của Xúc, đó là:

1. Xúc Cảm Trạng Thái (*Phusanalakkhaṇa*): Có việc tiếp xúc Cảnh, làm thành trạng thái.
2. Xúc Quan Phận Sự (*Samghattaraso*): Có việc làm cho Tâm với Cảnh nối tiếp nhau liên tục, làm thành phận sự.
3. Tựu Hội Thành Tựu (*Saṅgati paccupatṭhānam*): Có việc cùng tựu hội với nhau giữa Vật, Cảnh và Thức, và làm hành trạng hiện bày ở trong Trí Tuệ của tất cả các *Bậc Hiện Trí*.
4. Lục Nội Xúc Nhân Căn (*Salāyatana padatṭhānam*): Có Lục Nội Bộ Xúc làm Nhân cận lân.

+ Trình bày việc liệt kê 24 Duyên vào trong câu “Lục Xúc làm duyên Xúc” (*Salāyatana paccayà Phasso*)

1. Nhãn Xúc làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Nhãn Phú Xúc thì có được sáu mãnh lực Duyên, đó là:

- 1/. Vật Tiền Sinh Ý Duyên (*Vatthupurejātanissayapaccaya*),
- 2/. Vật Tiền Sinh Duyên (*Vatthupurejātapaccaya*),
- 3/. Tiền Sinh Quyền Duyên (*Purejātindriyapaccaya*),
- 4/. Vật Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên (*Vatthupurejātavippayutta paccaya*),
- 5/. Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên (*Vatthupurejātatthipaccaya*),
- 6/. Vật Tiền Sinh Bất Ly Duyên (*Vatthupurejātāvigatapaccaya*).

2. Nhĩ Xúc, Tỷ Xúc, Thiệt Xúc, Thân Xúc làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Nhĩ Phủ Xúc, Tỷ Phủ Xúc, Thiệt Phủ Xúc, Thân Phủ Xúc** thì cũng có được sáu mãnh lực Duyên, và cũng tương tự cùng một phương thức với **Nhãn Xúc** làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Nhãn Phủ Xúc** làm Sở Duyên vậy.

3. Ý Xúc tức là 22 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế (loại trừ 10 Ngũ Song Thức) làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Ý Phủ Xúc** phối hợp với mình, thì có được chín mãnh lực Duyên, đó là:

- 1/. *Câu Sinh Duyên (Sahajàtapaccaya),*
- 2/. *Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya),*
- 3/. *Câu Sinh Y Duyên (Sahajàtanissayapaccaya),*
- 4/. *Dị Thục Quả Duyên (Vipàkapaccaya),*
- 5/. *Danh Vật Thục Duyên (Nàmàhàrapaccaya),*
- 6/. *Câu Sinh Quyền Duyên (Sahajàtindriyapaccaya),*
- 7/. *Tương Ứng Duyên (Sampayuttapaccaya),*
- 8/. *Câu Sinh Hiện Hữu Duyên (Sahajàtathipaccaya),*
- 9/. *Câu Sinh Bất Ly Duyên (Sahajàtavigatapaccaya).*

53/. Hỏi: Có bao nhiêu Thọ sinh khởi bởi do nương vào Xúc làm Năng Duyên ? Và ý nghĩa của từng mỗi thể loại ấy có như thế nào ?

Đáp: Có Lục Thọ sinh khởi lên bởi do nương vào Lục Phủ Xúc ấy, đó là:

1. **Nhãn Phủ Xúc Thọ (Cakkhusamphassajà vedanà):** Việc thụ hưởng Cảnh khởi sinh bởi do nương vào việc tiếp xúc giữa Nhãn Thức với Cảnh Sắc, ấy chính là Thọ ở trong Tâm Nhãn Thức.
2. **Nhĩ Phủ Xúc Thọ (Sotasamphassajà vedanà):** Việc thụ hưởng Cảnh khởi sinh bởi do nương vào việc tiếp xúc giữa Nhĩ Thức với Cảnh Thính, ấy chính là Thọ ở trong Tâm Nhĩ Thức.
3. **Tỷ Phủ Xúc Thọ (Ghànasamphassajà vedanà):** Việc thụ hưởng Cảnh khởi sinh bởi do nương vào việc tiếp xúc giữa Tỷ Thức với Cảnh Khí, ấy chính là Thọ ở trong Tâm Tỷ Thức.
4. **Thiệt Phủ Xúc Thọ (Jivhàsamphassajà vedanà):** Việc thụ hưởng Cảnh khởi sinh bởi do nương vào việc tiếp xúc giữa Thiệt Thức với Cảnh Vị, ấy chính là Thọ ở trong Tâm Thiệt Thức.
5. **Thân Phủ Xúc Thọ (Kàyasamphassajà vedanà):** Việc thụ hưởng Cảnh khởi sinh bởi do nương vào việc tiếp xúc giữa Thân Thức với Cảnh Xúc, ấy chính là Thọ ở trong Tâm Thân Thức.
6. **Thân Phủ Xúc Thọ (Manosamphassajà vedanà):** Việc thụ hưởng Cảnh khởi sinh bởi do nương vào việc tiếp xúc giữa Thân Thức với Cảnh Pháp hoặc 6

Cảnh, ấy chính là Thọ ở trong 22 Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế (loại trừ 10 Tâm Ngũ Song Thức).

54/. Hỏi: *Hãy trình bày câu Chú Giải của từ ngữ “Vedanà” (Thọ); và Nhãn Phủ Xúc Thọ, với luôn cả phân tích cả Lạc Thọ bởi theo Lạc Thọ (Sukha), Khổ Thọ (Dukkha) và Xả Thọ (Upekkhà).*

Đáp: Thọ có câu Chú Giải trình bày rằng: “*Vedayatiti = Vedanà*”- “*Pháp chủng nào thường hay thụ hưởng Cảnh, bởi do thế gọi tên Pháp chủng ấy là Thọ.*”

“*Cakkhusamphassato jàtā vedanāti = Cakkhusamphassajā vedanā*”- “*Thọ sinh khởi bởi do nương vào Nhãn Phủ Xúc làm Nhân, bởi do thế mới gọi tên là Nhãn Phủ Xúc Thọ.*”

Những cả Lạc Thọ này một khi phân tích bởi theo Lạc (Sukha), Khổ (Dukkha), Xả (Upekkhà) thì có được như vậy là:

- kể từ Nhãn Phủ Xúc Thọ cho đến Thiệt Phủ Xúc Thọ, thì cả Tứ Thọ này là việc thụ hưởng Cảnh ở thể loại Xả Thọ.
- Thân Phủ Xúc Thọ là việc thụ hưởng Cảnh ở cả hai thể loại: 1/. Lạc Thọ, 2/. Khổ Thọ.
- Ý Phủ Xúc Thọ là việc thụ hưởng Cảnh ở cả ba thể loại: 1/. Lạc Thọ, 2/. Khổ Thọ, 3/. Xả Thọ.

A. 55/. Hỏi: *Cho lời giải thích trong sự việc của An Lạc – Khổ Đau có nhiều hoặc ít tùy thuộc vào sự hiện hành của Xúc; luôn cả trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Cần Thiết của Thọ; và việc liệt kê số lượng Duyên Hệ ở trong câu “Xúc làm duyên cho Thọ” (Phassapaccayā vedanā).*

Đáp: Sự an lạc và sự khổ đau như đã vừa đề cập rồi đây, sẽ được sinh khởi lên là cũng do bởi Xúc; điều đó đích thị chính là việc tiếp xúc giữa Tâm với Cảnh làm Nhân; bởi do thế, sự an lạc hoặc sự khổ đau có nhiều hoặc ít, thì cũng phải tùy thuộc vào năng lực của Xúc. Sẽ nói rằng nếu như việc tiếp xúc giữa Tâm với Cảnh có năng lực mạnh mẽ, thì sự cảm thụ an lạc, khổ đau cũng hiện bày mạnh mẽ. Nếu như việc tiếp xúc giữa Tâm với Cảnh có năng lực yếu kém thì sự cảm thụ an lạc, khổ đau cũng hiện bày yếu kém. Cũng ví như sát na thọ thực, răng có chức năng nhai nghiền vật thực, lưỡi có chức năng nhận biết vị. Nếu như răng làm đủ chức năng ở chỗ nhai nghiền một cách tối đa, thì lưỡi cảm thụ được vị một cách rõ ràng. Nếu như răng đã không làm đủ chức năng ở chỗ nhai nghiền một cách tối đa, thế rồi lưỡi cảm thụ chỉ có được một chút ít vị. Điều này như thế nào; thì Xúc cũng được sánh tựa như răng, Thọ thì cũng được sánh tựa như lưỡi, Cảnh thì cũng được sánh tựa như vật thực, việc tiếp xúc giữa Tâm với Cảnh được sánh tựa như việc nhai nghiền vật thực, và việc tiếp xúc có năng lực mạnh hoặc yếu thì được sánh tựa như việc nhai nghiền đậm đà và hời hợt đó vậy.

Việc tiếp xúc giữa Tâm với Cảnh chỗ gọi là Xúc như đã vừa đề cập đến đây, sẽ được thấy trong sự hiện hành sinh khởi lên với tất cả ở mọi người. Chẳng hạn như trong sát na đi xem ca kịch hoặc điện ảnh; nếu như nhìn không rõ, nghe không rõ vì chỗ ngồi quá xa hoặc ánh sáng yếu kém đi, mà điều ấy đã là theo Dĩ Pháp Bản Nguyên rồi, thế là Xúc sẽ có năng lực yếu kém vậy. Với lý do này, người xem ấy mới cố gắng xê dịch cho vào đến chỗ gần, để cho việc thấy và việc nghe được rõ ràng. Hoặc nếu nhờ như ánh sáng yếu kém, thì cũng cố gắng tìm kiếm phương cách nào để cho có được thêm nhiều ánh sáng lên. Nếu như việc thấy hoặc việc được nghe rõ ràng tốt đẹp rồi, thì cũng có nghĩa là Xúc đã có được năng lực mạnh mẽ vậy. Khi Xúc đã có được năng lực mạnh mẽ rồi, thì Thọ là việc thụ hưởng Cảnh cũng hiện bày rõ ràng bền vững; có nghĩa là khởi lên việc được thấy hoặc việc được nghe một cách rõ ràng vậy. Một khi đã có được việc thấy, việc được nghe rõ ràng, thế rồi *Chát Vị Duyệt Ý (Itthirasa)* hoặc *Chát Vị Bất Duyệt Ý (Anitthirasa)* hiện hữu ở trong những Cảnh ấy cũng ắt hẳn hiện bày rõ ràng. Tất cả sự việc như vậy, cũng bởi vì Nhãn Thức là việc trông thấy, v.v. đây, chỉ thực hiện đơn nhất một chức năng cho Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc làm thành Cảnh mà thôi; chớ chẳng phải thực hiện cho hiện khởi lên Chát Vị Duyệt Ý hoặc Chát Vị Bất Duyệt Ý hiện hữu ở trong những Cảnh ấy được. Pháp chủng có khả năng thực hiện Chát Vị Duyệt Ý hoặc Chát Vị Bất Duyệt Ý cho được hiện khởi lên, thì đây chính là Xúc vậy. Bởi do thế trong bất luận thời lúc nào có được tiếp thu lấy Cảnh tốt đẹp, thì cũng có nghĩa là Xúc thực hiện chức năng thúc ép để cho Chát Vị Duyệt Ý hiện khởi lên. Và trong thời lúc nào có được tiếp thu lấy Cảnh không tốt, thì cũng có nghĩa là Xúc thực hiện chức năng bức bách cho Chát Vị Bất Duyệt Ý hiện khởi lên. Một khi Chát Vị Duyệt Ý hoặc Bất Duyệt Ý đã hiện khởi lên, thế rồi Thọ cũng nhảy vào thực hiện chức năng thụ hưởng, tức là cảm thụ an lạc hoặc bất an ở trong những Cảnh ấy. Với lý do này, sát na nào Thọ đang thụ hưởng sự an lạc ở trong Cảnh, thì Thọ ấy ắt hẳn biểu lộ cho hiện khởi đến với người ấy; tức là làm cho có diện mạo trong sáng vui tươi; và khi tính theo Tục Đế thì sẽ nói với nhau rằng người ấy, người này đang có sự an vui hạnh phúc. Và trong sát na nào Thọ đang thụ hưởng sự khổ đau ở trong Cảnh, thì Thọ ấy ắt hẳn cũng biểu lộ trạng thái cho hiện khởi lên đến với người ấy tương tự như nhau, tức là làm cho có diện mạo sàu bi ưu não; và khi tính theo Tục Đế thì sẽ nói với nhau rằng người ấy, người này đang có sự bất hạnh khổ đau vậy.

+ Trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Cần Thiết của Thọ, đó là:

1. *Xúc Phạm Trạng Thái (Phusanalakkhaṇa)*: Có việc thụ hưởng Cảnh, làm thành trạng thái.

2. *Thụ Vị Di Lập Phận Sự (Visayarasasambhogarasà)*: Có việc thụ hưởng chất vị của Cảnh, làm thành phận sự.
3. *Lạc Khổ Thành Tựu (Sukhadukkhapaccupatthànāṃ)*: Có sự an lạc và không đau, và làm hành trạng hiện bày ở trong Trí Tuệ của tất cả các *Bậc Hiền Trí*.
4. *Xúc Nhân Cận (Phassapadatthànāṃ)*: Có Xúc làm Nhân cận lân.

+Trình bày việc liệt kê 24 Duyên vào trong câu “*Xúc làm duyên cho Thọ*” (*Phassapaccayā Vedanā*):

Cả **Lục Xúc** làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với cả **Lục Thọ** thì có được tám mảnh lực Duyên, đó là:

- 1/. *Câu Sinh Duyên (Sahajātapaccaya)*,
- 2/. *Hỗ Tương Duyên (Aññamaññapaccaya)*,
- 3/. *Câu Sinh Y Duyên (Sahajātanissayapaccaya)*,
- 4/. *Đị Thực Quả Duyên (Vipākapaccaya)*,
- 5/. *Danh Vật Thực Duyên (Nāmāhārapaccaya)*,
- 6/. *Tương Ứng Duyên (Sampayuttapaccaya)*,
- 7/. *Câu Sinh Hiện Hữu Duyên (Sahajātatthipaccaya)*,
- 8/. *Câu Sinh Bất Ly Duyên (Sahajātāvīgatapaccaya)*.

A. 56/. Hỏi: *Hãy giảng giải trong câu “Vedanāpaccayā taṇhā sambhavati” (Thọ làm duyên cho Ái Dục khởi sinh).*

Đáp: **Ái Dục (Taṇhā)** thường hiện khởi lên bởi do nương vào **Lục Thọ (Vedanā)** làm **Nhân**.

Câu Chú Giải của từ ngữ **Taṇhā (Ái Dục)**: “*Vatthukāmaṃ paritassasatīti = Taṇhā*”- “*Pháp chủng nào thường đắm nhiễm vào trong Vật Dục, bởi do thế mới gọi tên Pháp chủng ấy là Ái Dục.*”

Một trường hợp khác nữa: “*Vatthukāmaṃ tassanti paritassanti sattā etāyāti = Taṇhā*”- “*Tất cả Chúng Hữu Tình thường ưa thích đắm nhiễm vào trong Vật Dục bởi do Pháp chủng ấy, chính vì thế mới gọi tên Pháp chủng mà làm Nhân cho tất cả Chúng Hữu Tình ưa thích đắm nhiễm vào trong Vật Dục ấy là Ái Dục.*”
Tức là Tâm Sở Tham hiện hữu ở trong 8 Tâm căn Tham.

57/. Hỏi: *Hãy trình bày câu Chú Giải của từ ngữ “Taṇhā” (Ái Dục) là sự hoan hỷ, duyệt ý, mong muốn đã được sinh khởi bởi do nương vào việc trông thấy, được lắng nghe, được ngửi, v.v. trong Cảnh tốt đẹp; bởi do thế mới nói được rằng Ái Dục sinh khởi từ ở nơi cả Lục Cảnh. Tuy nhiên tại làm sao Đức Phật Ngài mới lập ý trình bày rằng “Vedanāpaccayā taṇhā” (Thọ làm duyên cho Ái Dục) mà không trực tiếp trình bày rằng “Arammaṇapaccayā taṇhā” (Cảnh làm duyên cho Ái Dục) ? Do bởi lý do nào ? Cho lời giải thích.*

Đáp:

A. 58/. Hỏi: Cho lời giải thích theo riêng từng mỗi phần trong sự việc Ái Dục sinh khởi do bởi nương vào Lạc Thọ, Khổ Thọ, Xả Thọ.

Đáp: + Rằng khi tính theo Pháp chủng hiện hành ở trong Thế Gian này rồi, thì việc thụ hưởng Cảnh hiện hữu ở ba thể loại, đó là:

1. Sự cảm thụ Thân An Tâm An trong khi tiếp xúc với Cảnh duyệt ý, thì gọi đó là một thể loại Lạc Thọ.
2. Sự cảm thụ Thân Bất An Tâm Bất An trong khi tiếp xúc với Cảnh bất duyệt ý, thì gọi đó là một thể loại Khổ Thọ.
3. Sự cảm thụ tĩnh lặng, thản nhiên trong khi tiếp xúc với Cảnh trung bình vừa phải, thì gọi đó là một thể loại Xả Thọ.

+ Rằng khi tính theo Dĩ Nhân Bản Nguyên thì việc thụ hưởng Cảnh thường hiện hữu hai thể loại, đó là: 1/. Lạc Thọ, 2/. Khổ Thọ.

- Lạc Thọ tức là: Lạc Câu Hành Thân Phủ Xúc Thọ (**Sukhasahagatakàyasam phassajàvedanà**), Hỷ Câu Hành Ý Phủ Xúc Thọ (**Somanassasahagatamano samphassajàvedanà**), Xả Thọ (**Upekkhàvedanà**) hữu quan Thiện, Duy Tác và Dĩ Thực Quả Thiện.
- Khổ Thọ tức là Khổ Câu Hành Thân Phủ Xúc Thọ (**Dukkhasahagatasam phassajàvedanà**), Ưu Câu Hành Ý Phủ Xúc Thọ (**Domanassasahagatamano samphassajàvedanà**), Xả Thọ hữu quan với Dĩ Thực Quả Bất Thiện và Thiện.

59/. Hỏi: Ái Dục sinh khởi bởi do nương vào Lạc Thọ và Xả Thọ thì cũng có thể hiểu biết được, thế nhưng Ái Dục sinh khởi do bởi nương vào Khổ Thọ thì làm thế nào có được? Cho lời giải thích.

Đáp: Người đang đón nhận sự khổ đau với biết bao sự vất vả khổ sở hoặc đang bị bất an, thì thường luôn tư duy nghĩ ngợi đến sự an lạc và Cảnh làm cho sự an lạc sinh khởi; thế rồi nỗ lực tìm kiếm con đường để sẽ cho vượt thoát ra khỏi sự khổ đau với biết bao sự vất vả khổ sở, đã bằng với đủ mọi phương cách. Người ốm đau bất an cũng đã nỗ lực tìm kiếm thầy hay thuốc giỏi đang chữa trị cho được dứt khỏi việc ốm đau bệnh hoạn ấy. Một khi vẫn chưa thoát khỏi những sự khổ đau ấy, thì cũng vẫn cứ than vãn và nghĩ ngợi rằng biết đến bao giờ thì mình mới sẽ thoát ra khỏi sự khổ đau với biết bao sự vất vả khổ sở này được hỉ? Sự việc như vậy, là cũng chính do bởi mãnh lực Ái Dục sinh khởi hữu quan từ ở nơi Khổ Thọ đã làm Nhân. Và ở tại đây, là việc trình bày cho được thấy rằng Khổ Thọ cũng là Nhân làm cho Ái Dục được khởi sinh.

60/. Hỏi: Lục Ái Dục gồm có những chi? Cho trình bày ý nghĩa với.

Đáp: Khi phân tích theo Cảnh thì Ái Dục có được sáu thể loại, đó là:

1. **Sắc Ái (Rùpatanàhà):** Sự ưa thích đắm nhiễm vào trong Cảnh Sắc, như có câu Chú Giải trình bày rằng: **“Rùpe tanhà = Rùpatanàhà”**- “Ưa thích đắm nhiễm vào Sắc, bởi do thế mới gọi là Sắc Ái.”
2. **Thinh Ái (Saddatanàhà):** Sự ưa thích đắm nhiễm vào trong Cảnh Thinh, như có câu Chú Giải trình bày rằng: **“Sadde tanhà = Saddatanàhà”**- “Ưa thích đắm nhiễm vào Thinh, bởi do thế mới gọi là Thinh Ái.”
3. **Khí Ái (Gandhatanàhà):** Sự ưa thích đắm nhiễm vào trong Cảnh Khí, như có câu Chú Giải trình bày rằng: **“Gandhe tanhà = Gandhatanàhà”**- “Ưa thích đắm nhiễm vào Khí, bởi do thế mới gọi là Khí Ái.”
4. **Vị Ái (Rasatanàhà):** Sự ưa thích đắm nhiễm vào trong Cảnh Vị, như có câu Chú Giải trình bày rằng: **“Rase tanhà = Rasatanàhà”**- “Ưa thích đắm nhiễm vào Vị, bởi do thế mới gọi là Vị Ái.”
5. **Xúc Ái (Phoṭṭhabbatanàhà):** Sự ưa thích đắm nhiễm vào trong Cảnh Xúc, như có câu Chú Giải trình bày rằng: **“Phoṭṭhabbe tanhà = Phoṭṭhabbatanàhà”**- “Ưa thích đắm nhiễm vào Xúc, bởi do thế mới gọi là Xúc Ái.”
6. **Pháp Ái (Dhammatanàhà):** Sự ưa thích đắm nhiễm vào trong Cảnh Pháp, tức là các Pháp Thực Tính, như có câu Chú Giải trình bày rằng: **“Dhamme tanhà = Dhammatanàhà”**- “Ưa thích đắm nhiễm vào Thực Tính Pháp, bởi do thế mới gọi là Pháp Ái.”

61/. Hỏi: Cho lời giải thích trong đoạn văn Pàli chỗ nói rằng: **“Cakkhuñca paṭicca rùpe ca uppajjati cakkhuvinnānaṃ tiṇṇaṃ saṅgati phasso phassapaccayà vedanà vedanàpaccayà tanhà”** (Nhãn Thức thường được hiện khởi lên bởi do nương vào Nhãn Thanh Triệt với Cảnh Sắc. Đích thị chính do việc tụ hội vào nhau giữa cả ba Nhãn Thanh Triệt, Cảnh Sắc và Nhãn Thức đây, mới được gọi tên là Xúc. Xúc làm duyên cho Thọ. Thọ làm duyên cho Ái Dục) luôn cả trình bày việc sinh khởi của **Pháp Ái (Dhammatanàhà)**.

Đáp:

62/. Hỏi: Nếu có người nói rằng Sắc Ái đây cũng là Dục Ái (**Kàmatanàhà**), hoặc cũng được là Hỷ Ái (**Bhavatanàhà**), hoặc cũng được là Ly Hỷ Ái; thế thì Ngài sẽ phản đối hoặc đồng ý như thế nào? Cho trình bày một cách rõ ràng.

Đáp:

63/. Hỏi: Sự ưa thích đắm nhiễm ở trong việc tiến hóa An Chỉ và Minh Sát thì có phải là **Pháp Ái** hay không? Cho lời giải thích thẩm định với việc nêu lên cơ sở dẫn chứng.

Đáp: Trong Bộ Chú Giải Trung Phần Ngũ Thập (**Majjhimapaṇṇàsa Atthakathà**) đã có trình bày để rằng sự ưa thích đắm nhiễm ở trong việc tiến hóa

An Chi và Minh Sát thì tương tự cũng vẫn được gọi là **Pháp Ái**. Như dẫn chứng phần **Pàli** đã có trình bày nói rằng: “*Dhammaràgena dhammanandiyāti padadvayehi samathavipassanàsū chandaràgo vutto*”- Dịch nghĩa là: “Đức Thế Tôn lập ý đề cập đến sự ưa thích đắm nhiễm ở trong việc tiến hóa An Chi Nghiệp Xứ và Minh Sát Nghiệp Xứ bằng với hai từ ngữ, đó là **Pháp Ái (Dhammaràga)** và **Hỷ Duyệt Pháp (Dhammanandī)**.” Có nghĩa là **Tham Dục (Chandaràga)** sinh khởi lên ở trong An Chi Tu Tập, Minh Sát Tu Tập, mới được gọi tên là **Pháp Ái**.

64/. Hỏi: Thọ sinh khởi do bởi không nương vào Xúc làm Năng Duyên thì có được hay không? Và nhóm Thọ nào thì làm tác nhân cho Ái Dục sinh khởi? Và việc thụ hưởng ấy chính là Thọ sinh khởi trong sát na trông thấy, được lắng nghe, v.v. thì sẽ nói rằng Ái Dục thường luôn được sinh khởi hay không? Cho lời giải thích.

Đáp:

65/. Hỏi: Ái Dục chỗ được gọi tên là Dục Ái và Hữu Ái ấy là những chi? Cho nêu câu Chú Giải lên để phối hợp với việc trình bày.

Đáp:

66/. Hỏi: Khi trình bày thể theo Bộ Chú Giải Đại Phẩm thuộc Kinh Tạng (*Suttantamahāvagga Atthakathā*) thì **Hữu Ái** đây có được số lượng bao nhiêu? Là những chi? Cho trình bày ý nghĩa luôn cả việc nêu cơ sở lên để phối hợp dẫn chứng với.

Đáp:

67/. Hỏi: Chỗ nói rằng “Ly Hữu Ái” thì Ngài có sự hiểu biết như thế nào? Cho lời giải thích thể theo sự hiểu biết của Ngài cho thật đúng đắn.

Đáp:

68/. Hỏi: Phương pháp tính đếm 108 Ái Dục thì sẽ phải tính đếm như thế nào? Cho trình bày việc tính đếm một cách rõ ràng.

Đáp:

69/. Hỏi: Hãy trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Căn Thiết của Ái Dục; và lại cho trình bày Duyên Hệ được liệt kê ở trong câu “Thọ làm duyên Ái Dục” (*Vedanāpaccayā taṇhā*).

70/. Hỏi: Thể loại Ái Dục và Tà Kiến nào đã được gọi tên là Cháp Thủ? Và lại hãy trình bày câu Chú Giải của Cháp Thủ với.

A. 71/. Hỏi: Có bao nhiêu Kiến Chấp Thủ ? Là những chi ? Cho trình bày một cách tỷ mỉ chi tiết.

72/. Hỏi: 62 Tà Kiến gồm có những chi ?

73/. Hỏi: Hãy trình bày Thập Hữu Biên Tướng Vô Biên Tướng Kiến (*Antaggahikadiṭṭhi*) cùng với ý nghĩa.

74/. Hỏi: Thế loại Tà Kiến nào đã được gọi tên là “*Silabbatupādāna*” (Giới Cấm Chấp Thủ) và “*Attavādupādāna*” (Ngã Luận Chấp Thủ) ? Cho lời giải thích một cách tóm lược.

A. 75/. Hỏi: Hãy giải thích ở trong câu chuyện về Giới Cấm Chấp Thủ và Ngã Luận Chấp Thủ ? Cho lời giải thích một cách tóm lược.

76/. Hỏi: Một cách ngắn gọn Hữu Thân Kiến sinh khởi bởi do nương vào cả Ngũ Uẩn đầy thì có được bao nhiêu ? một cách tròn đủ thì có được bao nhiêu ? Và hãy trình bày việc sinh khởi của Hữu Thân Kiến một cách ngắn gọn và một cách tròn đủ với việc nương vào bất luận một Uẩn nào trong Ngũ Uẩn đầy cho được trông thấy một cách rõ ràng.

77/. Hỏi: Cho bổ sung nội dung ở trong câu chuyện như tiếp theo đây:

“Giải thích rằng người đã có Ngã Luận Chấp Thủ đây; thì bất kiến, bất liễu tri, v.v., và sắc thân cũng đã thực hiện theo Bản Ngã chỉ thị”.

Đáp: “Giải thích rằng người đã có Ngã Luận Chấp Thủ đây; thì bất kiến, bất liễu tri và bất tín rằng Danh Sắc, Ngũ Uẩn này là Vô Ngã, là một thực tính không nằm ở trong mãnh lực cai quản và chỉ đạo của một ai, không có Ngã, và không có Bản Ngã. Lại hiểu biết rằng Danh Sắc Ngũ Uẩn này là *Ngã (Atta)*, là Bản Ngã; và Bản Ngã này là độc lập, có khả năng chủ quản và chỉ đạo Danh Sắc Ngũ Uẩn được. Bản Ngã chỉ thị cho sắc thân thực hiện những việc đứng, đi, ngồi, nằm, nói, nhìn, nghe, v.v., và sắc thân cũng đã thực hiện theo Bản Ngã chỉ thị”.

A. 78/. Hỏi: Hãy giảng giải ở trong câu chuyện Chí Tôn Bản Ngã (*ParamaAtta*), và Bản Sinh Mệnh Ngã (*JivaAtta*) một cách tỷ mỉ chi tiết.

79/. Hỏi: Sự Chấp Thủ rằng là *Bản Ngã (Atta)* đây, thì có bao nhiêu thể loại ? Là những chi ? Cho lời giải thích một cách ngắn gọn.

80/. Hỏi: Cho dịch nghĩa ở trong đoạn văn Pàli như tiếp theo đây: *Ayaṃ kho bhavaṃ brahmā mahābrahmā abhibhū anabhibhūto aññadattthudaso*

vasavatti issaro kattà nimmàtā seṭṭho sajjitā vasi pitā bhūtabhabyānaṃ iminā mayāṃ bhotā brahmunā nimmitā.”

Đáp: Dịch nghĩa là: “*Vị Phạm Thiên này là Ngài Đại Phạm Thiên có quyền năng cai quản tất cả Chúng Hữu Tình, không có ở trong sự cai quản của vị nào khác; là Đấng Tạo Hóa nhất định có quyền năng liễu tri thông suốt tất cả sự vật, có quyền năng điều khiển làm cho tất cả Chúng Hữu Tình tiến hành thực hiện theo sự duyệt ý của mình; là Đấng Hóa Sinh Chủ, Đại Tôn cai quản tất cả Chúng Hữu Tình; là Sáng Tạo Chủ Thế Gian và Chúng Hữu Tình; là Đấng Thượng Tôn ở trong thế gian; là Chủ Tể mọi định mệnh, sắp bày tạo tác Hữu Tình cho làm Đại Vương, cho làm Bà La Môn, làm bá hộ, làm người giàu, người nghèo, tùy theo thích hợp với vị trí địa vị; là Tổ Phụ của Chúng Hữu Tình đã sinh lên và sắp sẽ sinh lên về sau. Ngay cả tất cả chúng ta hóa sinh lên ở ngay trong lãnh địa này, là cũng chính do bởi Ngài Đại Phạm Thiên này là Bậc đã kiến lập lên.*”

81/. Hỏi: *Hãy trình bày ý nghĩa của những từ ngữ sau đây:*

1. *Tự Hành Mệnh Ngã (Kàraka JivaAtta),*
2. *Tự Thọ Mệnh Ngã (Vedaka JivaAtta),*
3. *Chủ Quyền Mệnh Ngã (Sàmi JivaAtta),*
4. *Trường Tôn Mệnh Ngã (Nivàsi JivaAtta),*
5. *Tự Chế Mệnh Ngã (Sayamvasi JivaAtta),*
6. *Đắc Quyền Mệnh Ngã (Vasavatta JivaAtta);*

và cho lời giải thích trong độ chừng một vài từ ngữ của những từ ngữ này.

82/. Hỏi: *Nếu như đã không có Hữu Thân Kiến thì những Tà Kiến khác có được sinh khởi hay không? Cho sự thâm định và lời giải thích.*

A. 83/. Hỏi: *Hãy trình bày sự khác biệt giữa Ái Dục với Dục Chấp Thủ một cách tỷ mỉ chi tiết.*

84/. Hỏi: *Xin cho bỏ túc nội dung ở trong câu chuyện như tiếp theo đây:*

“Lại nữa, đa số Phật Tử cho dù sẽ không có quyết định được rằng là thuộc bất luận một nhóm Bản Sinh Mệnh Ngã nào đi nữa, v.v. dịch nghĩa là “Này kẻ ngu si kia, tất cả Nhân Loại có sự chấp thủ rằng cây cỏ có mạng sống.”

Đáp: “*Lại nữa, đa số Phật Tử cho dù sẽ không có quyết định được rằng là thuộc bất luận một nhóm Bản Sinh Mệnh Ngã nào đi nữa, tuy nhiên quan điểm chấp thủ giữ lấy ở trong Danh Sắc là Ta, của Ta đây, thì ắt hẳn thường hay có với nhau hết cả thấy, chỉ ngoại trừ bậc Thánh Nhân mà thôi. Sự chấp thủ giữ lấy thì đa phần là đã bám giữ giữ chặt ở trong Thức Uẩn; chẳng hạn như một người nào đã chết, thì người còn sống sẽ thường hay nói rằng người này người nọ mạng sống đã*

tan rã, lia khỏi sắc thân rồi. Hoặc giả những con trẻ thì sẽ hoảng hốt giật mình, còn người lớn thì thường hay bảo rằng “*kinh hồn bạt vía*”; mà ý nghĩa của lời nói rằng “*kinh hồn bạt vía*” đây, cũng có thể lập ý chỉ lấy chính cái Tâm hoặc Thức của những con trẻ ấy thoát ra trong khoảnh khắc khỏi cơ thể ấy vậy. Hoặc đôi khi người đã chết đi rồi, nhưng Thức vẫn có thể đang bay lơ lửng, vẫn chưa có đi tục sinh chỗ nào cả; và đôi khi Thức của người ấy đi đến rêu gọi rủ rê anh chị em, con cháu, chồng vợ, v.v. cho đi với nhau. Hoặc đôi khi Thức của người ấy đã chết đi, lại đến ám ngụ vào ở trong những sắc thân của thân quyến, anh chị em, chồng vợ; và đã khiến cho phải thực hiện một buổi lễ xua đuổi trục xuất Thức ấy đi, như vậy chẳng hạn.

Sự chấp thủ giữ lấy phần Ngũ Luân Kiến đây rất là rộng lớn, không chỉ sẽ chấp thủ riêng biệt vào Ngũ Uẩn là sắc thân không thôi, mà ngay cả cho đến các vật thể ở phía bên trong, chẳng hạn như núi đồi, cây cối, mặt đất, sông nước; với những thể loại này cũng chấp thủ rằng có Bản Ngã, tất cả đều là Bản Sinh Mệnh Ngã Kiến cả thảy. Với lý do này, Bậc Chánh Đẳng Giác mới lập ý trình bày đề ở trong Chánh Tạng Pàli về “*thảo mộc điều học chỗ trú ngụ*” thuộc Tạng Luật Tỳ Khưu Ứng Đối Trị (“*Bhùtagàmasikkhàsenāsana*” – *Bhikkhupàcittiya*) nói rằng “*Jivasāñño hi moghapurisā manussā rukkhasmim*” (*Mahavibhaṅga II – Đại Phân Tích II, điều 354*) dịch nghĩa là “*Này kẻ ngu si kia, tất cả Nhân Loại có sự chấp thủ rằng cây cỏ có mạng sống.*”

85/. Hỏi: *Hãy dịch nghĩa trong kệ ngôn như tiếp theo đây:*

Sattiyā yassa jivassa Loko vattati mañño
Kārako vedako sāmī Nivāsī so sayamvasī

Luôn cả thâm định trong điều nói rằng “Chính tự Ta là chỗ nương tựa của chính mình” hoặc lời nói rằng “tự tin”; những lời nói này có được liệt kê vào Ngũ Luân Chấp Thủ hay không? Và thể loại Tà Kiến nào thì được gọi tên là Kiến Chấp Thủ? Cho lời giải thích và nêu lên cơ sở dẫn chứng để trình bày với.

Đáp: “*Những kẻ Vô Văn Phạm Phu có quan điểm rằng tất cả Chúng Hữu Tình đang thực hiện biết bao hành động của mình và đã được tồn tại, là cũng chính do bởi nương vào năng lực của Mệnh Ngã ấy vậy. Và cũng chính Mệnh Ngã này là người có quyền năng thực hiện được mọi hành động, là người thụ lãnh quả báo tốt và cả xấu, là chủ quản sắc thân của tất cả Chúng Hữu Tình, có quyền năng kiến lập sắc thân mới; hoặc trở về trú xứ của Chí Tôn Bản Ngã bất hoại diệt; có quyền năng điều khiển sắc thân của tất cả Chúng Hữu Tình để cho làm được bất cứ việc gì thể theo ý định của mình.*”

*Mệnh Ngã người đòi há khỏi qua,
Chấp rằng chủ quản đều do Ta,*

Chế quyền chẳng mất quy về Bản,
Định đặt nhiều tên tựa lý xa.
(Ngài Đại Trưởng Lão Tịnh Sự)

Kiến Chấp Ngã (Attadiṭṭhi) ở phần *Ngã Luận Chấp Thủ (Attavàdupàdāna)* đây, tức là người ấy sẽ phải chấp thủ giữ lấy rằng ở trong sắc thân của tất cả Chúng Hữu Tình; và nếu như trong việc trình bày Pháp hoặc trong việc dùng để bảo với nhau rằng “*Attā hi attano nātho*”- “*Chính tự Ta là chỗ nương tựa của chính mình*” hoặc lời nói rằng “*Tự tin*” thì những thể loại này chẳng phải là Ngã Luận Chấp Thủ.

Bậc Chánh Đẳng Giác đã lập ý trình bày đề ở trong *Chương Toát Yếu (Nikkhepaṇḍa)* thuộc *Bộ Kinh Pháp Tụ (Dhammasaṅgīṇipakarāṇa)* rằng: “*Silabbatupādānañca sabbāpi micchādiṭṭhi diṭṭhupādānam*” dịch nghĩa là “*Loại trừ Giới Cấm Chấp Thủ và Ngã Luận Chấp Thủ đi rồi, thì tất cả những thể loại Tà Kiến ấy đều là Kiến Chấp Thủ hết cả thảy.*”

A. 86/. Hỏi: *Hãy giảng giải trong Ái Dục làm Năng Duyên cho cả Tứ Chấp Thủ đi.*

87/. Hỏi: *Hãy trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Cẩn Thiết của Chấp Thủ; và lại cho trình bày Duyên Hệ được liệt kê ở trong câu “Ái Dục làm duyên cho Chấp Thủ” (Taṇhāpaccayā upādāna).*

88/. Hỏi: *Có bao nhiêu thể loại “Hữu” ? Cho trình bày cả Dĩ Pháp Bản Nguyên và Dĩ Nhân Bản Nguyên; luôn cả trình bày câu Chú Giải của các từ ngữ như tiếp theo đây: “Bhava” (Hữu), “Kammabhava” (Nghiệp Hữu), “Uppatti” (Sinh), “Uppattibhava” (Sinh Hữu).*

89/. Hỏi: *Cho phân tích Nghiệp Hữu bởi theo “Dvāra” (Môn), và hãy trình bày Cửu Sinh Hữu có Dục Hữu, v.v.*

90/. Hỏi: *Hãy trình bày cả Cửu Sinh Hữu bởi theo Dĩ Nhân Bản Nguyên, và trình bày Chi Pháp của Cửu Sinh Hữu có Thân Dị Tướng Dị Hữu (Nānāttakāyanānāttasaññibhava) v.v.*

91/. Hỏi: *Cửu Sinh Hữu khi tính theo giản lược thì có được bao nhiêu ? Và cả hai Nghiệp Hữu với Sinh Hữu đây có được làm thành Nhân làm thành Quả với nhau như thế nào ? Cho lời giải thích.*

A. 92/. Hỏi: *Hãy dịch nghĩa ở trong kệ ngôn như tiếp theo đây:*

*Amataṃ niyyamānena
Nibbutaṃ tapamānena*

*Jaramānena nijjaraṃ
Nimeyya bondinā sivaṃ*

và hãy trình bày việc sinh khởi của Nghiệp Hữu và Sinh Hữu bởi do nương vào cả Tứ Chấp Thủ.

Đáp: Dịch nội dung chính là: “Người khôn ngoan hãy nên cố gắng dùng lấy sắc thân này có sự tử vong vô cùng tận, đem trao đổi với Níp Bàn tịch nhiên và bất tử; cũng giống như người thương buôn trao đổi hàng hóa với nhau vậy.”

“Người khôn ngoan hãy nên cố gắng dùng lấy sắc thân này có sự lão mại vô cùng tận, đem trao đổi với Níp Bàn tịch nhiên và bất lão; cũng giống như người thương buôn trao đổi hàng hóa với nhau vậy.”

“Người khôn ngoan hãy nên cố gắng dùng lấy sắc thân này có sự thường luôn thống khổ do bởi Phiền Não, đem trao đổi với Níp Bàn tịch nhiên và thường luôn diệt mọi thống khổ do bởi Phiền Não; cũng giống như người thương buôn trao đổi hàng hóa với nhau vậy.”

+ Trình bày việc sinh khởi của **Nghiệp Hữu** và **Sinh Hữu** bởi do nương vào **Dục Chấp Thủ**, đó là:

Theo lẽ thường nhiên, tâm thức của tất cả Chúng Phàm Phu thường ưa thích bám chặt giữ lấy trong cái quan điểm của mình là trọng đại, chẳng hề có việc suy xét đến nhân quả tương quan; tựa như sự hiện hành của người thất niệm, ứng hợp như lời đã có đề cập đến rằng: “*Puthujjano ummattako viya*”- “*Sự sinh hoạt của hạng Phàm Phu như người loạn trí*”. Như thế, với mãnh lực từ ở nơi Dục Chấp Thủ mà trong mọi hành động tạo tác của tất cả con người ta đều có sự mong mỏi sự an vui hạnh phúc ở trong Cõi Nhân Loại và Chư Thiên. Một vài nhóm người đã thủ tín ở trong những lời hướng dẫn chỉ dạy của vị Giáo Sĩ Tà Kiến, là người không từng học hỏi ở trong Tạng Luật, Tạng Kinh, và Tạng Vô Tỷ Pháp; thường hay thực hiện các hành động hữu quan với Ác Hạnh, có việc sát mạng loài Hữu Tình, thù đạo, ám tửu, v.v. rồi dùng những lễ vật cúng dường tế lễ đến những vật linh thiêng. Hành động tạo tác như vậy là **Bất Thiện Nghiệp Hữu** sinh khởi bởi do nương vào **Dục Chấp Thủ** làm **Nhân**. Hạng người này một khi lìa khỏi Thế Gian này đi rồi, thì ắt hẳn phải đi tục sinh ở trong Tứ Khổ Thú, và ấy cũng chính là một thể loại **Sinh Hữu**.

Một vài nhóm người đã thủ tín ở trong những lời hướng dẫn chỉ dạy của vị Giáo Thọ có quan điểm chân chánh; rồi hành trì trong những Thiện Sự hữu quan với Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập; và ấy chính là **Thiện Nghiệp Hữu** nương vào **Dục Chấp Thủ** làm **Nhân**. Hạng người này một khi lìa khỏi Thế Gian này đi rồi, thì ắt hẳn được đi thọ sinh ở trong Cõi Thiện Dục Giới, làm Nhân Loại và Chư Thiên, và ấy cũng chính là một thể loại **Sinh Hữu**.

Một vài nhóm người đã được thụ lãnh việc huấn tập hướng dẫn trong việc thực hành Thiền An Chỉ cho đến được chứng đắc Thiền Định, và có khả năng làm cho đi thọ sinh thành Phạm Thiên Hữu Sắc Giới, Phạm Thiên Vô Sắc Giới; được thụ hưởng sự an lạc thù thắng về Thân và Tâm, hơn cả sự an lạc ở trong Cõi Nhân Loại và Chư Thiên. Khi đã được thụ lãnh việc hướng dẫn như vậy rồi, thì đã nỗ lực tiến hóa An Chỉ Nghiệp Xứ cho đến chứng đắc Thiền Định Hữu Sắc Giới hoặc Thiền Định Vô Sắc Giới; và ấy chính là **Thiện Nghiệp Hữu** nương vào Dục Chấp Thủ làm Nhân. Hạng người này một khi lìa khỏi Thế Gian này đi rồi, thì cũng ắt hẳn được đi thọ sinh ở trong Cõi Hữu Sắc Giới, Cõi Vô Sắc Giới, và ấy cũng chính là một thể loại **Sinh Hữu**.

+ Trình bày việc sinh khởi của **Nghiệp Hữu** và **Sinh Hữu** bởi do nương vào **Kiến Chấp Thủ**, đó là:

Người có quan điểm sai lầm ở bất luận một trong những thể loại Chuẩn Xác Tà Kiến, đó là:

1. **Vô Hữu Kiến (Natthidiṭṭhi)**: có quan điểm rằng cho dù làm cái chi đi nữa, thì cũng sẽ không thụ lãnh quả báo ở thời vị lai; chẳng hạn như trong *Thập Hữu Biên Tướng Vô Biên Tướng Kiến (Anantaggāhikadiṭṭhi)* v.v. và lại người có quan điểm Vô Hữu Kiến đây lại cũng sẽ phải có **Đoạn Kiến (Ucchedadiṭṭhi)** tức là có quan điểm rằng tất cả Chúng Hữu Tình khi thọ mạng diệt thì cũng diệt.

2. **Vô Nhân Kiến (Ahetukadiṭṭhi)**: có quan điểm rằng tất cả Chúng Hữu Tình cho dù đang thụ lãnh sự khốn khổ hoặc sự an lạc đi nữa, thì cũng chẳng có nương vào cái chi làm tác nhân để cho sinh khởi lên cả. Khốn khổ hoặc an lạc, với những thể loại này chính tự nó hiện khởi lên.

3. **Vô Hành Kiến (Akiriyadiṭṭhi)**: có quan điểm rằng tất cả Chúng Hữu Tình cho dù làm tốt hoặc làm xấu ác đi nữa, cũng không thành tác nhân để sẽ làm cho quả báo sinh khởi trong thời vị lai, và cũng không có thụ lãnh quả báo ở trong thời vị lai. Ngay cả sẽ làm tốt hoặc làm xấu ác như thế nào đi nữa thì cũng không gọi là tác hành Thiện Sự, hoặc tạo tác Bất Thiện Sự; và có sai bảo người khác làm việc tốt, tương tự như vậy, cũng không gọi là tác hành Thiện Sự.

Người có quan điểm sai lầm như đã vừa đề cập đến ở tại đây, thì được gọi tên là **Kiến Chấp Thủ**. Hạng người này thường hành động đi theo sở thích của mình, và phần lớn thường sẽ hiện hành ở trong đường lối Bất Thiện. Ứng hợp với Đức Thế Tôn Ngài đã có lập ý đề cập đến rằng: **“Pāpasmim ramatī mano”** (*Tiểu Bộ Kinh tập 25/ điều 19*) - **“Theo lẽ thường, tâm thức của những hạng người ấy, thì thường vui thích ở trong những việc làm xấu ác.”** Và người đã có **Kiến Chấp Thủ** đây, thì thường hay bạo dạn tạo tác trong những điều Ác Hạnh, những điều Tà Mạng thuộc phần Bất Thiện Nghiệp Hữu bởi do nương vào Kiến Chấp Thủ làm Nhân; tức là chỉ mong mỗi ở trong việc danh thơm tiếng tốt, và cũng chỉ mong mỗi được đáp trả lại điều lợi ích cho đến với mình ngay trong hiện tại mà thôi.

Thiện Nghiệp Hữu sinh khởi bởi do nương vào Kiến Chấp Thủ làm Nhân đặc biệt sinh khởi chỉ đối với nhóm người có Đoạn Kiến đầy, là cũng bởi vì nhóm người này có quan điểm rằng Bản Ngã này nếu sẽ diệt mất ở trong Cõi Thiên Giới hoặc Cõi Phạm Thiên Giới thì cũng là việc rất tốt. Khi đã nhận thức như vậy rồi, thì tác hành Thiện Sự có Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập An Chỉ cho sinh khởi lên, ngõ hầu mong mỗi sự diệt mất ở trong Cõi Giới mà mình hằng mong muốn. Nếu việc Thiện Sự hiện hành một cách viên mãn hoàn hảo thì cũng sẽ được đi thọ sinh ở trong Cõi Thiên Giới, hoặc Cõi Hữu Sắc Giới, Cõi Vô Sắc Giới; và ấy cũng chính là một thể loại **Sinh Hữu**. Tuy nhiên nếu như việc Thiện Sự ấy không được thành tựu viên mãn, thì cũng không thể nào cho đi thọ sinh ở trong Cõi Hữu Sắc Giới, Cõi Vô Sắc Giới được; và chỉ có thể tục sinh làm thành Nhân Loại hoặc là Chư Thiên; và ấy cũng chính là một thể loại **Sinh Hữu** mà thôi.

Còn đối với Bất Thiện Nghiệp Hữu sinh khởi bởi do nương vào Kiến Chấp Thủ thì được hết cả thảy.

+ Trình bày việc sinh khởi của **Nghiệp Hữu** và **Sinh Hữu** bởi do nương vào **Giới Cẩm Chấp Thủ**, đó là:

Người đang hành trì bắt chước như loài bò như loài chó đầy, thì đa phần có quan điểm rằng “Ta đang hành trì ở thể loại này, là một việc tiến hành ở trong đường lối của Bậc Hiền Triết, quả là điều rất khó làm vậy !” Và lại có sự tín thực kiên cố rằng “Việc hành trì của mình đây, thì nhất định sẽ trở sinh quả báo cho Ta đi thọ sinh ở trong Cõi Thiên Giới, Cõi Phạm Thiên Giới.” Và trông thấy việc hành trì của người khác, với những thể loại của việc Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập thì “cho là không đúng đắn; hơn nữa, những hạng người đầy cũng không có khả năng để sẽ tu tập hành trì ở thể loại của mình được !” Với lý do này, những hạng người này mới không thể nào sẽ đi thọ sinh ở trong Cõi Thiên Giới và Cõi Phạm Thiên Giới thuận theo sở nguyện được.

Quan kiến của người hành trì trong đường lối sai trật (Tà Đạo) như vậy, thì thường là *Tà Thắng Giải (Micchàdhimokkha)* tức là Ngã Kiến với việc quyết định sai trật; và là *Sân Hận (Dosa)* có việc miệt thị chê bai đối với việc hành trì của người khác. Quan điểm của người này đã là **Bất Thiện Nghiệp Hữu** sinh khởi bởi do nương vào Giới Cẩm Chấp Thủ làm Nhân. Và lại, hạng người này một khi sẽ lìa khỏi Thế Gian này đi rồi, thì ắt hẳn sẽ đi tục sinh làm thành Hữu Tình Khổ Thú; và ấy cũng chính là một thể loại **Sinh Hữu**.

Một vài nhóm người có quan điểm rằng việc hành trì bắt chước như loài bò, bắt chước như loài chó chỉ là bấy nhiêu đầy thôi, thì cũng có khả năng trực tiếp diệt trừ Phiền Não; và làm cho được thành tựu viên mãn Quả vị Vô Sinh. Việc hành trì ở thể loại khác, có Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập; với những thể loại ấy thì chỉ làm cho được đi thọ sinh ở trong Cõi Thiên Giới, Cõi Phạm Thiên Giới mà thôi. Tuy nhiên việc hành trì như vậy, và lại hành trì ở trong Cõi Nhân Loại thì sẽ đi đến

việc thành tựu quả là khó khăn; vì lẽ không có được thuận lợi và thích hợp. Nếu như được hành trì ở trong Cõi Thiên Giới hoặc Cõi Phạm Thiên Giới thì sẽ thành tựu viên mãn Quả vị Vô Sinh một cách dễ dàng. Một khi đã có quan điểm như vậy rồi, thì cũng cố gắng nỗ lực thực hiện việc Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập, và ấy chính là **Thiện Nghiệp Hữu** để cho có được đi thọ sinh ở trong Cõi Thiên Giới, Cõi Phạm Thiên Giới. Một vài người hành trì cho được chứng đắc Thiên Định; và một vài người cũng không được chứng đắc Thiên Định. Người hành trì đã chứng đắc Thiên Định, một khi đã mệnh chung rồi, thì cũng được đi thọ sinh làm thành vị Phạm Thiên. Còn người không được chứng đắc Thiên Định, một khi mệnh chung rồi, thì sẽ đi thọ sinh làm thành Nhân Loại, Chư Thiên; và ấy cũng chính là một thể loại **Sinh Hữu**.

+ Trình bày việc sinh khởi của **Nghiệp Hữu** và **Sinh Hữu** bởi do nương vào **Ngã Luận Chấp Thủ**, đó là:

Ngã Luận Chấp Thủ đây sinh khởi khắp tất cả Chúng Phàm Phu, bởi vì hạng người này không trông thấy sự hiện hành của Danh Sắc Ngũ Uẩn với Thực Tính Vô Ngã; mà chỉ trông thấy rằng là Tự Ngã, Tôi, Người, là Hữu Tình, Con Người, Trai, Gái, v.v. Đề cập đến là sự nhận thức ở trong việc trông thấy, việc được lắng nghe, v.v. rằng trong sát na trông thấy với việc trông thấy đích thị chính là Ta, và Ta là người trông thấy. Trong sát na được lắng nghe, thì việc được lắng nghe đích thị chính là Ta, và Ta là người được lắng nghe. Trong sát na tư duy, thì việc tư duy đích thị chính là Ta, và Ta là người tư duy. Trong sát na đang đứng, bước đi, ngồi, nằm, thì việc đang đứng, bước đi, ngồi, nằm đích thị chính là Ta, và Ta là người đang đứng, bước đi, ngồi, nằm. Sự nhận thức quan điểm như vừa đề cập tại đây, được khởi sinh từ ở nơi Ngã Luận Chấp Thủ hết cả thấy. Với lý do này mới nhận thấy được rằng trong những hành động Thiện và Bất Thiện mà tất cả mỗi con người tạo tác với nhau hằng mỗi ngày đây, là cũng bởi do nương vào Ngã Luận Chấp Thủ làm Nhân; vì có nghĩ suy rằng *“Tự bản thân Ta đây vẫn đang còn có sự an vui hạnh phúc rất ít ỏi; hoặc có tài sản của cải bạc vàng, danh thơm tiếng tốt vẫn đang còn rất ít ỏi, sẽ cần phải nỗ lực để cho những điều này nhiều thêm lên.”* Thế rồi tác hành Thiện cũng có, Bất Thiện cũng có, thế theo tính nét tập khí của từng mỗi người; hoặc tùy thuộc vào việc tiếp thu một nền giáo dục từ ở nơi người Mẹ, người Cha, Thầy Tổ, Giáo Thọ; tức là nếu như người nào có tính nét tập khí bất thiện hoặc không có được tiếp thu một nền giáo dục thiện hảo, thì người ấy ắt hẳn sẽ tầm cầu điều mà bản thân hằng mong mỏi đi theo con đường bất chánh, là Ác Hạnh và Tà Mạng; và ấy chính là **Bất Thiện Nghiệp Hữu**. Và một khi lìa khỏi Thế Gian này đi rồi, thì ắt hẳn sẽ đi tục sinh làm thành Hữu Tình Khổ Thú; và ấy chính là một thể loại **Sinh Hữu**. Và nếu như người nào có được tính nét tập khí thiện hảo, hoặc có được việc giáo dục thiện hảo, thì người ấy ắt hẳn sẽ tầm cầu điều mà bản thân hằng mong mỏi đi theo con đường chân chánh, là Thiện Hạnh và

Chánh Mạng; có việc kiến tạo Xả Thí, thọ trì Giới Luật, tiến hóa An Chi Nghiệp Xứ; và điều ấy được sắp thành **Thiện Nghiệp Hữu**. Thế rồi một khi sẽ lìa khỏi Thế Gian này đi rồi, thì ắt hẳn sẽ được đi thọ sinh làm thành Nhân Loại cũng có, Chư Thiên cũng có, Phạm Thiên Hữu Sắc Giới cũng có, Phạm Thiên Vô Sắc Giới cũng có; và ấy chính là một thể loại **Sinh Hữu**.

93/. Hỏi: Cho trình bày ý nghĩa của Tà Kiến như tiếp theo đây: Vô Hữu Kiến (*Natthidiṭṭhi*), Vô Nhân Kiến (*Ahetukadiṭṭhi*), Vô Hành Kiến (*Akiriyaḍiṭṭhi*).

Đáp: Ý nghĩa của những Tà Kiến sau đây:

1. Vô Hữu Kiến (*Natthidiṭṭhi*): có quan điểm rằng cho dù làm cái chi đi nữa, thì cũng sẽ không thụ lãnh quả báo ở thời vị lai; chẳng hạn như trong *Thập Hữu Biên Tướng Vô Biên Tướng Kiến (*Anantaggāhikadiṭṭhi*)* v.v. và lại người có quan điểm Vô Hữu Kiến đây lại cũng sẽ phải có *Đoạn Kiến (*Ucchedadiṭṭhi*)* tức là có quan điểm rằng tất cả Chúng Hữu Tình khi thọ mạng diệt thì cũng diệt.

2. Vô Nhân Kiến (*Ahetukadiṭṭhi*): có quan điểm rằng tất cả Chúng Hữu Tình cho dù đang thụ lãnh sự khốn khổ hoặc sự an lạc đi nữa, thì cũng chẳng có nương vào cái chi làm tác nhân để cho sinh khởi lên cả. Khốn khổ hoặc an lạc, với những thể loại này chính tự nó hiện khởi lên.

3. Vô Hành Kiến (*Akiriyaḍiṭṭhi*): có quan điểm rằng tất cả Chúng Hữu Tình cho dù làm tốt hoặc làm xấu ác đi nữa, cũng không thành tác nhân để sẽ làm cho quả báo sinh khởi trong thời vị lai, và cũng không có thụ lãnh quả báo ở trong thời vị lai. Ngay cả sẽ làm tốt hoặc làm xấu ác như thế nào đi nữa thì cũng không gọi là tác hành Thiện Sự, hoặc tạo tác Bất Thiện Sự; và có sai bảo người khác làm việc tốt, tương tự như vậy, cũng không gọi là tác hành Thiện Sự.

94/. Hỏi: Cho trình bày sự khác biệt giữa Hành với Nghiệp Hữu, với luôn cả trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Căn Thiết của Nghiệp Hữu.

A. 95/. Hỏi: Cho trình bày việc liệt kê Duyên Hệ ở trong câu “Chấp Thủ làm duyên cho Hữu” (*Upādānapaccayā bhāvo*) một cách tỷ mỉ chi tiết.

96/. Hỏi: Cho giảng giải ở trong câu “*Bhavapaccayā jāti sambhavati*” (Hữu làm duyên cho Sinh khởi sinh).

97/. Hỏi: Từ ngữ “*Jāti*” (Sinh) dịch nghĩa như thế nào? Trình bày câu Chú Giải như thế nào? Và Sinh đây - rằng theo *Đĩ Pháp Bản Nguyên* và theo *Thời Gian* thì có bao nhiêu thể loại? Là những chi?

98/. Hỏi: *Tái Tục Sinh* rằng khi tính theo Sinh Chủng thì có được bốn, rằng tính theo Uẩn thì có được ba; thật khó biết được rằng có bốn là như thế nào và có ba là như thế nào ?

99/. Hỏi: *Hãy bỏ túc nội dung ở trong câu chuyện như tiếp theo đây: “Sinh Chủng (Jāti) là việc sinh khởi của tất cả Chúng Hữu Tình ở trong 31 Cõi Giới với rất nhiều trường hợp sai khác, có nhóm Hữu Tình Khổ Thú, Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên. Những thể loại này v.v. bởi do thế, tất cả các bậc Hiền Trí nên thấu hiểu được rằng Nghiệp Hữu đây làm Năng Duyên của Sinh vậy.”*

Đáp: *Sinh Chủng (Jāti) là việc sinh khởi của tất cả Chúng Hữu Tình ở trong 31 Cõi Giới với rất nhiều trường hợp sai khác, có nhóm Hữu Tình Khổ Thú, Nhân Loại, Chư Thiên, Phạm Thiên. Những thể loại này cũng bởi do từ ở nơi Nghiệp Hữu, và đây chính là hành động tạo tác với Thân, Lời, Ý ở phần Thiện cũng có, Bất Thiện cũng có. Bởi do thế mới nhận thấy được rằng tất cả Chúng Hữu Tình ở trong Thế Gian này, ngoài Thiện Nghiệp Lực, Bất Thiện Nghiệp Lực này ra rồi thì chẳng có một ai là đấng Tạo Hóa cả; ứng hợp với Đức Phật Ngài đã lập ý khái thuyết rằng: “*Kammaṃ satte vibhajati yadidaṃ hīnappanītatàya*”- “Nghiệp Lực thường phân biệt tất cả Chúng Hữu Tình cho có thực tính ty liệt và tinh lương.”* Và Ngài Đại Giáo Thọ Sư *Buddhaghosa* cũng đã có trình bày rằng:

*Tulyopi bahi hetumhi Yamakànaṃ payayuttyatà
Na cāñño kammato tasmà Ñeyyo so jātipaccayo*

Dịch nghĩa nội dung chính rằng: “*Ngay cả chỉ có duy nhất một Ngoại Tác Nhân là máu huyết và thực phẩm đi nữa, tuy nhiên trẻ song sinh cũng vẫn có điểm khác biệt với nhau để cho được nhận thấy. Sẽ nói rằng một người nam, một người nữ cũng có; sắc thân hình tướng khang khác nhau cũng có; Trí Tuệ khác biệt nhau cũng có.*”

Điều này trình bày cho nhận thấy rằng ngoài Thiện – Bất Thiện Nghiệp Hữu ra rồi, thì chẳng có tác nhân nào khác nữa để sắp bày trong việc sinh khởi của tất cả Chúng Hữu Tình; bởi do thế, tất cả các bậc Hiền Trí nên thấu hiểu được rằng **Nghiệp Hữu** đây làm Năng Duyên của **Sinh** vậy.

100/. Hỏi: *Hãy trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Cẩn Thiết của Sinh; và Nghiệp Hữu làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sinh thì có được bao nhiêu mãnh lực Duyên Hệ ? Là những chi ? Với luôn cả trình bày quan điểm của Ngài Phụ Chủ Giải Căn Nguyên và Ngài Chủ Giải Sư ở trong câu “Hữu làm duyên cho Sinh” (*Bhavapaccaya jāti*).*

Đáp: Trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Cẩn Thiết Của **Sinh**, đó là:

1. *Tiên Sinh Khởi Hữu Trạng Thái (Tattha tattha bhava paṭhamābhinibbati lakkhaṇā)*: Có việc sinh khởi lần đầu tiên ở trong các Hữu ấy, làm thành trạng thái.
2. *Truyền Thế Phận Sự (Niyātanasā)*: Có việc hiện hành tương tự như là trao truyền Ngũ Uẩn có sự hạn độ ở trong từng mỗi Hữu cho đến tất cả Chúng Hữu Tình, làm thành phận sự.
3. *Quá Khứ Truyền Thừa Hiện Tại Thành Tựu (hoặc) Khổ Đau Tức Chương Thành Tựu (Atītabhavato idha ummujjana paccupaṭṭhāna (và) Dukkha vicittatāpaccupaṭṭhāna)*: Có việc quả báo từ ở nơi Hữu trước sinh khởi trong Hữu này, làm hành trạng hiện bày ở trong Trí Tuệ của tất cả các *Bậc Hiền Trí*; (hoặc) Có thực tính với quả khổ hiện khởi lên quá vật vả.
4. *Lũy Tích Danh Sắc Nhân Cận (Upacitanāmarūpapadaṭṭhāna)*: Có Danh Sắc sinh khởi lần đầu tiên làm Nhân cận lân.

+ Trình bày việc liệt kê mãnh lực Duyên Hệ vào trong câu **“Hữu Làm Duyên cho Sinh” (Bhavapaccayā Jāti)**

Nghiệp Hữu làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Sinh**, thì có được hai mãnh lực Duyên, đó là:

1. *Thường Cận Y Duyên (Pakatūpanissayapaccaya)*,
2. *Dị Thời Nghiệp Duyên (Nānakkhaṇikakammappaccaya)*.

[*Chú thích:* Trong câu *Bhavapaccayā Jāti* (Hữu làm duyên Sinh) đây, thì quan điểm của Ngài *Phụ Chú Giải Căn Nguyên (Mūlatīkā)* đã lấy cả hai gồm Nghiệp Hữu và Sinh Hữu, bằng cách nêu lên Nhân Quả để dẫn chứng rằng **Sinh** là việc sinh khởi của Tâm Dị Thục Quả Hiệp Thế và Sắc Nghiệp; và ấy cũng chính là **Sinh Hữu** sẽ có được cũng phải do nương vào **Nghiệp Hữu**. Nếu thiếu mất **Nghiệp Hữu** đi rồi, thì **Sinh Hữu** cũng không có thể sinh khởi lên được. Và nếu như **Sinh Hữu** đã không hiện hữu, thì cũng tương tự như vậy, là **Sinh** cũng không thể có được; bởi do thể **Hữu** làm Năng Duyên cho **Sinh** mới lấy hết cả hai **Nghiệp Hữu** và **Sinh Hữu**. Tuy nhiên đối với Ngài *Chú Giải Sư* thì đã không lấy **Sinh Hữu**. Và một cách chính xác, *Jāti* (*Sinh*) là sự sinh khởi của Danh Sắc Ngũ Uẩn.]

A. 101/. Hỏi: *Hãy giảng giải ở trong câu “Jātipaccayā jarāmarañṇaṃ sokaparidevadukkhadomanassupāyāsā sambhavanti”- “Sinh làm duyên cho Lão Mại, Tử Vong, Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ, Nỗi Hại khởi sinh” một cách tóm lược.*

102/. Hỏi: Cho trình bày câu Chú Giải của những từ ngữ như sau: “**Jarà**” (Lão Mại), “**Marāṇa**” (Tử Vong), “**Soka**” (Sầu Muộn), “**Parideva**” (Bi Ai), “**Dukkha**” (Khổ Đau), “**Domanassa**” (Ưu Thọ), “**Upāyāsa**” (Não Hại).

103/. Hỏi: Chi Pháp của Lão Mại, Tử Vong, Sầu Muộn, Khổ Đau, Ưu Thọ, Não Hại là chi ?

104/. Hỏi: Lão Mại có bao nhiêu thể loại ? Là những chi ? Cho nói lên ý nghĩa với.

105/. Hỏi: Ngài nói rằng “Lão Nhược Điều Tàn Lão Mại” (**Vayovuddhijarà**) rằng khi tính theo Niên Hạn (**Vaya**) thì có Tam Niên Hạn hoặc Thập Niên Hạn; thật khó hiểu được rằng Tam Niên Hạn là những chi ? Thập Niên Hạn là những chi ? Có quy phạm hạn định như thế nào ?

106/. Hỏi: Từ ngữ “**Jarà**” (Lão Mại) ở trong Liên Quan Tương Sinh lập ý nhắm đến thể loại Lão Mại nào ? Và hãy phân tích những thể loại Lão Mại đầy bởi theo Pháp Siêu Lý và Chế Định.

A. 107/. Hỏi: Một vài Ngài nói rằng Lão Mại thì trông thấy được; một vài Ngài thì đã nói rằng không trông thấy được. Vấn đề này xin Ngài cho thẩm định quyết đoán để được nhận thấy một cách rõ ràng.

108/. Hỏi: Tử Vong có bao nhiêu thể loại ? Là những chi ? Và trong Liên Quan Tương Sinh này có ý định lấy thể loại Lão Mại nào vậy ?

A. 109/. Hỏi: Hãy giảng giải việc hủy diệt mầm **Sinh** là tác nhân của Lão Mại – Tử Vong; với luôn cả nêu điều tỷ dụ lên so sánh.

Đáp: Lão Mại và Tử Vong như đã vừa đề cập đến đây, là Thực Tính **Bát Duyệt Ý (Aniṭṭha)** đã làm thành điều đáng sợ hãi, và chẳng thích đáng cho việc mong cầu chút nào cả. Thế nhưng từng mỗi con người cũng không thể nào lẩn tránh được, mà phải bị đối diện với nhau hết cả thấy, và lại chẳng có con đường nào để sẽ trốn chạy cho vượt thoát ra khỏi trong kiếp sống này. Sự việc như vậy cũng do bởi có **Sinh**, đó chính là sự sinh khởi đã làm cái Nhân tiên khởi. Nếu như bất luận một người nào đã có sự sợ hãi Lão Mại và Tử Vong này rồi, thiết yếu người ấy sẽ phải tìm cầu đạo lộ hủy diệt mầm **Sinh** đi, thì mới sẽ mong vượt thoát đi được. Và phương thức để sẽ hủy diệt mầm **Sinh** đây, thì đặc biệt chỉ có hiện hữu ở trong Giáo Pháp của Đức Chánh Đẳng Giác mà thôi. Tức là việc hủy diệt **Nghiệp Hữu** cho hoàn toàn tiệt diệt; nỗ lực làm cho Thân, Ngũ, Ý của mình thấm nhập đến tác hành **Duy Tác (Kiriya)** và đích thị chính là sự thành Quả vị Vô Sinh.

Và lại hành động tạo tác để sẽ cho thành tựu tác hành Duy Tác đây, thì nhất thiết phải ở trong khoảng thời kỳ Giáo Pháp của Đức Phật một khi vẫn còn tồn tại. Khi đã xa rời khỏi Giáo Pháp của Đức Phật đi rồi, thì coi như đã chấm dứt đạo lộ để sẽ thực hiện được điều ấy; và chỉ còn lại Bất Thiện Nghiệp Lực với Thiện Hiệp Thế Nghiệp Lực. Hành động tạo tác cho Thiện Sự ấy được thành tựu một cách dễ dàng và có được nhiều cơ hội, là chỉ khi được thực hiện ngay ở trong thời kỳ Giáo Pháp của Đức Phật vẫn đang còn hiện hữu mà thôi. Và trong thời gian xa rời khỏi Giáo Pháp của Đức Phật rồi, thì việc thực hành Toàn Thiện ấy rất là khó khăn, và cơ hội có được thì lại rất hạn chế. Ngài so sánh ví như việc kiến tạo Thiện Sự này tỷ như người bệnh phải uống thuốc đắng; mà theo lẽ thường thuốc đắng thì thường không một ai ưa thích uống cả; thế nhưng người bệnh cố gắng để phải uống cũng bởi vì muốn dứt khỏi bệnh vậy. Điều này như thế nào, thì những thể loại Tâm Thiện Hiệp Thế cũng được ví như là thuốc đắng; và người tầm cầu vượt thoát ra khỏi bao Phiền Não thì cũng cần phải nỗ lực kiến tạo Thiện Hiệp Thế cho được khởi sinh lên, để rồi từ đó tuần tự tiến hành việc sát trừ Phiền Não, mãi cho đến chứng đạt viên mãn Quả vị Vô Sinh và diệt hết bao điều Phiền Não, thì cũng đã được ví như một người bệnh cần phải diệt căn bệnh của mình vậy; phải cố gắng thường luôn chăm uống thuốc đắng, mãi cho đến khi căn bệnh đã được dứt hẳn. Một khi những căn bệnh đã được dứt hẳn rồi, thì không cần phải tiếp tục uống thuốc đắng nữa.

*110/ **Hỏi:** Hãy dịch nghĩa ở trong kệ ngôn như tiếp theo đây:*

Anumattopi puññaena

Attho mayham na vijjati

Yesañca attho puññaena

Te mào vuttamarahati

Với luôn cả trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Căn Thiệt của Lão Mại và Tử Vong.

***Đáp:** Đức Chánh Đẳng Giác của chúng ta đây đã nói với Thiên Ma trong sát na Ngài đang hành trì Pháp Hành Duy Tác, bởi do vị Thiên Ma đã đi đến tác bạch rằng: “Kính xin Đức Thế Tôn hãy cố gắng làm cho mình là người có được thọ mạng lâu dài, để sẽ có được thời gian kiến tạo Thiện Pháp, có việc thọ trì Giới Luật, tế lễ thần lửa, v.v. Nếu như ở trong rừng già và hành trì như vậy thì sẽ chẳng có lợi ích chi cả.” Đức Phật Ngài mới trả lời với vị Thiên Ma rằng:*

Anumattopi puññaena

Attho mayham na vijjati

Yesañca attho puññaena

Te mào vuttamarahati

Dịch nghĩa nội dung chính như sau: “Này Thiên Ma, sự duyệt ý ở trong Thực Tính Thiện Pháp đã không có đối với Ta dù chỉ là chút ít; còn đối với người chỉ có chút ít Phước Báo thì lại có sự duyệt ý ở trong Thiện Pháp. Bởi do thế,

Người hãy nên đi nói với người vẫn còn có sự hoan hỷ duyệt ý ở trong việc làm Thiện ấy vậy.”

+ Trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Cần Thiết của **Lão Mại**, đó là:

1. *Khai Thực Uẩn Trạng Thái (Khandhaparipàkalakkhaṇa)*: Có sự già nua của Ngũ Uẩn đang hiện bày ngay trong kiếp sống hiện tại, làm thành trạng thái.
2. *Thôi Thúc Tử Vong Phận Sự (Maraṇūpanayanarasa)*: Có việc dắt dẫn cho vào đến sự cận tử, làm thành phận sự.
3. *Nguy Hại Thanh Niên Thành Tựu (Yobbanavinàsapaccupaṭṭhàna)*: Có thực tính hủy diệt chạn tuổi thanh xuân, làm hành trạng hiện bày ở trong Trí Tuệ của tất cả các *Bậc Hiền Trí*.
4. *Sắc Pháp Thành Thực Nhân Cận (Paripaccamànarūpapadaṭṭhàna)*: Có Sắc Pháp đang chín muồi làm Nhân cận lân.

+ Trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu, và Nhân Cần Thiết Của **Tử Vong**, đó là:

1. *Tử Vong Trạng Thái (Cutilakkhaṇam)*: Có việc hiện bày chuyển di lìa khỏi kiếp sống, làm thành trạng thái.
2. *Ly Khai Phận Sự (Viyogarasam)*: Có việc cách ly xa lìa với vật hữu mạng và phi sinh mạng đã từng có hội kiến với nhau ở trong kiếp sống này, làm thành phận sự.
3. *Bất Tại Thế Thành Tựu (Gativippavàsapaccupaṭṭhànam)*: Có việc chuyển di lìa khỏi trú xứ cũ, làm hành trạng hiện bày ở trong Trí Tuệ của tất cả các *Bậc Hiền Trí*.
4. *Danh Sắc Diệt Vong Nhân Cận (Paribhijjamànanàmarūpapadaṭṭhànam)*: Có Danh Sắc đang diệt làm Nhân cận lân.

111/. Hỏi: Có bao nhiêu mãnh lực Duyên Hệ làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Lão Mại – Tử Vong? Là những chi?

Đáp: Trình bày việc liệt kê 24 Duyên vào trong câu “**Sinh Làm Duyên Lão Mại – Tử Vong**” (*Jàtipaccayà Jaràmarāṇa*), đó là:

Lão Mại – Tử Vong trình bày theo *Phương Pháp Phân Tích Theo Vô Tỷ Pháp Tạng (Abhidhammabhàjanīyanaya)* thì chẳng có việc liệt kê Duyên để kể vào, vì lẽ Lão Mại cũng chính là sát na Trụ của Danh và Sắc; và Tử Vong thì cũng chính là sát na Diệt của Danh và Sắc tương tự như nhau. Còn trình bày theo

Phương Pháp Phân Tích Theo Kinh Tạng (*Suttantabhàjanìyanaya*) thì có được liệt kê Duyên kể vào.

Sinh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với **Lão Mai – Tử Vong**, thì có được 1 mãnh lực Duyên, đó là: *Thường Cận Y Duyên (Pakatùpanissayapaccaya)*.

112/. Hỏi: Có bao nhiêu Pháp Điều Tàn (**Bayasana**) đã làm tác nhân của sự sầu muộn buồn lòng ? Là những chi ? Với lại cho trình bày ý nghĩa; và Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu và Nhân Căn Thiết của Sầu Muộn; và lại Bi Ai là những chi ?

113/. Hỏi: Sự khổ đau có bao nhiêu thể loại ? Là những chi, với luôn cả trình bày ý nghĩa; và sự khổ đau ở trong Liên Quan Tương Sinh đây, tức là thuộc thể loại khổ đau nào ?

114/. Hỏi: Việc hình phạt (**Kammakarana**) với 32 thể loại đã làm cho phát sinh về Thân Khổ Thọ, đó là những chi ?

115/. Hỏi: Cho dịch nghĩa kệ ngôn như tiếp theo đây:

Mà piyehi samàgañchi

Appiyehi kudàcanam

Piyànam adassanam dukkham

Appiyànañca dassanam

Và trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu và Nhân Căn Thiết của Khổ Đau và Ưu Thọ.

A. 116/. Hỏi: Từ ngữ “**Upàyàsa**” (Não Hại) khi chiết tự ra thì có được bao nhiêu từ ngữ ? Là những chi ? Có ý nghĩa như thế nào ? Cho lời giải thích về Thực Tính của Não Hại, và nói đến sự khác biệt với nhau giữa Sầu Muộn, Bi Ai, Não Hại.

117/. Hỏi: Hãy dịch nghĩa kệ ngôn trình bày đến sự khác biệt với nhau giữa Sầu Muộn, Bi Ai, Não Hại; và cho trình bày Trạng Thái, Phận Sự, Sự Thành Tựu và Nhân Căn Thiết của Não Hại.

118/. Hỏi: Sinh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sầu Muộn, Bi Ai, v.v. có được bao nhiêu mãnh lực Duyên Hệ ? Là những chi ? Và cho lời giải thích ở trong câu “**Evametassa kevalassa dukkhandhassa samudayo hoti**” một cách tỷ mỉ chi tiết.

A. 119/. Hỏi: Hãy dịch nghĩa ở trong Liên Quan Tương Sinh thể theo Phần Nghịch Thuyết có “**Avijjaya tveva asesā virāgaṇirodhā saṅkhāraṇirodho**” v.v. “Hẩn thật, Vô Minh tiệt diệt thì Hành diệt,” v.v. với cả lời giải thích.

120/. Hỏi: Sự việc Đức Phật Ngài lập ý khái thuyết Liên Quan Tương Sinh ở Phần Nghịch Thuyết là do bởi nguyên nhân nào ?

A. 121/. Hỏi: Cho lời giải thích ở trong điều này “Sự tiệt diệt từ ở nơi Vô Minh, ấy cũng chính là Níp Bàn vậy” và hãy giảng giải vấn đề hữu quan người đã bắt liễu tri đến Thực Tính của Níp Bàn trong Thời Kỳ Đức Phật và trong Thời Kỳ Hiện Tại.

122/. Hỏi: Hãy trình bày Tứ Phương Thức Liên Quan Tương Sinh của Bạc Chánh Đẳng Giác là những chi ? Cho trình bày ý nghĩa cùng với cả những lợi ích khi đã được đón nhận từ nơi việc thuyết giảng thể theo cả Tứ Phương Thức đây.

123/. Hỏi: Cho lời giải thích ở trong việc nói rằng Pháp Liên Quan Tương Sinh đây là **Pháp Vận Hành Hoàn Bảo (Samantabhaddadhamma)**, và ở trong đoạn văn Pàli chỗ nói rằng “**Tattha tayo addhā, dvādasāṅgaṇi, viśatākārā, tisaṇḍhi, catusaṅkhepā, tīṇi vaṭṭāni, dve mūlāni ca veditabbāni.**”- “Ở nơi đây cũng cần nên hiểu biết rằng có **3 Thời Kỳ, 12 Chi Phần, 20 Hành Tướng, 3 Liên Kết, 4 Tóm Lược, 3 Luân Hồi, và 2 Căn Nguyên**” đây có sự lập ý như thế nào ?

124/. Hỏi: Câu vấn hỏi có được bao nhiêu thể loại ? Là những chi ? Và từ ngữ nói rằng “**Katham**” đây, là câu vấn hỏi ở thể loại nào ?

125/. Hỏi: Hãy phân tích cả năm Câu Vấn Hỏi có Bất Đắc Nhi Tri Sở Vấn (**Adiṭṭhajotānāpucchā**), v.v. bởi theo Nhân Loại.

126/. Hỏi: Chi Phần Liên Quan Tương Sinh có được bao nhiêu ? Là những chi ? Và cho phân tích những Chi Phần Liên Quan Tương Sinh đây bởi theo cả Tam Thời Kỳ cùng với cả lời giải thích.

127/. Hỏi: Hãy dịch nghĩa ở trong đoạn văn Pàli “**Sokādivacaṇaṃ panettha nissandaphalanidassanaṃ**” và lời giải thích.

128/. Hỏi: Hãy bỏ túc đoạn văn Pàli trong câu có dấu hiệu “v.v.” như tiếp theo đây, cùng với lời dịch nghĩa:

“**Avijjā saṅkhāraggaḥaṇena v.v. gahitā bhavanti.**”

129/. Hỏi: *Hãy giảng giải ở trong 20 thể loại Hành Tướng ?*

130/. Hỏi: *Cho trình bày đến Tam Luân Hồi, Nhị Căn Nguyên cùng với cả Chi Pháp.*

131/. Hỏi: *Liên Kết (**Sandhi**) và Tóm Lược (**Saṅkhepa**) có ý nghĩa như thế nào ? Và cho phân tích Chi Phần Liên Quan Tương Sinh bởi theo Tam Liên Kết và Tứ Tóm Lược.*

A. 132/. Hỏi: *Sẽ trình bày câu Chú Giải của từ ngữ “**Vatṭa**” (Luân Hồi) như thế nào ? Và cho lời giải thích Tam Luân Hồi.*

133/. Hỏi: *Từ ngữ “**Mūla**” (Căn Nguyên) có ý nghĩa như thế nào ? Và Pháp Liên Quan Tương Sinh một khi tính theo Xa Luân thì có bao nhiêu thể loại ? Là những chi ? Cho trình bày đến sự hiện hành từ ở nơi Chi Phần Liên Quan Tương Sinh trong những thể loại Xa Luân đây.*

A. 134/. Hỏi: *Hãy giải thích ở trong điều nói rằng: “cả 7 Chi Phần có Vô Minh, Hành, v.v. đang luân chuyển tuần hoàn, thì những cả 5 Chi Phần gồm Ái Dục, Chấp Thủ, Nghiệp Hữu, Sinh, Lão Mại – Tử Vong đây cũng lại lần nữa luân chuyển theo cùng”.*

A. 135/. Hỏi: *Cho lời giải thích ở trong điều nói rằng: “cả 5 Chi Phần có Ái Dục, Chấp Thủ, v.v. đang luân chuyển tuần hoàn, thì những cả 7 Chi Phần gồm Vô Minh, Hành, Thức, Danh Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ này đây cũng luân chuyển theo cùng”.*

136/. Hỏi: *Sát na mà Ngài đang thâm sát Chi Phần Liên Quan Tương Sinh ở trong cả hai phía Xa Luân ấy là Tiền Hữu Luân và Hậu Hữu Luân đây, thì Ngài có những nghĩ suy như thế nào ? Cho lời giải thích.*

137/. Hỏi: *Hãy giảng giải sự liễu tri khi đã được đón nhận từ ở nơi cả hai Xa Luân.*

138/. Hỏi: *Hãy trình bày kệ ngôn ở cả phần Pàli và lời dịch nghĩa đã trình bày đến việc tận diệt cả Tam Luân Hồi.*

Đáp: *Ứng hợp với Đức Thế Tôn Ngài đã lập ý trình bày để ở trong Liên Quan Tương Sinh Phần Nghịch Thuyết, như đã trình bày để trong đoạn trên nói rằng: “**Avijjāya tveva asesā virāgaṇirodhā saṅkhāraṇirodho**” v.v. “**Hẩn thật, Vô Minh diệt thì Hành diệt,**” v.v. và đã trình bày để ở trong Chánh Tạng Pàli Tương Ứng Bộ Kinh rằng:*

***Yathàpi mùle anupaddave dalhe
Evam̐pi taṇhànusaye anuhate***

***Chinnopi rukkho punadeva ruhati
Nibbatti dukkhamidaṃ punappunaṃ***

Dịch nghĩa là: “Rễ cái là Ái Dục Tùy Miên (**Taṇhànusaya**), và nếu như vẫn chưa phá hủy cho tiệt diệt thì Vòng Luân Hồi Khổ ấy là Sinh, Lão Mai, Bệnh Tật, Tử Vong v.v. cũng vẫn thường luôn sinh khởi lên hoài hoài (còn nếu như đã sát trừ tuyệt Ái Dục Tùy Miên cho tiệt diệt thì tất cả Vòng Luân Hồi Khổ ắt hẳn cũng cùng diệt mất). Tương tự như rễ cái có rễ phụ làm vật phụ thuộc; mà nếu như vẫn còn bám chặt giữ lấy và không có bị hủy diệt, thì cho dù sẽ chẻ thân cây ra đi nữa, cây ấy cũng vẫn lại phát triển tươi tốt lên được như thường (một khi nhổ sạch hết rễ cái đi rồi thì cây ấy mới không còn tiếp tục phát triển được nữa) như thế ấy.”

A. 139/. Hỏi: Cho lời giải thích ở trong tác nhân đã làm cho cả Tam Luân Hồi bị tận diệt.

A. 140/. Hỏi: Hãy giải thích ở trong kệ ngôn như tiếp theo đây một cách tỷ mỉ chi tiết:

***“Jaràmaramucchàya Pīṭānamabhiṇhaso
Āsavānaṃ samuppàdā Avijjà ca pavattati”***

Đáp: Giải thích kệ ngôn trên như sau:

***“Jaràmaramucchàya Pīṭānamabhiṇhaso
Āsavānaṃ samuppàdā Avijjà ca pavattati”***

Dịch nghĩa là: “Vô Minh có được sinh khởi lên, là cũng do nương vào việc khởi sinh từ ở nơi Pháp Lậu Hoặc trong bản tính của tất cả Chúng Hữu Tình. Người bị hành hạ bức hại với sự già nua, sự tử vong; và Pháp làm thành Nhân từ ở nơi sự si mê, đó là sầu muộn, bi ai, khổ đau, ưu thọ, và não hại đây, cũng thường luôn xảy ra.”

Từ ngữ “**Mucchà**” (*Mất Trí*) dịch nghĩa là “Si mê, lầm lạc”, tuy nhiên ở trong chỗ này thì lập ý lấy Pháp làm Nhân cho si mê, tức là sầu muộn, bi ai, v.v.

Giải thích rằng Xuất Sinh Xứ của Vô Minh, ấy chính là cả Tứ Lậu Hoặc, có Dục Lậu v.v. Có nghĩa là ở trong phần Pàli Liên Quan Tương Sinh, thì cả năm Chi Phần gồm Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ và Não Hại đây, đã lập ý trình bày đến phần cuối cùng. Rằng khi tính theo Chi Pháp, thì cả ba Chi Phần gồm Sầu Muộn, Ưu Thọ và Não Hại, ấy là Ưu Thọ và Tâm Sở Sân. Như thế, khi một người nào có sự sầu thảm, buồn lòng, khổ tâm khởi sinh lên, thì Si Mê ắt hẳn cũng cùng câu sinh hiện hữu. Và Bi Ai việc khóc lóc than thở đây, sinh khởi cũng bởi do bởi Tâm khởi sinh Sân; và chính vì thế ngay sát na khóc lóc than thở thì cũng đã có Si Mê cùng câu sinh hiện hữu. Còn Khổ Thân cũng làm Nhân cho sự buồn

lòng, bất duyệt ý sinh khởi; và ngay sát na sự buồn lòng, bất duyệt ý khởi sinh lên thì cũng đã có Si Mê cùng câu sinh hiện hữu. Như thế, Si Mê cùng câu sinh với Sầu Muộn, Bi Ai, Ưu Thọ, Nãi Hại, và khởi sinh về sau từ nơi Khổ Thân, được gọi là Vô Minh. Ứng hợp với Ngài Giáo Thọ Sư *Mahàbuddhaghosàcàriya* đã trình bày để ở trong bộ *Chú Giải Phân Tích Liên Quan Tương Sinh (Paṭicca samuppàdavibhaṅga Atthakathà)* rằng: **“Ettha hi sokadukkhadomanassupàyàsà avijjàyaaviyogino paridevo ca nàma mūḷhassàti tesu tàva siddhesu hoti avijjà”**- Dịch nghĩa là: “Trong sự hiện hành của Xa Luân, thì những thể loại Sầu Muộn, Khổ Đau, Ưu Thọ, Nãi Hại đây, thường luôn phối hợp với Vô Minh; không thể nào tách ly ra được. Và Bi Ai cũng thường sinh khởi đối với người có sự si mê lầm lạc. Bởi do thế, một khi Sầu Muộn v.v. đã sinh khởi xong hết rồi, thì ắt hẳn Vô Minh cũng vừa câu sinh hoàn mãn. Khi đã là như vậy, đích thị chính xuất sinh xứ của Sầu Muộn, v.v. là xuất sinh xứ của Vô Minh.”

141/. Hỏi: Cho trình bày sự khác biệt với nhau giữa Sinh và cả Tứ Lậu Hoặc đã làm tác nhân của Sầu Muộn, v.v.

142/. Hỏi: Hãy dịch nghĩa ở trong những đoạn văn Pàli như tiếp theo đây:

1. “*Àsavasamudayà cete sokàdayo honti*”
2. “*Àsavasamudayà avijjà samudayo*”
3. “*Àsavànaṃ samuppàdà avijjà ca pavattati*”
4. “*Iti yasmà àsavasamudayà ete dhammà honti tasmà ete sijaṃhàna avijjàya hetubhūte àsave sàdhenti àsavesu ca saddhesu paccayabhàve bhàvato siddhà hoti*”.

Đáp: Dịch nghĩa những đoạn văn Pàli trên như sau:

1. “*Àsavasamudayà cete sokàdayo honti*”- “Những thể loại Sầu Muộn đây mà sinh khởi, cũng bởi do việc khởi sinh lên của Lậu Hoặc.”

2. “*Àsavasamudayà avijjà samudayo*”- “Việc sinh khởi của Vô Minh, là cũng do nương vào việc sinh khởi của Lậu Hoặc làm Nhân”.

3. “*Àsavànaṃ samuppàdà avijjà ca pavattati*”- “Lậu Hoặc đã khởi sinh, và Vô Minh cũng chuyển khởi.”

4. “*Iti yasmà àsavasamudayà ete dhammà honti tasmà ete sijaṃhàna avijjàya hetubhūte àsave sàdhenti àsavesu ca saddhesu paccayabhàve bhàvato siddhà hoti*”- Dịch nghĩa là: “Những thể loại Sầu Muộn v.v. đây, thường sinh khởi bởi do việc khởi sinh lên của Lậu Hoặc theo như phần đã vừa đề cập đến; chính vì thế khi những thể loại Sầu Muộn v.v. đây đã sinh khởi lên rồi, thì ắt hẳn đã làm cho hiểu biết đến Lậu Hoặc cũng cùng làm thành tựu viên mãn Tác Nhân của Vô Minh. Và một khi tất cả các Lậu Hoặc đã sinh khởi xong hết rồi, thì Vô Minh cũng vừa câu sinh hoàn mãn. Vì lẽ khi đã có Nhân là Lậu Hoặc khởi sinh lên rồi, thì Quả là Vô Minh cũng phải cùng câu sinh.”

A. 143/. Hỏi: *Hãy giảng giải việc sinh khởi của Sầu Muộn, Bi Ai, v.v. bởi do nương vào cả Tír Lậu Hoặc.*

144/. Hỏi: *Hãy trình bày nguyên nhân lấy Vô Minh lên định đặt làm thành tác nhân diệt đầu tiên ở trong Liên Quan Tương Sinh; và Xuất Sinh Xứ của Lậu Hoặc ấy là chi ?*

145/. Hỏi: *Hãy dịch nghĩa và giải thích ở trong kệ ngôn như tiếp theo đây:*

“*Vaṭṭamābandha miccevaṃ tedhūmakamanādikāṃ. Paṭṭicasamuppādo ti paṭṭhapesi mahāmuni.*”

Đáp: Dịch nghĩa và giải thích trong kệ ngôn trên như sau: **“*Vaṭṭamābandha miccevaṃ tedhūmakamanādikāṃ. Paṭṭicasamuppādo ti paṭṭhapesi mahāmuni.*”** – “*Như vậy vị Đại Tu Sĩ đã trình bày giải thích tình trạng rối rắm của những kiếp sống vô thủy và hệ lụy này ở trong ba Cõi Giới, dưới hình thức định lý Liên Quan Tương Sinh.*” Kệ ngôn này có ý nghĩa là sự hiện hữu của tất cả Chúng Hữu Tình luân chuyển tuần hoàn liên tục với nhau; tức là sinh khởi, hiện hữu, và tử vong. Khi đã tử vong rồi, thì cũng liền sinh khởi, hiện hữu, và lại tử vong thêm lần nữa, như vậy một cách thường luôn và không gián đoạn. Những thể loại này - rằng khi tính theo Dĩ Pháp Bản Nguyên, thì cũng chỉ toàn là việc sinh khởi của Pháp Liên Quan Tương Sinh hết cả thấy. Sẽ nói rằng:

- Một khi đã có **Vô Minh** rồi, thì cũng chỉ làm thành Nhân cho **Hành** được sinh khởi, một cách đặc biệt chỉ có bấy nhiêu thôi; há chẳng phải là Tự Ngã, Tôi, Anh, người Nữ, người Nam, Nhân Loại, Chư Thiên sinh khởi, v.v.
- Và khi đã có **Sinh** rồi, thì cũng chỉ làm thành Nhân cho **Lão Mại, Tử Vong, Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ, Náo Hại** sinh khởi; há chẳng phải là Tự Ngã, Tôi, Anh, người Nam, người Nữ, Nhân Loại, Chư Thiên sinh khởi.
- Và khi đã có **Sầu Muộn, Bi Ai, v.v.** rồi, thì cũng chỉ làm thành Nhân cho **Vô Minh** sinh khởi; há chẳng phải là Tự Ngã, Tôi, Anh, người Nam, người Nữ, Nhân Loại, Chư Thiên sinh khởi.

+ Sự hiện hành thể loại như vậy, thì thường được gọi tên là *Vòng Luân Hồi (Vaṭṭasaṅkhāra)* bởi vì có:

1. sự thúc phược ràng buộc với nhau, không gián đoạn,
2. thường luôn hiện hành ở trong cả Tam Cõi Giới,
3. há chẳng phải cái ban đầu.

Chính vì lý do này, Bậc Đại Tu Sĩ mới phán quyết rằng là Pháp Liên Quan Tương Sinh.

Lại nữa, chỗ nói rằng “*há chẳng phải cái ban đầu*” đã được Đức Thế Tôn lập ý nói ở giữa Hội Chúng Tỳ Khuru rằng: **“*Anamataggoyāṃ bhikkhave saṃsāro*”**

pubbakoti na paññayati avijjānivarāṇaṇaṃ sattānaṃ taṇhāsamyojanānaṃ sandhāvataṃ saṃsārataṃ.”- Dịch nghĩa là: “Nây tất cả Chư Tỷ Khuru, Vòng Luân Hồi đây, hẳn nhiên chẳng phải được biết đến đầu tiên, cũng chẳng phải hiện bày ở phía sau cùng. Tất cả Chúng Hữu Tình có Vô Minh Triền Cái (*Avijjānivarāṇa*) và Ái Dục Kiết Sử (*Taṇhāsamyojana*), chính những thể loại này mới luân chuyển quanh quẩn ở trong Vòng Luân Hồi.”

146/. Hỏi: *Hãy phân tích Chi Phần Liên Quan Tương Sinh thể theo Đé (Sacca) nương vào Phương Pháp Phân Tích Theo Vô Tỷ Pháp (Abhidhamma bhājanīyanaya).*

147/. Hỏi: *Có bao nhiêu Phương Pháp trong việc thâm sát Liên Quan Tương Sinh để từ bỏ Thát Tà Kiến (Diṭṭhi 7) ? Cho giảng giải.*

Đáp: Việc thâm sát Liên Quan Tương Sinh nhằm để cho lia bỏ bảy thể loại Tà Kiến, thì có được bốn Phương Pháp, đó là:

1. *Phương Pháp Thống Nhất (Ekattanaya),*
2. *Phương Pháp Biệt Thể (Nānattanaya),*
3. *Phương Pháp Phi Căn Lao (Abyàpāranaya),*
4. *Phương Pháp Như Thị Pháp (Evaṃdhammatānaya).*

1. Khi đã thâm sát xong rồi thì hiểu biết được rằng Danh Sắc Ngũ Uẩn của tất cả Chúng Hữu Tình có việc sinh diệt nối tiếp nhau không gián đoạn, trong một Hữu hoặc trong những Hữu nối tiếp. Việc thâm sát hiểu biết ở thể loại này, được gọi là *Phương Pháp Thống Nhất (Ekattanaya)*.

2. Khi đã thâm sát xong rồi thì hiểu biết được rằng việc nối tiếp nhau của Danh Sắc Ngũ Uẩn đây, cho dù quả thật sẽ hiện hành một cách không gián đoạn, tuy nhiên Thực Tính của những thể loại Pháp Liên Quan Tương Sinh đây, lại có Thực Tính khác biệt nhau, có Nhân Quả khác biệt nhau. Việc thâm sát hiểu biết ở thể loại này, được gọi là *Phương Pháp Biệt Thể (Nānattanaya)*.

3. Khi đã thâm sát xong rồi thì hiểu biết được rằng những Nhân sai khác có Vô Minh v.v. cho trở sinh quả báo sai khác, có Hành v.v. Việc sinh khởi như thế để cho trở sinh quả báo thì chẳng cần có sự nỗ lực tinh cần nào cả. Pháp làm thành Nhân và làm thành Quả nương theo Thực Tính mà sinh khởi lên hiện hành chỉ bấy nhiêu thôi; và chẳng có bất luận một điều nào để sẽ sắp bày cho hiện hành được. Việc thâm sát hiểu biết ở thể loại này, được gọi là *Phương Pháp Phi Căn Lao (Abyàpāranaya)*.

4. Khi đã thâm sát xong rồi thì hiểu biết được rằng việc sinh khởi của những Pháp Quả đây, thì chỉ chính bởi Nhân của mình, một cách đặc biệt không có chông chéo với nhau; chẳng hạn như Hành chỉ sinh khởi khi có Vô Minh làm Nhân, ngoài Vô Minh này ra, thì những Pháp khác không thể nào làm Nhân cho Hành sinh khởi

lên được. Việc thăm sát hiểu biết ở thể loại này, được gọi là *Phương Pháp Như Thị Pháp (Evaṃdhammatānaya)*.

+ Việc thăm sát thể theo **Phương Pháp Thống Nhất** thì có khả năng từ bỏ được **Đoạn Kiến** và **Vô Hữu Kiến**, vì lẽ trông thấy liên tục nối tiếp nhau không gián đoạn; tức là sinh rồi diệt, hết diệt rồi lại sinh, không chấm dứt.

+ Việc thăm sát thể theo **Phương Pháp Biệt Thể** thì có khả năng từ bỏ được **Thường Kiến**, vì lẽ trông thấy Thực Tính của Nhân và Thực Tính của Quả ấy không giống nhau; và Pháp làm thành Nhân làm thành Quả cũng thường luôn sinh khởi lên mới hoại hoại, chẳng phải sinh khởi rồi lại tồn tại an trụ suốt được. Chẳng hạn như Thọ với Ái Dục làm thành Nhân và làm thành Quả một đôi sinh khởi; khi đã sinh rồi cũng diệt mất đi, thể rồi lại sinh lên mới nữa và không có của cái cũ còn tồn tại, mà thường luôn chỉ là của cái mới. Bởi do thế, quan điểm chỗ nhận thấy rằng “*vĩnh hằng*” tức là **Thường Kiến** mới được diệt mất đi.

+ Việc thăm sát thể theo **Phương Pháp Phi Cần Lao** thì có khả năng từ bỏ được *Kiến Chấp Sáng Tạo Chủ (Issaranimānavādaditṭhi)* và *Kiến Chấp Ngã (Attaditṭhi)*, vì lẽ **Kiến Chấp Sáng Tạo Chủ** có quan điểm rằng “*Tất cả sự vật đã hiện khởi ở trong Thế Gian này là do có Thượng Đế là Đấng Sáng Tạo Chủ. Nếu không có Thượng Đế là Đấng đã kiến tạo lên rồi, thì những thể loại sự vật này cũng không thể nào sinh khởi lên được.*”

Còn **Kiến Chấp Ngã** có quan điểm rằng trong bản tính của tất cả Chúng Hữu Tình hiện hữu cái Tự Ngã; và chính cái Tự Ngã đấy, làm người sắp bày cho thực hiện những hành động đi theo sự duyệt ý vừa lòng của Tự Ngã đấy. Bởi do thế, khi thăm sát nhận thấy rằng những Nhân và những Quả sinh khởi lên, thì thường hiện hành đi theo Pháp Thực Tính của mình. Pháp làm thành Nhân cũng chẳng phải có bất luận một việc lo lắng nỗ lực nào để sẽ cho quả báo của mình trở sinh cả. Việc sinh khởi đích thực chính là Vô Ngã. Khi đã nhận thấy ở thể loại này rồi, thì mới diệt trừ được cả hai Tà Kiến như đã vừa đề cập đến đây.

+ Việc thăm sát thể theo **Phương Pháp Như Thị Pháp** thì có khả năng từ bỏ được **Vô Nhân Kiến** và **Vô Hành Kiến**, vì lẽ Vô Nhân Kiến ấy có quan điểm rằng “*Những sự vật đã khởi sinh lên là chẳng phải được sinh do bởi nương vào bất luận một Tác Nhân Thiện Nghiệp Lực hoặc Bất Thiện Nghiệp Lực nào cả. Tất cả Chúng Hữu Tình có sự an vui, sự khổ đau; đó chẳng qua là tự phát sinh lên theo lẽ thường nhiên, và chẳng phải khởi sinh lên từ ở nơi bất luận một Thiện Nghiệp Lực hoặc Bất Thiện Nghiệp Lực làm thành Nhân chi cả.*”

Còn Vô Hành Kiến thì có quan điểm rằng: “*Hành động tạo tác cho dù là Thiện hoặc Bất Thiện đi nữa, thì cũng không gọi là Thiện hoặc Bất Thiện; muốn làm thì cũng cứ tự tiện làm.*” Bởi do thế, người đã thăm sát thể theo Phương Pháp Như Thị Pháp đây, thì ắt hẳn trông thấy được rằng Pháp làm thành Nhân làm thành

Quả thì thường sinh khởi thành từng đôi một với nhau, và không thể tách ly được; chính vì thế mới có khả năng diệt trừ được cả hai Tà Kiến như đã vừa đề cập đây.

148/. Hỏi: *Hãy dịch nghĩa kệ ngôn như tiếp theo đây*

*Anàdidam bhavacakkam
Niccasukhasubhattehi*

*Vitakàrakavedakam
Suññam passe punappunam.
(Bhàsàtikà)*

luôn cả trình bày sự nghĩ suy trong việc thâm sát cái làm thành tác nhân cho Vô Nhân Kiến và Kiến Chấp Sáng Tạo Chủ (Issaranimmànavàdadiṭṭhi) sinh khởi.

Đáp: *Dịch nghĩa kệ ngôn như tiếp theo đây:*

*Anàdidam bhavacakkam
Niccasukhasubhattehi*

*Vitakàrakavedakam
Suññam passe punappunam.
(Bhàsàtikà)*

“Toàn bộ Xa Luân đều là một khối thông khổ hằng luân chuyển tuần hoàn một cách lâu dài, tính đếm về Hữu và kiếp sống khôn xiết, hẳn nhiên không thể biết được khởi thủy của việc luân chuyển tuần hoàn đầy được. Đoạn lưu Tự Ngã, tức là người sáng tạo và người thụ hưởng, chỉ là Vô Ngã; chẳng có Thực Tính là Thường Lạc Ngã Tịnh, bất luận trường hợp nào. Bạc Hữu Trí nên thâm sát thường luôn, như đã vừa đề cập đến tại đây.” (Được trích trong Bộ Phụ Chú Giải Phật Ngôn)

Người đã theo Phật Giáo thường luôn ưa thích thâm sát và tìm kiếm đến các sự kiện; cho dù sẽ có niềm tin rằng Thế Gian mà Ta đang sinh sống đây hẳn nhiên là chẳng có tồn tại và bền vững lâu dài, ắt hẳn phải bị hoại diệt, và một khi đã bị hoại diệt đi rồi, thì lại khởi sinh lên mới nữa. Còn sự hiện hành của tất cả Chúng Hữu Tình mà đã có niềm tin theo Liên Quan Tương Sinh thì nói rằng: “*Vì Vô Minh làm Nhân mới sinh Hành, vì Hành làm Nhân mới sinh Thức,*” như vậy v.v. nhưng vẫn không vui đi nổi nghĩ suy thắc mắc rằng việc sinh khởi của Thế Gian và tất cả Chúng Hữu Tình khởi thủy phát sinh lên lúc ban đầu là trong thời gian nào. Khi đã cố gắng thâm sát đi rồi, nhưng vẫn không thể đi đến quyết định được. Những hạng người đã có thâm sát nhưng vẫn không quyết định được đây, thì cũng phát sinh lên sự tự hiểu biết lấy. Có nghĩa là một vài nhóm người tự hiểu biết rằng Thế Gian và tất cả Chúng Hữu Tình đây, thường hiện khởi bằng cách đoạn lưu Tác Nhân đã làm cho sinh khởi ở trong giai đoạn khởi thủy. Đối với sự việc Thế Gian bị hoại diệt và Thế Gian lại khởi sinh lên mới nữa; hoặc Vô Minh làm Nhân, Hành làm Quả; Hành làm Nhân, Thức làm Quả, v.v. với những thể loại này cũng chỉ làm thành Nhân khởi sinh về sau cho có Thế Gian và tất cả Chúng Hữu Tình hiện khởi lên mà thôi; thế nhưng chắc chắn rằng chẳng phải là Tác Nhân khởi thủy lúc ban đầu. Bởi do thế, người có sự tự hiểu biết lấy ở thể loại này, mới trở thành người

có Vô Nhân Kiến khởi sinh lên bởi do bất tri bất giác. Lại có một nhóm khác nữa đã khởi lên tự hiểu biết lấy rằng Thế Gian và tất cả Chúng Hữu Tình phát sinh lên, là bởi do nương vào Nhân Quả như đã đề cập rồi đây, mà Nhân Quả chỉ phát sinh lên theo lẽ thường nhiên, là sau khi Thế Gian và tất cả Chúng Hữu Tình đã hiện khởi lên rồi mà thôi. Còn Tác Nhân khởi thủy ban đầu đây, là cần phải có Bậc Đại Nhân, là Thượng Đế sáng tạo lên mới được. Nếu giả như không có Thượng Đế là Đấng sáng tạo lên rồi, thì những sự vật này cũng không thể phát sinh lên được. Bởi do thế, người có sự tự hiểu biết lấy ở thể loại này, mới trở thành nhóm người *Kiến Chấp Sáng Tạo Chủ (Issaranimmànavàdadiṭṭhi)* bởi do bất tri bất giác, cũng tương tự như nhau.

149/. Hỏi: *Có bao nhiêu sự việc không đáng phải nghĩ suy ? Là những chi ? Và hãy tiết diệt trong vấn đề người vẫn chưa liễu tri trong sự hiện hành từ ở nơi Liên Quan Tương Sinh đầy rồi, thì có sẽ thành đạt bậc Thánh Nhân hay không ?*

Đáp: Có bốn Pháp không đáng phải nghĩ suy, đó là:

1. Một là **Phật Giới (Buddhav isaya)** là sự kiện hữu quan với sự hiện hành của Chư Phật, cùng với Uy Lực (Ànubhava) của Chư Phật, và Ân Đức Phật Bảo (Buddhaguna) từ ở nơi Chư Phật; là sự việc không nên để nghĩ suy;
2. Hai là **Thiền Giới (Jhānavisaya)** là Thắng Trí Thiền Định từ ở nơi tất cả các Bậc lập ý Thần Túc Thắng Trí; cũng là sự việc không nên để nghĩ suy;
3. Ba là **Nghiệp Quả (Kammavipāka)** là quả báo từ ở nơi tất cả Nghiệp Lực, có Hiện Báo Nghiệp Lực, v.v.; cũng là sự việc không nên để nghĩ suy;
4. Bốn là **Tâm Tư Thế Gian (Lokacintā)** là sự hiện hành của Thế Gian; tức là Thế Gian là chỗ nương trú của Chúng Sinh và tất cả Chúng Hữu Tình; mặt đất, núi đồi, sông nước, cây cối, v.v. những thể loại này cũng là sự việc không nên để nghĩ suy.

Với lý do như đã vừa đề cập đến đây, tất cả hàng Phật Tử nên thẩm sát việc luân chuyển tuần hoàn từ ở nơi Liên Quan Tương Sinh với cả bốn Phương Pháp, có Phương Pháp Thống Nhất, v.v. như đã có được trình bày; và một khi đã thẩm sát một cách thấu đáo rồi, thì sẽ phát sinh tri kiến tự liễu tri được rằng sự hiện hành của Thế Gian và tất cả Chúng Hữu Tình hẳn nhiên là chẳng có Tác Nhân khởi thủy ban đầu vậy.

Lại nữa, người đã có được liễu tri sự hiện hành từ ở nơi Liên Quan Tương Sinh, thì sẽ vượt thoát ra khỏi Vòng Luân Hồi, ắt hẳn chưa từng có được, ngay cả dù chỉ sẽ là mơ tưởng. Chính vì thế, người Phật Tử là bậc có kỳ vọng sẽ vượt thoát ra khỏi toàn bộ khối Thống Khổ, phải nên cố gắng để liễu tri đến sự hiện hành từ ở nơi sự luân chuyển tuần hoàn của Xa Luân chỗ được gọi là Liên Quan Tương Sinh một cách thấu đáo.

A. 150/ Hỏi: Cho giảng giải trong việc thâm sát Liên Quan Tương Sinh của Ngài Trưởng Lão **Ānanda**, và Lời Giáo Giới của Bậc Chánh Đăng Giác, với luôn cả nêu lên điều tỷ dụ dẫn chứng.

Đáp: Việc thâm sát Liên Quan Tương Sinh của Ngài Trưởng Lão **Ānanda** và lời giáo giới của Bậc Chánh Đăng Giác như sau:

Vào một thời, Đức Thế Tôn ngự ở thị trấn **Kammāsaddamma** trong Xứ **Kuru**. Ngài Trưởng Lão **Ānanda** đi trì bình khất thực từng nhà ở trong một thôn làng, để tể độ tất cả Cận Sự Nam, Cận Sự Nữ, ví tựa như mang một túi tài sản đi phân phát đến với những dân làng ấy vậy. Một ngày nọ, khi Ngài Trưởng Lão đã đi trì bình khất thực và đã quay trở về độ thực xong; thế rồi y theo bốn phận của Ngài đã đi đến phụng dưỡng phục vụ Đức Thế Tôn. Khi đã đến thời gian giữa trưa nọ, Đức Thế Tôn đã ngự vào Hương Thất để chỉ tịnh, và rồi Ngài Trưởng Lão **Ānanda** đã quay trở lại Tịnh Thất của Ngài, thực hiện việc huấn giáo dạy dỗ đồ đệ của Ngài cũng đã vừa xong, thì liền đi tĩnh tọa tâm cầu thụ hưởng lạc vị giải thoát. Tức là **Nhập Thiên Quả (Phalasampatti)** ngay tại nơi đấy; và khi đã xuất khỏi Thiên Quả, thế rồi đã thâm sát Liên Quan Tương Sinh theo phần Thuận, phần Nghịch, rồi lại thâm sát từ đầu cho đến đoạn giữa theo phần Thuận, theo phần Nghịch từ cuối cho đến đoạn giữa; thế theo phương cách thâm sát rằng “*Chỉ có Hành sinh khởi bởi do nương vào Vô Minh làm Nhân mà thôi; chứ chẳng phải là Tự Ngã, Tôi, Anh, người Nam, người Nữ, sinh khởi bởi do nương vào Vô Minh; và lại Vô Minh cũng là Pháp Quả sinh khởi bởi do nương vào Nhân tùy theo thích hợp. Chỉ có Thức sinh khởi bởi do nương vào Hành làm Nhân mà thôi; chứ chẳng phải là Tự Ngã, Tôi, Anh, người Nam, người Nữ, sinh khởi bởi do nương vào Hành; và lại Hành cũng là Pháp Quả sinh khởi bởi do nương vào Nhân tùy theo thích hợp.*” Ngài cứ mãi lần lượt thâm sát theo phương cách này, cho đến Lão Mai – Tử Vong ngàn ấy đã sinh khởi bởi do nương vào Sinh làm Nhân, chứ chẳng phải là Tự Ngã, Tôi, Anh, người Nam, người Nữ, sinh khởi bởi do nương vào Sinh. Ngài đã thâm sát đến ba lần; tức là từ đầu cho đi đến cuối và từ cuối cho đi đến đầu; từ đầu cho đi đến giữa và từ giữa cho đi đến đầu; từ cuối cho đi đến giữa và từ giữa cho đi đến cuối. Trong khoảng giữa thời gian đang thâm sát đấy, sự hiện hành của Liên Quan Tương Sinh có việc hiệp trợ thế theo Nhân và Quả, ở cả 12 Chi Phần, cũng hiện bày lên rõ ràng ở trong Trí Tuệ của Ngài, và Ngài mới nghĩ suy rằng “*Tất cả Chư Phật, Đức Thế Tôn Ngài đã lập ý trình bày rằng Pháp Liên Quan Tương Sinh này có thực tính thậm thâm vi diệu cực nan kiến; và trạng thái hiện hành cũng biểu hiện cho được nhận thấy rằng thậm thâm vi diệu cực nan kiến. Chính tự Ta đây cũng chỉ là hạng Thinh Văn và có Trí Tuệ chỉ một phần ngàn ấy thôi, thế mà cũng có sự sáng tỏ rõ ràng trong sự hiện hành của Pháp Liên Quan Tương Sinh này làm thành một cách tốt đẹp. Các bậc Thinh Văn khác sẽ có được cảm thọ tương tự ở thể loại như Ta không nhỉ?*” Khi đã đến lúc hoàng hôn,

Ngài Trưởng Lão **Ānanda** đã đi đến diện kiến Đức Chánh Đẳng Giác, và rồi đã quỳ lạy tác bạch rằng: **“Acchariyam bhante, abbhutam bhante, yavagambhīro cāyam bhante paṭicasamuppādo gambhīrābhāso ca, atha ca pana me uttānukuttānako viya khāyati”**- “Kính bạch Đức Thế Tôn, quả thật là điều rất huyền diệu, là một điều rất đặc biệt, đã không từng hiện bày từ trước đây. Kính bạch Thế Tôn, Ngài là bậc tiến hóa, Pháp Liên Quan Tương Sinh này đã hiện bày rõ ràng đối với con tương tự như rằng Pháp này rất là nông cạn vậy.”

Khi Đức Thế Tôn Ngài đã lập ý lắng nghe Ngài Trưởng Lão **Ānanda** tác bạch như thế rồi, thì rủ lòng bi mẫn nghĩ suy rằng **“Ānanda đệ tử của Ta đây đã đề cập đến lãnh vực địa hạt của tất cả hàng Chư Phật, là Pháp Liên Quan Tương Sinh này đã hiện bày thấu đáo rõ ràng đến với mình. Sự việc Ānanda đã nói như vậy, y như thể là cố gắng với tay lên cho đến Cõi Cùng Tột Hữu, cố gắng bỏ Tu Di Sơn cho tách ra để sẽ lấy thạch ngọc ở bên trong vậy, cố gắng sẽ vượt qua đại dương mà chẳng phải nương nhờ vào thuyền bè, cố gắng sẽ lật ngược quả địa cầu để sẽ lấy bỏ phẩm ở trong lòng đất vậy. Khi đã là như thế, thì Ta cần phải cản ngăn lời nói này.”** Khi Đức Phật đã suy nghĩ như thế rồi, mới phán truyền với Ngài **Ānanda** rằng: **“Mā hevaṃ Ānanda mā hevaṃ Ānanda gambhīro cāyam Ānanda Paṭicasamuppādo gambhīravābhāso”**- “Này **Ānanda**, chớ nên nói như vậy, chớ nên nói như vậy, này **Ānanda**; Pháp Liên Quan Tương Sinh đây có Thực Tính thậm thâm vi diệu cực nan kiến, và có trạng thái hiện hành cũng biểu hiện cho được thấy rằng thậm thâm vi diệu cực nan kiến. Pháp Liên Quan Tương Sinh là Pháp có Thực Tính thậm thâm vi diệu cực nan kiến, và có trạng thái hiện hành biểu hiện cho được thấy rằng thậm thâm vi diệu cực nan kiến; cũng tỷ như nước trong đại dương ở sát cận Tu Di Sơn, dường như thế ấy.”

Theo lẽ thường nhiên, sự hiện hành của nước hiện hữu ở bốn thể loại, đó là:

1. Một vài nơi, khi đã trông thấy thì hiểu biết được là sâu thẳm; tuy nhiên sự thật thì chỉ cạn độ 2 – 3 hắc tay mà thôi. Chẳng hạn như nước ở trong hồ hoặc trong mương lạch có lá cây rụng xuống, đã rã mục ở dưới đáy hồ hoặc đáy mương; và đã làm cho nước ấy hiện bày sắc màu xanh lam. Người trông thấy, thì sẽ hiểu biết rằng nước ở trong hồ, hoặc trong mương ấy rất sâu thẳm; tuy nhiên nếu như dò xem nông hay sâu, thì sẽ hiện bày là cạn hều.

2. Nước ở một vài nơi, khi đã trông thấy thì hiểu biết được là nông cạn; tuy nhiên sự thật thì rất sâu thẳm. Chẳng hạn như nước ở trong hồ, hoặc ở trong ao, trong suối; thì một vài nơi có sự trong vắt cho đến nỗi nhìn thấy được các sự vật hiện hữu ở đằng ấy một cách rõ ràng; và đã làm cho người trông thấy có sự hiểu biết rằng là cạn hều. Tuy nhiên nếu như dò xem nông hay sâu, thì sẽ hiện bày là sâu thẳm.

3. Nước ở một vài nơi, khi đã trông thấy thì hiểu biết được là cạn hều, và sự thực nước ở trong chỗ đáy cũng có Thực Tính là cạn hều; chẳng hạn như nước ở trong cái lu, trong cái chậu, trong cái nồi, v.v.

4. Nước ở một vài nơi, khi đã trông thấy thì hiểu biết được là sâu thẳm; và sự thực nước ở trong chỗ đáy cũng có Thực Tính là sâu thẳm, chẳng hạn như nước ở trong đại dương hùng vĩ.

Sự thâm thâm của Pháp Liên Quan Tương Sinh đây, là thuộc ở trong nhóm nước được phân loại thứ tư, và đích thực rất khó khăn với người thông thường để sẽ được liễu tri một cách sáng tỏ rõ ràng. Với lý do như vậy, Đức Chánh Đẳng Giác mới phán truyền cản ngăn Ngài **Ànanda** không cho được nói rằng Pháp Liên Quan Tương Sinh này y như thể là loại Pháp rất là nông cạn đối với Ngài **Ànanda**.

Trong tất cả các hàng Chư Thinh Văn của Đức Chánh Đẳng Giác – ngoại trừ hai Bậc Chí Thượng Thinh Văn ra – thì các Chư vị Thinh Văn khác để sẽ có được tri kiến trong Pháp Liên Quan Tương Sinh một cách rõ ràng thấu đáo tương tự với Ngài **Ànanda** đây quả thật không có.

151/. Hỏi: Bởi do nương vào nguyên nhân nào mà Ngài Trưởng Lão **Ànanda** đã có sự liễu tri trong Liên Quan Tương Sinh một cách thấu triệt rõ ràng như thế ấy.

Đáp: Trong sự việc Ngài **Ànanda** có Trí Tuệ liễu tri được rõ ràng thấu đáo như vậy, thì cần phải nương vào bốn yếu tố Tác Nhân, đó là:

1. **Kỳ Phúc Thị Giả (Upatthakaadhikàro):** Là người đã từng kiến tạo Xả Thí, Trì Giới, Tu Tập; và rồi đã có sở nguyện vọng được làm Thị Giả Đức Phật.
2. **Môn Đồ (Antevàsiko):** Được làm người thân cận (môn đồ, đệ tử) với Bậc Đại Tôn Sư.
3. **Thất Lai Giả (Sotàpanno):** Đã thành tựu viên mãn Quả vị Thất Lai.
4. **Đa Văn Giả (Bahussutadharo):** Làm thành bậc đa văn quảng kiến.

A. 152/. Hỏi: Hãy trình bày Liên Quan Tương Sinh thể theo Phương Pháp Phân Tích theo Vô Tỷ Pháp Tạng có cả ở trong Câu Thiện, Câu Bất Thiện, và Câu Vô Ký.

Đáp: Việc trình bày thể theo Phương Pháp Phân Tích theo Tạng Vô Tỷ Pháp thì được chia ra làm ba nhóm, đó là: 1/. Câu Bất Thiện (**Akusalapada**), 2/. Câu Thiện (**Kusalapada**), 3/. Câu Vô Ký (**Abyàkatapada**).

I. CÂU BẤT THIỆN (AKUSALAPADA)

Trong Câu Bất Thiện đây, đặc biệt sẽ trình bày sự hiện hành của Liên Quan Tương Sinh chỉ ở trong 4 Tâm Tương Ứng Kiến ngàn ấy mà thôi.

“Avijjāpaccayā saṅkhāro saṅkhārapaccayā viññāṇaṃ viññāṇapaccayā nāmaṃ nāmapaccayā chaṭṭhayatanam chaṭṭhāyatanapaccayā phasso phassapaccayā vedanā vedanāpaccayā tanhā tanhāpaccayā upādānam upādānapaccayā bhavo bhavapaccayā jāti jātipaccayā jarāmaraṇam evametassa kevalassa dukkhakhandhassa samudayo hoti.”- “Vô Minh làm duyên cho Hành, Hành làm duyên cho Thức, Thức làm duyên cho Danh, Danh làm duyên cho Xứ thứ sáu, Xứ thứ sáu làm duyên cho Xúc, Xúc làm duyên cho Thọ, Thọ làm duyên cho Ái Dục, Ái Dục làm duyên cho Chấp Thủ, Chấp Thủ làm duyên cho Hữu, Hữu làm duyên cho Sinh, Sinh làm duyên cho Lão Mại – Tử Vong. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khối Khổ Uẩn.”

Bởi do **Vô Minh** làm Nhân thì **Phi Phúc Hành**, tức là Tư Tác Ý Bất Thiện Tương Ứng Kiến hiện hành cùng câu sinh với Vô Minh đẩy mới sinh khởi.

Bởi do **Phi Phúc Hành** tức là Tư Tác Ý Bất Thiện Tương Ứng Kiến làm Nhân, thì **Tâm Tương Ứng Kiến** mới sinh khởi.

Bởi do **Tâm Tương Ứng Kiến** làm Nhân, thì **ba Uẩn Tâm Sở** phối hợp với Tâm Tương Ứng Kiến đẩy mới sinh khởi.

Bởi do **ba Uẩn Tâm Sở** phối hợp với Tâm Tương Ứng Kiến làm Nhân, thì **Ý Xứ** tức là Tâm Tương Ứng Kiến mới sinh khởi.

Bởi do **Ý Xứ** tức là Tâm Tương Ứng Kiến làm Nhân thì **Ý Phủ Xúc** phối hợp với Tâm Tương Ứng Kiến mới sinh khởi.

Bởi do **Ý Phủ Xúc** phối hợp với Tâm Tương Ứng Kiến làm Nhân, thì **Thọ** phối hợp với Tâm Tương Ứng Kiến mới sinh khởi.

Bởi do **Thọ** phối hợp với Tâm Tương Ứng Kiến làm Nhân, thì **Ái Dục** phối hợp với Tâm Tương Ứng Kiến mới sinh khởi.

Bởi do **Ái Dục** phối hợp với Tâm Tương Ứng Kiến làm Nhân, thì **ba Chấp Thủ** (loại trừ Dục Chấp Thủ) phối hợp với Tâm Tương Ứng Kiến mới sinh khởi.

Bởi do **ba Chấp Thủ** phối hợp với Tâm Tương Ứng Kiến làm Nhân, thì **Hữu** tức là Tâm Khởi Sinh Tương Ứng Kiến (loại trừ Tà Kiến) mới sinh khởi.

Bởi do **Hữu** tức là Tâm Khởi Sinh Tương Ứng Kiến (loại trừ Tà Kiến) làm Nhân, thì **Danh Sinh** tức là trạng thái sinh khởi của Tâm Khởi Sinh Tâm Tương Ứng Kiến đẩy mới sinh khởi.

Bởi do **Danh Sinh** tức là trạng thái sinh khởi của Tâm Khởi Sinh Tâm Tương Ứng Kiến làm Nhân, thì **Danh Lão Mại – Danh Tử Vong** tức là sát na Trụ và sát na Diệt của Tâm Khởi Sinh Tương Ứng Kiến mới sinh khởi.

Việc sinh khởi từ ở nơi toàn bộ khối Thống Khổ đây cũng bởi do nương vào những Tác Duyên có Vô Minh, v.v. như đã vừa đề cập đến ở tại đây.

Đặc Biệt Giải Thích Thêm Cho Được Rõ:

+ Tại nơi đây, ở chỗ trình bày nói rằng **“Viññàṇapaccayà nàma”** (Thức làm duyên cho Danh) mà chẳng phải trình bày là **“Viññàṇapaccayà nàmarùpaṃ”** (Thức làm duyên cho Danh Sắc), cũng bởi vì thiết yếu trình bày Pháp phối hợp với từng mỗi cái Tâm, và cũng thiết yếu trình bày cho hiện hành ở trong Cõi Giới mà Tâm sinh khởi được cùng khắp; chính vì thế mới không sử dụng câu nói rằng **“Nàmarùpaṃ”** (cho Danh Sắc).

+ Chỗ trình bày rằng **“Nàmapaccayà chaṭṭhàyatanaṃ”** (Danh làm duyên cho Xứ thứ sáu) mà chẳng trình bày là **“Nàmapaccayà saḷàyatanaṃ”** (Danh làm duyên cho Lục Xứ), cũng bởi vì chính Danh Pháp làm thành Nhân, tức là chỉ đơn nhất có Tâm Sở, và chẳng có Sắc; chính vì thế Pháp làm thành Quả mới cũng phải là Danh Pháp với nhau, tức là Xứ thứ sáu (tức là Ý Xứ), và đơn nhất chính là Tâm.

+ Chi Pháp của **Viññàṇaṃ** trong câu nói rằng **Saṅkhàrapaccayà viññàṇaṃ** (Hành làm duyên cho Thức) và Chi Pháp của **Chaṭṭhàyatanaṃ** (Xứ thứ sáu) trong câu nói rằng **Nàmapaccayà chaṭṭhàyatanaṃ** (Danh làm duyên cho Xứ thứ sáu); cả hai đây, chính là Tâm Tương Ứng Kiến tương tự như nhau. Thế nhưng có phần đặc biệt, đó là ở trong câu **“Saṅkhàrapaccayà viññàṇaṃ”** thì Tư Tác Ý làm Nhân đặc biệt của Thức, và ba Uẩn Tâm Sở thì làm Quả phổ thông của Thức.

+ Trong câu nói rằng **“Nàmapaccayà chaṭṭhàyatanaṃ”** thì ba Uẩn Tâm Sở làm Nhân phổ thông của Xứ thứ sáu (tức là Ý Xứ), và Tâm Sở Xúc thì làm Quả đặc biệt của Xứ thứ sáu (tức là Ý Xứ).

+ Trong Phương Pháp Phân Tích Theo Tạng Vô Tỷ Pháp đây, thì Đức Phật Ngài không có lập ý trình bày đến Sầu Muộn, Bi Ai, v.v. ấy là Quả của Sinh; mà chỉ có lập ý trình bày **“Jàtipaccayà jaràmarāṇaṃ”** (Sinh làm duyên cho Lão邁 – Tử Vong) ngần ấy mà thôi. Tất cả sự việc như vậy, cũng bởi vì ở trong từng mỗi cái sát na Tâm thì những thể loại Sầu Muộn, Bi Ai, v.v. đây thường chẳng có được sinh khởi. Và lại một trường hợp khác nữa, những thể loại Sầu Muộn, Bi Ai, v.v. đây cũng chẳng có sinh khởi trong khắp cả các Cõi Giới, chẳng hạn như trong Cõi Sắc Giới và Cõi Vô Sắc Giới. Với lý do này, Đức Phật Ngài mới không có lập ý trình bày Sầu Muộn, Bi Ai, v.v. cho làm thành Quả của Sinh.

+ Sự hiện hành của Liên Quan Tương Sinh ở trong 4 Tâm Bất Tương Ứng Kiến thì đặc biệt có như vậy: **“Vedanà paccayà taṇhà taṇhàpaccayà adhimokkha adhimokkhapaccayà bhavo.”**- “Thọ làm duyên cho Ái Dục, Ái Dục làm duyên cho Thắng Giải, Thắng Giải làm duyên cho Hữu.”

+ Sự hiện hành của Liên Quan Tương Sinh ở trong Tâm căn Sân thì đặc biệt có như vậy: **“Vedanàpaccayà paṭighaṃ paṭighapaccayà adhimokkha adhimokkhapaccayà bhavo.”**- “Thọ làm duyên cho Khuể Phẫn, Khuể Phẫn làm duyên cho Thắng Giải, Thắng Giải làm duyên cho Hữu.”

+ Trong Tâm Si Tương Ứng Hoài Nghi thì đặc biệt có như vậy: **“Vedanàpaccayà vicikicchà vicikicchàpaccayà bhavo.”**- “Thọ làm duyên cho Hoài Nghi, Hoài Nghi làm duyên cho Hữu.”

+ Trong Tâm Si Tương Ứng Trạo Cử thì đặc biệt có như vậy: *“Vedanàpaccayà uddhaccaṃ uddhaccapaccayà adhimokkha adhimokkha paccayà bhavo.”*- “Thọ làm duyên cho Trạo Cử, Trạo Cử làm duyên cho Thắng Giải, Thắng Giải làm duyên cho Hữu.”

II. CÂU THIỆN (KUSALAPADA)

Trong Câu Thiện đây, đặc biệt sẽ trình bày sự hiện hành của Liên Quan Tương Sinh chỉ ở trong 4 Tâm Tương Ứng Trí ngàn ấy thôi.

“Kusalapaccayà saṅkhàro saṅkhàrapaccayà viññāṇaṃ viññāṇapaccayà chaṭṭhàyatanaṃ chaṭṭhàyatanaṃ paccayà phasso phassapaccayà vedanā vedanāpaccayà pasādo pasādapaccayà adhimokkha adhimokkhapaccayà bhavo bhavapaccayà jāti jātipaccayà jarāmaṇaṃ evametassa kevalassa dukkhakhandhassa samudayo hoti.”- “Pháp Thiện làm duyên cho Hành, Hành làm duyên cho Thức, Thức làm duyên cho Xứ thứ sáu, Xứ thứ sáu làm duyên cho Xúc, Xúc làm duyên cho Thọ, Thọ làm duyên cho Thanh Triệt, Thanh Triệt làm duyên cho Thắng Giải, Thắng Giải làm duyên cho Hữu, Hữu làm duyên cho Sinh, Sinh làm duyên cho Lão Mại – Tử Vong. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khối Khổ Uẩn.”

Bởi do **ba Căn Thiện** làm Nhân thì **Phúc Hành** tức là Tư Tác Ý Đại Thiện Tương Ứng Trí hiện hành cùng câu sinh với ba Căn Thiện mới sinh khởi.

Bởi do **Phúc Hành** tức là Tư Tác Ý Đại Thiện Tương Ứng Trí làm Nhân thì **Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí** mới sinh khởi.

Bởi do **Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí** làm Nhân thì **ba Uẩn Tâm Sở** phối hợp với Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí mới sinh khởi.

Bởi do **ba Uẩn Tâm Sở** phối hợp với Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí làm Nhân thì **Ý Xứ** tức là Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí mới sinh khởi.

Bởi do **Ý Xứ** tức là Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí làm Nhân thì **Ý Phủ Xúc** phối hợp với Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí mới sinh khởi.

Bởi do **Ý Phủ Xúc** phối hợp với Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí làm Nhân thì **Thọ** phối hợp với Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí mới sinh khởi.

Bởi do **Thọ** phối hợp với Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí làm Nhân thì **Thanh Triệt** tức là Tín phối hợp với Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí mới sinh khởi.

Bởi do **Thanh Triệt** tức là Tín phối hợp với Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí làm Nhân thì **Thắng Giải** phối hợp với Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí mới sinh khởi.

Bởi do **Thắng Giải** phối hợp với Tâm Đại Thiện Tương Ứng Trí làm Nhân thì **Hữu** tức là Tâm Khởi Sinh Đại Thiện Tương Ứng Trí (loại trừ Thắng Giải) mới sinh khởi.

Bởi do **Hữu** tức là Tâm Khởi Sinh Đại Thiện Tương Ứng Trí (loại trừ Thắng Giải) làm Nhân thì **Danh Sinh** tức là việc sinh khởi của Tâm Khởi Sinh Tương Ứng Trí mới sinh khởi.

Bởi do **Danh Sinh** tức là trạng thái sinh khởi của Tâm Khởi Sinh Đại Thiện Tương Ứng Trí làm Nhân thì **Danh Lão Mại – Danh Tử Vong** tức là sát na Trụ và sát na Diệt của Tâm Khởi Sinh Đại Thiện Tương Ứng Trí mới sinh khởi.

Việc sinh khởi từ ở nơi toàn bộ khối Thống Khổ đây cũng bởi do nương vào những Tác Duyên có Căn Thiện, v.v. như đã vừa đề cập đến ở tại đây.

Đặc Biệt Giải Thích Thêm Cho Được Rõ:

Sự hiện hành của Liên Quan Tương Sinh ở trong Câu Thiện đây, chẳng có được trình bày đến *“Vedanàpaccayà taṇhà taṇhàpaccayà upādānaṃ”* (Thọ làm duyên cho Ái Dục, Ái Dục làm duyên cho Chấp Thủ) mà chỉ có trình bày là *“Vedanàpaccayà pasādo pasādapaccayà adhimokkha”* (Thọ làm duyên cho Thanh Triệt, Thanh Triệt làm duyên cho Thắng Giải), cũng bởi vì Ái Dục và Chấp Thủ đây chỉ có phối hợp với Tâm căn Tham mà thôi, và chẳng có phối hợp với Tâm nào khác; chính vì thế mới trình bày Tín thay thế Ái Dục, Thắng Giải thay thế Chấp Thủ. Như đã có trình bày rằng *“Vedanàpaccayà pasādo pasādapaccayà adhimokkha”* (Thọ làm duyên cho Thanh Triệt, Thanh Triệt làm duyên cho Thắng Giải) khi đem so sánh cảnh trạng hiện hành thì Ái Dục có Thực Tính hoan hỷ đắm nhiễm ở trong Cảnh; Tín thì cũng có Thực Tính hoan hỷ đắm nhiễm ở trong Cảnh tương tự như nhau; và Chấp Thủ có Thực Tính đi vào bám chặt giữ lấy trong Cảnh, còn Thắng Giải thì cũng có Thực Tính đi vào bám chặt giữ lấy trong Cảnh tương tự như nhau; chính vì thế mới rút lấy Tín và thắng Giải lên trình bày đặng thay thế Ái Dục và Chấp Thủ.

Sự hiện hành của Liên Quan Tương Sinh ở trong những Tâm Thiện khác cũng tương tự như nhau. Tuy nhiên đối với trong Câu cuối cùng, khi trình bày với Tâm Siêu Thế thì đã có trình bày rằng *“Evametesam dhammānaṃ samudayo hoti”* dịch nghĩa là *“Việc sinh khởi của Pháp Thiện Siêu Thế thường hiện hành như vậy.”*

III. CÂU VÔ KÝ (ABYĀKATĀPADA)

Trong Câu Vô Ký đây, đặc biệt sẽ trình bày sự hiện hành của Liên Quan Tương Sinh chỉ ở trong 10 Tâm Ngũ Song Thức ngần ấy thôi.

“Saṅkhārapaccayā viññānaṃ viññānapaccayā nāmaṃ nāmapaccayā chaṭṭhāyatanaṃ chaṭṭhāyatanapaccayā phasso phassapaccayā vedanā vedanapaccayā bhavo bhavapaccayā jāti jātipaccayā jarāmaraṇaṃ evametassa kevalassa dukkhakhandhassa samudayo hoti.”- *“Hành làm duyên cho Thức, Thức làm duyên cho Danh, Danh làm duyên cho Xứ thứ sáu, Xứ thứ sáu làm duyên cho Xúc, Xúc làm duyên cho Thọ, Thọ làm duyên cho Hữu, Hữu làm duyên cho*

Sinh, Sinh làm duyên cho Lão Mai – Tử Vong. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khối Khổ Uẩn.”

Bởi do **Phúc Hành, Phi Phúc Hành** tức là 8 Tư Tác Ý Đại Thiện, 12 Tư Tác Ý Bất Thiện làm Nhân thì **10 Tâm Ngũ Song Thức** mới sinh khởi.

Bởi do **Ngũ Song Thức** làm Nhân thì **ba Uẩn Tâm Sở** phối hợp với Ngũ Song Thức mới sinh khởi.

Bởi do **ba Uẩn Tâm Sở** phối hợp với 10 Tâm Ngũ Song Thức làm Nhân thì **Ý Xứ** tức là 10 Tâm Ngũ Song Thức mới sinh khởi.

Bởi do **Ý Xứ** tức là 10 Tâm Ngũ Song Thức làm Nhân thì **Ngũ Xúc** có Nhãn Phủ Xúc, v.v. phối hợp với 10 Tâm Ngũ Song Thức mới sinh khởi.

Bởi do **Ngũ Xúc** có Nhãn Phủ Xúc, v.v. phối hợp với 10 Tâm Ngũ Song Thức làm Nhân thì **Thọ** phối hợp với 10 Tâm Ngũ Song Thức mới sinh khởi.

Bởi do **Thọ** phối hợp với 10 Tâm Ngũ Song Thức làm Nhân thì **Hữu** tức là Tâm Khởi Sinh Ngũ Song Thức (loại trừ Thọ) mới sinh khởi.

Bởi do **Hữu** tức là Tâm Khởi Sinh Ngũ Song Thức (loại trừ Thọ) làm Nhân thì **Danh Sinh** tức là trạng thái sinh khởi của Tâm Khởi Sinh Ngũ Song Thức mới sinh khởi.

Bởi do **Danh Sinh** tức là trạng thái sinh khởi của Tâm Khởi Sinh Ngũ Song Thức làm Nhân thì **Danh Lão Mai – Danh Tử Vong** tức là sát na Trụ và sát na Diệt của Tâm Khởi Sinh Ngũ Song Thức mới sinh khởi.

Việc sinh khởi từ ở nơi toàn bộ khối Thống Khổ đây cũng bởi do nương vào những Tác Duyên có Phúc Hành, Phi Phúc Hành, v.v. như đã vừa đề cập đến đây.

Ghi chú:Việc trình bày Liên Quan Tương Sinh ở trong Tâm Dị Thục Quả Vô Nhân còn lại và hai *Tâm Khai Môn (Āvajjanacitta)* thì đã có đặc biệt trình bày trực tiếp rằng: **“Vedanāpaccayā adhimokkho adhimokkhapaccayā bhavo”**- (Thọ làm duyên cho Thắng Giải, Thắng Giải làm duyên cho Hữu) ngàn ấy mà thôi. Và trong Tâm Dị Thục Quả Hữu Nhân thì đã có trình bày rằng: **“Vedanāpaccayā pasādo pasādapaccayā adhimokkho adhimokkhapaccayā bhavo”** (Thọ làm duyên cho Thanh Triệt, Thanh Triệt làm duyên cho Thắng Giải, Thắng Giải làm duyên cho Hữu). Câu ngoài ra thì cũng trình bày tương tự như nhau.

Trong câu cuối cùng Tâm Quả Siêu Thế thì đã không có trình bày rằng **“Evametassa kevalassa dukkhakhandhassa samudayo hoti”**- **“Việc sinh khởi của toàn bộ khối thống khổ thường hiện hành như vậy.”** thay vào đó đã trình bày rằng **“Evametassa dhammānaṃ samudayo hoti”** dịch nghĩa là **“Việc sinh khởi của Pháp Quả Siêu Thế thường hiện hành như vậy.”**

Ghi chú: Trong Bộ Phân Tích đã có trình bày Liên Quan Tương Sinh thể theo Phương Pháp Phân Tích Theo Vô Tỷ Pháp Tạng đã chia ra làm sáu *Xiển Minh (Niddesa)*, đó là:

1. *Bất Thiện Xiển Minh (Akusalaniddesa)*
2. *Thiện Xiển Minh (Kusalaniddesa)*
3. *Vô Ký Xiển Minh (Abyàkataniddesa)*

Cả ba Xiển Minh này, đích thị tương tự với Câu Bất Thiện, Câu Thiện, Câu Vô Ký trong Khóa Trình Giảng Dạy vậy.

4. *Xiển Minh Thiện Căn Nguyên Vô Minh (Àvijjāmùlakusalaniddesa)* tức là Xiển Minh của 21 Tâm Thiện có Vô Minh làm Căn Nguyên. Trong Xiển Minh này có 12 Chi Phần Liên Quan Tương Sinh, đó là Vô Minh, Hành, Thức, Danh, Xứ thứ sáu, Xúc, Thọ, Thanh Triệt, Thắng Giải, Hữu, Sinh, Lão Mại – Tử Vong.

5. *Xiển Minh Quả Dị Thục Căn Nguyên Thiện (Kusalamùlavipàkaniddesa)* tức là Xiển Minh của 29 Tâm Dị Thục Quả Thiện có Thiện làm Căn Nguyên. Trong Xiển Minh này, 5 Tâm Ngũ Thức ở phần Dị Thục Quả Thiện có 10 Chi Phần Liên Quan Tương Sinh; đó là Căn Nguyên Thiện, Hành, Thức, Danh, Xứ thứ sáu, Xúc, Thọ, Hữu, Sinh, Lão Lại – Tử Vong.

Ba Tâm Dị Thục Quả Thiện Vô Nhân còn lại có 11 Chi Phần Liên Quan Tương Sinh; đó là thêm Thắng Giải trong khoảng giữa Thọ với Hữu; thành Thọ, Thắng Giải, Hữu, và chi Phần còn lại thì cũng tương tự với Ngũ Thức ở phần Tâm Dị Thục Quả Thiện.

6. *Xiển Minh Dị Thục Quả Căn Nguyên Bất Thiện (Akusalamùlavipàkaniddesa)* tức là Xiển Minh của bảy Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện có Bất Thiện làm Căn Nguyên. Trong Xiển Minh này, 5 Tâm Ngũ Thức ở phần Dị Thục Quả Bất Thiện có 10 Chi Phần Liên Quan Tương Sinh; đó là Căn Nguyên Bất Thiện, Hành, và Chi Phần còn lại thì cũng tương tự với Ngũ Thức ở phần Tâm Dị Thục Quả Thiện.

Hai Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện có 11 Chi Phần Liên Quan Tương Sinh; đó là thêm Thắng Giải trong khoảng giữa Thọ với Hữu; và như thế thành Thọ, Thắng Giải, Hữu ngân ấy mà thôi.

153/. Hỏi: Cho trình bày Liên Quan Tương Sinh sinh khởi bởi do nương vào Lộ Nhân Môn v.v. làm Nhân; và có những Phương Thức như thế nào thì sẽ hủy diệt được Liên Quan Tương Sinh sinh khởi bởi do nương vào Lộ Nhân Môn đấy.

Đáp: Trình bày Liên Quan Tương Sinh sinh khởi bởi do nương vào Lộ Nhân Môn v.v. làm Nhân, như sau:

“Cakkhuñca paṭicca rūpe ca uppajjati cakkhuvīñṇāṇaṃ tiṇṇaṃ saṅgati phasso phassapaccayà vedanà vedanàpaccayà taṇhà taṇhàpaccayà upàdānaṃ upàdānapaccayà bhavo bhavapaccayà jàti jàtipaccayà jarāmaṇaṃ sokaparidevadukkhadomanassupāyāsà sambhavanti evametassa kevalassa dukkhandhassa samudayo hoti.” (Nhãn Thức thường được hiện khởi lên bởi do nương vào Nhãn Thanh Triệt với Cảnh Sắc. Đích thị chính do việc tỵ hội vào

nhau giữa cả ba Nhân Thanh Triệt, Cảnh Sắc và Nhân Thức đây, mới được gọi tên là Xúc. Xúc làm duyên cho Thọ. Thọ làm duyên cho Ái Dục. Ái Dục làm duyên cho Chấp Thủ. Chấp Thủ làm duyên cho Hữu. Hữu làm duyên cho Sinh. Sinh làm duyên cho Lão Mại – Tử Vong, Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ, Nãi Hại sinh khởi. Như vậy là sự tập khởi của toàn khối Khổ Uẩn.)

Nương vào Nhân Thanh Triệt với Cảnh Sắc, Nhân Thức là việc trông thấy thường được sinh khởi. Cả ba thể loại này tụ hội vào nhau thì Xúc là việc tiếp xúc cũng thường được sinh khởi. Xúc làm Nhân cho Thọ là việc thụ hưởng lấy Cảnh sinh khởi. Thọ làm Nhân cho Ái Dục là sự ưa thích mong muốn sinh khởi. Ái Dục làm Nhân cho Chấp Thủ là sự đắm nhiễm chấp cứng sinh khởi. Chấp Thủ làm Nhân cho Nghiệp Hữu là việc tạo tác các Nghiệp Lực sinh khởi. Nghiệp Hữu làm Nhân cho Sinh là sự sinh khởi trong các Hữu sinh khởi. Sinh làm Nhân cho Lão Mại – Tử Vong là sự già nua, mệnh chung; và sầu muộn, bi ai, khổ đau, ưu thọ, nãi hại là sự sâu thăm, sự khóc than, sự khổ thân, khổ tâm, sự buồn lòng ưu nãi sinh khởi. Chính những Nhân và Quả như đã được đề cập rồi đây là sự sinh khởi từ ở nơi toàn bộ của khối Khổ Uẩn.

+ Phương thức sẽ làm cho Liên Quan Tương Sinh sinh khởi bởi do nương vào Lộ Nhân Môn v.v. làm Nhân có nghĩa là một khi Nhân Thanh Triệt, Cảnh Sắc và Nhân Thức tụ hội vào nhau thì làm thành Nhân cho sinh khởi Xúc; và Xúc làm Nhân cho Thọ là việc trông thấy sinh khởi đã được thành tựu rồi. Việc chặt đứt Liên Quan Tương Sinh là phải chặt đứt ở chính ngay Thọ, để không cho làm thành Năng Duyên đối với Ái Dục tiếp nối sinh khởi; bằng cách sử dụng Niệm hạn định ở trong việc trông thấy rằng là “Thấy à ! Thấy à !”. Việc hạn định rằng là “Thấy à ! Thấy à !” đây chẳng phải sử dụng ngôn từ với lời nói, mà cần phải sử dụng bằng tâm thức hạn định một cách chân thực. Nếu chẳng là như thế thì không có khả năng sẽ diệt trừ Ái Dục đi được. Khi đã dùng lấy Niệm để hạn định rằng là “Thấy à ! Thấy à !” thì ngay trong sát na ấy, Ái Dục thường không thể sinh khởi lên được, cũng là chính do bởi mãnh lực từ ở nơi Niệm và Tỉnh Giác ấy vậy. Khi Ái Dục đã không có sinh khởi lên rồi, thì Chấp Thủ là sự đắm nhiễm chấp cứng cũng không thể sinh khởi lên được. Khi Chấp Thủ đã không có sinh khởi lên rồi, thì Nghiệp Hữu cũng không thể sinh khởi lên được. Khi Nghiệp Hữu đã không có sinh khởi lên rồi, thì Sinh cũng không thể sinh khởi lên được. Khi Sinh đã không có sinh khởi lên rồi, thì Lão Mại, Tử Vong, Sầu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ, Nãi Hại cũng không thể sinh khởi lên được; thì coi như là Liên Quan Tương Sinh chấm dứt và không còn tiếp tục tái diễn trở lại được nữa. Như có đoạn văn Pàli trình bày để ở trong Chánh Tạng Pàli Tương Ứng Bộ Kinh rằng: **“Tassa yeva taṇhàya asesavirāgaṇirodhā upādānaṇirodho, upādānaṇirodho bhavaṇirodho, bhavaṇirodhā jātinirodho jātinirodhā jarāmaṇaṇaṃ sokaparidevadukkhā domanassa supāyāsā nirujjhanti evametassa kevalassa dukkhandhassa nirodho hoti”**- “Chính bởi do việc tiệt diệt từ ở nơi Ái Dục một cách không còn dư sót mà

Chấp Thủ mới bị diệt mất. Chính bởi do việc tiệt diệt từ ở nơi Chấp Thủ mà Hữu mới bị diệt mất. Chính bởi do việc tiệt diệt từ ở nơi Hữu mà Sinh mới bị diệt mất. Chính bởi do việc tiệt diệt từ ở nơi Sinh mà Lão Mai, Tử Vong, Sâu Muộn, Bi Ai, Khổ Đau, Ưu Thọ, Nãi Hại mới bị diệt mất. Sự tiệt diệt từ ở nơi toàn bộ khối Khổ Uẩn thường hiện hành như đã vừa đề cập ở tại đây.”

Kết Thúc Vấn Và Đáp Trong Liên Quan Tương Sinh

-----00000-----

VẤN VÀ ĐÁP TRONG PHÁT THỨ (PAṬṬHANA)

1/. Hỏi: *Hãy trình bày trong Chánh Tạng Pàli về phần Duyên Xiển Thuật (Paccayuddesa) như có “Hetupaccayo Ārammaṇapaccayo v.v.”*

Đáp: Trình bày trong Chánh Tạng Pàli về phần Duyên Xiển Thuật và lời dịch nghĩa có Nhân Duyên, Cảnh Duyên, v.v. như sau:

25. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Nhân Duyên**.
26. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Cảnh Duyên**.
27. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Trưởng Duyên**.
28. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Vô Gián Duyên** (sự nối tiếp nhau không gián đoạn, không có xen kẽ giữa).
29. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Đẳng Vô Gián Duyên** (sự liên tục nối tiếp nhau liên tức thì không gián đoạn, không có xen kẽ giữa).
30. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Câu Sinh Duyên** (cùng câu sinh với nhau).
31. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Hỗ Tương Duyên** (sự níu kéo hỗ trợ lẫn nhau).
32. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Y Chỉ Duyên** (sự làm thành chỗ nương nhờ).
33. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Cận Y Duyên** (sự làm thành chỗ nương nhờ với năng lực mạnh mẽ (sát cận)).
34. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Tiền Sinh Duyên** (sự sinh trước).
35. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Hậu Sinh Duyên** (sự sinh đằng sau).
36. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Trùng Dụng Duyên** (sự thường luôn thụ hưởng).
37. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Nghiệp Lực Duyên** (sự sắp bày tạo tác nhằm để cho những hành động được hoàn thành).
38. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Di Thục Quả Duyên** (cho đi đến sự chín muồi và diệt năng lực).

39. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Vật Thực Duyên** (sự làm người dẫn dắt).
40. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Quyền Lực Duyên** (sự làm người cai quản).
41. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Thiền Na Duyên** (sự làm người thẩm thị Cảnh).
42. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Đồ Đạo Duyên** (sự làm thành đạo lộ).
43. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Tương Ứng Duyên** (sự làm người phối hợp).
44. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Bất Tương Ứng Duyên** (sự làm người bất phối hợp).
45. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Hiện Hữu Duyên** (sự làm người vẫn còn hiện hữu).
46. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Vô Hữu Duyên** (sự làm người không còn hiện hữu).
47. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Ly Khứ Duyên** (sự làm người đã lìa khỏi đi rồi).
48. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành **Bất Ly Duyên** (sự làm người chẳng có lìa khỏi).

Đích thị việc kết hợp 24 Pháp Duyên như đã vừa đề cập đến tại đây, ấy là Phương Pháp Phát Thủ trong Tổng Hợp Duyên Hệ

2/. Hỏi: *Hãy nói tên gọi những Duyên Hệ có việc giúp đỡ ủng hộ như tiếp theo đây:*

1. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do sự nối tiếp nhau không gián đoạn, không có xen kẽ giữa.
2. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do cùng câu sinh với nhau.
3. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành chỗ nương nhờ với năng lực mạnh mẽ (sát cận).
4. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành sự sinh trước.
5. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành sự sinh đằng sau.
6. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành sự sắp bày tạo tác nhằm để cho những hành động được hoàn thành.
7. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành người dẫn dắt.
8. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành người thẩm thị Cảnh.
9. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành người vẫn còn hiện hữu.
10. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành người chẳng có lìa khỏi.

Đáp: Tên gọi những Duyên Hệ có việc giúp đỡ ủng hộ như sau:

1. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do sự nối tiếp nhau không gián đoạn, không có xen kẽ giữa có tên gọi là **Vô Giác Duyên**.
2. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do cùng câu sinh với nhau có tên gọi là **Câu Sinh Duyên**.
3. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành chỗ nương nhờ với năng lực mạnh mẽ (sát cận) có tên gọi là **Cận Y Duyên**.
4. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành (sự sinh trước có tên gọi là **Tiền Sinh Duyên**.
5. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành sự sinh đằng sau có tên gọi là **Hậu Sinh Duyên**.
6. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành sự sắp bày tạo tác nhằm để cho những hành động được hoàn thành có tên gọi là **Nghiệp Lực Duyên**.
7. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành người dẫn dắt có tên gọi là **Vật Thục Duyên**.
8. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành làm người thăm thị Cảnh có tên gọi là **Thiền Na Duyên**.
9. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành người vẫn còn hiện hữu có tên gọi là **Hiện Hữu Duyên**.
10. Pháp giúp đỡ ủng hộ bởi do làm thành người chẳng có lia khỏi có tên gọi là **Bất Ly Duyên**.

*3/. **Hỏi:** Hãy trình bày kệ ngôn tổng hợp đề cập đến sáu nhóm Duyên Hệ với luôn cả lời dịch nghĩa.*

***Đáp:** Kệ ngôn Tổng Hợp trình bày đến sáu nhóm Duyên Hệ, đó là:*

<i>Chadhà nàmantu nàmassa</i>	<i>Pañcadhà nàmarùpinam</i>
<i>Ekadhà puna rùpassa</i>	<i>Rùpam nàmassa cekadhà</i>
<i>Paññattinàmarùpàni</i>	<i>Nàmassa duvidhà dvayam</i>
<i>Dvayassa navadhà ceti</i>	<i>Chabbidhà paccayà katham</i>

“Bằng sáu phương cách mà Danh liên hệ với Danh. Bằng năm phương cách mà Danh liên hệ với Danh và Sắc. Bằng một phương cách mà Danh liên hệ với Sắc, và Sắc liên hệ với Danh. Bằng hai phương cách mà Chế Định, Danh và Sắc liên hệ với Danh. Bằng chín phương cách mà cả hai Danh và Sắc liên hệ với Danh và Sắc. Như vậy những Pháp Duyên có được sáu nhóm liên hệ với nhau. Như thế nào ?”

Có nghĩa là: **Phân tích 24 Duyên ra thành nhiều nhóm, đó là:**

1. Danh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh thì có được sáu Duyên.
2. Danh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc thì có được năm Duyên.

3. Danh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Sắc thì có được một Duyên.
4. Sắc làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh thì có được một Duyên.
5. Chế Định, cả hai Danh Sắc làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh thì có được hai Duyên.
6. Cả hai Danh Sắc làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với cả hai Danh Sắc thì có được chín Duyên.

Tất cả Pháp Duyên được phân chia ra làm thành sáu nhóm đã có được như vậy.

4/. Hỏi: *Hãy dịch nghĩa ở trong đoạn văn Pàli như tiếp theo đây: “Anantaraniruddhà cittacetasikà dhammà paṭuppannaṃ cittacetasikānaṃ dhammaṃ anantasamanantaranatthivigatavadena, purimāni javanāni pacchimānaṃ javanānaṃ āsevanavasena, sahaṭṭhā cittacetasikà dhammā aññamaññaṃ sampayuttavasenehi ca chaddhā nāmaṃ nāmassa paccayo hoti”.*

Đáp: Dịch nghĩa ở trong đoạn văn Pàli như sau:

“Anantaraniruddhà cittacetasikà dhammà paṭuppannaṃ cittacetasikānaṃ dhammaṃ anantasamanantaranatthivigatavadena, purimāni javanāni pacchimānaṃ javanānaṃ āsevanavasena, sahaṭṭhā cittacetasikà dhammā aññamaññaṃ sampayuttavasenehi ca chaddhā nāmaṃ nāmassa paccayo hoti”- “Bằng sáu phương cách mà Danh liên hệ với Danh, đó là: Những Tâm và Tâm Sở vừa mới diệt liên hệ với những Tâm và Tâm Sở sinh khởi liên theo đó ngay trong hiện tại, thể theo phương cách Vô Giác Duyên, Đăng Vô Giác Duyên, Vô Hữu Duyên, và Ly Khứ Duyên. Những Tâm Đồng Lực sinh trước liên hệ với Tâm Đồng Lực sinh khởi theo liên kế sau, thể theo phương cách Trùng Dục Duyên. Những Tâm và Tâm Sở cùng sinh khởi câu hữu liên hệ với nhau, thể theo phương cách Hỗ Tương Duyên.”

Danh làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh, thì có được sáu Duyên đó là:

- Những Pháp Tâm và Tâm Sở đây sinh khởi và diệt mất một cách không có xen kẽ giữa, làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Pháp Tâm và Tâm Sở mới sinh khởi nối tiếp liên kế sau, với mãnh lực từ ở nơi Vô Giác Duyên, Đăng Vô Giác Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên.
- Những Tâm Đồng Lực đây sinh trước trước, làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với những Tâm Đồng Lực sinh sau sau, với mãnh lực từ ở nơi Trùng Dục Duyên.
- Những Pháp Tâm và Tâm Sở đây cùng câu sinh với nhau, làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ lẫn nhau, với mãnh lực từ ở nơi Hỗ Tương Duyên.

5/. Hỏi: *Hãy trình bày tên gọi những Duyên Hệ hiện hữu ở trong các nhóm như tiếp theo đây:*

1. Danh làm Năng Duyên, Danh Sắc làm Sở Duyên.
2. Danh làm Năng Duyên, Sắc làm Sở Duyên.
3. Sắc làm Năng Duyên, Danh làm Sở Duyên.
4. Chế Định - Danh Sắc làm Năng Duyên, Danh làm Sở Duyên.
5. Danh Sắc làm Năng Duyên, Danh Sắc làm Sở Duyên.

Đáp: Trình bày tên gọi những Duyên Hệ hiện hữu ở trong các nhóm được kể trên như sau:

1. Danh làm Năng Duyên, Danh Sắc làm Sở Duyên thì có được năm Duyên, đó là: 1/. Nhân Duyên, 2/. Thiên Na Duyên, 3/. Đồ Đạo Duyên, 4/. Nghiệp Lực Duyên, 5/. Di Thực Quả Duyên.

2. Danh làm Năng Duyên, Sắc làm Sở Duyên thì có được một Duyên, đó là: Hậu Sinh Duyên.

3. Sắc làm Năng Duyên, Danh làm Sở Duyên thì có được một Duyên, đó là: Tiền Sinh Duyên.

4. Chế Định cùng với Danh Sắc làm Năng Duyên, Danh làm Sở Duyên thì có được hai Duyên, đó là: 1/. Cảnh Duyên, 2/. Cận Y Duyên.

5. Danh Sắc làm Năng Duyên, Danh Sắc làm Sở Duyên thì có được chín Duyên, đó là: 1/. Trường Duyên, 2/. Câu Sinh Duyên, 3/. Hồ Tương Duyên, 4/. Y Chi Duyên, 5/. Vật Thực Duyên, 6/. Quyền Lực Duyên, 7/. Bất Tương Ứng Duyên, 8/. Hiện Hữu Duyên, và 9/. Bất Ly Duyên.

6/. Hỏi: Hãy trình bày phân loại từ ở nơi Cảnh Duyên, và Cận Y Duyên; luôn cả nêu lên Chi Pháp và cả hai Duyên này liệt kê vào ở trong nhóm Duyên Hệ nào trong những sáu nhóm Duyên Hệ đầy vậy ?

Đáp: Trình bày phân loại từ ở nơi Cảnh Duyên và Cận Y Duyên, luôn cả nêu lên Chi Pháp cùng với việc liệt kê vào trong nhóm Duyên Hệ như sau:

“Tattha rūpādivasena chabbidham hoti àrammaṇam”- “Nơi đây, Cảnh có sáu, đó là Sắc, Thinh, Khí, v.v.”

Trong cả hai Duyên đầy, thì Cảnh Duyên có được sáu thể loại, bởi do phân loại từ ở nơi Cảnh có Cảnh Sắc, v.v.

“Upanissayo pana tividho hoti àrammaṇupanissayo anantarupanissayo pakatupanissayo ceti.”- “Thế nhưng, Cận Y Duyên thì chỉ có ba, đó là Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gian Cận Y Duyên và Thường Cận Y Duyên.”

Còn Cận Y Duyên thì chỉ có ba thể loại, đó là: Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gian Cận Y Duyên và Thường Cận Y Duyên.

+ Chi Pháp đó là: Tất cả Chế Định, Danh Sắc; và cả hai Duyên Hệ này được liệt kê vào ở trong nhóm Chế Định, Danh Sắc làm Năng Duyên, Danh làm Sở Duyên.

7/. Hỏi: *Hãy trình phân loại từ ở nơi Trường Duyên và Pháp đã được đón nhận việc giúp đỡ ủng hộ từ ở nơi những thể loại Duyên đấy, là Pháp thuộc ở thể loại nhóm nào ?*

Đáp: Trình bày phân loại từ ở nơi Trường Duyên và Pháp đã được đón nhận việc giúp đỡ ủng hộ từ ở những thể loại Duyên Hệ đấy, cùng với liệt kê vào trong nhóm Duyên Hệ như sau:

+ **Trường Duyên có được hai thể loại Duyên, đó là:**

Một thể loại, là Cảnh thích đáng đã làm cho chú tâm một cách đặc biệt, làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh, với mãnh lực từ ở nơi Cảnh Trường Duyên.

Một thể loại khác nữa, ấy là Cả Tứ Chi Trường có Dục, v.v., cùng câu sinh với nhau, làm Năng Duyên giúp đỡ ủng hộ đối với Danh Sắc cùng câu sinh với nhau, với mãnh lực từ ở nơi Câu Sinh Trường Duyên.

8/. Hỏi: *Hãy trình Pháp Sở Duyên của Câu Sinh Duyên, Hồ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên như tiếp theo đây:*

1. Tâm, Tâm Sở làm **Câu Sinh Năng Duyên**.
2. Tứ Sắc Đại Hiện làm **Câu Sinh Năng Duyên**.
3. Tứ Danh Uẩn Tái Tục làm **Câu Sinh Năng Duyên**.
4. Ý Vật Tái Tục làm **Câu Sinh Năng Duyên**.
5. Tâm, Tâm Sở làm **Hồ Tương Năng Duyên**.
6. Tứ Sắc Đại Hiện làm **Hồ Tương Năng Duyên**.
7. Tứ Danh Uẩn Tái Tục làm **Hồ Tương Năng Duyên**.
8. Ý Vật Tái Tục làm **Hồ Tương Năng Duyên**.
9. Tâm, Tâm Sở làm **Y Chỉ Năng Duyên**.
10. Tứ Sắc Đại Hiện làm **Y Chỉ Năng Duyên**.
11. Cả Lục Sắc Vật làm **Y Chỉ Năng Duyên**.

Đáp: Trình bày Pháp Sở Duyên của các Duyên Hệ: Câu Sinh Duyên, Hồ Tương Duyên và Y Chỉ Duyên, như sau:

1. Tâm, Tâm Sở làm Câu Sinh Năng Duyên; Tâm, Tâm Sở, Sắc Nghiệp Tái Tục làm Câu Sinh Sở Duyên.

2. Tứ Sắc Đại Hiện làm Câu Sinh Năng Duyên; Tứ Sắc Đại Hiện, 24 Sắc Y Sinh làm Câu Sinh Sở Duyên.

3. Tứ Danh Uẩn Tái Tục làm Câu Sinh Năng Duyên; Sắc Ý Vật Tái Tục làm Câu Sinh Sở Duyên.

4. Ý Vật Tái Tục làm Câu Sinh Năng Duyên; Tứ Danh Uẩn Tái Tục làm Câu Sinh Sở Duyên.

5. Tâm, Tâm Sở làm Hồ Tương Năng Duyên; Tâm, Tâm Sở làm Hồ Tương Sở Duyên.

6. Tứ Sắc Đại Hiện làm Hồ Tương Năng Duyên; Tứ Sắc Đại Hiện làm Hồ Tương Sở Duyên.

7. Tứ Danh Uẩn Tái Tục làm Hồ Tương Năng Duyên; Sắc Ý Vật Tái Tục làm Hồ Tương Sở Duyên.

8. Ý Vật Tái Tục làm Hồ Tương Năng Duyên; Tứ Danh Uẩn Tái Tục làm Hồ Tương Sở Duyên.

9. Tâm, Tâm Sở làm Y Chỉ Năng Duyên; Tâm, Tâm Sở, Sắc Tâm làm Y Chỉ Sở Duyên.

10. Tứ Sắc Đại Hiện làm Y Chỉ Năng Duyên; Tứ Sắc Đại Hiện, 24 Sắc Y Sinh làm Y Chỉ Sở Duyên.

11. Cả Lục Sắc Vật làm Y Chỉ Năng Duyên; Thất Thức Giới làm Y Chỉ Sở Duyên.

9/. Hỏi: *Hãy trình bày Pháp Năng Duyên của Pháp Vật Thực Sở Duyên, và Pháp Quyền Lực Sở Duyên như tiếp theo đây:*

1. Sắc thân làm Vật Thực Sở Duyên.

2. Danh Sắc là Tâm, Tâm Sở, Sắc Tâm, Sắc Nghiệp Tái Tục làm Vật Thực Sở Duyên.

3. 10 Tâm Ngũ Song Thức làm Quyền Lực Sở Duyên.

4. Sắc Y Sinh là Sắc Nghiệp làm Quyền Lực Sở Duyên.

5. Danh Sắc là Tâm, Tâm Sở, Sắc Tâm, Sắc Nghiệp Tái Tục làm Quyền Lực Sở Duyên.

Đáp: Trình bày Pháp Năng Duyên của Pháp Vật Thực Sở Duyên, Quyền Lực Sở Duyên có như sau:

1. Đoàn Thực, thực phẩm được cho làm thành từng miếng, làm Vật Thực Năng Duyên.

2. Cả Tam Danh Vật Thực Duyên có Xúc, v.v. làm Vật Thực Năng Duyên.

3. Cả Ngũ Sắc Thanh Triệt làm Quyền Lực Năng Duyên.

4. Sắc Mạng Quyền làm Quyền Lực Năng Duyên.

5. Bát Chi Pháp Danh Quyền có Tâm Sở Mạng Quyền v.v. và Pháp Quyền Năng Duyên.

10/. Hỏi: *Hãy trình bày Duyên Hệ cùng được vào với nhau trong việc giúp đỡ ủng hộ lẫn nhau của những Pháp như tiếp theo đây:*

1. Tâm và Tâm Sở.

2. Tứ Sắc Đại Hiện.

3. Ý Vật và Tứ Danh Uẩn Dị Thực Quả ở trong Thời Kỳ Tái Tục.

Đáp: Trình bày Duyên Hệ cùng được vào với nhau trong việc giúp đỡ ủng hộ lẫn nhau của những Pháp như sau:

1. Tâm và Tâm Sở thì có sáu hoặc bảy Duyên, đó là:

+ Đối với sáu Duyên thì gồm có: 1/. Câu Sinh Duyên, 2/. Hổ Tương Duyên, 3/. Câu Sinh Y Duyên, 4/. Tương Ứng Duyên, 5/. Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, 6/. Câu Sinh Bất Ly Duyên.

+ Hoặc có bảy Duyên thì gồm có: 1/. Câu Sinh Duyên, 2/. Hổ Tương Duyên, 3/. Câu Sinh Y Duyên, 4/. Dị Thục Quả Duyên (trong sát na nêu Tâm và Tâm Sở lên làm thành Dị Thục Quả Năng Duyên), 5/. Tương Ứng Duyên, 6/. Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, 7/. Câu Sinh Bất Ly Duyên.

2. Tứ Sắc Đại Hiện thì có năm Duyên, đó là: 1/. Câu Sinh Duyên, 2/. Hổ Tương Duyên, 3/. Câu Sinh Y Duyên, 4/. Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, 5/. Câu Sinh Bất Ly Duyên.

3. Ý Vật và Tứ Danh Uẩn Dị Thục Quả ở trong Thời Kỳ Tái Tục thì có sáu hoặc bảy Duyên, đó là:

+ Đối với sáu Duyên thì gồm có: 1/. Câu Sinh Duyên, 2/. Hổ Tương Duyên, 3/. Câu Sinh Y Duyên, 4/. Câu Sinh Bất Tương Ứng Duyên, 5/. Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, 6/. Câu Sinh Bất Ly Duyên.

+ Hoặc có bảy Duyên thì gồm có: 1/. Câu Sinh Duyên, 2/. Hổ Tương Duyên, 3/. Câu Sinh Y Duyên, 4/. Dị Thục Quả Duyên, 5/. Câu Sinh Bất Tương Ứng Duyên, 6/. Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, 7/. Câu Sinh Bất Ly Duyên (trong sát na nêu Tứ Danh Uẩn Dị Thục Quả lên làm Năng Duyên).

11/. Hỏi: Cho trình bày Pháp Sở Duyên của Bất Tương Ứng Duyên như tiếp theo đây:

1. Ý Vật Tái Tục làm Bất Tương Ứng Năng Duyên.
2. Tâm, Tâm Sở làm Bất Tương Ứng Năng Duyên.
3. Tâm, Tâm Sở sinh sau sau làm Bất Tương Ứng Năng Duyên.
4. Lục Sắc Vật ở trong Thời Kỳ Chuyển Khởi làm Bất Tương Ứng Năng Duyên.

Đáp: Trình bày Pháp Sở Duyên của Bất Tương Ứng Duyên như sau:

1. Tứ Danh Uẩn Dị Thục Quả làm Bất Tương Ứng Sở Duyên.
2. Sắc Tâm làm Bất Tương Ứng Sở Duyên.
3. Sắc sinh trước trước làm Bất Tương Ứng Sở Duyên.
4. Thất Thức Giới làm Bất Tương Ứng Sở Duyên.

12/. Hỏi: Có bao nhiêu thể loại Pháp làm thành Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên ? Luôn cả nêu nền tảng Pàli lên để cho trình bày với (không cần phải dịch nghĩa).

Đáp: Từng mỗi Duyên có năm thể loại, như có nền tảng Pàli dẫn chứng cùng với lời dịch nghĩa như sau:

“Sahajātaṃ purejātaṃ pacchājātañca sabbathà kabalikàro àhàro rūpajīvitamiccayanti pañcavidho hoti atthipaccayo avigatapaccayo ca.”- “Bằng

theo mọi phương cách liên hệ với Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên thì có được năm thể loại Duyên, đó là: Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Đoàn Thực, và Sắc Mạng Quyền.”

Từng mỗi Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có được năm thể loại Duyên tùy theo mọi phương cách, đó là:

1. Bởi do làm thành chủng loại Câu Sinh, có được một thể loại.
2. Bởi do làm thành chủng loại Tiền Sinh, có được một thể loại.
3. Bởi do làm thành chủng loại Hậu Sinh, có được một thể loại.
4. Bởi do làm thành một thể loại Đoàn Thực, có được một thể loại.
5. Bởi do làm thành một thể loại Sắc Mạng Quyền, có được một thể loại.

13/ Hỏi: Những thể loại Duyên nào tựu hội được hết tất cả các Duyên ? Và cho trình bày Sắc Pháp có tên gọi là “Sắc Câu Sinh” (*Sahajàtarùpa*).

Đáp: Đó chính là “*Arammaṇūpanissayakammatthipaccayesu ca sabbe pi paccayà samodhànaṃ gacchanti.*”- “Tất cả mọi duyên hệ đều được bao gồm ở trong Cảnh Duyên, Cận Y Duyên, Nghiệp Lực Duyên và Hiện Hữu Duyên.”

Nếu sẽ phải trình bày Duyên Hệ bởi theo giản lược, thì tất cả những thể loại Duyên này thường được tập hợp vào trong Cảnh Duyên, Cận Y Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Hiện Hữu Duyên, hết cả thảy.

“*Sahajàtarùpanti panettha sabbatthàpi pavatte cittasamuṭṭhànànaṃ paṭisandhiyaṃ kaṭattàrùpànañca vasena duvidham hotīti veditabbaṃ.*”- “Nơi đây, Sắc câu sinh cần phải được hiểu theo hai phương cách: trong sự diễn tiến cuộc sống, thì cần phải hiểu là những Sắc Pháp do Tâm Xuất Sinh Xứ; và trong Thời Kỳ Tái Tục thì cần phải hiểu là do Nghiệp Quá Khứ tạo ra.”

Ghi chú: Trong Phương Pháp Phát Thú đây, chỗ nói rằng “Sắc Câu Sinh” ở trong hết tất cả chủng loại Câu Sinh đã được chia ra làm hai thể loại, đó là: bằng cách phân loại từ ở nơi Sắc Tâm sinh trong Thời Kỳ Chuyển Khởi, và Sắc Nghiệp sinh trong Thời Kỳ Tái Tục. Tất cả các bậc Học Giả nên hiểu biết như vậy.

14/ Hỏi: Hãy dịch nghĩa ở trong cả hai kệ ngôn như tiếp theo đây:

“ <i>Iti tekàlikà dhammà</i>	<i>Kàlamuttà ca sambhavà</i>
<i>Ajjhattaṅca bahiddhà ca</i>	<i>Saṅkhatàsaṅkhatà tathà.</i>
<i>Paññattinàmarùpànaṃ</i>	<i>Vasena tividhà ṭhità</i>
<i>Paccayà nàma paṭṭhàne</i>	<i>Catuvīsati sabbathà.”</i>

Đáp: Dịch nghĩa ở trong cả hai kệ ngôn trên như sau:

“ <i>Iti tekàlikà dhammà</i>	<i>Kàlamuttà ca sambhavà</i>
<i>Ajjhattaṅca bahiddhà ca</i>	<i>Saṅkhatàsaṅkhatà tathà.</i>
<i>Paññattinàmarùpànaṃ</i>	<i>Vasena tividhà ṭhità</i>
<i>Paccayà nàma paṭṭhàne</i>	<i>Catuvīsati sabbathà.”</i>

“Nhu vậy, các Pháp sinh khởi thuộc ba Thời Kỳ hoặc vượt ngoài thời gian, nội và ngoại, hữu vi và vô vi, và chia ra thành ba thể loại: Chế Định, Danh và Sắc. Tất cả có 24 Duyên ở trong Phát Thú.”

Bởi theo Phương Pháp như đã vừa được đề cập tại đây, tất cả Pháp được sinh ở trong cả ba Thời Kỳ và Ngoại Thời Kỳ, sinh ở trong Nội Bộ và Ngoại Bộ, là Hữu Vi và Vô Vi; hoặc đã phân loại từ ở nơi Chế Định, Danh và Sắc; những thể loại này được gọi tên là 24 Duyên ở trong Bộ Kinh Phát Thú bởi theo tất cả mọi trường hợp, và tùy theo thích hợp sẽ được hiện hành.

Ghi chú: Về việc trình bày Phương Pháp Phát Thú một cách mãn túc thì đã có ở trong bộ Kinh Đại Phát Thú một cách đặc biệt ở trong Khóa Trình của Lớp Đại Học Vô Tỷ Pháp Đệ Nhất.

Kết Thúc Văn Và Đáp Trong Phát Thú

-----00000-----

VĂN VÀ ĐÁP TRONG CHẾ ĐỊNH (PAÑÑATTI)

1/. **Hỏi:** Đoạn văn Pàli trình bày phân tích đến Danh, Sắc, Chế Định đây đã trình bày như thế nào? Và cho dịch nghĩa ở trong những từ ngữ Pàli như tiếp theo đây:

1. *Paññàpiyattà paññatti*

2. *Paññàpanato paññatti*

Đáp: Đoạn văn Pàli trình bày phân tích đến Danh Sắc, Chế Định có như sau: “*Tattha rūpadhammà rūpakhandho ca cittacetasikaṅkhàtā cattāro arūpino khandhā nibbānañceti pañcavidhampi arūpanti ca nāmanti ca pavuccati*”- “Nơi đây, Sắc Pháp tức là Sắc Uẩn. Tâm và Tâm Sở vốn bao gồm Tứ Uẩn Vô Sắc, và Níp Bàn là năm thể loại Vô Sắc Pháp; và cũng được gọi là Danh.”

Trong nội dung của Tạng Vô Tỷ Pháp, chỗ gọi là Sắc Pháp thì ấy cũng chính là Sắc Uẩn vậy. Tứ Danh Uẩn là Tâm, các Tâm Sở, và Níp Bàn; tập hợp cả năm thể loại này lại thì gọi là Vô Sắc cũng được, là Danh cũng được.

+ Trình bày Chế Định (*Paññatti*):

“*Tato avasesā paññatti, sà pana paññāpiyattā paññatti, paññāpanato paññattīti ca duvidhā hoti.*”- “Ngoài ra các Pháp còn lại được gọi là Chế Định, gồm có hai thể loại: Chế Định như cái chi được biết đến; và Chế Định làm cho được biết đến.”

Còn ngoài nội dung Danh Sắc ấy ra thì gọi là Chế Định. Và Chế Định này được chia ra làm hai thể loại: đó là:

1/. Nghĩa Lý Chế Định (*Atthapaññatti*), vì làm thành Chế Định thích đáng cho được biết đến với từng mỗi trường hợp sai khác; và

2/. *Thinh Danh Chế Định (Saddanàmapaññatti)* vì làm thành Chế Định thích đáng cho được biết đến nội dung với từng mỗi trường hợp sai khác.

2/. Hỏi: Nghĩa Lý Chế Định có được bao nhiêu thể loại? Là những chi? Luôn cả dịch nghĩa đoạn văn Pàli như tiếp theo đây:

“*Taṃ taṃbhùtavipariṇàṃkàramupàdàya tathà tathà paññattà bhùmipabbatàdikà, sambhàrasannivesakàramupàdàya geharathasakaṭàdikà, khandhapañcakamupàdàya purisapuggalàdikà, candavattanàdikamupàdàya disakalàdikà, asamphuṭṭhàkàramupàdàya kùpaguhàdikà, taṃ taṃ bhùtanimittam bhàvanàviseṣaṅca upàdàya kaṣiṇanimittàdikà ceti, evamàdippabhedà pana paramatthato avijjamaṇàpi atthachàyakàrena cittuppàdànamàrarammaṇabhùtā, taṃ taṃ upàdàya upànidhaya karaṇam katvā tathà tathà parikkappiyamaṇā saṅkhàyati samaññāyati vohariyati paññāpiyatitī paññattitī pavuccati. Ayaṃ paññatti paññāpiyattā paññatti nāma.*”

Đáp: Dịch nghĩa đoạn văn Pàli trên như sau: “Có những từ ngữ như “đất”, “núi”, v.v. được gọi như vậy vì thể thức biến trạng của Tổ Chất; những từ ngữ như “nhà”, “xe cộ”, v.v. được gọi như vậy vì thể thức kết hợp của các vật dụng; những từ ngữ như “người”, “hữu tình”, v.v. được gọi như vậy vì thể theo Ngũ Uẩn; những từ ngữ như “phương hướng”, “thời gian”, v.v. được gọi như vậy vì thể thức vận chuyển của mặt trăng, v.v.; những từ ngữ như “giếng nước”, “hang động”, v.v. được gọi như vậy vì thể thức bất xúc chạm; những từ ngữ như biến xứ tướng (đề mục hoàn tịnh) được gọi như vậy vì sự sai biệt của các phương cách tu tập, và vì đặc tướng sai biệt của các Đại Hiện. Tất cả các sự sai biệt như vậy, thể theo ý nghĩa cùng tột của Chân Đế, quả thật bất hiện hữu, tuy nhiên đã trở thành những đối tượng của Tâm dưới hình thức những hình bóng của sự vật. Những sự vật ấy được gọi là “Chế Định” vì người ta nghĩ tưởng đến, được nhận thức, được thấu hiểu, được biểu lộ; và đã làm cho được hiểu biết vì lý do, vì nguyên nhân, vì đối với thể thức này, thể thức khác. Chế Định được gọi như vậy vì chúng được làm cho hiểu biết như vậy.”

+ Có bấy phân loại Nghĩa Lý Chế Định với những ý nghĩa như sau:

1. **Hình Thức Chế Định (*Sanṭhànapaññatti*):** Có mặt đất, núi đồi, v.v. và đã được giả định gọi với nhau với những trường hợp sai khác, rằng là “mặt đất”, “núi đồi”, v.v., là cũng do dựa vào những biến trạng hiện hành của Tứ Sắc Đại Hiện.
2. **Hiệp Thành Chế Định (*Samùhapaññatti*):** Có nhà cửa, xe cộ, xe bò, v.v., và đã được giả định gọi với nhau với những trường hợp sai khác, rằng là “nhà cửa”, “xe cộ”, “xe bò”, v.v., là cũng do dựa vào trạng thái tập hợp, hội tụ từ ở nơi các vật thể vào với nhau.

3. *Chúng Sinh Chế Định (Satvapaññatti)*: Có người nam, nhân loại, v.v., và đã được giả định gọi với nhau với những trường hợp sai khác, rằng là “người nam”, “nhân loại”, v.v., là cũng do dựa vào cả Ngũ Uẩn.
4. *Phương Hướng Chế Định (Disapaññatti)*: Có hướng Đông, v.v. và
5. *Thời Gian Chế Định (Kàlapaññatti)*: Có buổi sáng, v.v., đã được giả định gọi với nhau với những trường hợp sai khác, rằng là “hướng đông”, “buổi sáng”, v.v. là cũng do dựa vào việc xoay theo quỹ đạo, luân chuyển tuần hoàn theo chiều kim đồng hồ quanh Tu Di Sơn, của những tinh tú thiên thể, của mặt trời, mặt trăng.
6. *Hư Không Chế Định (Àkàsapaññatti)*: Có hố giếng, hang động, v.v., đã được giả định gọi với nhau với những trường hợp sai khác, rằng là “hố giếng”, “hang động”, v.v., là cũng do dựa vào cả Tứ Sắc Đại Hiện không được tiếp xúc với nhau.
7. *Hình Tướng Chế Định (Kasiṇapaññatti)* và *Trầm Triệu Chế Định (Nimitta paññatti)*: Có *Chuẩn Bị Tướng (Parikammanimitta)* v.v., đã được giả định gọi với nhau với những trường hợp sai khác, rằng là “Chuẩn Bị Tướng”, v.v., là cũng do dựa vào sự hiện hành một cách đặc biệt nương theo tuần tự từ ở nơi Tu Tập, có Chuẩn Bị Tướng, v.v.

A. 3/. Hỏi: *Hãy giảng giải ở trong cả Thất Nghĩa Lý Chế Định có Hình Thức Chế Định, v.v.*

Đáp: Phân loại từ ở nơi Nghĩa Lý Chế Định, thì có Hình Thức Chế Định, v.v. như đã vừa đề cập đến đây, cho dù sẽ chẳng có hiện bày thể theo Thực Tính Siêu Lý đi nữa, tuy nhiên:

1/. Đã trở thành đối tượng của Tâm và Tâm Sở dưới hình thức là hình bóng của Pháp Siêu Lý, có những Sắc Tứ Đại Hiện v.v.

2/. Đã trở thành Chế Định của tất cả các Bậc Hiện Trí cần phải nắm bắt giữ lấy cho việc nghiên cứu thâm sát với những trường hợp sai khác. Bởi do nương vào các vật dụng ấy cũng có, dựa vào việc tỷ dụ so sánh cũng có, làm thành nguyên nhân, lý do để mà định đặt tên gọi cho được đúng đắn; và làm cho tất cả dân gian cũng được hiểu biết, cho được nói năng với nhau, cho được người khác hiểu biết; và chính vì thế, những thể loại danh từ “đất”, “núi”, “nhà”, v.v. này đây mới gọi là **Chế Định**.

Bản chất của Pháp Chế Định v.v. như đã vừa đề cập ở tại đây, được gọi tên là **Nghĩa Lý Chế Định**; là vì làm thành Chế Định cho được biết đến nội dung một cách thích hợp bởi theo những trường hợp sai khác.

Trong câu nói rằng **“Evamàdippabhedà”** được dịch nghĩa là **“Phân loại từ ở nơi Nghĩa Lý Chế Định”**, có Hình Thức Chế Định, v.v. Có nghĩa là Nghĩa Lý Chế Định như đã vừa đề cập ở tại đây vẫn chưa có hết, vẫn còn hiện hữu thêm rất nhiều thể loại khác nữa, chẳng hạn như **(13) Vô Hữu Chế Định (Natthibhàvapaññatti)**,

(14) *Sổ Túc Chế Định (Ànàpànapaññatti)*, (15) *Bất Tịnh Chế Định (Asubhapaññatti)*, (16) *Chấp Thủ Chế Định (Upàdànapaññatti)*, là những Pháp Chế Định đã nương nhờ vào Pháp Siêu Lý. Việc trình bày đặt để ở trong bộ *Chú Giải Nhân Chế Định (Puggalapaññatti Atthakathà)* thì (17) *Tỷ Giáo Chế Định (Upanidhàpaññatti)* là Chế Định trong việc so sánh, chẳng hạn như nói rằng “*thứ nhất*”, “*thứ nhì*”, “*thứ ba*”, hoặc “*dài*”, “*ngắn*”, “*lớn*”, “*nhỏ*”, v.v.

Những Pháp Chế Định như đã vừa đề cập đến đây, một khi đã thẩm sát đến Thực Tính thì ắt hẳn là không có; chẳng hạn như chỗ gọi là “*mảnh đất*” thì tất cả mọi người thường được hiểu với nhau rằng trạng thái của đất ấy là “*một miếng*”, là “*một mảnh*” và chính vì vậy mới gọi với nhau là “*mảnh đất*”. Tuy nhiên sự thật thì không có “*mảnh đất*”, mà chỉ có *Bọn Tổng Hợp Sắc Pháp (Rùpakalàpa)* hoặc gọi là *Nguyên Tố Sắc Pháp (Rùpaparamànù)* đã tập hợp vào nhau mà thôi. Còn Nghĩa Lý Chế Định hữu quan với Hữu Tình Nhân Loại thì chỉ có Nguyên Tố Sắc Pháp và Tâm Tâm Sở mà thôi. Thế nhưng những thể loại Pháp Nghĩa Lý Chế Định này đây, hiện bày cho Tâm và Tâm Sở có được liễu tri, cũng chính là bởi do nương vào việc bảo chứng của Thực Tính Siêu Lý. Bởi do thế, tất cả các bậc Hiền Triết một khi sẽ định danh cho các sự vật ở trong thế gian này, thì cũng cần phải nương vào việc nghiên cứu thẩm sát trạng thái đặc tính của từng mỗi sự vật ấy, hoặc sẽ nương vào việc so sánh tỷ giáo giữa các sự vật ấy với nhau, cho làm thành cơ sở, và việc ấy được gọi là *Chuyển Hình Tướng (Pavattanimitta)* của Nghĩa Lý Chế Định. Thế rồi mới định đặt tên gọi cho các sự vật ấy lên, và những tên gọi đã được định danh lên rồi đấy, cũng chính là việc định danh một cách đúng đắn; bởi do thế, tất cả mọi con người mới hiểu biết được, gọi tên với nhau được, làm cho người khác hiểu biết được suốt trọn từng mỗi ngày.

4/. Hỏi: *Thịnh Danh Chế Định có bao nhiêu phân loại ? Là những chi ? Luôn cả nêu thí dụ điển hình để trình bày với.*

Đáp: **Thịnh Danh Chế Định** đây có sáu phân loại, đó là:

1. *Hiện Hữu Chế Định (Vijjamañapaññatti)* (còn được gọi là Danh Siêu Chế Định),
2. *Bất Hiện Hữu Chế Định (Avijjamañapaññatti)* (còn được gọi là Phi Danh Siêu Chế Định),
3. *Hiện Hữu Do Lai Bất Hiện Hữu Chế Định (Vijjamañenaavijjamañapaññatti)* (còn được gọi là Danh Siêu Phi Danh Siêu Chế Định),
4. *Bất Hiện Hữu Do Lai Hiện Hữu Chế Định (Avijjamañenavijjamañapaññatti)* (còn được gọi là Phi Danh Siêu Danh Siêu Chế Định),
5. *Hiện Hữu Do Lai Hiện Hữu Chế Định (Vijjamañenavijjamañapaññatti)* (còn được gọi là Danh Siêu Danh Siêu Chế Định),

6. **Bất Hiện Hữu Do Lai Bất Hiện Hữu Chế Định (Avijjamànena avijjamànapaññatti)** (còn được gọi là Phi Danh Siêu Phi Danh Siêu Chế Định).

+ Trình bày việc nêu lên thí dụ trong sáu phân loại Thinh Danh Chế Định:

“Tattha yadà pana paramatthato vijjamànaṃ rūpavedanàdiṃ etàya paññàpentī tadàyaṃ vijjamànapaññatti.”- “Nơi đây, khi dùng danh từ để chỉ những sự vật thật sự hiện hữu như “Sắc”, “Thọ”, v.v, như vậy gọi là **Hiện Hữu Chế Định.**”

Trong sáu phân loại Thinh Danh Chế Định, khi nào tất cả các bậc Hiền Trí thường làm cho hiểu biết qua việc gọi tên “Sắc”, “Thọ”, v.v. hiện bày hiện hữu với sự làm thành Siêu Lý, thì khi đó Thinh Danh Chế Định này được gọi là **Hiện Hữu Chế Định.**

“Yadà pana paramatthato avijjamànaṃ bhūmipabbatàdiṃ etàya paññàpentī tadàyaṃ avijjamànapaññattīti pavuccati.”- “Khi dùng danh từ để chỉ những sự vật không thật sự hiện hữu như “mặt đất”, “núi đồi”, v.v. như vậy gọi là **Bất Hiện Hữu Chế Định.**”

Khi nào tất cả các bậc Hiền Trí thường làm cho hiểu biết qua việc gọi tên “mặt đất”, “núi đồi”, v.v. không có hiện bày sự làm thành Siêu Lý, thì khi đó Thinh Danh Chế Định này được gọi là **Bất Hiện Hữu Chế Định.**

“Abhinnaṃ pana vomissakavasena sesà yathakkamaṃ chaḷabhiñño atthisaddo cakkhuvīññānaṃ rājaputtoti ca veditabbā.”- “Các Chế Định còn lại cần phải hiểu biết bằng cách tuần tự phối hợp cả hai, tỷ dụ như “bậc đã chứng đắc Lục Thắng Trí”, “tiếng nói của người nữ”, “Nhân Thức”, “Hoàng Tử”, v.v.

Tất cả các bậc Học Giả nên hiểu biết bốn Thinh Danh Chế Định còn lại bằng cách tuần tự phối hợp với cả hai phân loại nội dung, đó là: Hiện Hữu Chế Định và Bất Hiện Hữu Chế Định; chẳng hạn như “Bậc đã chứng đắc Lục Thắng Trí”, “âm thanh nữ nhân”, “Nhân Thức nương nhờ Nhân Vật sinh”, “con trai của vị vua”, v.v.

5/. Hỏi: Chỉ duy nhất Thinh Danh Chế Định mà đã được gọi thành bao nhiêu tên gọi? Là những chi? Luôn cả trình bày ý nghĩa.

Đáp: Trình bày chỉ duy nhất Thinh Danh Chế Định mà đã được gọi tên thành sáu phân loại có được như vậy:

“Paññāpanato paññatti pana nāmanāmakammādināmena paridīpitā”- “Vì chúng làm cho hiểu biết như vậy, nên được gọi là “Chế Định”; chúng được diễn tả theo hai thể loại: Danh hoặc do Danh làm ra, v.v.” Bậc Hiền Trí nên trình bày Thinh Danh Chế Định cho được hiểu biết nội dung với những trường hợp sai khác thể theo sáu phân loại tên gọi, có Danh, Định Danh, v.v., đó là:

1. *Danh Từ (Nàma)*: Tức là những tên gọi, có Thực Tính dẫn đến nội dung, tức là Nghĩa Lý Chế Định; và đã làm cho nội dung ấy dẫn đến bản thân mình; tức là những tên gọi với nhau.
2. *Định Danh (Nàmakamma)*: Tức là Danh Chế Định mà tất cả các bậc hiền nhân thông thái trong Thời Cổ Đại kêu gọi với nhau, chẳng hạn gọi là “mặt đất”, “núi đồi”, v.v.
3. *Biệt Tự (Nàmadheyya)*: Tức là Danh Chế Định mà tất cả các bậc hiền nhân thông thái trong Thời Cổ Đại định đặt tên gọi dùng cho đến mỗi ngày; chẳng hạn định đặt tên gọi là “mặt đất”, “núi đồi”, v.v.
4. *Từ Nguyên (Nirutti)*: Tức là Danh Chế Định mà tất cả các bậc hiền nhân thông thái nghĩ suy thâm sát gọi tên các sự vật cho được hiện khởi lên.
5. *Mẫu Tự (Byañjana)*: Tức là Danh Chế Định có khả năng trình bày nội dung là Nghĩa Lý Chế Định cho được hiện khởi lên.
6. *Thoại Thuyết (Abhilàpa)*: Tức là Danh Chế Định mà người ta nói chuyện với nhau, thường trực tiếp nhắm đến nội dung để cho cuộc trò chuyện được khởi lên.

A. 6/. Hỏi: *Hãy giảng giải ở trong cả sáu phân loại Thinh Danh Chế Định.*

Đáp: Giải thích ở trong cả sáu phân loại Thinh Danh Chế Định hoặc Danh Chế Định như sau:

1. *Hiện Hữu Chế Định (Vijjamaṇapaññatti)* (còn được gọi là Danh Siêu Chế Định) có ý nghĩa làm thành Thinh Danh Chế Định mà có Thực Tính Siêu Lý đang hiện hữu; chẳng hạn như từ ngữ nói rằng “Sắc”, “Thọ”, “Tuồng”, “Hành”, “Thức”, “Níp Bàn”, v.v. Hoặc khi nói một cách tóm tắt thì đây chính là lời nói hữu quan với Tâm, Tâm Sở, Sắc Pháp, Níp Bàn ấy vậy.

Như trình bày câu Chú Giải rằng:

“Vijjamaṇassa paññatti = Vijjamaṇa paññatti”- “Gọi tên ngôn từ giả định của Pháp có Thực Tính Siêu Lý đang hiện hữu ấy là **Hiện Hữu Chế Định.**”

2. *Bất Hiện Hữu Chế Định (Avijjamaṇapaññatti)* (còn được gọi là Phi Danh Siêu Chế Định) có ý nghĩa làm thành Thinh Danh Chế Định mà không có Thực Tính Siêu Lý cùng hiện hữu; chẳng hạn như từ ngữ nói rằng “đất đai lãnh thổ”, “núi đồi”, “cây cối”, “sông nước”, “đại dương”, “căn nhà”, “người nam”, “người nữ”, v.v.

Như trình bày câu Chú Giải rằng:

“Avijjamaṇassa paññatti = Avijjamaṇapaññatti”- “Gọi tên ngôn từ giả định của Pháp mà không có Thực Tính Siêu Lý cùng hiện hữu ấy là **Bất Hiện Hữu Chế Định.**”

3. *Hiện Hữu Do Lai Bất Hiện Hữu Chế Định (Vijjamaṇenaavijjamaṇa paññatti)* (còn được gọi là Danh Siêu Phi Danh Siêu Chế Định) có ý nghĩa làm thành Thinh Danh Chế Định mà đề cập đến Pháp có Thực Tính Siêu Lý với Pháp

không có Thực Tính Siêu Lý đang cùng hiện hữu với nhau; chẳng hạn như từ ngữ nói rằng “*Lục Thắng Trí*” (*Chalàbhiñño*), “*Tam Minh*” (*Tevijjo*), “*Vô Ngại Giải Đạo*” (*Paṭisambhidappatto*), “*Thất Lai*” (*Sotapanno*). Và những thể loại ngôn từ này nhằm đến bao gồm những hạng Người: “*Bạc Lục Thắng Trí*” (*Chalàbhiñña puggala*), “*Bạc Tam Minh*” (*Tevijjapuggala*), “*Bạc Vô Ngại Giải Đạo*” (*Paṭisambhidappatopuggala*), “*Bạc Thất Lai*” (*Sotapannopuggala*).

Từ ngữ nói rằng: *Lục Thắng Trí* = Sáu Thắng Trí; *Tam Minh* = Ba Minh; *Vô Ngại Giải* = Trí Vô Ngại Giải; *Thất Lai* = Quả Thất Lai; và những thể loại này từ ngữ này có Thực Tính Siêu Lý hiện bày. Còn từ ngữ “*Người*” (*Puggala*) là không có Thực Tính Siêu Lý hiện bày; bởi do thể những từ ngữ nói rằng “*Bạc Lục Thắng Trí*” v.v. đây mới làm thành **Hiện Hữu Do Lai Bất Hiện Hữu Chế Định**.

Như trình bày câu Chú Giải rằng: “*Vijjamànena avijjamànassa paññatti = Vijjamànenaavijjamànapaññatti*”- “*Gọi tên ngôn từ đề cập đến Pháp có Thực Tính Siêu Lý với Pháp không có Thực Tính Siêu Lý đang cùng hiện hữu với nhau, ấy là Hiện Hữu Do Lai Bất Hiện Hữu Chế Định.*”

Trong những từ ngữ “*Lục Thắng Trí*”, “*Tam Minh*” v.v. ở phần Hiện Hữu Do Lai Bất Hiện Hữu Chế Định đây, khi đã được dịch theo Việt Ngữ thì sẽ phải nói là “*Bạc đã được chứng đắc Lục Thắng Trí*”, “*Bạc đã được chứng đắc Tam Minh*”, v.v. Bởi do thế, từ ngữ đề cập đến bởi theo Việt Ngữ đây mới xoay trở lại thành **Bất Hiện Hữu Do Lai Hiện Hữu Chế Định**.

4. *Bất Hiện Hữu Do Lai Hiện Hữu Chế Định (Avijjamànenavijjamànapaññatti)* (còn được gọi là Phi Danh Siêu Danh Siêu Chế Định) có ý nghĩa làm thành Thinh Danh Chế Định mà đề cập đến Pháp không có Thực Tính Siêu Lý với Pháp có Thực Tính Siêu Lý đang cùng hiện hữu với nhau; chẳng hạn như từ ngữ nói rằng “*Âm thanh của người nữ*” (*Itthisaddo*), “*Sắc vàng*” (*Suvaṇṇavanno*), “*Hương bông hoa*” (*Pupphagandho*), v.v. Những thể loại từ ngữ như *Itthi* = người nữ; *Suvaṇṇa* = vàng; *Puppha* = bông hoa, đây không có Thực Tính Siêu Lý hiện bày. Còn những thể loại từ ngữ như *Saddo* = âm thanh; *Vanno* = màu sắc; *Gandho* = hương thơm, đây có Thực Tính Siêu Lý. Bởi do thế, những thể loại từ ngữ như nói rằng “*Âm thanh của người nữ*” (*Itthisaddo*) v.v. này đây mới làm thành **Bất Hiện Hữu Do Lai Hiện Hữu Chế Định**.

Như trình bày câu Chú Giải rằng:

“*Avijjamànena vijjamànassa paññatti = Avijjamànenavijjamànapaññatti*”- “*Gọi tên ngôn từ đề cập đến Pháp không có Thực Tính Siêu Lý với Pháp có Thực Tính Siêu Lý đang cùng hiện hữu với nhau, ấy là Bất Hiện Hữu Do Lai Hiện Hữu Chế Định.*”

Còn ở trong phần Việt Ngữ thì nói rằng “*âm thanh của người nữ*”, “*sắc vàng*”, “*hương bông hoa*”, v.v. bởi do thế từ ngữ đề cập đến bởi theo Việt Ngữ đây mới xoay trở lại thành **Hiện Hữu Do Lai Bất Hiện Hữu Chế Định**.

5. *Hiện Hữu Do Lai Hiện Hữu Chế Định (Vijjamànavijjamàna paññatti)* (còn được gọi là Danh Siêu Danh Siêu Chế Định) có ý nghĩa làm thành Thinh Danh Chế Định mà đề cập đến Pháp có Thực Tính Siêu Lý với Pháp có Thực Tính Siêu Lý đang cùng hiện hữu với nhau; chẳng hạn như từ ngữ nói rằng “*Nhãn Thức*” (*Cakkhuvīññanam*) = Thức nương vào Nhãn Căn khởi sinh; “*Nhãn Phủ Xúc*” (*Cakkuṣamphasso*) = Việc tiếp xúc ở Lộ Nhãn Môn, v.v. Những thể loại từ ngữ như *Cakkhu* = Nhãn Thanh Triệt; *Vīññanam* = Tâm; *Phasso* = Tâm Sở Xúc, này đây đều có Thực Tính Siêu Lý hiện bày trong từng mỗi từ ngữ; bởi do thế những thể loại từ ngữ như nói rằng “*Nhãn Thức*” (*Cakkhuvīññanam*) v.v. này đây mới làm thành **Hiện Hữu Do Lai Hiện Hữu Chế Định**.

Như trình bày câu Chú Giải rằng: “*Vijjamànena vijjamànassa paññatti = Vijjamànavijjamànapaññatti*”- “*Gọi tên ngôn từ đề cập đến Pháp có Thực Tính Siêu Lý với Pháp có Thực Tính Siêu Lý đang cùng hiện hữu với nhau, ấy là Hiện Hữu Do Lai Hiện Hữu Chế Định.*”

6. *Bất Hiện Hữu Do Lai Bất Hiện Hữu Chế Định (Avijjamànena avijjamànapaññatti)* (còn được gọi là Phi Danh Siêu Phi Danh Siêu Chế Định) có ý nghĩa làm thành Thinh Danh Chế Định mà đề cập đến Pháp không có Thực Tính Siêu Lý với Pháp không có Thực Tính Siêu Lý đang cùng hiện hữu với nhau; chẳng hạn như từ ngữ nói rằng “*Con trai của Đức Vua*” (*Ràjaputto*), “*Cháu nội trai của Đức Vua*” (*Ràjanattà*), “*Vợ của bá hộ*” (*Seṭṭhibhariyà*), “*Chị cả*” (*Jeṭṭhabhagini*), v.v. Những thể loại từ ngữ như *Ràja* = Đức Vua; *Putto* = con trai; *Nattà* = cháu nội trai; *Seṭṭhi* = bá hộ; *Bhariyà* = người vợ; *Jeṭṭha* = người anh; *Bhagini* = người em; v.v. này đây đều không có Thực Tính Siêu Lý hiện bày trong từng mỗi từ ngữ; bởi do thế những thể loại từ ngữ như nói rằng “*Con trai của Đức Vua*” (*Ràjaputto*) v.v. này đây mới làm thành **Bất Hiện Hữu Do Lai Bất Hiện Hữu Chế Định**.

Như trình bày câu Chú Giải rằng: “*Avijjamànena avijjamànassa paññatti = Avijjamànenaavijjamànapaññatti*”- “*Gọi tên ngôn từ đề cập đến Pháp không có Thực Tính Siêu Lý với Pháp không có Thực Tính Siêu Lý đang cùng hiện hữu với nhau, ấy là Bất Hiện Hữu Do Lai Bất Hiện Hữu Chế Định.*”

7/. **Hỏi:** Cho dịch nghĩa ở trong đoạn văn Pàli như tiếp theo đây: “*Sà vijjamànapaññatti avijjamànapaññatti, vijjamànenaavijjamàna paññatti, avijjamànavijjamànapaññatti, vijjamànavijjamànapaññatti, avijjamànena avijjamànapaññatti, ceti chabbidhà hoti.*”

Đáp: Dịch nghĩa sáu phân loại của Thinh Danh Chế Định có như vậy:

“*Sà vijjamànapaññatti avijjamànapaññatti, vijjamànenaavijjamàna paññatti, avijjamànavijjamànapaññatti, vijjamànavijjamànapaññatti, avijjamànenaavijjamànapaññatti, ceti chabbidhà hoti.*”- “*Thinh Danh Chế Định có sáu phân loại: Hiện Hữu Chế Định, Bất Hiện Hữu Chế Định, Hiện Hữu Do Lai*

Bất Hiện Hữu Chế Định, Bất Hiện Hữu Do Lai Hiện Hữu Chế Định, Hiện Hữu Do Lai Hiện Hữu Chế Định, Bất Hiện Hữu Do Lai Bất Hiện Hữu Chế Định.”

8/. Hỏi: *Hãy dịch nghĩa ở trong kệ ngôn trình bày đến việc liễu tri đến cả hai Pháp Chế Định, và việc sinh khởi của Thỉnh Danh Chế Định.*

Đáp: *Kệ ngôn trình bày việc liễu tri đến cả hai Thỉnh Danh Chế Định – Nghĩa Lý Chế Định và cái nguyên nhân đầu tiên làm Danh Chế Định hiện khởi:*

*“Vacìghosànusàrena Sotaviññàṇavithiyà
Pavattànantaruppanna Manodvārassa gocarà.
Atthà yassànusàrena Viññāyanti tato paraṃ
Sàyaṃ paññatti viññeyyà Lokasaṅketanimmità.”*

“Khi một tiếng nói được phát lên, thì các Lộ Trình của Nhĩ Thức được khởi sinh lên cho mỗi âm thanh, và từ đó cũng khởi lên các Chế Định xuyên qua Lộ Ý Môn, và nhờ đó các ý nghĩa được nhận biết. Những Chế Định ấy phải được hiểu biết, là theo quan điểm của Thế Tục.”

9/. Hỏi: *Cho giảng giải ở trong cả hai kệ ngôn như tiếp theo đây:*

*“Vacìghosànusàrena Sotaviññàṇavithiyà
Pavattànantaruppanna Manodvārassa gocarà.
Atthà yassànusàrena Viññāyanti tato paraṃ
Sàyaṃ paññatti viññeyyà Lokasaṅketanimmità.”*

Đáp: *Kệ ngôn trình bày việc liễu tri đến cả hai Thỉnh Danh Chế Định – Nghĩa Lý Chế Định và cái nguyên nhân đầu tiên làm Danh Chế Định hiện khởi:*

Tất cả mọi người đã được liễu tri đến Nghĩa Lý Chế Định, tức là từng các sự vật, những sự kiện do bởi hiện hành nương theo Thỉnh Danh Chế Định ở phía đằng sau Lộ Trình Thu Dung Danh Xưng (Nàmaggaṇavithi). Thỉnh Danh Chế Định đã là Cảnh, là đối tượng của Lộ Trình Thu Dung Danh Xưng sinh khởi trong sự tuần tự từ ở nơi Lộ Trình Nhĩ Môn (Sotadvāravithi), và Lộ Trình Thu Dung Quá Khứ (Attaggaṇavithi), Lộ Trình Thu Dung Tập Thành (Samūhaggaṇavithi) đã sinh khởi hiện hành nương theo tiếng nói ấy. Tất cả các Học Giả cần phải thấu hiểu Thỉnh Danh Chế Định ấy là của các Bạc Triết Giả, thường đã được định đặt thuận hợp theo thành ngữ của dân gian mỗi lần một ít, từng tí một.

Kết Thúc Vấn Và Đáp Trong Chế Định

-----00000-----

LỜI SỞ NGUYỆN (PARÀRATHANÀ)

Iminà puññakammena

Buddho homi anàgate

Yattha yattha bhavè jàto Mà daliddo bhavàmahaṃ

“Vời mãnh lực từ ở nơi Thiện Sự sinh khởi của việc soạn tác kinh điển này, thì xin cho Bản Đạo đạt được Trí Hạnh (Puññadhika) của Bậc Tuệ Toàn Giác ở trong thời gian vị lai; và xin cho Bản Đạo không phải là người nghèo khổ trong những kiếp sống vị lai”.

**Apattam yàva buddhattam Paññadhikam bhavàmiham
Jàtisaraṇanikova Jetthasettho nirantaram**

“Chừng nào Tuệ Chí Thượng Giác Hữu của Bản Đạo vẫn chưa đạt thành kết quả, thì xin cho Bản Đạo luôn là người tiến hóa, là người thanh cao, và có Trí Tuệ làm thành vật truy niệm luôn mãi ở trong mọi kiếp sống (Anussaranañña – Truy Niệm Trí)”.

**Kareyyam gàravam garuṃ Māneyyam mānanàraham
Vandeyyam vandanàraham Pūjeyyam pūjanàraham**

“Xin cho Bản Đạo được quý trọng Bậc đáng quý trọng, xin cho Bản Đạo được tôn kính Bậc đáng tôn kính, xin cho Bản Đạo được lễ bái Bậc đáng lễ bái, xin cho Bản Đạo được cúng dường Bậc đáng cúng dường.”

-----00000-----

Bảng Chính Phương: Tóm Lược Pháp Liên Quan Tương Sinh

Phần thứ I	Phần thứ II	Phần Thứ III				Phần thứ IV	Phần thứ V	Phần thứ VI	Phần thứ VII
Tam Thời Kỳ	12 Chi Phần	20 Hành Tướng				Tam Liên Kết	Tứ Tóm Lược	Tam Luân Hồi	Nhị Căn Nguyên
		Nhân Quả Khứ	Quả Hiện Tại	Nhân Hiện Tại	Quả Vị Lai				
Q. K.	V. M.	1		4			1	P.N.L.	V. M.
“	Hành	2		5		*	1	N. L.	
						1 L K.			
H. T.	Thức		1		1	*	2	D.T.L.	

“	D. Sắc		2		2		2	“	
“	6 Xứ		3		3		2	“	
“	Xúc		4		4		2	“	
“	Thọ		5		5	*	2	“	
						1 L.K.			
“	A. D.	3		1		*	3	P.N L.	A. D.
“	C. Thù	4		2			3	“	
“	Hữu	5		3		*	3	N. L.	
						1 L.K.		D.T.L.	
V. L.	Sinh					*	4	D.T L.	
“	L.Mại Tử						4	“	

Ghi chú: *Hữu* được phân ra làm hai, đó là: *Nghiệp Hữu* gọi là *Nghiệp Luân Hồi*; và *Sinh Hữu* gọi là *Dị Thục Quả Luân*.

***Kết Thúc Liên Quan Tương Sinh Minh Giải
Và Giảm Lược 24 Duyên Hệ***

**KẾT THÚC CHƯƠNG THỨ VIII – TỔNG HỢP PHÂN TÍCH DUYÊN HỆ
LIÊN QUAN TƯƠNG SINH MINH GIẢI
TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP**

-----00000-----

Có Năm Nguyên Nhân Làm Cho Chánh Pháp Được Kiên Trụ

“Này Chư Tỳ Khuru, năm điều Pháp này thường luôn hiện hành để làm cho sự kiên trụ, bất mô hồ thối giảm ở nơi *Chánh Pháp (Saddhamma)*, và thế nào là năm điều Pháp ? Đó là:

1. Vị Tỳ Khuru ở trong Pháp và Luật này, thường luôn lắng nghe Giáo Pháp một cách tôn kính.
2. Vị Tỳ Khuru ở trong Pháp và Luật này, học hành Giáo Pháp một cách tôn kính.
3. Vị Tỳ Khuru ở trong Pháp và Luật này, ghi nhớ thuộc lòng Giáo Pháp một cách tôn kính.
4. Vị Tỳ Khuru ở trong Pháp và Luật này, suy tư nghĩ ngợi ý nghĩa của Giáo Pháp đã học thuộc lòng một cách tôn kính.

5. Vị Tỳ Khuru ở trong Pháp và Luật này, liễu tri ý nghĩa liễu tri Giáo Pháp rồi thực hành với tâm tùy tầm, tùy tứ, ý tùy quán Pháp thích hợp như đã được lắng nghe, như đã được học thuộc lòng một cách tôn kính.

Này Chư Tỳ Khuru, chính năm điều Pháp này thường luôn hiện hành để làm cho sự kiên trụ, bất mô hồ thối giảm của Chánh Pháp.

(Tăng Chi Bộ Kinh – Chương Năm Pháp - *Āṅguttaranikāyapañcanipāta*)

Có Năm Nguyên Nhân Làm Chánh Pháp Bị Thối Giảm

“Này Chư Tỳ Khuru, năm điều Pháp này thường luôn hiện hành để làm cho sự mô hồ thối giảm ở nơi *Chánh Pháp (Saddhamma)*, và thế nào là năm điều Pháp? Đó là:

1. Vị Tỳ Khuru ở trong Pháp và Luật này, không lắng nghe Giáo Pháp một cách tôn kính.
2. Vị Tỳ Khuru ở trong Pháp và Luật này, không học hành Giáo Pháp một cách tôn kính.
3. Vị Tỳ Khuru ở trong Pháp và Luật này, không ghi nhớ thuộc lòng Giáo Pháp một cách tôn kính.
4. Vị Tỳ Khuru ở trong Pháp và Luật này, không suy tư nghĩ ngợi ý nghĩa của Giáo Pháp đã học thuộc lòng một cách tôn kính.
5. Vị Tỳ Khuru ở trong Pháp và Luật này, liễu tri ý nghĩa liễu tri Giáo Pháp, thế rồi không thực hành với tâm tùy tầm, tùy tứ, ý tùy quán Pháp thích hợp như đã được lắng nghe, như đã được học thuộc lòng một cách tôn kính.

Này Chư Tỳ Khuru, chính năm điều Pháp này thường luôn hiện hành để làm cho sự mô hồ thối giảm từ ở nơi Chánh Pháp.

(Tăng Chi Bộ Kinh – Chương Năm Pháp - *Āṅguttaranikāyapañcanipāta*)

Thu vãng phù dung đoạt lợi tranh
Tinh thần dụng tận vạn thiên thiên
Hóa tài hao tán giai nhân mệnh
Cốt nhục oan cừ mạc oán thiên
Nhạn quá quan san dong dục quyện
Hoa khai hàn lĩnh nhất chi tiên
Đáo đầu phùng đắc dương sơ hữu
Ngã diệc lắng vân thượng bích thiên

Bình sinh từ thiện lạc thiên chân
Mao tiết lưu phương cập hậu côn
Thân hữu kỹ đa vinh hiển sự

Trùng trùng điệp điệp báo hoàng ân.
Long xà đảo xứ thị quy kỳ
Vạn lý giang sơn bất cái di
Thiên bạng chi lan hương ánh nhật
Phi phàm trực hướng cửu thiên thời

-----00000-----

PHỤ LỤC KINH ĐIỂN THI TẬP

(Do Ngài Đại Trưởng Lão **TỊNH SỰ** Soạn Tác)

BÀI TỤNG LỄ PHẬT VÔ DƯ Y NÍP BÀN

Chúng ta đã quy y Chánh Giác
Đấng Thế Tôn Giáo Chủ hiện nay
Dạy truyền Chánh Pháp quý thay,
Hài lòng thật đáng bậc Thầy cao siêu.
Sinh tại xứ Trung Ương Thế Giới,
Giữa trong vòng Nhân Loại mở mang,
Cò Đàm là giống cao sang,
Trong dòng họ Thích con hàng Đại Vương.
Xuất gia đã vì phương cứu thế,
Đắc Đạo màu Toàn Giác tột ngôi,
Không còn một kẻ sánh bằng,
Đủ đầy công đức khỏi phần hoài nghi.
Hiệu Ứng Cúng nêu trừ phiền não,
Thật phước điền quý báu đáng trông.
Biết cùng hiểu tột khắp thông,
Chánh Biến Tri hiệu đâu không rõ rành.
Minh Hạnh Túc tượng trưng hai Pháp,
Thập Ngũ Hành lại với Bát Minh.
Thiện Thệ tốt khéo hành trình,
Níp Bàn thẳng tới tịnh minh tuyệt nguồn.
Thế Gian Giải trong đời đều tỏ,
Chẳng một chi lớn nhỏ không tường.
Tê độ người đáng đủ phương,
Hiệu Vô Thượng Sĩ phô trương với cùng.
Thêm Điều Ngự Trượng Phu liên tiếp,
Trạng giúp người duyên hiệp hữu căn.
Thiên Nhân Sư hiệu chỉ phần,
Làm Thầy ba Cõi dạy rằng lợi đời.

Hiệu Phật Đà vì Ngôi thức tỉnh,
 Đã khỏi trong phiền não giấc nồng.
 Thế Tôn hiệu chót do lòng,
 Từ Bi thuyết Pháp lưu thông độ đời.
 Pháp Tam Tạng Thế Tôn Ngài thuyết,
 Học đại truyền tế độ nhân sinh
 Pháp Hành Giới Định Huệ Minh
 Người tu thấy rõ đạt trình tự ta.
 Phát hành Đạo Quả sinh liên tiếp,
 Không chậm chày cách hờ thì giờ.
 Đăng rồi chắc chắn nào lơ.
 Nên kêu người lại bây giờ đến xem.
 Pháp tịch tịnh rất là trong sạch,
 Đáng cho người đem để vào lòng.
 Các hàng Tri Thức nên mong,
 Tìm ra sẽ biết tự trong phận mình.
 Tăng đệ tử Thế Tôn Chánh Giác
 Thọ trì theo Giới Luật đàng hoàng,
 Tăng hành ngay lối đã an,
 Tăng tu thấy rõ con đàng cao siêu.
 Tăng thành tựu đến nơi Đạo Quả,
 Có bốn chỉ là chỉ đếm theo đôi,
 Tíng người tới tám đủ rồi,
 Trong nền Tăng Bảo là ngôi phước điền.
 Đồng cả thấy chúng ta quy hướng,
 Ngay Thế Tôn kính lạy cúi đầu,
 Nhớ phần ân đức cao sâu,
 Phát tâm cảm động âu sâu thiết tha.
 Lòng trong sạch mới là đức tin,
 Sẽ làm Nhân đến Níp Bàn.
 Nhằm ngày kỷ niệm sửa sang,
 Chúng ta làm lễ trang hoàng rất đông.
 Bờ Tát trước giảng sinh Nhân Giới,
 Lúc Ngài thành Đạo Quả Phật Đà,
 Đến khi viên tịch đều là
 Trăng tròn đầy đủ Rằm và tháng Tư.
 Dem lễ vật cùng nhau bày sắp,
 Cả nhang đèn bông tốt thơm tho,
 Dùng thân quỳ bái khúc ca,
 Chí thành nhiều Phật tâm lo nhớ ngày.

Xin nhờ Đấng Thế Tôn phản chiếu,
Đã Níp Bàn ân hiệu còn đây,
Phát ra cảm ứng lòng này,
Chứng minh lẽ vật hiện đây cúng dường.
Cầu cho đặng đủ phương lợi ích,
Hằng an vui vĩnh viễn lâu dài,
Làm Nhân giải thoát tương lai,
Mong cầu mau sớm ra ngoài Tử Sinh.
-----00000-----

LỄ TAM BẢO TÓM TẮT GIẢN DỊ

Cúi đầu cung kính Đức Thế Tôn (*cúi lạy*)
Ứng Cúng Chánh Biến Tri, Vị nào đã ngời thanh tịnh,
Dưới cây Bồ Đề quý báu, Thắng đặng bọn Ma Vương,
Đã chứng ngôi Toàn Giác, Trí Huệ rất vô cùng,
Cả trong đời là Ngài cao quý.
Con xin cúi đầu làm lễ, Đền Đức Phật Thế Tôn.
Chư Phật quá khứ vị lai, Và Chư Phật hiện tại này.
Con cúi đầu lạy Tam Thế Phật (*cúi lạy*)
Bởi nguyên do như vậy: Mới là Đấng Thế Tôn,
Bậc đã xa lìa phiền não, Và đáng kính lạy cúng dường.
Ngài tự chứng Nhất Thiết Trí, Đã đầy đủ Bát Minh.
Và Thập Ngũ Hành, Bậc đã đi con đường tốt,
Là người thấu cả trong đời, Điều trị kẻ nên điều trị.
Trang Vô Thượng chẳng ai bì
Làm Thầy Chư Thiên và Nhân Loại.
Đã là người thức tỉnh, Phân phát Pháp cao siêu.
Con trọn đời xin quy y Phật, Và cho đến Níp Bàn.
Chẳng có chi con đáng quy y,
Chỉ nương Phật là quy y cao tốt. Do lời thành thật này,
Xin các sự kiết tường thắng lợi; Hằng có đến cho con.
Xin cúi đầu kính lạy (*cúi lạy*),
Dưới chân quý của Đức Thế Tôn,
Lỗi nào con phạm đến Phật Bảo,
Cầu xin xá tội cho con ! (*cúi lạy*)
Bát Thánh Đạo là con đàng quý, Của tất cả Nhân Sinh.
Thật là đường ngay thẳng, Để đi đến Níp Bàn.
Pháp nhiệm màu vắng lặng, Là Pháp siêu độ tử sinh.
Con xin đánh lễ Pháp ấy (*cúi lạy*)

Pháp Bảo quá khứ, vị lai, Và Pháp hiện tại này.
 Con xin kính lạy Tam Thế Pháp (*cúi lạy*)
 Pháp Bảo của Đức Thế Tôn, Ngài đã khéo thuyết.
 Pháp Bảo để đắc rời tử hiểu,
 Pháp Bảo không xen hở thời giờ,
 Pháp Bảo dạy cho người kinh nghiệm,
 Pháp Bảo đáng để ý lưu tâm,
 Pháp Bảo những người trí thức, Nên hiểu biết tự phân.
 Con trọn đời quy y Pháp Bảo, Và cho đến Níp Bàn.
 Chẳng có chi con đáng quy y,
 Nương Pháp Bảo là quy y cao tốt. Do lời thành thật này,
 Xin các sự kiết tường thắng lợi, Hằng có đến cho con.
 Con xin lạy hai ngôi Pháp Bảo (*cúi lạy*),
 Lỗi nào con phạm đến Pháp Bảo,
 Cầu xin xá tội cho con ! (*cúi lạy*)
 Tăng Bảo là ngôi trong sạch, Thật quý đáng cúng dường.
 Lục căn của các Ngài thanh tịnh, Người dứt khỏi bợn nhơ.
 Đặng đủ đầy công đức, Bạc Tứ Lộ không còn.
 Con xin lạy cả Thánh Tăng (*cúi lạy*)
 Tăng Bảo quá khứ, vị lai, Và Tăng Bảo hiện tại này.
 Con xin lạy cả Tăng Tam Thế (*cúi lạy*)
 Tăng đệ tử Đức Thế Tôn, Đã tu hành đặng tốt.
 Tăng đệ tử Đức Thế Tôn, Đã tu hành đúng đắn.
 Tăng đệ tử Đức Thế Tôn, Đã tu hành thật trụng.
 Tăng đệ tử Đức Thế Tôn, Đã tu hành mãn ý.
 Là bậc Thánh có bốn đôi, Nếu đếm người thời đủ tám.
 Đây là Tăng đệ tử, Của Đức Thế Tôn.
 Bạc đáng đem đồ dâng kính, Xứng thọ kẻ tiếp nghinh.
 Đủ chịu cho người bố thí, Vừa chứng cho người lễ bái.
 Thật ruộng phước của đời, Không ruộng nào bì kịp.
 Con trọn đời quy y Tăng Bảo, Và cho đến Níp Bàn,
 Chẳng có chi con đáng quy y,
 Nương Tăng Bảo là quy y cao tốt. Do lời thành thật này:
 Xin các sự kiết tường thắng lợi, Hằng có đến cho con.
 Con cúi lạy hai ngôi Tăng Bảo (*cúi lạy*)
 Lỗi nào con phạm đến Tăng Bảo,
 Cầu xin xá tội cho con ! (*cúi lạy*)
 Hiện nay con lạy ngôi Tam Bảo (*cúi lạy*)
 Bạc đáng kính cao siêu, Đã đặng nguồn phước lớn,
 Nhờ oai đức ngăn hết tai ương.

BÀI CẦU NGUYỆN CHƯ THIÊN (I)

Chí thành miệng vái tâm cầu,
Chư Thiên lớn nhỏ bất câu bậc nào,
Bốn tầng Sắc Giới rộng cao,
Xin nghe hiểu biết hiện vào trợ duyên.
Đặng tâm sáng kiến phát liên,
Biết nơi đáng sắp bày tuyên vừa người,
Dầu ai cản sái luận dư,
Chuyển lòng tinh tấn ngăn trừ sự lui.
Chư Thiên Dục Giới hưởng vui,
Vừa nghe cầu khẩn, tạm ngừng xét qua,
Từ Trời Tha Hóa cao xa,
Đến Cung Đạo Lợi bao la năm tầng,
Giàu lòng bác ái thọ xung,
Thấy đều bố cáo chuyển luân sắp bày.
Vị nào hoan hỷ cầu đây,
Ra ân trợ giúp chẳng chày mau xong.
Hiện nay con rất hết lòng,
Mong cho Thiên Tướng oai phong bốn Ngài,
Thường luôn an lạc vui thay,
Tránh xa khổ não hằng ngày tiến lên,
Đặng ngôi Nguyên Soái vững bền,
Lòng Từ ủng hộ các nền Giáo Chân,
Chẳng nài khó nhọc ra ân,
Chúng con hữu sự có nhân nên cầu.
Vì e công chuyện trễ lâu,
Làm cho nhiều kẻ hao sầu thân tâm.
Ngờ Ngài xuống lệnh quyền thâm,
Chư Thiên lòng tốt quang lâm giúp thành.
Rất là ân trọng cao thanh,
Chúng con hồi hướng Phước lành kính dâng,
Chư Thiên lớn nhỏ các tầng,
Tùy hỷ công đức đồng mừng trợ chuyên.

Nương theo căn bản Ba Li,
Hết lòng cúng vái trong khi hữu cầu,
Tâm thành tưởng đến như châu,

Trước sau chủ nguyện chẳng lâu ứng cùng.
Chúng con lễ vật phụng cung,
Khẩn cầu choặng theo trung thuật trần.
Mong nhờ Tứ Đại Thiên Vương,
Oai thần chuyên hóa tùy phương giúp thành.

Kính cầu Tứ Đại Thiên Vương,
Chúng con hữu sự nhờ nương Quý Ngài.
Cho bậc đủ sức giúp ngay,
Đặng mau thành tựu việc này đội ân.

-----00000-----

BÀI CẦU TẶNG TRƯỞNG THIÊN VƯƠNG

Nguyện cầu Tặng Trượng Thiên Vương,
Hoan tâm nhân loại Nam Phương Châu này.
Thời kỳ tai nạn lắm thay,
Nhiều điều khổ sở hiện nay thêm hoài.
Nhứt là giặc giã hằng ngày,
Làm cho dân chúng phải rày tử oan.
Những người còn lại nào an,
Nghèo khổ thiếu thốn đa đoan lắm bề.
Lại thêm chúng dịch đáng ghê,
Sau giây chết chóng khổ bề thuốc men.
Ngoài ra lại có bệnh soàn,
Hoặc do chất độc lắm phương nhiễm truyền.
Thất mùa, thất rẫy, thất vườn,
Bán buôn eo hẹp lắm thường hỏa tai.
Biết bao khổ sở khó bài,
Chỉ còn cầu nguyện đến Ngài Thiên Vương.
Hết lòng mong mỗi tứ phương,
Muốn Ngài trọn đặng thường thường an vui.
Xa lìa khổ não không sầu,
Hỷ xả oan trái còn đâu hại mà.
Chúng con có dạ thiết tha,
Nguyện cầu sớm đặng tránh xa nạn này.
Nhờ ân xuống đức cao đây,
Hộ trì tất cả từ đây hết nài.

-----00000-----

BÀI CẦU NGUYỆN CHƯ THIÊN (II)

Thỉnh cầu tất cả Chư Thiên,
Tột cùng Sắc Giới khắp miền nhân gian,
Chư Thiên lớn nhỏ các hàng,
Mỗi tầng Trời cả đến sang chúng này.
Chư Thiên ở chốn gần đây,
Hoặc nơi xa cách Đông, Tây các miền.
Ở nơi cung điện động tiên,
Núi dài núi nhọn đất liền hư không,
Ở theo nhà cửa hay đồng,
Nương cây bóng mát hoặc sông hoặc rừng,
Cù lao hòn biển mênh mông,
Cùng nơi rẫy bãi hư không giảng từng.
Bao nhiêu tất cả đã xưng,
Từ bi đến chúng cúng dụng yêu cầu.
Giúp con các sự chẳng lâu,
Đặng như ý muốn sẽ hầu đội ân.

-----00000-----

THẬP CHÁNH KIẾN (SAMMÀDIṬṬHI 10)

Mười điều Chánh Kiến nên làm,
Nương theo tiến hóa Phước linh phát vào.
Một tin Phước Thí về sau,
Chắc rằng cho Quả hoặc mau hoặc chầy.
Hai tin Nghiệp Phước trước – nay,
Giới cùng Tịnh Huệ hành rày Quả cao.
Ba tin Tâm sạch lâu lâu,
Tâm tốt Quả tốt thế nào chẳng sai.
Bốn tin Thiện Ác cả hai,
Tạo chi gặp nấy không ai khỏi gì.
Năm tin hành động điều chi,
Tội Phước hai lẽ cũng thì do Ta.
Sáu tin hiếu thảo Mẹ Cha,
Cố nhiên Quả Phước phát ra cho mình.
Bảy tin Ngạ Quỷ Ngục Hình,
Chư Thiên, Phạm Chúng Hữu Tình tứ sanh.
Tám tin hiện thế phải dành,
Đời này do bởi Tư Hành hiện đây.

Chín tin hậu thế sau này,
Vị Lai còn Nghiệp thời thay nối đời.
Mười tin đủ bậc cao vời,
Người tu đắc Quả có lời Phật Ngôn.
Ai ai xin ráng bảo tồn,
Nơi gương Chánh Kiến trí khôn lợi mình.

-----00000-----

THẬP PHÁP Y (NƯƠNG NHỜ)

Mười điều nương đỡ đặng nhờ,
Ai tu cũng phải bao giờ tìm luôn.
Một là Giữ Giới làm nguồn,
Trau dồi Thân Ngữ luôn luôn tốt hoài.
Hai là Nghe đặng nhiều thay,
Thành người thông thái biết rày cao xa.
Ba là có Bạn Tốt mà,
Giúp nhau lợi ích trợ qua tu hành.
Bốn là Dễ Dạy khéo lanh,
Nghe theo Giáo Hóa lòng đành trọn vâng.
Năm là Siêng Săn rất cần,
Tương tế cùng bạn trong phần xuất gia.
Sáu là không thích Pháp Tà,
Rất ưa Pháp Chánh những mà đúng chân.
Bảy là Tinh Tấn cao hơn,
Tứ Cần thường giữ làm nhân Níp Bàn.
Tám là Tri Túc tự an,
Mặc, ăn, thuốc, ở, theo đàng có ra.
Chín là Chánh Niệm cho già,
Mỗi khi làm nói điều mà biết theo.
Mười là Trí Huệ chẳng nghèo,
Thấu đáo thực tướng rành theo Pháp Hành.
Muốn cho giải thoát Tử Sinh,
Phải nhờ mười Pháp trợ thành đến nơi.

-----00000-----

THẬP KHỔ NÃO (DUKKHA 10)

Trong đời khổ sở biết bao,
Cõi nào cũng có người nào cũng mang.

Mười điều khổ não chứa chan,
 Tổ bày thức tỉnh mở đàng xét suy.
 Một là trạng thái bất kỳ,
 Sanh già với chết chẳng vì một ai.
 Hai là tom góp khổ thay,
 Buồn rầu nhiều cảnh đêm ngày khóc than.
 Ba là thường trực khổ tràng,
 Nóng nực lạnh lẽo bởi mang thân này.
 Bốn là khổ bệnh chẳng chầy,
 Bất hòa tứ đại nổi gây tật nguyên.
 Năm là nóng nảy khổ duyên,
 Việc chi rắc rối chẳng yên như thường.
 Sáu là khổ quả bất lương,
 Bởi Nghiệp chẳng tốt vẫn vương chịu hoài.
 Bảy là xen trộn cả hai,
 Khổ Lạc nhị chủng đi hoài cận lân.
 Tám là sự khổ vì ăn,
 Tìm tòi nuôi miệng đa phần hơn chi.
 Chín là khổ giặc nặng nguy,
 Tìm đường chạy trốn có gì là hơn.
 Mười là Khổ Uẩn hằng cơn,
 Năm ám sanh diệt các đon đôi đời.
 -----00000-----

THẬP PHÚC HÀNH TÔNG (Puññakiriyavatthu 10)

Mười điều hạnh phúc tâm lành,
 Nhân vui tiến hóa nên hành tốt thay.
 Một là Bố Thí giúp rày,
 Cúng dường cho trợ cách bày rộng tâm.
 Hai là Trì Giới thật nhằm,
 Ngăn ngừa tội ác lỗi làm ít sanh.
 Ba là Tu Tiến chánh thanh,
 Tịnh tuệ các Pháp lối hành rộng cao.
 Bốn là Cung Kính cùng nhau,
 Lễ phép khiêm nhượng hợp vào tục nghi.
 Năm là lựa chọn điều gì,
 Chánh Tà trúng trật biết thì mới xong.
 Sáu là Hồi Hướng chư vong,
 Hoặc cùng cho Phước người đồng hiện nay.

Bảy là Tùy Hỷ vui thay,
Thấy nghe công đức đặng hay như làm.
Tám là Thính Pháp càng ham,
Phát sinh tịnh tuệ hằng kham tỏ tường.
Chín là Thuyết Pháp chánh phương,
Như phun châu ngọc phô trương lợi người.
Mười là tạo Chánh Kiến như,
Rọi đèn khai sáng để trừ tối tăm.
Mấy điều gọi Phước chớ làm,
Sự vật trợ giúp cho Tâm sạch thường.

-----00000-----

THẬP PHƯỚC LUÂN HỒI

Mười điều cần nhứt chúng sanh,
Ở trong ba Cõi vòng quanh Luân Hồi.
Một là Tình Mẹ thương ôi,
Nhớ ơn nhũ bộ đèn bồi sao xong !
Hai là Nghĩa Phụ mệnh mông,
Công lao cúc dục nhọc lòng gian nan.
Ba là Chồng Vợ đôi đàng,
Mặc dù y phục nghĩa mang nặng nề.
Bốn là Nhi Tử thường lễ,
Có ra thì phải lo bề dưỡng nuôi.
Năm là Dòng Họ tới lui,
Bà con cũng phải khổ vui cảm tình.
Sáu là thân thiết Bạn mình,
Sanh tử hoạn nạn giữ gìn tương giao.
Bảy là Cửa Cải đường bao,
Hoặc nhiều hay ít tâm nào rảnh đâu.
Tám là Lộc thiếu bất câu,
Có lòng thọ hưởng nhiều sâu trong đời.
Chín là Chức Phận cao nơi,
Ham theo quyền tước khó rồi mê danh.
Mười là Dục Lạc sẵn dành,
Làm cho dễ nhiễm tu hành khó hơn.
Người đời đâu khỏi các nhân,
Ai mà có trí tìm Nhân Níp Bàn.

-----00000-----

Đặng thân Nhân Loại rất là may,
Gặp Phật ra đời cũng mấy ai,
Thính Pháp văn kinh đâu phải dễ,
Hiểu lời Phật dạy mới người hay.

Thế gian bầy bấu lợi thường đời,
Chỉ giúp cho ta đến dứt hơi,
Pháp Phật hộ trì vô lượng kiếp,
Đến cùng tận khổ mới là thôi.

Đời là Người Cõi với hành vi,
Rốt ráo Níp Bàn chẳng có chi.
Tính kẻ bao lâu hoài chớ hết,
Được mà tận thế đó toàn vui.

Tìm tòi học hỏi lợi cho ta,
Hiểu biết rồi, phân lẽ Chánh Tà,
Phật Ngữ nay còn lưu đủ Tạng,
Giáo truyền chính đốn chấp sai ngoa.

-----00000-----

THẬP ĐỨC TÀI THIỆN TÍN

Mười điều công đức gia tài,
Của người thiện tín hằng ngày quý trau.
Một là đồng chịu cùng nhau,
Khổ vui chẳng bỏ việc nào với Tăng.
Hai là Thân Ngữ nói năng,
Các điều hành động ở ăn đàng hoàng.
Ba là trọng Pháp như vàng,
Làm chi thời cũng nương đàng y Kinh.
Bốn là vui dạ sẵn gìn,
Tùy theo sức có lòng tin cúng dường.
Năm là cần mẫn cho thường,
Học trong Phật Giáo theo đường Pháp cao.
Sáu là Chánh Kiến hằng trau,
Xét theo lý Pháp nâng cao tinh thần.
Bảy là xa lánh tín xằng,
Điềm cho hay trước với phần hên xui.
Tám là dầu thác vẫn vui,

Không đành tín ngưỡng tới lui đạo ngoài.
Chín là đoàn kết chớ phai,
Xả giao bạn Pháp thường hoài hòa nhau.
Mười là chẳng dối chút nào,
Quy y Tam Bảo Phước cao quý mau.
Khuyên cùng thiện tín đâu đâu,
Thấy đều học biết sẽ hầu lợi chung.

-----00000-----

LỜI PHỤC NGUYỆN CỦA DỊCH GIẢ

Với tài trí bất khả tỷ giáo của Ngài Đại Trưởng Lão *SADDHAMMA JOTIKA* đã hình thành trí tuệ sắc bén, soạn tác bộ sách Chú Giải này, luôn cả toàn bộ Tạng Vô Tỷ Pháp vô cùng quý báu. Tất cả Nhân Thiên kính cung trí kính lễ ân đức sâu dày của Ngài Đại Trưởng Lão.

Nguỡng mong trí tuệ đặc thù mà Ngài có được, xin được thâm nhập và khai trí vào sở học sở cầu Kỳ Hạ, và vun bồi Tam Thập Pháp Ba La Mật hạnh Trí Tuệ xuyên suốt cho đến ngày chứng đắc Quả vị Chánh Đẳng Giác.

Nguỡng mong công đức phiên dịch bộ sách Chú Giải *Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp* (Tập V – Chương Thứ VIII – Quyển II), hội túc duyên Phước Báu to lớn, xin thành tâm chấp thủ trí kính lễ và kính dâng Quả Phước Báu thanh cao này hướng đến hai bậc Ân Sư, Ngài Đại Trưởng Lão TỊNH SỰ (*SANTAKICCO MAHÀ THERA*), và Ngài Đại Trưởng Lão SIÊU VIỆT (*ULÀRO MAHÀ THERA*) với tất cả lòng thành kính của con.

Nguỡng mong công đức phiên dịch bộ sách Chú Giải *Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp* (Tập V – Chương Thứ VIII – Quyển II), hội đủ túc duyên Phước Báu to lớn, xin thành kính dâng Quả Phước thanh cao này hướng đến Song Thân trí kính của con (Cha: Lê Văn Bé / Mẹ: Võ Thị Lý), Cô Tư Tu Nữ Phạm Thị Yên kính thương (Chùa Siêu Lý – Phú Định – Quận 6), Cô Diệu Pháp (thế danh là Vũ Thị Phương, Annapolis – Maryland), đến tất cả Chư Thiên hoan hỷ thù từ hộ trì Chánh Pháp, đến tất cả những bậc Hữu Ân Phật Tử đã ủng hộ cho việc đánh máy, điều chỉnh, bổ túc với tất cả những kỹ năng kỳ công và phát hành bộ sách Chú Giải *Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp* (Tập V – Chương Thứ VIII – Quyển II), và chí đến toàn thể quý Phật Tử hữu duyên trong Chánh Pháp luôn được an vui trong Cảnh Quả Phước như ý nguyện mong cầu, đồng nhau cả thấy.

Nguỡng mong *ÁN ĐỨC PHÁP BẢO* luôn mãi được tồn tại lâu dài cho đến năm ngàn năm, đem lợi lạc thù thắng vi diệu đến tất cả Chư Thiên, Chư Phạm Thiên, Nhân Loại và tất cả chúng sanh.

(Anumodanà, Anumodanà, Anumodanà).

Với tấm lòng Từ Ái,
Mettàparamatthapàramì
Sàdhu, Sàdhu, Sàdhu

Hết lòng kính,
Bhikkhu PASÀDO

-----00000-----

*Bố Thí, Pháp Thí vô song
Hương thơm thù thắng chẳng đồng Pháp Hương.
Bậc Trí biết cách cúng dường
Kiên trì chân chánh, con đường phúc vinh.*

*In this world, there are three things of value for one who gives...
Before giving, the mind of the giver is happy.
While giving, the mind of the giver is peaceful.
After giving, the mind of the giver is uplifted.
A 6.37*

*Gió Từ quét sạch rừng phiền não,
Mưa Pháp trôi đùa áng lợi danh.*

-----00000-----

SABBADÀNAM DHAMMÀNAM JINÀTI
PHÁP THÍ THÙ THẮNG HƠN MỌI THỂ GIAN THÍ

-----00000-----

VÔ NHÂN KÍCH XÚC ĐẠO QUẢ NAN THÀNH
Không Người Công Kích - Đạo Quả Khó Thành

**“Trắc ản chi Tâm
Nhân chi đoan dã
Tu ố chi Tâm
Nghĩa chi đoan dã”**

**“Có lòng trắc ản là nguồn gốc của con người !
Có biết xấu hổ là nguồn gốc của nghĩa khí !”**

-----00000-----

**“Đạo tất kiên Tâm,
Kiên Tâm tất Đạo thành
Kiến công huân tảo hồi trình
Tốc tiến am tu chân thân
Nhất nhật phi thăng
Tiên ban liệt danh”**

“Khi tin Đạo phải dâng lòng thành,
Sự nghiệp huy hoàng ắt vượng thân.
Nhưng hãy xây Chùa sớm tụng niệm,
Phi thân tiên vị với biệt danh.”